NĂM THỨ MƯỜI TÁM • # 206 • JUNE 2006

THẾ KỶ 21

14775 MORAN STREET WESTMINSTER CA 92683 - USA
EMAIL: theky21@tapchitheky21.com
Đ.T. TRỊ SỰ: (714) 892- 9414 EXT. 141
TOÀ SOẠN: (714) 839- 8746

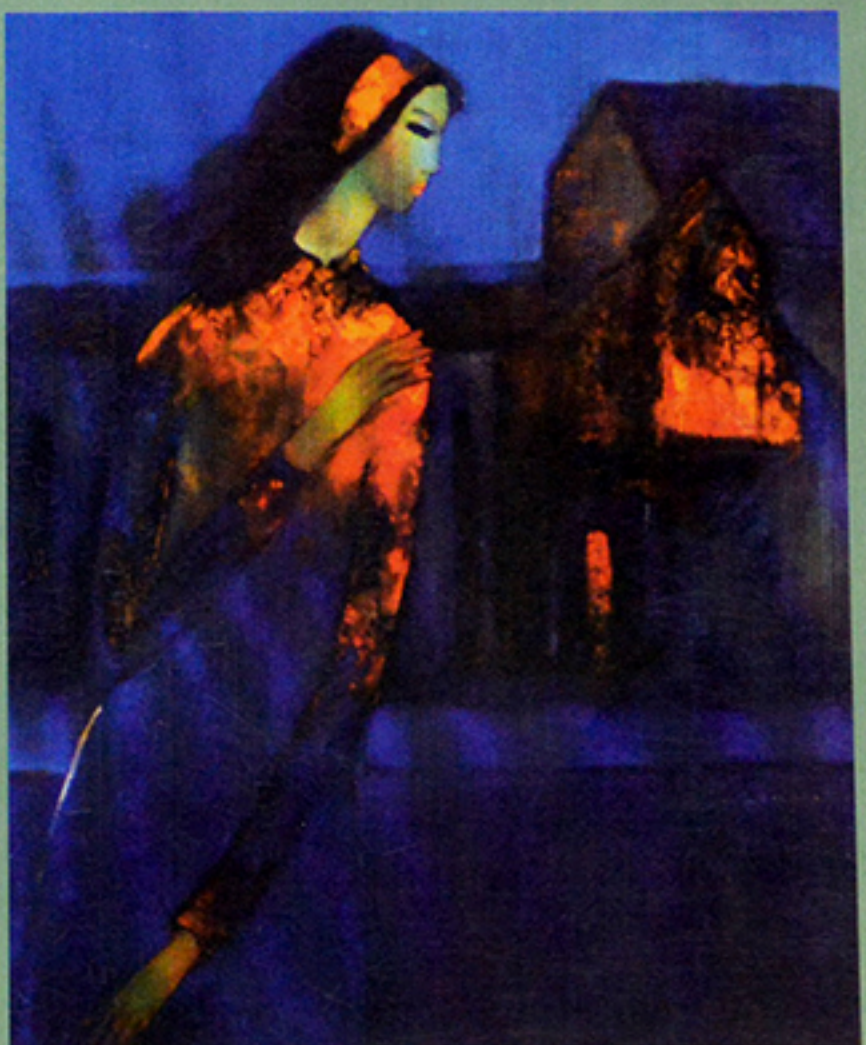

NGÀY MAI VỀ XỨ LẠ NGUYỄN HIỀN

QUÁN TRÀ LẶNG THINH TRẦN MỘNG TÚ

THIỀN SƯ NHẤT HẠNH
KÝ HỢP ĐỒNG PHIM ĐƯỜNG XƯA MÂY TRẮNG
TIỂU KỲ

Tháng 7 năm 2006 nhà xuất bản Văn Mới phát hành quyển hồi ký

NHẤT LINH CHA TÔI

của tác giả Nguyễn Tường Thiết nhân dịp kỷ niệm sinh nhật thứ 100 của văn hào Nhất Linh (25-7-1906 - 25-7-2006).

*

Tác phẩm đầu tay này của Nguyễn Tường Thiết đã đặt anh vào một vị trí riêng biệt trong số đông đảo các sách đã được nhiều tác giả viết về Nhất Linh: một tác phẩm hay cuốn hút độc giả của một tâm hồn cũng khá đặc biệt vừa ý nhị tinh vi lại thoảng chút khi biếm, trộn với sự đa cảm dấu rất kỹ, lại còn như nhiễm một nỗi buồn rộng khắp vi tế, mà tác giả luôn mang theo khi bước những bước trầm mặc và u uẩn trong chuyến đi trở lại dĩ vãng để thấy ra những nét đích thực của các người thân yêu ruột thịt, một sự tìm kiếm rất riêng tư nhưng mang đến cho người đọc nhiều phần thưởng sâu sắc và có giá trị lâu bền.

Duy Lam

Sự thực là điều quý giá nhất mà người đọc mong mỏi và tìm kiếm khi mở một cuốn hồi ký. Sự thật không cạnh tranh với văn chương, không làm hao mòn văn chương, không đe dọa văn chương, cho nên dù viết thật thế nào, cuốn hồi ký của anh cũng vẫn là một cuốn hồi ký văn chương: mộng và thực giao thoa trong những mảnh đời anh, mảnh đời gia đình, được cắt dán chồng chéo một cách rất hiện đại, không theo thứ tự thời gian, không trước sau, không thống nhất, như trong lối viết hồi ký cổ điển.
Hồi ký của anh giống những truyện ngắn, hay nói đúng ra là anh viết truyện ngắn về gia đình. Nhưng những "truyện ngắn hồi ký" này vừa có chất "thực" rất thực, mà còn chở những giấc mơ huyền ảo mà hồi ký truyền thống không có. Anh vừa sáng tạo ra một thể loại mới, anh Thiết ạ.

Thụy Khuê

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

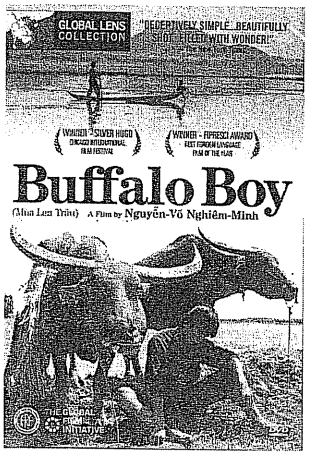

BUFFALO BOY

DVD phim Mùa Len Trâu của đạo diễn **NGUYỄN VÕ NGHIÊM MINH**
GLOBAL LENS COLLECTION phát hành
Nguyễn Võ Nghiêm Minh định cư ở Mỹ, đã lấy cảm hứng từ những truyện của Sơn Nam diễn tả hoàn cảnh sống của con người Việt Nam đối diện với thiên nhiên sông nước hoang dã khi vào định cư vùng Thủy Chân Lạp, để dựng nên phim này. Phim đã đoạt nhiều giải thưởng quốc tế: *Silver Hugo* Chicago International Film Festival, *Fipresci Award* Best Foreign Language Film of The Year, *Golden Unicorn* Best Feature Film, Amiens International Film Festival, *Youth Jury Award* Locarno Film Festival. Một bản hùng ca, một thiên sử thi giữa người, trâu, và mênh mông trời nước. Giá 22 Mỹ kim.

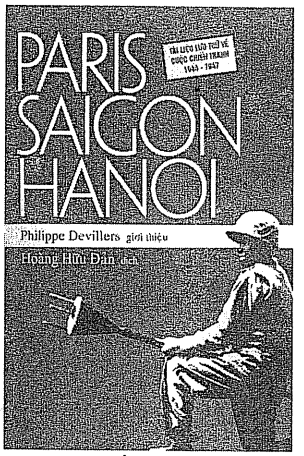

PARIS SAIGON HANOI

Tác phẩm sử học của **PHILIPPE DEVILLERS**
Bản dịch của **HOÀNG HỮU ĐẢN**
Philippe Devillers là một nhà sử học có uy tín của nước Pháp, từ năm 1952 đã có tác phẩm về lịch sử Việt Nam. Sau đó ông tiếp tục nghiên cứu tìm tòi, và đã có được nhiều tài liệu cần thiết vào năm 1987 khi những kho lưu trữ mật của Pháp được mở cửa. Với cuốn sách này, xuất bản năm 1988, ông chứng minh rằng chiến tranh Việt Pháp vào cuối năm 1946 là "do tội lỗi, sự vụng về hoặc tính toán sai lầm của một vài người xảo trá, có nhãn quan cận thị chưa từng có trong lịch sử nước Pháp." Cuốn sách chứa nhiều tài liệu rất cần cho giới sử gia. Giá 22 Mỹ kim.

VIỆT SỬ YẾU LĨNH

DƯƠNG HÙNG
Với hơn 400 trang, soạn giả đã viết lại toàn bộ lịch sử Việt Nam từ khởi nguyên cho đến ngày nay. Tất nhiên phải theo lối viết rất cô đọng, vì thế soạn giả mới gọi là "yếu lĩnh," chỉ nhằm trình bày những nét thật trọng yếu mà thôi. Mục tiêu của soạn giả là: xem lại nguồn gốc dân tộc và lãnh thổ quốc gia thời lập quốc; chỉ rõ mối liên hệ giữa các chi tộc (thường gọi là "dân tộc thiểu số"); cơ sở tinh thần của dân tộc, tức nền văn minh Việt Nam; và cuối cùng, nhận định về các nhân vật và phong trào chính trị, xưa cũng như nay. Giá 20 Mỹ kim.

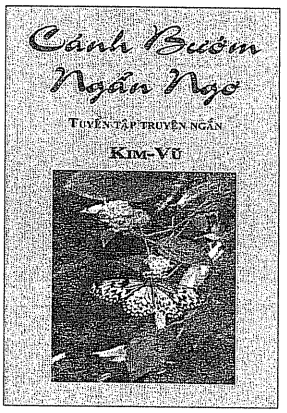

CÁNH BƯỚM NGẨN NGƠ

Tập truyện ngắn **KIM VŨ**
Theo nhà văn Diệu Tần thì tập truyện Cánh Bướm Ngẩn Ngơ của Kim Vũ "là một khẳng định văn tài, xác định vị trí của một người cầm bút đang ngồi trên chiếc chiếu dành cho những nhà văn không chú trọng số lượng tác phẩm, chỉ chú tâm đến phẩm chất văn chương, và dành cho những nhà văn viết truyện không có truyện." Truyện ông không giàu kịch tính ly kỳ hấp dẫn, nhưng có đọc kỹ mới thấy thấm, cảm, hiểu những suy tư, gửi gắm của tác giả. Giá 12 Mỹ kim.

MỘT CÁCH NHÌN KHÁC VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM

MẶC GIAO
"Nhìn khác" là một lối nói. Cố gắng của tác giả trong sách này vẫn là tìm câu trả lời cho câu hỏi: "Văn hóa Việt Nam là gì? Đâu là những nét đặc thù của văn hóa Việt Nam?" Và tác giả vẫn phải dào xới và lý giải những vốn liếng sẵn có của bao đời Việt Nam mà xã hội và lịch sử đã thu thập lại, tổng hợp rồi mở rộng những phạm vi thể hiện khác nhau trong tín ngưỡng, tôn giáo, ngôn ngữ, các sinh hoạt cá nhân, gia đình, xã hội, những đặc tính của người Việt v.v... để hy vọng từ các chất liệu ấy, vẽ ra chân dung của người Việt Nam, càng gần với sự thật càng tốt. Giá 15 Mỹ kim.

CHÂU BẢN TRIỀU NGUYỄN

LÝ KIM HOA sưu khảo, biên dịch
"Châu Bản" là những văn kiện hành chánh có bút phê bằng son của vua lưu trữ tại triều đình. Những văn kiện này nội dung bao gồm nhiều lãnh vực sinh hoạt của đất nước. Riêng cuốn này là những châu bản liên quan đến Phật giáo, tức là những văn kiện, quyết định của triều đình về đạo Phật suốt 143 năm qua các triều nhà Nguyễn, từ Gia Long năm 1802 đến Bảo Đại 1945. Trong sách, mỗi văn kiện được in một nguyên bản Hán văn, một bản phiên âm quốc ngữ, rồi một bản dịch. Một tài liệu rất quý cho các nhà nghiên cứu sử học. Giá 33 Mỹ kim.

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn: Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com

Tạp chí THẾ KỶ 21

14775 Moran Street, Westminster, CA 92683 - USA
Tel: (714) 892-9414 Ext. 141
Email:Theky21@tapchitheky21.com

PHIẾU ĐẶT MUA / GIA HẠN / TẶNG BÁO

SUBSCRIPTION FORM

Họ và tên người nhận / Full name: _____

Địa chỉ / Address: _____

_____

Phone / Fax / E-mail: _____

Kèm theo chi, ngân phiếu số / Check, Money Order #: _____

Số tiền / Amount: _____

Thời hạn mua: Từ số _____ đến số _____

	1 năm / 1 year	2 năm / 2 years	Ghi chú / Notes
Hạng nhất / First Class	**US $76.00**	**US $145.00**	
Canada	**US $80.00**	**US $155.00**	
Châu Âu / Europe (Air Mail)	**US $109.00**	**US $210.00**	
Châu Á, Châu Úc / Asia, Australia (Air Mail)	**US $115.00**	**US $225.00**	

Ghi chú: ***Giá mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 4 năm 2006 (Effective April 1, 2006)***

Một công trình dịch thuật hiếm có:

PEER GYNT

Nguyên tác bằng tiếng Na Uy của
HENRIK IBSEN
Bản dịch Việt ngữ của
TÂM THANH & KHÁNH HÀ

*Trích Lời Giới Thiệu bản Việt ngữ của ông **Lars Roar Langslet**, nguyên Bộ Trưởng Văn Hóa Na Uy, Chủ Tịch Ủy ban Ibsen Na Uy:*

"Thật là một biến cố, kể cả đối với người Na-uy chúng tôi, khi 'Peer Gynt' được dịch sang tiếng Việt. Một quốc gia văn hiến lâu đời ở chân trời xa xăm, do đó, có thể làm quen với một tác phẩm mà chúng tôi coi là thiên 'quốc thi' Na-uy, như 'Faust' của Goethe đối với Đức và 'Divina Commedia' của Dante đối với Ý vậy.

Henrik Ibsen (1828-1906) được xếp hàng đại danh trong nền văn chương thế giới. Ông được biết đến, trước hết vì ông viết nhiều kịch phẩm, nhưng cũng vì thơ chiếm một vị thế rất mạnh trong văn của ông. 'Peer Gynt' là một sự phối hợp: một bi kịch viết bằng thơ, với sự phong phú của trí tưởng vô biên và nghệ thuật ngôn ngữ mỹ diệu."

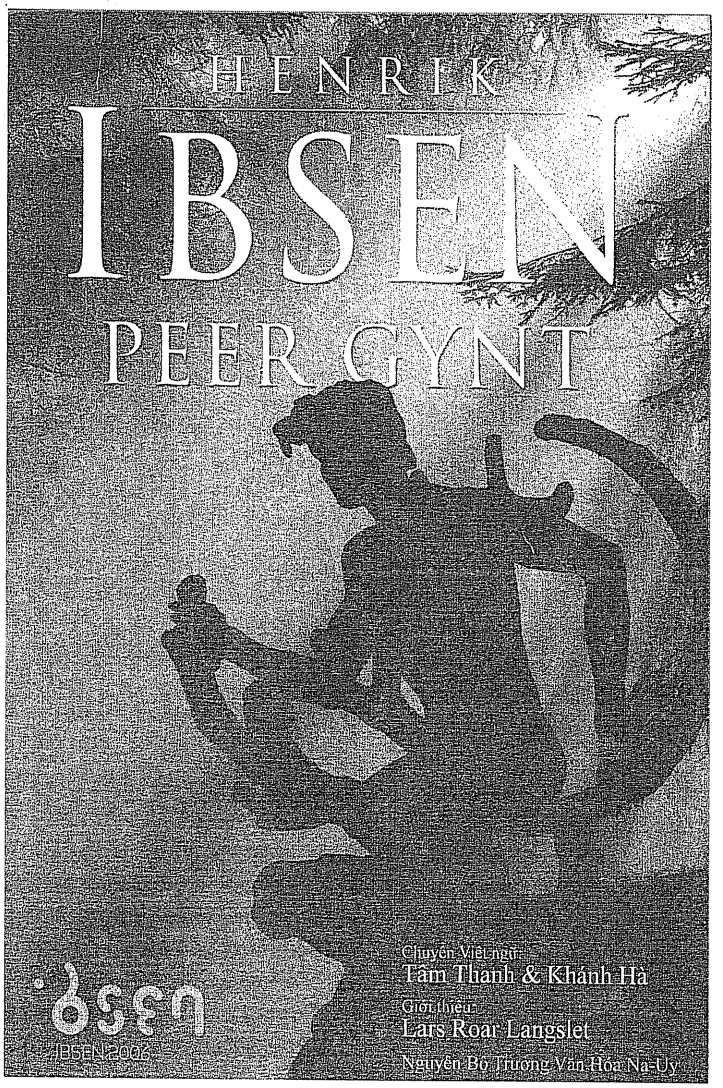

Giá $15
Liên lạc điện thư:
tha-ngo@online.no
Địa chỉ: **Ngô Thanh Tâm**
Korshagen 17,
2020 Skedsmokorset
Norway

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: Tòa Soạn: (714) 839-8746
Trị sự: (714) 891-8142
E-mail: **theky21@tapchitheky 21.com**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến,
Đỗ Việt Anh, Hoàng Ngọc Tuệ,
Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt
Phạm Phú Thiện Giao,
Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-2004)
Đỗ Việt Anh (2005-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
(714) 891-8142
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 489-7839
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương: 01 39 84 00 84
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 466-0895

ISSN 1056-4640

BAN BIÊN TẬP
Bùi Bích Hà, Hoàng Chiều Nhân, Hoàng Khởi Phong, Lan Hương, Ngô Nhân Dụng, Nguyễn Ái Nhân, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Đức Tường, Nguyễn Hùng Vũ, Phạm Phú Minh, Thanh Thảo, Trần Doãn Nho, Trần Mộng Tú, Trần Ngọc Tuấn, Trần Quán Niệm.

Bìa: *Nắng chiều nhà ga*, sơn dầu trên bố 24x30 in.,
của họa sĩ **Đinh Cường**.
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Hí họa: **Babui**
Kỹ thuật: **Võ Thành Điểm**
Ảnh: tư liệu.

MỤC LỤC

Số 206 – Tháng Sáu 2006

THỜI SỰ – KINH TẾ – CHÍNH TRỊ
8. Dùng ngân hàng để lấy tiền thiên hạ – **Ngô Nhân Dụng**
12. Ông trùm tình báo – **Nguyễn Anh Tuấn**
18. Bầu cử giữa nhiệm kỳ Bush II – **Cổ Lũy**
26. Cuộc sống vẫn lừng lững đi tới
– Talawas phỏng vấn **Nguyên Ngọc**
31. Kiểm soát di dân lậu: một giải pháp trung dung của TT Bush?
– **Mai Loan**

VĂN HÓA – LỊCH SỬ
35. Đọc sách *Lớn Lên Với Đất Nước* của Vy Thanh
– **Tôn Thất Thiện**
52. Thiền sư Nhất Hạnh ký hợp đồng
phim Đường Xưa Mây Trắng – **Tiểu Ký**
55. Đường Xưa Mây Trắng, hit 12
– **Paul Williams, Hương Nghiêm** dịch
60. Ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa – **Trần Gia Phụng**
76. Sông Mekong và ban Việt ngữ đài RFI – **Trịnh Ánh Nguyệt**
90. Vài nét về huyền thoại Ấn Độ – **Nguyễn Hoài Vân**
99. Vụ thủ tiêu ông Tạ Chí Diệp – **Trần Đông Phương**

VĂN
64. Ngày mai về xứ lạ – **Nguyễn Hiền**
71. Quán trà thinh lặng – **Trần Mộng Tú**
74. Mưa – **Gia Thụy**
82. Nhớ và quên – **Đạm Thạch**
108. Người đàn bà có đôi mắt mầu xanh da trời – **Tưởng Như Hạ**
112. Trở về cùng gió mùa – **Nguyễn Chí Kham**

THƠ
66. Yosemite – **Lưu Trọng Tưởng**. 73. Qua nhà em – **Mạc Phương Đình**. 78. Cây cỏ reo vui – **Lý Thừa Nghiệp**. 84. Bình minh – **Tuệ Sĩ**. 87. Lụa Duy Xuyên – **Trần Trung Đạo**. 110. Chúc mừng sinh nhật một người xưa – **Trần Vấn Lệ**.

MỤC THƯỜNG LỆ
5. Bạn đọc viết
7. Tòa soạn và Bạn đọc
Thư Trị sự
40. Sổ tay – **Ngô Nhân Dụng**
46. Trang chuyện phiếm – **Song Thao**

Nhìn về quá khứ

Số báo tháng Năm vừa rồi có nhiều bài hay, đặc biệt các bài "Vai trò của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa" của Nguyễn Ngọc Bích và "Vụ thủ tiêu ông Tạ Chí Diệp" của Trần Đông Phong khiến độc giả suy nghĩ nhiều về những lý do thất bại của phía miền Nam.

TT Ngô Đình Diệm cầm quyền có chín năm, TT Nguyễn Văn Thiệu cũng có hơn chín năm. TT Diệm bị bốn lần mưu sát (1958-60-62-63), TT Thiệu không bị lần nào. TT Diệm đánh mất quần chúng và phên dậu chống Cộng ở miền Nam (các giáo phái) và miền Trung (đảng phái quốc gia), TT Thiệu đánh mất diện địa chiến lược. Cả hai vị đều thất bại vì chính sách hẹp hòi thất nhân tâm. Ông Diệm có tư cách nhưng giao tế kém, ông Nhu nhìn sâu, nhưng độc đoán, ông Thiệu bình dân và ít phong kiến quan lại hơn. Trách cứ Hoa Kỳ là trách cứ một ông lang băm vụng về bất nhất, bệnh tình nội tạng do chúng ta, cả Nam lẫn Bắc, tạo ra, người ngoài không thể giải quyết hộ được.

Nhược điểm lớn nhất của VNCH là *thiếu quốc tế vận*, ta đánh mất ngay cả nhân tâm đồng minh, hiện tại nhược điểm ấy vẫn còn: có được bao nhiêu truyền thông (báo chí, TV, websites...) Anh Pháp ngữ trong số hàng trăm tờ báo Việt ngữ hải ngoại? Thời 1970 ở các đại học Mỹ, đầy rẫy tạp chí, đặc san có hình ảnh, bằng Anh ngữ của Hà Nội (như Vietnamese Studies do văn nô Nguyễn Khắc Viện, ở Berkeley, San Francisco), cờ quạt truyền đơn MTGPMN ngay tại các campus. Sinh viên miền Nam tới Toà Đại sứ VNCH xin tài liệu Anh ngữ về trường để bảo vệ chính nghĩa thì chỉ nhận được những cái lắc đầu lạnh nhạt. Riêng tôi còn nhớ một ông tuỳ viên xách mé nói " *thôi anh cứ đi chơi đi, không phải việc của anh!*" vào mùa Noel 1971.

Hạ Long
(Stockton, California)

Góp ý về cách dịch một số thuật ngữ chính trị và thời sự

Quả là người dịch các bản tin thời sự ở Hoa Kỳ sang tiếng Việt thường gặp rất nhiều rắc rối, vì nhiều yếu tố, chức vụ và khái niệm đôi khi không có ở VN nên không thể nào có chữ chính xác được, thậm chí nhiều người còn lầm lẫn nên đã phải những lỗi dịch sai rất ngô nghê trong bước đầu (như dịch *Speaker* của Hạ Viện là Phát ngôn viên, hoặc *Attorney General* là Tổng Luật Sư v.v...). Chức vụ và tên gọi các bộ ở Mỹ cũng dễ gây hiểu lầm hay khó hiểu nếu như không chịu để y quan sát và so sánh. Ở đa số các nước khác đều gọi bộ trưởng hay tổng trưởng bằng *Minister* hay *Ministre* (tiếng Pháp), chỉ có ở Mỹ mới hạ xuống là *Secretary* (nhưng không phải là thư ký). Đúng ra cũng có thể mang ý nghĩa một người thư ký, nhưng không phải là thư ký quèn ngồi đánh máy mà là một thư ký thành viên trong nội các, đặc trách một ngành chuyên môn (tức là một bộ) để phục vụ cho một ông chủ là tổng thống.

Trong hệ thống công quyền ở Mỹ liên quan đến các bộ, có nhiều chức vụ phó hay phụ tá thường dễ bị lầm lẫn bởi các từ ngữ *Deputy Secretary, Assistant Secretary* và UnderSecretary, và trong nhiều chỗ còn có thêm những chức vụ phụ tá nhỏ hơn như là *deputy assistant secretary* hoặc là *assistant deputy secretary*, chứ không đơn giản như theo hệ thống của Pháp và VNCH cũng áp dụng theo, chia từ bộ xuống tổng nha, rồi nha, sở, phòng. Ở Mỹ, nếu chỉ dịch sát từng chữ một có thể sẽ lầm lẫn lớn trong nhiều trường hợp: như thí dụ *Federal Bureau of Investigations* (FBI) có tầm mức tối thiểu cũng cỡ cấp tổng nha chứ không phải chỉ là một Phòng (Bureau) mà thôi như tên gọi cúng cơm của nó.

Ở các bộ lớn của chính quyền Mỹ như Ngoại Giao, Quốc Phòng, Tư Pháp thì đứng đàng sau nhân vật chóp bu là ông *Deputy Secretary*, ta có thể tạm dịch là Thứ Trưởng. Rồi đến xuống thấp hơn, thay vì các tổng giám đốc thì họ lại phong cho các chức *Undersecretary*, rồi xuống thấp hơn nữa là *Assistant Secretary*. Đây là chỗ nhiều người dễ lầm lẫn nhất vì thường là sẽ dịch ra thành Phụ tá Tổng trưởng hay Trợ lý Tổng Trưởng (chữ trợ lý có sau ngày 30-4-75). Nhưng theo thiển ý, dịch như thế thì có phần hơi sai nghĩa vì không nói lên đúng thứ bậc của họ. Thành ra mình mới mạo muội dịch những chức vụ *Undersecretary* là Phó Thứ trưởng hay Phụ tá Thứ Trưởng (mà trong hệ thống công quyền VN cũng như trong báo giới gần như ít khi được nghe nói đến, bởi lý do đơn giản là nó không có).

Một thí dụ khác người dịch cũng gặp khó khăn và sẽ không lột tả được đúng ý nghĩa hay vai trò đích thực của từ ngữ của Hoa Kỳ nếu như không chịu tìm tòi kỹ lưỡng. Trong mỗi bộ ở Mỹ cũng có phân chia xuống dưới thành nhiều tổng nha nhưng thay vì lấy tên như kiểu Pháp là *Direction Générale* thì họ lạidùng nhiều từ ngữ khác nhau có khi là *Center* (*Center for Diseases Control and Prevention* của Bộ Y Tế), có khi là *Administration* (như *Small Business Administration*), có khi là *Agency* hoặc *Service* (như *Immigration & Naturalization Service* trước đây). Chúng ta quen gọi là Sở Di Trú theo cách dịch từng chữ một nhưng vô tình đã làm sai đi ý nghĩa và giá trị của văn phòng giữa

Sở và Tổng Nha. Nhưng có khi *Agency* cũng ngang hàng là một bộ như *Environment Protection Agency* cũng được nâng lên ngang hàng là một bộ cho dù về chính danh vẫn chưa được chuyển thành một *department*.

Trong lúc dịch các thuật ngữ dùng ở Mỹ, chúng ta phải cố gắng tìm hiểu giá trị và ý nghĩa của nó như thế nào và tìm từ ngữ tương đương để dịch, tuy lúc đầu nghe có vẻ không thuận tai nhưng chắc chắn là không sai nghĩa. Bởi vậy cho nên phải dịch *Chief of staff* của Bạch Cung là Tổng Trưởng hay Bộ trưởng Phủ Tổng Thống chứ không phải là Đổng Lý Văn Phòng hay Chánh văn phòng vì trong thực tế người này có thẩm quyền quá cao, được ngồi tham dự trong các buổi họp của nội các ngang hàng với các vị tổng, bộ trưởng và thật ra còn cao và uy quyền với hầu hết các vị bộ trưởng khác không nắm giữ những bộ quan trọng. *Trade Representative* phải dịch là Bộ trưởng Mậu dịch chứ không thể nào là Đại diện Mậu dịch và người đứng đầu của OMB (budget director) thật ra là Bộ trưởng Ngân khố (cho dù bộ này nằm ngay ở trong Bạch Cung chứ không chỉ đơn thuần là một vị giám đốc ngân khố. Những chức vụ này cùng với tước hiệu của người đứng đầu ngang hàng như một bộ trưởng đã được Tổng Thống ký sắc lệnh định nghĩa lúc ban đầu khi thành lập, và cũng được áp dụng theo đúng nghi lễ ngoại giao mỗi khi các vị này họp với những người đối tác của các quốc gia khác.

Ngoài ra cũng có một số từ ngữ thịnh hành ở Mỹ mà nhiều người biết rõ về vai trò của họ nhưng khi dịch sang tiếng Việt thường không lột tả mau lẹ và rõ ràng chính xác. Chữ *chairman* dịch thành "chủ tịch" thường rất thích hợp nhưng không dễ hiểu bằng những từ ngữ khác như là "Thống đốc Ngân hàng trung ương" thay vì "chủ tịch quỹ dự trữ liên bang," hoặc là Đại tướng Tổng Tham Mưu Trưởng thay vì "chủ tịch Ủy ban Các tướng lãnh Tư lệnh Liên Quân" v.v... Trong quân đội Mỹ, quả thật có nhiều chi tiết khá rắc rối khiến mất nhiều thì giờ tìm hiểu mới rõ vấn đề. Nếu như *captain* là đại úy bên Không quân và Lục quân, thì nó lại là đại tá bên Hải quân, cách xa hơn nhiều. Nếu thuyền trưởng hay hạm trưởng có thể gọi là *skipper* thì hạm phó lại là *executive officer* hay XO, không thể nào dịch là sĩ quan hành pháp hay chấp pháp.

Nhiều người thường dịch chữ *Central Command* là Bộ Chỉ Huy Trung ương (gần như đa số các bài báo, kể cả các cơ quan truyền thông lớn như BBC, RFI, VOA, RFA v.v.) nhưng như vậy thì sẽ sai nếu áp dụng cái nghĩa của chữ trung ương, không những có nghĩa là ở giữa mà là còn thống lãnh khắp mọi nơi. Thật ra chữ *Central* ngoài nghĩa trung ương cũng có nghĩa đơn giản hơn là những gì ở giữa, hay ở miền trung. Trong trường hợp của quân lực Mỹ, nó được hiểu là vùng miền trung của thế giới, tức là phần đất từ Sudan của Phi Châu kéo sang đến vùng Trung đông. Vì *Central Command* là một trong chín bộ chỉ huy theo cơ cấu điều hành của quân lực Mỹ, được thiết lập tùy theo vùng trách nhiệm hay là sở trường hoạt động: *Central Command, Southern Command, Pacific Command, European Command, Space Command, Special Operations Command, Strategic Command, Joint Forces Command, Transportation Command.*

Nói tóm lại, dịch các bài báo tiếng Mỹ nhiều phần là dễ, nhưng đôi khi cũng phải cân nhắc để tìm từ ngữ tương đương thích hợp hơn là cứ bám sát từng chữ thì đôi lúc sẽ có những chữ rất ngô nghê, hoặc nhiều khi sai lạc cả ý nghĩa.

Một ít lời góp ý với Thế Kỷ 21, hôm nào rảnh rỗi sẽ chú tâm viết nhiều hơn về chi tiết liên quan đến vấn đề này để có thể góp phần trong việc bảo tồn và phát huy việc sử dụng Việt ngữ.

Nguyễn Anh Tuấn
(Houston, TX)

Lý thuyết không phải là thực tế

Trong một số báo mà có hai bài trái ngược nhau: một bài ca tụng chế độ Ngô Đình Diệm hết mình ("Giá trị của ông Ngô Đình Diệm" *Thế Kỷ 21* số 205), một bài đưa ra không biết bao nhiêu là sai lầm của chế độ ấy ("Vụ thủ tiêu ông Tạ Chí Diệp"). Như vậy chứng tỏ các vấn đề lịch sử, dù là mới đây thôi, cũng vẫn đang rất cần nghiên cứu nghiêm túc và khách quan để nhìn ra sự thật.

Như sự thật về chủ thuyết "Nhân Vị" chẳng hạn. Nó có quả thật đúng như tác giả Tôn Thất Thiện giới thiệu cuốn sách ca tụng hết lời chủ thuyết ấy, hay là nó chỉ là một sản phẩm sống sít của những đầu óc đã không thấm nhuần tinh thần dân tộc mà lại kiêu căng. Chín năm thời ông Diệm đã có biết bao buổi học tập Nhân Vị của quân nhân công chức, nhưng ngay đương thời cũng chẳng có một ảnh hưởng gì về tư tưởng học thuật trong xã hội chứ đừng nói sau cuộc đảo chánh năm 1963: nó biến mất tăm, không để lại một chút gì trong tâm hồn trí não của cả một miền Nam.

Kể ra lý thuyết nào nếu xem kỹ ra thì cũng có cái hay của nó, vấn đề là người ta đã áp dụng ra sao. Chủ thuyết cộng sản của Karl Marx đã chẳng làm say mê bao nhiêu tấm lòng mong mỏi sự nhân đạo cho thế giới này hay sao? Nhưng chưa kể tính cách không tưởng của nó, chính sự áp dụng nó một cách phi nhân của các lãnh tụ cộng sản đã làm thế giới ghê tởm

Karl Marx (kể ra cũng là điều oan cho ông). Ví dụ chuyện cải cách ruộng đất ở Việt Nam làm chết hàng trăm ngàn người một cách vô cùng man rợ, thì cũng chỉ vì ông Hồ Chí Minh cắm đầu cắm cổ tin rằng ở trên đời này ai có thể sai, chứ Mao Trạch Đông thì không thể sai, vì vậy nên mới đem áp dụng phương pháp đấu tố của Tàu vào Việt Nam. Các Mác đâu có dạy cái màn đó?

Chủ thuyết Nhân Vị của hai ông Diệm, Nhu, theo lý thuyết nhằm đề cao "vị trí và phẩm giá của con người trong cộng đồng nhân loại và vũ trụ," nhưng ngay trong bài Đối Lập Chính Trị Thời Đệ Nhất Cộng Hòa của Trần Đông Phong trong cùng số báo, thì thấy hai ông cũng tàn ác với con người một cách ghê tởm (những người đã từng ủng hộ các ông, hoặc những người thuộc các đảng phái quốc gia đã từng dày công tranh đấu cho đất nước hơn anh em ông nhiều).

Người ta không thể vì ý hướng nhân đạo trong chủ thuyết Mác-xít mà khen Stalin, Mao Trạch Đông hay Hồ Chí Minh, Pol Pot là nhân đạo được. Cũng thế, đối với chế độ Ngô Đình Diệm cũng nên nhìn vào thực tế chế độ đó đã cai trị ra sao, đã đối xử với đồng bào đồng chí và những kẻ thực sự yêu nước thương nòi ra sao, để kết luận về họ, hơn là chỉ đánh giá họ qua... cái chủ nghĩa Nhân Vị mà họ đề xướng.

Nguyễn Toản *(San Diego, CA)*

Ông **Trần Thao** – *Cincinnati, Ohio*: Tòa soạn đã nhận được đóng góp của ông về các kinh nghiệm trong vụ Cải cách Ruộng đất. Một tài liệu sống thực và giá trị, sẽ được đăng vào số đặc biệt về CCRĐ. Xin cám ơn ông.

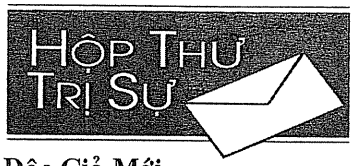

Độc Giả Mới

Hanh K Liter – HI.

Độc Giả Gia Hạn

Lưu Văn Vịnh – CA; Hoàng Hương Cúc – CA; Phạm Trọng Nhân – France; Nguyen Tuong Viet – VA; Tien Trong Vu – CA; Vo D. Nguyen – WA; Đinh Hoàng Anh – CA; Hà Nhu Tưởng – CA; Tran Tuan Kathy – CA; Mai Lien Kohlmann – CA; UC Berkeley – CA; Lai Quoc Trang – CA; Bui Huu Cam – TX; Frank H Pham – CA; Joseph N Duc Minh – CA; UCLA LIB – CA; Nguyen Dinh Khanh – KS; Giao T Vu – IA; Swets Information Service – NJ; SBS Radio Melbourne – Australia; Phạm Công Hiến – CA; Xuong V Xoi – FL; Bui Thi Ngoc Nga – CA; Phuong Cham Thi Tran – CA; Nguyễn Xuân Hiếu – CA; Vũ Ngô Cường – CA.

Độc giả đã đóng thêm tiền để nâng cấp gửi báo

Lê Thanh Phong – CA; Dong Pham – CA; Nguyễn Phạm An – MD; William Do – CA; Phạm Trọng Sách – OR; Hai Van Nguyen – PA; Son Nguyen – AL; Viet H Nguyen – OK; Yen Van Lam – CA; Manh Truong – VA; Le Phuc Chuong – FL; Bùi Hạnh Nghi – Euro; Điệu Võ – KS; Phan Ngọc Báu – LA; Dung Nguyen – AR; Phan Công Lịnh – CT; Toan K Tran – OK; Phu Nguyen – OR; Bien L Tran – CA; Nguyễn Tường Thạch – TX; Nguyễn Tường Thiết – WA; Dương Thiếu Hùng – MD; Thuận Nguyễn – WA; Bernard Donge – MD; Tram Becker – CA; Trần Quốc Thái – CA; Trương Toàn – CA; Chu Xuan Vien – VA; Pham Trong Le – VA; Ngoc Dung T Tran – CA; Son V Ha – TX; Lien H Fiedler – VA; Hung Quy Dang – CA; Hoang Phuong – MI; Tina Doan – CA; Tien Ke Pham – CA; Đỗ Nguyễn Thái – CA; Đinh Sinh Long – CA; Thong Van Pham – LA; Nga Tran – TX; Kimloan Hill – CA; Thach Ba Nguyen – FL; Quy Viet Vo – MD; Lan Nguyen – CA; Minh Ha – CA; Hai Chu – VA; Phien Tran – TX; Hoang Xuan Thieu – CA; Lam N Nguyen – IL; Le Cong Giao – CA; Nguyễn Mỹ – CA; Nguyễn Công Thanh – OR; Nguyen Thi Van – FL; NhuBang Dinh – TX; Mai Nguyễn – CA; Dat Tien Le – CA; Nguyễn Văn Cường – OK; Hiep Tran – FL; Phong T Thai – CA; Luong Phan – CA; Vy Chi Nguyen – CA; Ai D Tran – CA; Ven. Thích Tâm Châu – Canada; Diec T Vo – CA; Son Van Nguyen – TX; Ton N Tran – CA; Dau T Le MD – VA; Nguyễn Tử Quý – CA; Thu Dinh – DE; Bùi Cẩm Hồng – AZ; Nguyen Van Hy – IL; Phuc Huu Luu – TX; Tuong Luu – TX; Kinh Hieu Dang – VA; Anh T Bach – CA; Nguyen Tu Dau – CA; Trần Thế Tiếu – KS; Luu Van Vinh – CA; Hoang T Doan – NE; Hai Hoang Nguyen – CA; Pham Tu Thien – TX; Dan Dao – CA; Chanh Duy Le – CA; Nguyen Van Toan – CA; Chuong T Bui – OR; Huong Le – CA; Thuan H Le – MD; Nguyen Thanh Thang – AZ; Lib Thomas Jefferson – VA; Emerson H. Lee, CPA – VA; Trịnh Hiếu Chánh – TX; Trung Nguyen – VA; Phuong H. Doan – PA; Phuong An Doan – CA; Ha Oanh – CA; Trần Thị Anh Đào – CA; Phạm Công Hiến – CA; Lien Huong Hanlon – TX; Khuyen Xuan Nghiem – CA; Rev. Tue Pham – LA; Quyen Bui – CA; Phieu N Tran – TX; Tuan Nguyen – NJ; Agnes BuuHoan – VA; Ha Nguyen – IL; Tài Triệu – CA; Tay Van Trinh – CA; Nhu Tran – CA; Tai Anh Do – CA; Khai Cong Nguyen – CA; Duong Khanh – TX; Ninh Đức Thuận – CA; Trần Tử Huyền – CA; Nguyễn Kim Liên – MN.

Độc Giả Thay Đổi Địa Chỉ

To Cao Hoan – CA; Lib Deichmanske Bibliotek – Norway.

Dùng ngân hàng để lấy tiền thiên hạ

NGÔ NHÂN DỤNG

Xách súng đi cướp ngân hàng là ăn cướp hạng bét. Dùng hệ thống ngân hàng để ăn cướp, đó mới thật là "siêu!" Cuối thời Việt Nam Cộng Hòa có ông chủ tịch tổng giám đốc một ngân hàng, ngân hàng thương mại lớn nhất nước, bị đưa ra tòa rồi bị bỏ tù. Theo lời truy tố thì ngân hàng của ông đã vi phạm nhiều luật lệ khi cho vay. Chẳng hạn, những người trong gia đình ông được vay rất nhiều tiền, người tài xế của ông đứng tên vay tiền, chị người làm giữ em cũng vậy, mà nhân viên ngân hàng không xét gì tới khả năng trả nợ của người vay. Nếu mấy "thân chủ vay nợ" đó không trả được nợ thì cứ ém nhẹm không kể tới, coi như là "lỡ mất." Vị chủ tịch ngân hàng bị tù cho đến ngày 30 tháng Tư năm 75 mới ra được. Vụ án đó cho thấy có luật lệ là có khả năng thi hành luật, xã hội có thể ngăn chặn không cho ngân hàng đem tiền của người ta cho vay bừa bãi, làm mất rồi xí xóa.

Lấy tiền thiên hạ cho mình vay

Vì ngân hàng là nơi giữ tiền của thiên hạ. Ông, bà mở cái nhà băng, quảng cáo cho khéo, dân chúng đem tiền tới gửi. Ông bà được "ủy thác" giữ tiền hộ người ta, xã hội sẽ đặt ra luật để bảo vệ đức công bằng, không cho phép chủ ngân hàng dùng tiền bậy của người khác. Nhất là không cho kẻ gian mở ngân hàng để ăn cắp công khai, lấy tiền người ta gửi cho bà con anh em mình đứng tên vay, không đòi nợ được thì cứ coi như "nợ xấu" làm ngân hàng bị lỗ lã! Đó là lấy tiền người cho mình dùng.

Khi ngân hàng không phải của tư nhân mà do nhà nước làm chủ thì sao? Nhà nước cũng phải theo luật lệ ngân hàng như mọi người. Các ông, bà giám đốc ngân hàng phải tuân theo các luật đó. Trừ khi nhà nước có toàn quyền ngồi trên luật lệ. Khi đó các vị giám đốc chỉ vâng lệnh cấp trên chứ không sợ luật pháp nào cả. Như vậy là có thể ăn cướp đại quy mô. Muốn biết họ ăn cướp như thế nào, hãy coi hệ thống ngân hàng ở các nước cộng sản Á Châu làm ăn.

Ông nhà nước ở các nước đó mở ngân hàng, lấy tiền thiên hạ cho doanh nghiệp nhà nước vay. Doanh nghiệp nhà nước không trả nợ được thì ông chính phủ bảo ngân hàng xí xóa, thiếu tiền đã có chính phủ cho. Chính phủ lấy tiền đâu ra mà cho? Họ coi như chính họ đẻ ra tiền, nhưng ai cũng biết đó là tiền của dân cả nước. Theo thông tin mới trong tuần cuối Tháng Tư năm 2006 thì tổng số nợ khó đòi tại các ngân hàng ở Trung Quốc lên tới 900 tỷ Mỹ kim, cao hơn tổng số ngoại tệ dự trữ 875 tỷ!

Tháng trước, Ngân Hàng Nhân Dân Trung Quốc mới tăng lãi suất để chặn bớt không cho các ngân hàng thương mại cho vay thêm nợ mới, tiền ký thác thì vẫn chỉ được trả mức lãi như cũ. Ở Việt Nam, Ngân Hàng Nhà Nước cũng ra lệnh cho các ngân hàng thương mại phải giảm bớt các món cho vay mà những người vay vẫn dùng để đầu cơ nhà đất. Hơn một tuần trước đó, Bộ Tài Chính ở Việt Nam cũng yêu cầu Ngân Hàng Nhà Nước ra lệnh giảm bớt các món nợ cho những người vay để mua cổ phiếu trong và ngoài Thị Trường Chứng Khoán Sài Gòn nữa. Ngân Hàng Trung Ương cả hai xứ cộng sản Á Châu mang cùng một mối lo: Nợ xấu, tức là những món nợ không trả được tiền lãi đều đặn và lo không đòi lại được tiền vốn đã cho vay. Sau cơn sốt nhà đất đến cơn sốt thị trường chứng khoán làm giới chức tài chính ở Việt Nam lo, ra lệnh các ngân hàng chặn trước.

Ở Việt Nam, chỉ số thị trường chứng khoán tăng lên 87 phần trăm trong mấy tháng đầu năm nay, nhanh hơn hẳn chỉ số Dow Jones ở Mỹ. Đây là một hiện tượng lạ lùng, vì tất cả thị trường chứng khoán ở Sài Gòn chỉ có 35 cổ phần ghi danh cho người ta mua bán (so với nhiều ngàn cổ phần ghi bán ở các thị trường quốc tế) và giá trị của tất cả các cổ phần các công ty đó chỉ lên tới 1 tỷ 8 Mỹ kim, chưa bằng một phần trăm thị trường Bangkok, Thái Lan. Nhiều người vay tiền từ ngân hàng để mua cổ phiếu, rồi lấy cổ phiếu thế chấp để vay thêm, đi mua thêm cổ phiếu khác, cũng giống như đi đầu cơ địa ốc vậy! Nghe tin ngân hàng bán công bán tư Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) tính sẽ ghi danh trên thị trường chứng khoán là nhiều người đổ tiền ra mua trước. Và VP Bank ở Hà Nội thương thuyết bán 10 phần trăm cổ phần cho OCBC, một ngân hàng Singapore, khiến nhiều người cũng tìm mua VP Bank ngay, hy vọng mai mốt giá sẽ lên.

Giới có tiền trong nước tìm mua nhà đất rồi cổ phiếu hoặc mua vàng, một phần cũng vì họ có thể vay nhiều tiền quá mà nhìn quanh thì thiếu cơ hội đầu tư. Chính mối lo về thị trường địa ốc này đã khiến Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam ra lệnh

cho các ngân hàng thương mại phải tốp bớt. Số nợ về địa ốc tăng vọt trong ba năm trước, nhưng bây giờ số nhà cửa mua bán tại hai thành phố Hà Nội và Sài Gòn đã giảm bớt hơn hai phần ba so với năm qua, cho thấy cơn sốt đã hạ. Như khi các ngân hàng chuyển từ thị trường địa ốc để đem tiền cho vay mua cổ phần.

Hệ thống ngân hàng của hai nước cộng sản Á Châu đều mang một hiểm họa: Nợ xấu, dịch nguyên văn chữ Bad Debts cho tiện. Theo ước tính của Cơ Quan Phát Triển Liên Hiệp Quốc (UNDP) ở Việt Nam thì số nợ xấu mà các ngân hàng thương mại ở Việt Nam đang gánh là khoảng 10 phần trăm số nợ đã cho vay, giống như cho vay 10 đồng thì lo sẽ mất một đồng không đòi lại được. Đặc biệt, tỷ số nợ xấu ở các ngân hàng quốc doanh cao gấp 13 lần các ngân hàng do người ngoại quốc làm chủ. Nhờ chính phủ đổ tiền ra cứu trong ba năm qua nên tỷ lệ nợ xấu của các ngân hàng bên Trung Quốc chỉ còn một nửa. Tỷ lệ nợ xấu ở các ngân hàng thương mại Trung Quốc hiện nay khoảng 10 phần trăm, sau khi chính phủ đã giúp bằng cách mua lại các món nợ khó đòi đó.

Những món nợ xấu đó có thể gây khủng hoảng trong cả hệ thống ngân hàng, nhưng mối lo lớn đó các ngân hàng nhà nước không phải gánh chịu, vì lúc nào cũng được các chính phủ cộng sản bảo vệ. Chính phủ Bắc Kinh đã bỏ ra 45 tỷ đô la trong ngoại tệ dự trữ để giúp mua lại các món nợ xấu từ hai trong số bốn ngân hàng nhà nước lớn nhất, Trung Quốc Ngân Hàng và Kiến Thiết Ngân Hàng, trước khi cho phép hai ngân hàng này ghi danh trên thị trường chứng khoán và bán cổ phần cho các ngân hàng ngoại quốc. Tổng số các món tiền mà chính phủ Bắc Kinh đem ra giúp các ngân hàng quốc doanh lên tới 400 tỷ Mỹ kim, nhưng số nợ xấu vẫn tăng thêm. Chính phủ Bắc Kinh ra lệnh giảm tỉ lệ nợ xấu, các ngân hàng thực hiện rất dễ. Chỉ cần đem thêm tiền cho vay, tổng số nợ tăng lên, tỷ lệ nợ xấu giảm liền. Vì những món nợ mới thì chẳng bao giờ xấu cả. Anh cho tôi vay 100 triệu, mỗi năm trả lãi 8 triệu, tôi xin hứa cuối năm nay, năm tới, thế nào cũng có tiền trả sòng phẳng!

Ở Trung Quốc, khi nhà nước cứu các ngân hàng nhiều nợ xấu, họ lập ra những cơ quan thanh toán. Họ "mua lại" các món nợ của ngân hàng, tức là lấy công quỹ đưa cho các ngân hàng để xóa nợ cho các doanh nghiệp nhà nước. Cơ quan thanh toán đó sẽ đi đòi nợ. Thí dụ, xí nghiệp vay tiền để xây khách sạn, nhà nghỉ mát. Tôi sẽ sai áp các tài sản đó để xiết nợ, thế là thanh toán. Nhưng ở một nước cộng sản, cái này biến ngay thành một mối lợi cho các quan chức. Họ tha hồ tịch thu tài sản để xóa nợ, rồi đem bán các tài sản đó cho ai, bán với giá nào, chỉ có họ biết với nhau! Đã có ông cán bộ thanh toán bị tố cáo vào tù, nhưng chắc bắt được một ông làm mẫu vẫn còn hàng trăm ông bà khác!

Có ngân hàng để làm gì

Khi các xí nghiệp không trả được nợ, các ngân hàng không đòi được nợ, đó là vấn đề của ai? Phải nhìn thấy đó là một vấn đề của nhân dân cả nước. Người dân cong lưng làm lụng, cho người khác hưởng. Khi chính quyền đem tiền công quỹ đi giúp các ngân hàng không đòi được nợ, đó là một hành động "ăn cướp của dân để nuôi một bộ máy ăn hại." Phần lớn những con nợ không tiền trả là các doanh nghiệp nhà nước. Tiền công quỹ là của chung nhân dân, đặc biệt là của các xí nghiệp có đóng thuế. Các doanh nghiệp tư nhân đóng góp hơn nửa số sản xuất của quốc gia nhưng không được vay tiền bằng một phần tư các doanh nghiệp nhà nước. Các ngân hàng nhà nước nhận tiền của công chúng và trả họ với lãi suất thấp, đem tiền đó cho các doanh nghiệp nhà nước vay rồi không đòi được. Tức là dùng hệ thống ngân hàng để lấy tiền dân đóng góp mà nuôi các đảng viên.

Muốn thấy rõ tính chất "ăn cướp" đó ta cần hiểu vai trò của các ngân hàng là gì trong nền kinh tế. Tại sao thế giới này phải có mấy ngân hàng? Thử nghĩ như thế này: Trong nước có nhiều người dành dụm không tiêu hết số tiền mình kiếm được. Trong khi đó có những người nảy ra sáng kiến kinh doanh sản xuất, cần tiền để đầu tư. Loại người thứ nhất là hầu hết chúng ta, ta có thể cất số tiền tiết kiệm đó dưới mái nhà hay trong ngăn kéo tủ quần áo. Loại người thứ hai ít hơn, nhưng họ giúp tạo ra hàng hóa, của cải mới, cung cấp công việc làm cho nhiều người, nhưng trước hết chính họ phải có lợi. Nếu không có các ngân hàng thì chắc chúng ta cũng nên bịa ra những định chế giống như vậy để chuyển số tiền tiết kiệm của "nhân dân" cho các nhà sản xuất sử dụng sinh lợi.

Trong nền kinh tế thị trường tự do thì các ngân hàng ganh đua nhau thu hút tiền người ta gửi bằng cách trả lãi suất cao nhất có thể trả được. Các nhà sản xuất cũng cạnh tranh nhau đi vay càng nhiều càng tốt để có tiền đầu tư. Họ giành lấy vốn mà dùng bằng cách chịu trả lãi cho ngân hàng cao hơn các đối thủ. Nhưng muốn vậy thì nhà sản xuất phải tìm ra những cơ hội, lập những dự án đầu tư sinh lợi cao nhất, hơn các đối thủ. Những dự án nào hy vọng có lời nhất? Khi kinh tế được tự do thì chính người tiêu thụ quyết định chuyện đó. Công ty nào sản xuất đúng nhu cầu người tiêu thụ, làm hàng tốt nhất, bán giá rẻ nhất thì sẽ có

lời nhiều. Với một hệ thống cạnh tranh như vậy, tiền tiết kiệm của người dân được trao cho những nhà sản xuất có hiệu năng cao nhất. Và người tiêu thụ là những người sau cùng được lợi. Như vậy gọi là có hiệu quả kinh tế. Với điều kiện là hệ thống ngân hàng tự do cạnh tranh với luật pháp nghiêm mật.

Hệ thống ngân hàng các nước độc tài ưu tiên phục vụ cho đảng và nhà nước. Thời ông Stalin ông bắt dân tiết kiệm để chuyển tài nguyên cho các doanh nghiệp nhà nước, thúc đẩy công nghiệp hóa. Thời gian đầu phương pháp đó có hiệu quả, tài nguyên được đem dùng phát triển công nghiệp. Nhưng sau đó, các doanh nghiệp nhà nước không còn hiệu quả nữa, nhưng đảng Cộng Sản không thể thay đổi sang phương pháp mới được, vẫn cứ tiếp tục đem tiền của người dân cho các xí nghiệp quốc doanh sử dụng. Không thay đổi được, giản dị vì quyền lợi của chính các cán bộ ở xí nghiệp và ở ngân hàng khiến đảng và nhà nước cộng sản phải làm như vậy. Chính họ là đảng, làm sao họ bỏ quyền lợi của chính họ được?

Trong các xứ cộng sản đổi mới rồi, hệ thống ngân hàng nằm trong tay nhà nước. Không có chuyện tự do cạnh tranh, ngân hàng tư quá ít và hạn chế hoạt động, cho nên dân chúng không thể tìm chỗ khác để gửi tiền dành dụm của họ. Tất cả hệ thống xí nghiệp và ngân hàng họp thành một guồng máy có nhiệm vụ chuyển tiền của dân tiết kiệm và dân đóng thuế sang cho các cán bộ cộng sản, đặc biệt là những cán bộ quản lý xí nghiệp và ngân hàng. Đó là dùng cả hệ thống quản lý kinh tế để ăn cướp, người dân không có đường nào trốn tránh được! Nhiều người không biết là mình bị ăn cướp nữa! Dân chúng giống như đã bị nhốt trong nhà tù, đổ mồ hôi làm việc kiếm tiền, đóng thuế và gửi vào ngân hàng cho guồng máy của đảng Cộng Sản đem nuôi các cán bộ trung thành của đảng.

Trong tập truyện Hỏa Lò, thi sĩ Nguyễn Chí Thiện đã mô tả các quản giáo dùng hệ thống mua bán lén lút của các tù nhân để chính họ kiếm tiền. Các tù nhân thèm thuốc lào thì cai tù sẽ cung cấp thuốc lào, qua một hệ thống phân phối từng phòng. Nhưng nhiều tù nhân cũng được gia đình tiếp tế, cho nên bọn cai ngục có thể đặt trước muốn cái gì thì tù nhân bảo gia đình thăm nuôi mang món đó tới. Cứ như vậy, bọn quản giáo lợi dụng việc mua bán, trao đổi trong nhà tù để hưởng lợi và làm giàu. Mà tù nhân có khi còn biết ơn nữa! Ở trong tù thế nào thì ở ngoài xã hội, cái nhà tù lớn, cũng vậy.

Chỉ khi nào chấm dứt chế độ nhà tù thì người dân mới thoát khỏi gọng kìm của hệ thống các ngân hàng quốc doanh!

Phí phạm kinh tế

Hệ thống kinh tế các nước cộng sản nổi tiếng là phí phạm. Dưới thời các ông Stalin, Mao Trạch Đông, cả guồng máy kinh tế đã đặt dưới sự chỉ huy của đảng. Họ dùng tài nguyên, nhân lực của cả quốc gia để thực hiện các "kế hoạch kinh tế" từ trung ương soạn ra. Ngay từ thập niên 1940 các nhà kinh tế như Friedrich von Hayek đã chứng minh rằng một guồng máy kinh tế chỉ huy như vậy không chạy được, vì không bộ máy trung ương nào có đủ tin tức để điều hành cuộc sống phức tạp của một quốc gia. Cho nên nó chỉ phí phạm tài nguyên và sức lao động mà thôi. Chưa kể là nó sẽ biến nhân dân thành nô lệ cho nhà nước. Ngay cả sau khi họ đã "đổi mới" rồi, kinh tế các nước cộng sản vẫn là bộ máy phí phạm khổng lồ. Lý do chính là vì chế độ chính trị không thay đổi, vẫn theo lối độc quyền đảng trị. Thử nêu một con số làm thí dụ: Để sản xuất ra một đồng bạc trong Tổng Sản Lượng Nội Địa, hiện nay bên Trung Quốc phải dùng một số nhiên liệu cao gấp bốn lần bên Mỹ. Việc dùng nhiên liệu là chuyện nhỏ. Sự phí phạm trong cả hệ thống mới đáng nói. Không phải người Trung Hoa làm việc kém người Mỹ. Mà hệ thống chính trị độc đảng sinh ra tinh thần vô trách nhiệm trong các xí nghiệp cũng như các ngân hàng, chính khuyết điểm đó gây ra phí phạm.

Bên trong đảng Cộng Sản Việt Nam người ta hay nói đến nạn "lãng phí," lãng phí thường đi đôi với nạn "tham ô." Khi một cán bộ ngồi ghế chỉ huy lạm dụng tiền bạc của cơ quan cho lợi ích riêng của mình, như vậy họ gọi là lãng phí. Nhưng những thứ mất mát do "lãng phí" cũng chỉ là những món tiền nhỏ. Phải nhìn thấy những "phí phạm do hệ thống," là guồng máy cai trị, phương pháp điều hành kinh tế của đảng Cộng Sản, ở đó mới là những phí phạm lớn nhất.

Trên đây, chúng tôi đã giải thích tình trạng hệ thống ngân hàng ở các nước cộng sản đem tiền của người dân nuôi các cán bộ ăn hại như thế nào. Nhưng thực ra số tiền để nuôi các cán bộ ăn hại như vậy cũng vẫn là những món nhỏ. Thứ phí phạm lớn nhất, tai hại nhất cho quốc gia, là các món tiền mà những cán bộ đó đem sử dụng không mang lại hiệu quả kinh tế. Ăn hại không kinh khủng bằng làm hại!

Nếu quý vị đưa tiền cho một người nào đó bảo để họ kinh doanh, sản xuất, mà người đó cuối cùng chế tạo ra toàn những món hàng xấu, không ai dùng được, không ai mua, thì quý vị tính sao? Chắc phải cắt ngay nguồn tài trợ. Nếu nhà kinh

doanh này dùng $100 triệu đầu tư mà làm ăn thua lỗ, mỗi năm mất tiêu $10 triệu, thì chắc quý vị chịu đựng vài ba năm rồi cũng phải ngưng, không ai dại gì nuôi báo cô mãi. Những xí nghiệp quốc doanh phần lớn thuộc loại như vậy; nhưng nhà nước cộng sản, do đảng Cộng Sản cầm đầu, cứ tiếp tục nuôi dưỡng những bộ máy phí phạm đó, năm này qua năm khác. Đó là một hệ thống phí phạm tài nguyên của nhân dân.

Hiện nay trong hệ thống các ngân hàng thương mại ở Trung Quốc có những món nợ khó đòi, tổng cộng hơn 900 tỷ Mỹ kim, và lớn bằng một nửa Tổng Sản Lượng Nội Địa một năm. Điều này nghĩa là gì? Nghĩa là các công nhân Trung Hoa làm lụng, sản xuất, bán hàng ra nước ngoài, tiền thu về dư ra được $875 tỷ được chính phủ cất đó. Số tiền "dự trữ ngoại tệ" này một số lớn đang đem cho Mỹ vay, nhờ thế quý vị sống ở Mỹ được hưởng lãi suất thấp cả chục năm qua, tha hồ mua nhà, mua xe. Trong mấy năm trước, số tiền dự trữ đó đã từng được chính phủ Bắc Kinh lấy ra trợ cấp các ngân hàng lỗ lã, tổng cộng đem "bố thí" hơn 400 tỷ Mỹ kim cho các cán bộ xí nghiệp và ngân hàng. Nhưng ngay bây giờ nếu đem tất cả số tiền $875 tỷ đó ra trợ cấp thì vẫn không đủ để bù cho số tiền mất mát về các khoản nợ xấu do các ngân hàng thương mại ở Trung Quốc cho vay. Phải nhìn thấy số ngoại tệ dự trữ đó là do công lao mồ hôi nước mắt của các công nhân Trung Quốc chế ra hàng để xuất cảng thì mới thấy rõ một sự thật, là chế độ cộng sản ở nước này đã bóc lột các công nhân để nuôi các cán bộ kinh tế của họ.

Trong mươi năm qua, Cộng Sản Trung Quốc đã đóng cửa nhiều doanh nghiệp nhà nước, có 30 triệu công nhân làm ở các doanh nghiệp đó bị sa thải. Nhưng không thấy các cán bộ cộng sản lớn nào mất việc, vì họ sẽ được điều động sang các công việc khác, tiếp tục hưởng lương cao bổng hậu! Khi các cán bộ điều hành xí nghiệp được điều động sang các chức vụ mới, họ có cải thiện lề lối làm việc hay không? Nếu họ làm việc cho các xí nghiệp tư thì chắc họ sẽ phải cải tiến cách làm việc của họ. Nhưng nếu vẫn làm trong hệ thống quốc doanh thì rất khó. Vì tiêu chuẩn thành công của các viên chức, cán bộ không phải là tạo ra lợi nhuận. Trong đầu óc các quan chức cộng sản, hai chữ "lợi nhuận" không những chẳng có gì hay mà còn bị coi là xấu xa nhơ bẩn nữa. Gần đây, ông Nguyễn Đức Bình ở Việt Nam viết một bài chỉ trích việc cho các đảng viên làm kinh doanh tư, ông đã chỉ trích mục tiêu "gia tăng lợi nhuận," ông còn mỉa mai những chữ "tối đa hóa doanh lợi," coi như là một điều nhơ bẩn ghê lắm, nói ra ai cũng cho là xấu. Nhưng nếu cho người ta làm ăn mà không cho sinh lợi thì làm ăn làm gì? Mà đã kinh doanh thì phải kiếm càng nhiều càng tốt, biết đến mức nào phải ngưng? Ở các nước tư bản người ta vẫn có những luật lệ buộc các xí nghiệp phải tôn trọng quyền lợi công nhân, phải tôn trọng lợi ích công, phải đóng thuế, nhưng bên trong vòng luật pháp thì cứ tha hồ kiếm lời – tối đa hóa. Nếu như các cán bộ quản lý cộng sản mà biết theo đúng pháp luật rồi theo đuổi mục tiêu tối đa hóa doanh lợi ở trong các doanh nghiệp nhà nước, để thêm tiền đóng vào công quỹ, thì người dân may ra cũng được nhờ!

Ở các nước cộng sản, họ dùng mục tiêu nào thay thế cho "tối đa hóa doanh lợi?" Ở Trung Quốc, thông thường một ông bí thư tỉnh hay thành phố ngồi ở chức vụ khoảng ba năm. Và sau ba năm, con số thường được đem ra đo lường làm thành tích của ngài là tổng số các tích sản đã tạo ra trong địa phương các ngài trọng nhậm: Bao nhiêu nhà máy, bao nhiêu cao ốc, bao nhiêu đường, cầu, vân vân. càng nhiều càng có điểm. Vì vậy, các quan chức chỉ chú ý đầu tư vào việc xây dựng để ghi vào thành tích, chưa kể là những khoản tiền rút ra được nhờ ăn bớt trong ngân sách xây dựng. Những món đầu tư đó có thể không ích lợi gì về lâu dài, nhiều cao ốc xây lên không có ai thuê, những nhà máy lập lên không hoạt động được vì thiếu thiết bị, thiếu nguyên liệu, vân vân; hoặc đưa tới cảnh một vùng có nhiều nhà máy thép, nhiều nhà máy nhôm, nhiều nhà máy ráp xe hơi quá, làm ra bán không được.

Ngân Hàng Thế Giới cho biết một phần ba số đầu tư về tích sản cố định (fixed assets) trong thập niên 1990 ở Trung Quốc là phí phạm vô ích. Chính phủ Bắc Kinh đã ra nhiều chỉ thị hạn chế số tiền cho vay. Nhưng quan xa, nha gần, các chi nhánh ngân hàng ở địa phương vẫn phải cho vay theo lệnh các cấp ủy địa phương. Và họ có đủ cách tô vẽ các khoản nợ đó cho có vẻ vẫn theo đúng chỉ thị, không khó gì! Cho nên mới sinh ra nợ xấu. Theo báo cáo của Ngân Hàng Trung Ương Trung Quốc thì trong hai năm 2000-2001 có tới 60 phần trăm các món nợ xấu là do các cấp ủy buộc các ngân hàng phải cho vay. Phần còn lại chắc là theo "sáng kiến" của các cán bộ ngân hàng!

Đó là một guồng máy phí phạm khổng lồ. Các nhà lãnh đạo Trung Quốc có biết hay không? Tất nhiên họ biết, và họ cũng muốn thay đổi cho guồng máy kinh tế bớt phí phạm đi. Như vậy thì tại sao sau gần 30 năm cải tổ họ vẫn để nó sinh phí phạm như vậy? Vì họ không muốn thay đổi hệ thống chính trị! Chính trị quyết định tất cả!

ÔNG TRÙM TÌNH BÁO

NGUYỄN ANH TUẤN

Khi ông Porter J. Goss bất ngờ xin từ nhiệm chức vụ tổng giám đốc Cơ Quan Tình Báo Trung Ương (CIA) vào cuối tuần trước, ông mới thấy rằng, giống như những vị tiền nhiệm, cái vai trò và trách nhiệm của chức vụ này quả thật quá to lớn và rắc rối, gây hoang mang không ít cho những người nắm giữ trọng trách. Chẳng thế mà Tổng thống Dwight D. Eisenhower, khi bình phẩm về vai trò này, đã từng nhận xét: "*Đây là một trong những hoạt động kỳ dị khác thường nhất của một chính quyền, và có lẽ vì thế nó đòi hỏi phải có một nhân vật kỳ lạ xuất chúng để có thể điều hành được.*"

Tuy mang danh hiệu của một cơ quan (*agency*) riêng biệt ngang tầm với một tổng nha, nhưng lại không trực thuộc một bộ nào, người đứng đầu cơ quan này thật ra mang hàm và có vị thế như một vị tổng trưởng trong nội các của chính quyền Hoa Kỳ, được tham dự trong các buổi họp thường xuyên ở cấp tổng trưởng, cũng như là một thành viên chính trong Hội đồng An ninh Quốc gia, và có nhiệm vụ tường trình mỗi ngày trực tiếp lên tổng thống Mỹ với các bản tường trình DPB (*Daily Presidential Briefing*) về tình hình an ninh của Hoa Kỳ cũng như những tin tức tình báo mới nhất trên thế giới.

Đây là một chức vụ tạo ra nhiều huyền thoại nhất, về một nhân vật đứng đầu một cơ quan tình báo quyền lực nhất, với đầy đủ dụng cụ điện tử tinh vi và phương tiện tân kỳ để thu thập đủ mọi tin tức tình báo bí mật nhất trên thế giới – thậm chí có lẽ liên quan đến cả những chi tiết vụn vặt về sinh hoạt của đủ mọi lãnh tụ khắp nơi trên địa cầu – và do đó khiến cho mọi người phải kiêng nể, thậm chí kể cả tổng thống Mỹ, vì không biết rõ họ đang nắm giữ những bí mật riêng tư nào của mình. Độc giả thường xuyên của hai nhà văn nổi tiếng ăn khách nhất tại Hoa Kỳ là John Grisham và Tom Clancy đều thấy trong các tác phẩm truyện dài của họ thường có hình ảnh của hai ông trùm tình báo (CIA) và công an (FBI) nắm giữ những chức vụ chóp bu này trong nhiều năm, kéo dài qua nhiều thời kỳ tổng thống, và được hiểu như là những nhân vật kỳ bí xuất chúng với tài năng và kiến thức đặc biệt hơn người, không ai có thể thay thế được. Trong làng sách báo Việt Nam trước năm 1975, hình ảnh kỳ bí như huyền thoại đó cũng đã được mô tả khá hấp dẫn về một ông tổng giám đốc (Cụ Hoàng) trong loạt truyện trinh thám ăn khách về điệp viên Z-28 Tống Văn Bình của tác giả Người Thứ Tám. Trong thực tế, các vị này vẫn thường bị cho về vườn bởi áp lực trực tiếp hay gián tiếp từ người đứng đầu ở Toà Bạch Ốc. Từ ngày được chính thức thành lập vào năm 1947 đến nay, đã có đến 18 vị tổng giám đốc đứng đầu cơ quan CIA đã được tuyển chọn hay sa thải bởi các vị tổng thống khác nhau.

Hoạt động tình báo thật ra đã có từ rất lâu, chứ không phải chỉ mới phát triển sau này, nhất là trong địa hạt quân sự, khi mà các tướng lãnh chỉ huy của các bên giao chiến đều phải chú ý đến tin tức tình báo của đối phương, để có thể tiên liệu về sự thành công của những chiến dịch hành quân mà phe mình sẽ thực hiện. Theo mô thức của quân đội và chính quyền Pháp, và sau này được áp dụng dưới chính thể Việt Nam Cộng Hoà, ngành tình báo được xếp vào Phòng Nhì hay Ban Hai, có lẽ quan trọng chỉ đứng sau Phòng hay Ban III (tức là Tham Mưu). Đối với quân đội Mỹ, thứ tự quan trọng này cũng không thay đổi, vì hầu hết các sĩ quan cao cấp đều ước muốn được giao trọng trách điều khiển quân binh thay vì những chức vụ đặc trách việc thu lượm tin tình báo. Theo lời nhận xét của ông Thomas Powers, một sử gia về tình báo và cũng là tác giả cuốn sách "The Man Who Kept the Secrets" nói về ông trùm CIA nổi tiếng Richard Helms, thì việc Hoa Kỳ muốn thiết lập một cơ quan tình báo trung ương dưới sự điều hành của một nhân viên dân sự biệt lập với quân đội là vì chính phủ muốn thoát ra khỏi tình trạng thấy các công tác tình báo bị xem thường bởi các tướng lãnh tư lệnh chiến trường. Theo ông

Powers, thì "*những sĩ quan cao cấp nào được giao trọng trách về tình báo thường rất khó khăn để có thể kiếm được một ngôi sao trên cổ áo để trở thành tướng lãnh.*"

Lý do chính quan trọng nhất để thành lập cơ quan CIA – trước đó những nhân viên tình báo trong quân đội Mỹ phục vụ trong tổ chức OSS – là để mong tránh khỏi một trong những thất bại lớn lao nhất về tình báo trong lịch sử của Hoa Kỳ lúc bấy giờ: đó là đã không trù liệu được, cho dù đã có rất nhiều dấu hiệu khả nghi, về cuộc tấn công vũ bão và bất ngờ của quân đội Nhật gây thiệt hại nặng nề cho Hải quân Hoa Kỳ tại Trân Châu Cảng (Pearl Harbor) vào năm 1941. Lịch sử phải chăng đã lập lại vào gần 60 năm sau khi giới tình báo Hoa Kỳ cũng gặp phải một thất bại to lớn và khủng khiếp không kém là vụ tấn công bất ngờ và ngoạn mục (cho dù rất tàn nhẫn) của một nhóm dân Hồi-giáo quá khích với vũ khí thô sơ là những con dao nhỏ nhưng cộng với lòng cương quyết cuồng tín và quyết tử nên đã gây kinh hoàng đến gần như bó tay bất lực không phản ứng kịp đối với một đại siêu cường giầu mạnh nhất trước những vụ nổ bom khủng bố vào ngày 11 tháng 9 năm 2001. Có lẽ cũng vì sự thất bại thê thảm đó, không phải chỉ có trách nhiệm của CIA, mà còn của nhiều cơ quan khác như FBI, và cũng của nhiều viên chức cao cấp nhất từ Cố vấn An ninh Quốc gia Condoleezza Rice cho đến TT Bush – vốn đã từng nhận được những báo cáo tình báo nói rõ là tổ chức al-Qaeda đang nghiên cứu về kế hoạch không tặc nhưng rồi cũng không có những biện pháp tức thời để tăng cường mức đề phòng cẩn mật – mà chính phủ Mỹ cũng đã tìm cách cải thiện hệ thống thu lượm và phối hợp tin tức tình báo và an ninh bằng cách tạo ra một chức vụ mới là Tổng Giám Đốc Tình Báo Quốc Gia (*Director of National Intelligence*) có nhiệm vụ phối hợp tất cả khoảng 16 cơ quan tình báo và an ninh khác như CIA, FBI, NSA, IDA v.v... Liệu việc này có giúp đem lại niềm tin cho người dân hay không, và sẽ được kéo dài trong bao lâu? Có lẽ nhiều người sẽ vẫn còn tiếp tục lo âu, vì sẽ bị tiếp tục ám ảnh bởi quan niệm lịch sử là một sự tái diễn?

Allen Dulles

Trong chức vụ lãnh đạo một cơ quan vừa mới được thiết lập lúc đó, ông tổng giám đốc CIA, nếu gọi một cách bình dân hơn là "ông trùm tình báo," hay "ông trùm Xịa," có nhiệm vụ thu lượm tất cả mọi tin tức về quân sự và ngoại giao trên thế giới từ mọi cơ quan của chính phủ Mỹ. Trong hội đồng nội các, ông có vai trò như là một uỷ viên đặc trách về tình báo, để báo cáo lên vị chủ tịch là tổng thống, với nhiệm vụ bảo vệ cho quốc gia Hoa Kỳ không còn bị một cuộc tấn công bất ngờ nào khác, cho dù đến từ phía xa. Dĩ nhiên, lịch sử sau đó đã chứng minh rằng những diễn tiến đã không phải lúc nào cũng xảy ra giống như nhiều người trù liệu hay tiên đoán. Đệ Nhị Thế Chiến vừa mới chấm dứt chưa lâu, những kẻ đại thù cũ của Hoa Kỳ là Đức và Nhật không còn là một mối lo quan trọng nữa, mà đồng minh cũ là Liên Sô lại bỗng trở thành mối hiểm hoạ lớn nhất với tham vọng làm bá chủ hoàn cầu dưới chính thể cộng sản đại đồng. Sứ mạng của CIA từ đó bỗng quay sang một ngỏ rẽ khác. Các hoạt động tình báo của CIA đều nhắm vào mục đích lọt được qua Bức Màn Sắt để biết được những gì đã và đang xảy ra trong lòng phía đối phương. Cùng lúc đó thì CIA cũng tung ra nhiều hoạt động hay chiến dịch bí mật khác tại nhiều quốc gia khác nhau trong mục đích thay đổi thế giới theo chiều hướng thuận lợi hơn cho quyền lợi của Hoa Kỳ, hay ít ra là cũng không có hại cho nước

Mỹ. CIA cũng thường được biết đến là xen lấn sâu vào nội bộ của chính quyền các nước nhược tiểu để khuynh loát sinh hoạt chính trị tại các nước đó đi theo chiều hướng và ý muốn của các chiến lược gia tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn, bằng nhiều hình thức khác nhau vừa mua chuộc bằng đô-la và quyền hành, vừa dùng sức mạnh uy hiếp như lật đổ, ám sát v.v... những ai cứng đầu không chịu tuân theo. "Bàn tay lông lá" của CIA có mặt khắp nơi trong các sinh hoạt chính trị địa phương đã tạo nên một huyền thoại hư hư thực thực khiến cho mọi người đều đâm ra nghi ngờ lẫn nhau, điển hình như tình hình chính trị tại miền Nam Việt Nam trước ngày 30-04-1975. Thậm chí, đến ngay như ông Nguyễn Văn Thiệu, cựu tổng thống thời Đệ Nhị Cộng Hoà, một lãnh tụ được coi như là chỉ biết tuân theo các chỉ thị của Hoa Kỳ để mong được giữ chức tổng thống và không bị đảo chính như người tiền nhiệm là Ngô Đình Diệm, sau này cũng đã phải thú nhận rằng mọi hành vi của ông ở trong Dinh Độc Lập (phủ tổng thống) đều bị tai mắt của CIA theo dõi, và chung quanh ông những phụ tá thân cận như các ông tướng Trần Văn Khiêm, Đặng Văn Quang v.v... không biết ai là người "ăn tiền của Mỹ" để theo dõi ông có thay đổi ý kiến hay dấu giếm những điều gì đối với quan thầy Mỹ.

Từ khởi thuỷ, ông trùm tình báo kiêm nhiệm một lúc nhiều vai trò rộng lớn khác nhau, vừa coi như là chủ biên một hệ thống thông tin kỳ bí, vừa là một vị tướng chỉ huy một đạo binh bí mật, vừa nắm giữ chức tổng giám đốc cơ quan thu lượm tình báo trung ương và cũng đồng thời là chủ tịch hội đồng điều hành một hệ thống tình báo và an ninh liên hệ trong cơ cấu công quyền và quân đội của Hoa Kỳ, bao gồm khoảng 100,000 nhân viên rải rác ở 16 cơ quan khác nhau. Công việc điều hành một "cộng đồng tình báo" cấu trúc theo mô hình kỳ lạ đến gần như không tưởng hay mâu thuẫn đó, đã trở thành khó khăn đến mức gần như không thể thực hiện được. Hay ít ra, theo như lời thú nhận của ông Goss, nó đã "*quá to lớn vượt qua khỏi khả năng điều khiển của một cá nhân.*"

SƠ LƯỢC LỊCH SỬ CÁC ÔNG TRÙM CIA

Ba ông tổng giám đốc đầu tiên, Sidney Souers, Hoyt Vanderberd và Roscoe Hillenkoetter, từ đầu năm 1946 đến năm 1950, đều có thời gian phục vụ rất ngắn và cũng không có để lại thành tích gì đặc biệt hay đáng nhắc tới, kể cả trong tiểu sử chính thức của cơ quan này. Người thứ tư là Tướng Walter B. Smith thì đã tỏ ra thất kinh khi thấy rằng các nhân viên của mình đã không tiên liệu được diễn tiến của cuộc chiến tại Triều Tiên khiến cho quân đội Mỹ phải tốn hao thêm nhân mạng và tài của khá lớn mặc dù chỉ vừa mới giành được chiến thắng cũng như thoát ra khỏi được sự dấn thân đầy tốn kém trong cuộc Đệ Nhị Thế Chiến vài năm trước đó.

Ông trùm tình báo sau đó là một nhân vật được nhiều người biết đến, đó là Allen Dulles, nắm giữ cơ quan này trong một thời gian dài hơn tám năm, nhưng về sau lại bị chỉ trích bởi chính vị tổng thống đã đề cử mình, ông Eisenhower, với lời chê rằng ông đã "lãnh một cú thất bại dài tám năm" trong cuộc tranh đấu để khiến cho CIA có thể cung ứng những tin tức tình báo đáng tin cậy. Dưới thời kỳ của ông Dulles, CIA tăng cường các hoạt động bí mật tại nhiều quốc gia khác nhau, cùng lúc với việc phát triển các máy bay và vệ tinh do thám. Ông cũng chính là người chủ trương chiến dịch đổ bộ tại Vịnh Con Heo (Bay of Pigs), phối hợp lực lượng quân đội và tình báo Mỹ với các nhóm dân quân Cuba tị nạn tại Mỹ quyết định hồi hương để mong lật đổ chế độ cộng sản của lãnh tụ độc tài Fidel Castro. Cuộc đổ bộ gặp thất bại nặng, và ông Dulles đã bị Tổng thống John Kennedy thay thế vào cuối năm 1961.

Vị tổng giám đốc mới, ông John McCone, sau đó không lâu cũng bị vị tổng thống khác là Lyndon Johnson không còn tin dùng nữa khi ông bắt đầu đưa ra những báo cáo phân tích không mấy lạc quan về cuộc chiến tại Việt Nam. Ông McCone là một trong số rất ít những nhân vật chính quyền cao cấp có những tiên đoán bi quan về sự tham chiến của quân đội Mỹ tại chiến trường Việt Nam ngay từ những ngày đầu. Ông đã từng khuyến cáo TT Johnson rằng việc gia tăng cường độ các chiến dịch dội bom tại miền bắc Việt Nam rồi sẽ khiến cho công luận thế giới quay sang chống lại với Hoa Kỳ. Sau thời gian kế nhiệm ngắn ngủi vào năm 1965 của ông William Raborn Jr, người kế tiếp là ông Richard Helms, lên nắm quyền từ tháng 6-1966 đến đầu năm 1973, sau đó cũng bị một vị tổng thống khác là Richard Nixon bất tín nhiệm

sau này khi ông từ chối không chịu bao che một số những hành vi phạm tội của đàn em ông Nixon và đảng Cộng Hoà trong vụ xì-căng-đan Watergate.

Ông Helms được hầu hết mọi người kể cả những vị lên kế nhiệm sau này coi như là vị tổng giám đốc lẫy lừng tài ba nhất đã từng điều khiển cơ quan này. Tuy nhiên, ông cũng đã nhận định về sự cách biệt thiếu liên lạc khá trầm trọng giữa Toà Bạch Ốc và cơ quan CIA. Trong một cuốn hồi ký tự thuật xuất bản vào năm 2002 sau khi ông đã qua đời, ông Helms cho rằng không có một vị tổng thống Mỹ nào, ngoại trừ có lẽ cựu TT Bush bố, đã từng làm tổng giám đốc CIA một thời gian ngắn trong năm 1976, có tí ti kiến thức gì về những chiến dịch bí mật trong ngành tình báo, từ lúc lập kế hoạch cho đến thi hành.

Lời chỉ trích khá nặng nề này của ông Helms sau đó đã được chứng minh khá rõ trong một giai đoạn bê bối khác của CIA khi TT Ronald Reagan cho phép ông William Casey, bổ nhiệm vào đầu năm 1981, bán một số vũ khí bí mật cho Ba Tư (Iran) để chuộc mạng cho các con tin người Mỹ bị bắt cóc. Việc trao đổi trái phép và bí mật này, sau đó đã được tiếp tục kéo dài để qua mặt Quốc Hội Mỹ đã cấm đoán việc tài trợ các toán phiến quân lật đổ các chính quyền, lấy tiền thu được để trợ cấp cho các toán nổi loạn Contra đứng lên chống lại chính phủ thiên tả tại Nicaragua. Vụ xì-căng-đan Iran-Contra nổ ra gây chấn động và chống đối nhiều từ phía Quốc Hội và cũng đã làm giảm đi uy tín khá nhiều cho TT Reagan, từ hình ảnh một vị nguyện thủ quốc gia cương quyết, bảo thủ và chống Cộng giờ đây giống như là một lãnh tụ già nua, không nắm vững vấn đề và đã để cho các tay đàn em dưới quyền qua mặt hay thao túng, và cũng đã làm cho cơ quan CIA gần như tê liệt không còn hoạt động hữu hiệu trong giai đoạn cuối của cuộc chiến tranh lạnh với khối cộng sản. Trong một cuộc phỏng vấn vào năm 1997 nhân dịp kỷ niệm 50 năm thành lập cơ quan CIA, ông Helms đã cảnh báo rằng cuộc kết thúc chiến tranh lạnh cũng đã kéo tuột cơ quan tình báo CIA ra ngoài trách nhiệm cố hữu của nó: "*Chúng ta trở thành siêu cường duy nhất còn lại trên thế giới và đã không còn đặc biệt quan tâm hay để ý đến những gì đang xảy ra khắp nơi trên thế giới và cũng không còn thiết tha để phối hợp tổ chức và điều hành một hệ thống do thám đắc lực.*"

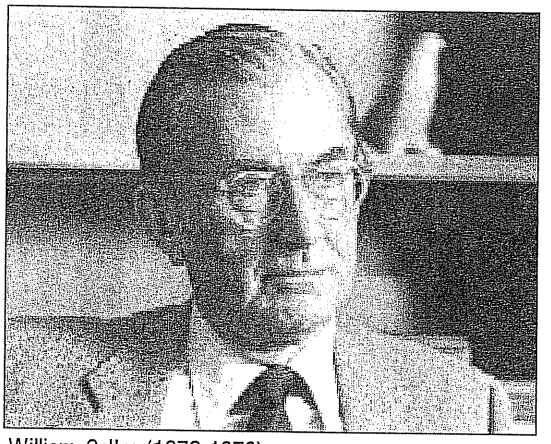
William Colby (1973-1976)

Từ thời kỳ giữa ông Helms và ông Casey cũng có bốn vị tổng giám đốc khác lên kế nhiệm: James Schlesinger trong vài tháng năm 1973; William Colby từ 1973 đến 1976, người được biết nhiều đến trong thời gian hoạt động thời cuộc chiến tại Việt Nam; George H. Bush trong 11 tháng năm 1976 (sau này trở thành tổng thống) và Stansfield Turner vào năm 1977 dưới thời kỳ TT Jimmy Carter. Ông Casey bị bạo bệnh và chết giữa lúc cuộc điều tra vụ bê bối Iran-Contra đang diễn ra và do đó cũng mang theo xuống tuyền đài những bí mật không ai biết được để hiểu rõ chi tiết trong vụ này, đặc biệt là việc muốn biết xem liệu vị tổng tư lệnh của quốc gia có biết rõ những chi tiết trong nội vụ hay đã bị các nhân viên thừa hành tự ý qua mặt để thao túng bộ máy của chính quyền trong lãnh vực tình báo.

Dưới thời TT Bush bố, có hai vị tổng giám đốc khác là ông William Webster, được đề cử vào năm 1987, sau một thời gian nắm giữ cơ quan cảnh sát liên bang FBI trong một thời gian dài 9 năm. Sau đó là ông Robert Gates, đề cử vào năm 1991.

Đến thời của TT Bill Clinton, thì vai trò tình báo không còn được coi trọng nữa, đến mức mà vị tổng giám đốc được TT lựa chọn, James Woolsey, một cách chóng vánh sau một cuộc phỏng vấn ngắn ngủi nhất chưa từng thấy. Để rồi trong suốt thời gian nhiệm chức trong hai năm sau đó, ông trùm tình báo Woolsey cũng đã được hội kiến riêng với tổng thống Clinton chỉ có hai lần. Người được kế nhiệm sau đó, ông John Deutch, thì lại không được chính nhân

viên tình báo trong cơ quan coi trọng, nếu không muốn nói là còn bị nghi ngờ, thậm chí đến lúc sau khi từ nhiệm, có lúc đã bị điều tra vì lời cáo giác là đã không cẩn thận, chểnh mãng trong công vụ, với lý do là đã không giữ kín những tin tức tối mật qua việc chuyển những tài liệu tin tức tối mật vào máy điện toán cá nhân và mang về nhà riêng. Trong thời gian này, việc thuyên chuyển các vị đứng đầu cơ quan tình báo diễn ra với tốc độ khá chóng mặt. Nếu tính từ thời kỳ ông Webster rời khỏi chức vụ vào năm 1991 đến lúc ông George Tenet được đề cử vào năm 1997 thì cơ quan CIA đã có năm vị tổng giám đốc trong thời gian sáu năm. Ông Fred Hitz, cựu tổng thanh tra của CIA trong thập niên 1990, cho rằng sự thay đổi nhân

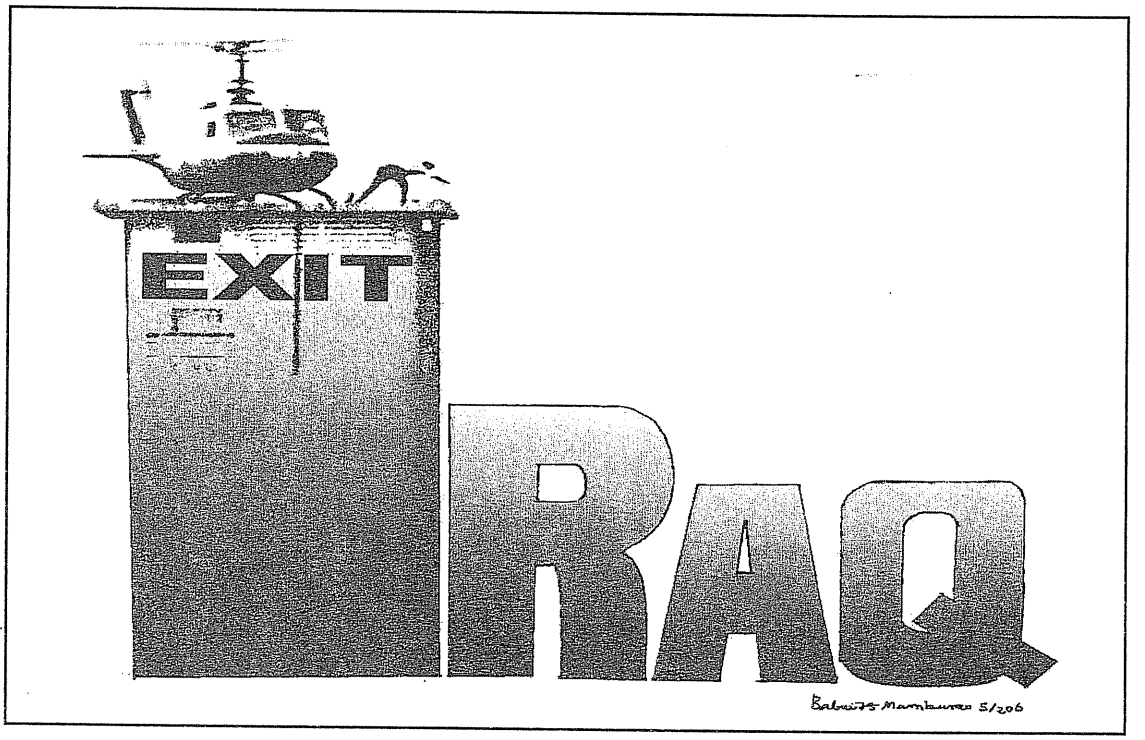

sự đứng đầu của cơ quan này đã tạo ra những chấn động giây chuyền cũng như khiến cho guồng máy hoạt động trong cơ quan bị xáo trộn không ít.

Ông Tenet là một trong số rất ít viên chức cao cấp dưới thời TT Clinton được lưu giữ lại dưới thời của chính phủ mới khi ông George W. Bush lên nhậm chức vào đầu năm 2001. Thậm chí ông còn được tin dùng trong một thời gian dài để có thể phát triển và đẩy mạnh trở lại mạng lưới do thám của các điệp viên khắp nơi, kéo sang đến gần cuối nhiệm kỳ đầu của ông Bush vào năm 2004 mặc dù đã để xảy ra hai vụ hố nặng to lớn nhất về mặt tình báo khiến cho Hoa Kỳ bị thiệt hại và mất mặt không ít. Đó là không tiên đoán được để ngăn chặn ý đồ tấn công của nhóm khủng bố al-Qaeda để dẫn đến vụ nổ bom kinh hoàng 9/11. Và sau đó là đã trù liệu hoàn toàn sai lầm về khả năng tích tụ cũng như cái gọi là "kho vũ khí tàn sát quy mô" của chế độ Saddam Hussein để làm luận cứ biện minh cho quyết định tấn công Iraq của chính quyền Bush. Ông Tenet được nổi tiếng với câu nói bất hủ "chắc ăn như bắp" (*It's a grand slam*) – một thuật ngữ thể thao diễn tả một cầu thủ bóng rổ làm bàn một cách chắc chắn khi nhảy lên đập banh vào ngay giữa rổ lưới – khi được TT Bush hỏi về sự xác đáng về tin Iraq có kho vũ khí độc hại. Thất bại tình báo này, về sau đã được tường trình khá chi tiết bởi hai uỷ ban đặc biệt, một do TT Bush chọn lựa và một của Thượng Viện đứng ra chủ động, đã khiến cho dư luận trong nước bắt đầu nghi ngờ về khả năng hữu hiệu của cơ quan tình báo tối cao này. Việc TT Bush sau đó còn trao tặng cho ông Tenet một trong những huy chương cao quí nhất của Hoa Kỳ càng khiến cho nhiều người ngao ngán hơn về tính phán đoán của ông Bush cũng như góp phần làm giảm uy tín của ông mỗi ngày mỗi tụt dốc sau đó,

khi càng ngày càng có nhiều người hơn tin rằng ông Bush làm việc và chọn người theo quan điểm phe phái, thích những người trung thành hay nghe lời với mình thay vì biết tìm người tài giỏi, có khả năng mặc dù có thể có quan điểm chính trị khác biệt.

Thời gian này, cơ quan CIA cũng bị mất uy tín khá nhiều từ cả hai phía tả cũng như hữu. Phe cấp tiến, và những thành phần phản chiến cũng như công luận trên thế giới, thì cho rằng CIA đã không dám đưa ra những bản nhận định đứng đắn và chính xác để khiến cho chính quyền Bush đã dùng những tin tức tình báo thổi phồng hay sai lạc để làm luận cứ biện minh cho chính sách hung hăng đòi dùng giải pháp quân sự để giải quyết những xung khắc hay mâu thuẫn. Ngược lại, phe bảo thủ ủng hộ chính quyền Bush cũng bực mình không ít cơ quan CIA cũng như bộ ngoại giao Mỹ dưới thời ông Colin Powell vì cho rằng những viên chức kỳ cựu tại hai cơ quan này đã không hết lòng ủng hộ các kế hoạch của chính phủ nên đã lâu lâu tìm cách xì ra một cách kín đáo những tin tức giấu kín trong hậu trường chính trị cho báo giới biết để thấy rằng chính quyền Bush nhiều khi đã bóp méo sự thật hay cố tình lờ đi những lời cảnh giác của nhiều chuyên viên có những nhận định độc lập không cùng với quan điểm lựa chọn của chính quyền. Việc một số các cựu nhân viên CIA cho xuất bản các hồi ký cá nhân sau khi đã từ nhiệm, kể rõ những chi tiết hoạt động lâu năm để cho thấy rằng chính quyền Bush thật ra cũng chẳng lấy làm gì quan tâm đến nền an nguy của đất nước từ lúc ban đầu như bộ máy tuyên truyền của Bạch Cung và đảng Cộng Hoà đã đánh bóng mạnh mẽ sau biến cố 9/11, đã khiến cho bộ tham mưu của Toà Bạch Ốc càng bực tức hơn nhiều và muốn tìm cách thanh lọc hàng ngũ tại cơ quan này.

Ông Porter Goss, được đề cử vào chức vụ tổng giám đốc vào tháng 9 năm 2004, một phần cũng nằm trong ý muốn này. Sau thời gian nắm giữ chức chủ tịch Uỷ ban Tình báo ở Hạ Viện, và với xuất xứ là một cựu nhân viên tình báo dù chỉ ở cấp thấp, ông Goss được coi như là một người đáng tin cậy cho cả hai giới nhân viên tình báo trong nghề cũng như đối với phe bảo thủ Cộng Hoà. Tuy nhiên trong những ngày tháng đầu, sự bất mãn của nhiều nhân viên trong ngành cũng vẫn tiếp diễn khi ông nhấn mạnh đến việc các nhân viên phải trung thành với chiến lược của chính phủ đề ra mà không nên có những ý kiến riêng rẽ. Điều này đi ngược lại với tinh thần độc lập trong nhận định, không bị những áp lực chính trị phe phái, để có thể đưa ra những phân tích đứng đắn hầu giúp cho các chiến lược gia cầm quyền hay hoạch định chính sách có đầy đủ dữ kiện đáng tin cậy trong việc thiết lập các kế hoạch điều hành đất nước. Một số khá đông các nhân viên kỳ cựu cũng như cao cấp đã không ngần ngại xin từ chức để phản đối thay vì tiếp tục ngồi lại làm việc theo áp lực chính trị của chính quyền đương thời.

Cùng lúc đó, tiếp theo sau hai vụ điều tra của hai uỷ ban quốc gia xem xét về thất bại tình báo liên quan đến vụ 9/11, Quốc Hội Hoa Kỳ đã cải tổ hệ thống điều hành tình báo trong nước qua Đạo luật Cải tổ Tình báo và Phòng ngừa Khủng bố (*Intelligence Reform and Terrorism Prevention Act*) vào năm 2004, thiết lập một chức vụ mới là vị tổng giám đốc tình báo quốc gia – mà người đầu tiên nắm quyền là ông John Negroponte – đồng thời rút bớt quyền hành của vị tổng giám đốc CIA để chỉ còn chú trọng đơn thuần đến các hoạt động riêng biệt và thuần tuý của cơ quan tình báo này. Trước đó, ngoài nhiệm vụ nắm lãnh cơ quan do thám trung ương, vị tổng giám đốc CIA, tuy không điều khiển các cơ quan tình báo và an ninh liên hệ, cũng kiêm nhiệm luôn việc phối hợp cả 16 cơ quan này để đưa ra một bản nhận định chung về tình hình an ninh toàn quốc, được gọi là một bản Thẩm định Tình báo Quốc gia (*National Intelligence Estimate – NIE*) để làm văn bản chính thức trình lên tổng thống Mỹ và Quốc Hội Hoa Kỳ. Ông tổng giám đốc CIA cũng là người trực tiếp tường trình mỗi ngày cho tổng thống Mỹ về tình hình an ninh nội địa cũng như những biến chuyển đã và đang xảy ra khắp nơi.

Giờ đây thì những trách vụ đó đã được giao sang cho người mới là ông Negroponte, và vai trò của vị tổng giám đốc Cơ Quan Tình Báo Trung Ương đã thực sự mất đi uy tín và giá trị trung ương đích thị của nó. Việc ông Porter, vốn cũng có tham vọng nắm giữ ghế của ông Negroponte trong thời gian TT Bush đang lựa chọn người, phải ra đi sau khi có sự bất đồng ý kiến với ông Negroponte trong nhiều sinh hoạt nội bộ và sau đó mất thế lực đối với bộ tham mưu ở Bạch Cung, càng chứng tỏ rằng vai trò của ông trùm CIA ngày nay không còn quan trọng tối cao như xưa nữa.

Houston, Texas 16-05-2006

THẾ-GIỚI THẾ-KỶ 21 ĐI VỀ ĐÂU

BẦU-CỬ GIỮA NHIỆM-KỲ BUSH II

CỔ LŨY

Khi bài này được bắt đầu viết chỉ còn đúng sáu tháng nữa cuộc bầu-cử giữa nhiệm-kỳ thứ nhì của tổng-thống George W. Bush sẽ xảy ra. Đây là cuộc bầu-cử đầu tháng Mười-một năm 2006 với nhiều dân-biểu, nghị-sĩ mới hoặc tái ứng-cử sẽ được bầu ra.

Trong nhiều bài viết trước trên Thế-Kỷ 21 về nhiệm-kỳ Bush II chúng tôi đã nhắc nhở đến tầm quan-trọng của cuộc bầu-cử giữa nhiệm-kỳ này . Kết-quả bầu-cử—cùng với nhiều bất-lợi cho chính-quyền trong những năm gần đây và hiện nay —có thể làm mất đa-số của đảng Cộng-hoà trong một hoặc hai viện trong Quốc-hội— sẽ đưa đến nhiều hệ-quả khó-khăn cho chính-quyền trong hai năm chót của nhiệm-kỳ cuối của tổng-thống Bush và còn đi xa hơn nữa.

Ý muốn giải-nhiệm (impeachment) tổng thống Bush, dù công-khai hay kín-đáo tế-nhị, luôn luôn rõ rệt và có lẽ mỗi lúc một mạnh-mẽ thêm trong phe đối-lập Dân-chủ. Lý-do chính phe đối-lập chưa làm được chuyện này là vì họ chưa nắm được đa-số để từ đây giữ ưu-thế chủ-tịch Ủy-ban Tư-pháp và một số ủy-ban khác với quyền xúc-tiến thủ-tục giải-nhiệm. Nếu phe Dân-chủ lấy lại được đa-số trong Quốc-hội họ sẽ có khả-năng, hoặc ít nhất cũng cố-gắng, thực-hiện ý muốn này. Nỗ-lực giải-nhiệm, dù không thành-công, một khi bắt đầu sẽ đặt chính-quyền vào thế thụ-động; chính-quyền sẽ phải lo giải-thích, chống-đối và tránh-né những buộc tội, do đó cũng sẽ mất uy-tín, sự ủng-hộ cần-thiết và năng-lực đẩy mạnh những chính-sách có sẵn hoặc dự-định. Nó cũng như đám mây mờ che lên tương-lai của đảng có người bị mũi dùi giải-nhiệm —trong trường-hợp này là tương-lai đảng Cộng-hoà trong kỳ tổng-tuyển-cử năm 2008, bao gồm việc chọn một tổng-thống mới ở Hoa-Kỳ. Giấc mơ lớn của tổng-thống Bush cũng như đảng đang cầm quyền nhằm duy-trì và phá-triển quyền-lực của phe Cộng-hoà trên chính-trường Mỹ cũng như thế-giới có thể tan biến nhanh chóng.

CỔ-LŨY

Sáu tháng trước bầu cử có lẽ cũng không quá sớm để có một cái nhìn về cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ rất quan trọng cho hai đảng chính trong nước cũng như ảnh hưởng lớn lao vào hai năm chót tại chức của tổng thống Bush và tương lai không xa mấy trong kỳ tổng tuyển cử 2008 —với một tổng thống mới và nhiều thay đổi lớn trong Quốc-hội cũng như tương lai Hoa-Kỳ và thế giới nói chung.

TẦM QUAN-TRỌNG CỦA BẦU-CỬ 2006

Tin tức và dư luận giới truyền thông Hoa-Kỳ cũng như thế giới và hai đảng chính trị chính trong nước như cùng đồng ý với nhau ở một điểm: nếu đảng Cộng-hoà không giữ được đa số trong Quốc-hội, hay nói ngược lại là nếu đảng Dân-chủ nắm được đa số, trong kỳ bầu cử cuối năm nay chính quyền Bush sẽ gặp nhiều khó khăn cực kỳ, nếu không nói là những gian nan ảnh hưởng trực tiếp đến không những hai năm chót trong nhiệm kỳ cuối của tổng thống Bush mà còn ảnh hưởng bất lợi cho di sản của tổng thống và tổng tuyển cử năm 2008.

Lý do chính là nếu đảng Dân-chủ nắm được đa số trong Quốc-hội sau bầu cử, giới dân cử Dân-chủ sẽ không ngần ngại mà còn tích cực tiến hành thủ tục giải nhiệm (impeachment) tổng thống Bush —như họ đã từng thành công dưới thời tổng thống Cộng-hoà hai nhiệm kỳ Richard Nixon (1974), và như phe Cộng-hoà đã cố làm dưới thời tổng thống Dân-chủ hai nhiệm kỳ Bill Clinton (1998). Cả hai đảng nắm quyền hành pháp đều bị đẩy ra khỏi toà Nhà-Trắng sau nỗ lực giải nhiệm của đảng đối lập, chưa kể những khó khăn lâu dài ở hai nhánh lập pháp và tư pháp.

Năm 1974 khi phe Dân-chủ (với trợ lực của nhiều nhân vật dân cử Cộng-hoà) buộc tội để giải nhiệm tổng thống Nixon, Uỷ-ban Tư-pháp Hạ-viện với đa số Dân-chủ đưa ra ba lý do chính: ngăn trở [điều tra] công lý (obstruction of justice), lạm quyền (abuse of power) và

không tuân lệnh quốc hội (nại lý do "an ninh quốc gia") cung cấp những băng thu âm làm bằng chứng buộc tội tổng thống (về vụ xì-căng-đan "Watergate"). Trước khi đa số ở hạ viện bầu đồng ý giải nhiệm tổng thống và đưa ra thượng viện xét xử, để tránh mang tiếng xấu bị giải nhiệm ông Nixon từ chức ngay. Dân biểu Barbara Jordan (Dân-chủ, Texas), một nhà dân cử hiếm hoi lúc bấy giờ (vừa là da đen, vừa là phụ nữ, từ một tiểu bang bảo thủ miền Nam Hoa-Kỳ) đã đi vào lịch sử với lời tuyên bố hùng hồn đanh thép: "Niềm tin vào Hiến-pháp của tôi là tất cả, hoàn toàn và trọn tất. Tôi sẽ không ngồi yên để nhìn Hiến-pháp của đất nước này bị thu hẹp lại, đảo lộn và xé nát... Những người viết lên Hiến-pháp này đặt vào tay Quốc-hội cái quyền giải nhiệm, nếu cần thiết, một nguyên thủ quốc gia có quá nhiều quyền hành đến độ độc tài, độc đoán." Phe Dân-chủ ngày nay cũng hăm hở nhắc lại lập luận này, xem nó như cách buộc tội tổng thống Bush mạnh mẽ nhất. Năm 1998 khi phe Cộng-hoà cố giải nhiệm tổng thống Clinton họ đã đưa ra hai lý do chính để buộc tội ông là "khai gian" (perjury) và "ngăn cản [điều tra] pháp lý" liên quan đến việc ông che giấu liên hệ tình dục với cô tập sự trẻ tuổi Monica Lewinsky ở toà Nhà-Trắng. Phe Cộng-hoà đã không thành công, phần lớn vì những buộc tội không đạt đến tiêu chuẩn giải nhiệm đề ra trong Hiến-pháp là vi phạm những tội hình hoặc hộ nghiêm trọng ("high crime and misdemeanor"); ông Clinton cũng không từ chức.

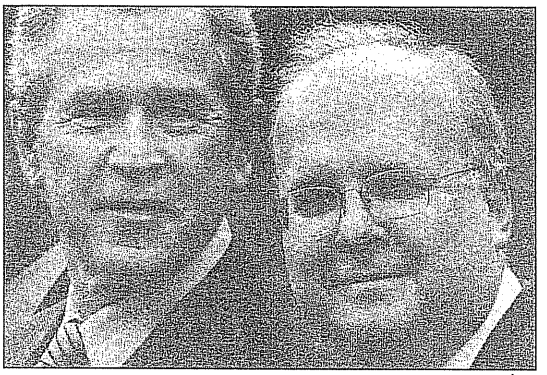

Cố-vấn Karl Rove được tổng-thống Bush trao cho trách-nhiệm điều-hành chiến-lược của phe Cộng-hoà trong bầu-cử cuối năm nay.

Về trường hợp tổng thống Bush, câu hỏi chính là ông và chính quyền của ông đã làm những gì trong gần sáu năm qua để có thể đưa đến "nguy cơ" bị phe đối lập đòi giải nhiệm nếu họ có đủ đa số để làm chuyện này? Nhìn theo những lý do phe đối lập đưa ra để giải nhiệm hai tổng thống trước ông Bush người ta có thể thấy một số yếu tố tương đối khá mạnh mẽ. Trước hết là cuộc chiến của Hoa-Kỳ ở Iraq khởi đầu và kéo dài từ hơn ba năm nay.

Về Iraq, người viết đã nói và lập lại nhiều lần, theo giới tuyền thông trong nước và quốc tế cũng như những học giả, trí thức khắp nơi, về những lý do ông Bush và chính quyền đưa ra rồi lần hồi bị chứng minh là sai lầm hoàn toàn và sau đó là cố ý sai lầm (xin xem loạt bài về chiến tranh của Mỹ ở Iraq trên *Thế-Kỷ 21, từ 2003).* Ba lý do chính đi vào cuộc chiến chính quyền đưa ra nay không còn thuyết phục được ai, trừ phó tổng thống Dick Cheney còn cố cải chính cho bằng được. Lý do về vũ khí có tầm tác hại lớn (Weapons of Mass Destruction, WMD) của Iraq dưới thời Saddam Hussein đe doạ an ninh Mỹ và "đồng minh" đã bị bác bỏ hoàn toàn vì thứ nhất nguồn tin không đáng tin cậy chút nào, và hơn ba năm nay quân đội Mỹ ngay tại Iraq không tìm được bằng cớ nào. Chính quyền đã gạt tin tình báo Mỹ qua một bên, lựa chọn và đưa tin không có thực ra trước dân chúng trong nước và LHQ, rồi đi vào Iraq mà không có thoả thuận của LHQ. Chính quyền cũng có những nỗ lực và hành động làm khó khăn hoặc ngay cả triệt hạ những người có uy tín vạch ra những sai lầm cố ý hay những "lừa giối, bóp méo" của chính quyền về WMD. Những chuyên viên WMD của LHQ và Hoa-Kỳ đều phủ nhận lý do chính quyền đưa ra. Nghị sĩ lão thành Robert Byrd (Dân-chủ, West Virginia) ngay từ đầu đã tuyên bố rõ rệt rằng "chính quyền Bush đánh lừa dân chúng" (misled) để đi vào Iraq. Chính quyền Bush đã có ý định xâm chiếm Iraq và lật đổ Saddam Hussein ngay từ khi ông *B*ush đắc cử tổng thống nhiệm kỳ đầu năm 2000, trước khi khủng bố tấn công Nữu-Ước và Ngũ-Giác-Đài tháng Chín 2001. Cùng với chính quyền Tony Blair ở Anh chính quyền Bush tìm mọi lý do và xảo thuật đi vào Iraq, và vụ tấn công 2001 cho hai chính quyền cơ hội tốt (xin xem bài Nhiệm-Kỳ Bush II: Năm Đầu Đầy Khó-Khăn, *Thế-Kỷ 21,* tháng Ba 2006, cùng người viết).

Khi chính quyền Bush đưa ra lý do thứ nhì để xâm chiếm Iraq —liên hệ giữa Saddam Hussein và khủng bố—có đến 70 phần trăm dân chúng tin là Saddam Hussein giúp Osama bin Laden

thực hiện hai cuộc tấn công trên, dù thực tế hoàn toàn sai lạc và sự kiện rõ ràng là hai nhân vật "ác tà" này xem nhau như kẻ thù không đội trời chung chứ không phải là đồng minh.

Lý do thứ ba —được đưa ra sau khi xâm chiếm Iraq— là ý định mang dân chủ tự do tới Iraq và cả vùng "Trung Đông" như cách tốt nhất để tiêu diệt mầm mống khủng bố. Nhưng đây biến ngay thành một mục tiêu chiến lược đặt trên căn bản sai lầm cho rằng mầm mống khủng bố nằm ở "Trung-Đông," trong khi thành phần Al Qaeda cực đoan hoạt động ở Tây phương là người Hồi giáo đã Tây phương hoá, như khủng bố Hồi giáo ở Anh, Đức, Hoà-Lan, Bỉ, Pháp và Tây-Ban-Nha. Những thay đổi chính trị ở "Trung Đông" không thay đổi lý do tại sao những người đã Tây phương hoá ngả về hướng thánh chiến (jihad) chống Hoa-Kỳ. Hai nữa, viễn tượng dân chủ hoá là một điều rất xa xôi hoặc, nếu gần thì chỉ là chuyện hình thức bên ngoài. Có hiến pháp, có ứng cử, bầu cử không nhất thiết là có tự do dân chủ pháp trị. Trong ba năm qua ở Iraq, hầu như cứ mỗi sáu tháng chính quyền Bush lại đưa ra một "tiến triển dân chủ" làm mốc thành công, nhưng hiện nay, gần sáu tháng sau bầu cử "dân chủ" cuối năm qua Iraq vẫn không có chính quyền mới và rõ rệt là mỗi lúc một đi sâu xuống hố thẳm nội chiến đầy máu lửa tàn khốc. Tệ hơn nữa, bầu cử, ứng cử "dân chủ" trong vùng như đã chính thức hoá quyền hành của tôn giáo hay "khủng bố," như giáo phái Shiite ở Iraq và Ba-Tư, Hamas như mới đây ở Palestine, cũng như phong trào Muslim Bortherhood (Hamas và Al Qaeda bắt nguồn từ đây) trong một tương lai gần ở Ai-Cập (Egypt) và thành trì quân chủ mục rữa ở Saudi Arabia.

Những xáo trộn, bạo hành chính trị ở Iraq ba năm vừa qua cũng làm băng hoại tiến trình dân chủ ở Syria, Ba-Tư và Saudi Arabia. Với áp lực chống chiến tranh Iraq trong nội địa Hoa-Kỳ mỗi ngày một lớn lao (Iraq là yếu tố chính kéo tụt mức dân chúng ủng hộ chính quyền Bush xuống mức từ 31 đến 34 phần trăm, mặc dù mặt kinh tế Mỹ khá sáng sủa) chính quyền sẽ phải bằng mọi cách chứng minh kết quả không có thực để giảm quân số Mỹ trên chiến trường Iraq —nhưng mọi rút quân sẽ chính thức hoá nội chiến ba phe Iraq, nâng cao thanh thế Al Qaeda, củng cố vai trò Ba-Tư trong vùng và gây nghi ngờ về những điều chính quyền từng đòi thực hiện cho bằng được.

Bên cạnh đây là những điều tra về vi phạm luật pháp của các nhân vật cao cấp trong chính quyền đã khiến đổng lý văn phòng Lewis Libby của phó tổng thống Dick Cheney phải từ chức và chờ ngày ra toà; những điều tra còn tiến hành, đi gần đến cố vấn thân cận của tổng thống Karl Rove, và lần lần đi đến phó tổng thống và cả tổng thống. Trong khi đó giới truyền thông phát giác thêm những vi phạm nhân quyền và dân quyền tại các nhà tù trong và ngoài Hoa-Kỳ; tình báo Mỹ, nhất là CIA từng tổ chức những bắt cóc và di chuyển "tù nhân" bất hợp pháp đến các nhà tù bí mật ở các quốc gia thứ ba để tra tấn lấy tin tức. Chính quyền bị các tổ chức uy tín quốc tế như Human Rights Watch và LHQ lên án nặng nề.

Giới truyền thông cũng phanh phui việc tổng thống cho phép tình báo nghe lén những giao thông liên lạc điện tử trong và ngoài nước trong nỗ lực đào xới tin tức tài liệu mà không có sự thoả thuận của giới tư pháp và lập pháp. Đây không những là vi phạm luật pháp mà còn là những vi phạm Tu-chính-án thứ Tư trong hiến pháp Mỹ bảo vệ dân chúng chống lại những dò xét, theo dõi và tịch thu nắm giữ bất hợp pháp ("unreasonable search and seizure") và những quyền riêng tư ("Privacy" rights) rất thiêng liêng trong hiến pháp —mà viên chức chính quyền, nhất là tổng thống phải thề bảo vệ trước khi nhậm chức.

Giữa tháng Năm giới truyền thông lại đưa thêm tin về những vi phạm tương tự nhưng ở một mức độ cao hơn nữa. Cũng chính cơ quan tình báo hoàn toàn bí mật NSA (National Security Agency), trước đây được phép tổng thống nghe lén điện thoại của người đang sống trên đất Mỹ, nay bị nhật báo USA Today phát giác là đã thu thập (tin thông tấn cho biết là đã mua) tài liệu liên hệ đến cả tỉ những liên lạc qua điện thoại của 240 triệu người Mỹ khách hàng ba công ty điện thoại lớn AT&T, South Bell và Verizon nhiều năm qua để phân tích tìm tin tức về "khủng bố." Người làm theo lệnh tổng thống cũng không ai khác hơn là tướng không quân bốn sao Michael Hayden, nguyên giám đốc NSA từ tháng Ba 1999 tới tháng Tư 2005 —người từng tuân lệnh nghe lén (eavesdropping/wiretapping) mà không có trát toà (warrant) cũng như đang được tổng thống đề cử vào chức vụ giám đốc CIA. Tuy ông Hayden giải thích là chỉ thu thập tài liệu về số điện thoại nào liên lạc với số điện thoại nào, ai cũng biết chỉ cần số điện thoại một hiệu bách hoá thông thường cũng có thể lấy mọi chi tiết

liên hệ đến người có số điện thoại —số điện thoại là cái căn cước và phương tiện để biết về người mang số đó. Nghị sĩ Carl Levin (Dân-chủ, Michigan) trong Uỷ-ban Tình-báo Thượng-viện tỏ ý lo ngại nhà nước có trong tay nguyên cái "database" này về cả trăm triệu người Mỹ và sẽ làm gì với "database" này mà không ai biết được —một "nghe lén" vĩ đại gấp bội những eavesdropping/wiretapping trước, hơn cả những thu thập database về người dân qua các tài liệu điện tử về mua bán hàng hóa, thực phẩm, vay mượn sách báo từ thư viện, chỗ cho thuê phim ảnh, vân vân, kể từ 2001. Một chi tiết làm nhiều người bất bình nhất là trong bối cảnh theo dõi người dân vì "an ninh quốc gia" này, mọi tin tức về chính quyền vi phạm quyền tự do cũng như quyền trong hiến pháp của người dân đều từ phía truyền thông, "quyền thứ tư" trong một nước tự do dân chủ thực sự, phanh phui ra mà thôi. Hành pháp hoàn toàn che giấu những hoạt động của mình; lập pháp và tư pháp với đa số là Cộng-hoà dưới thời chính quyền Bush đã bị chê trách là không làm nhiệm vụ giám sát (oversight) cần thiết và cũng không ngăn chặn quân bằng ("checks and balances") quyền hành quá lớn của hành pháp. Tổng thống trấn an dân chúng là nhà nước chỉ dùng máy điện toán nhìn vào số điện thoại có liên hệ với nhau thôi, với ý là nội dung của các điện đàm được giữ bí mật hoàn toàn; nhưng căn cứ trên những "đánh lừa" dân chúng, những "lén lút" cũng như chủ trương giữ mọi chuyện hoàn toàn bí mật của chính quyền không mấy ai tin vào giải thích này. Phe Dân-chủ và những người muốn bảo vệ quyền riêng tư cũng như quyền theo Tu-chính-án thứ Tư trong hiến pháp của người dân xem đây là bằng chứng phạm luật và vi phạm hiến pháp lớn lao.

Tổng-thống Bush vận-động gây quĩ cho Dân-biểu Cộng-hòa Chris Chocola tái cử ở tiểu-bang Indiana. Tuy nhiên, nhiều ứng viên Cộng-hoà lại không muốn bị xem như gần với chính-quyền quá.

So sánh với những vi phạm trước đây của tổng thống Nixon hoặc những "khai gian" về liên hệ tình dục của tổng thống Clinton, những "lừa giối, bóp méo" tin tức tình báo để "sa lầy" vào chiến tranh Iraq quá đắt giá, những vi phạm quyền dân sự và hiến pháp của người dân sau đó —trong bối cảnh chính quyền mất tín nhiệm và ủng hộ của dân chúng trong nước— cho phe Dân-chủ và người muốn bảo vệ hiến pháp cơ hội giải nhiệm tổng thống. Họ tin rằng họ có có đủ những bằng cớ, lý do về "high crime and misdemeanor" để giải nhiệm tổng thống. Về mặt kỹ thuật, để làm việc này trước hết phe Dân-chủ phải nắm được đa số, ít nhất là một trong hai viện trong quốc hội trong cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ hai của tổng thống Bush cuối năm nay.

NHÌN VÀO BẦU-CỬ CUỐI NĂM

Hai nhật báo vào hàng quan trọng nhất ở miền Đông và Tây Hoa-Kỳ, tờ *New York Times* và *Los Angeles Times*, đưa ra hai cái nhìn khá rõ ràng về bầu cử cuối năm, mỗi tờ theo theo đúng chủ trương biên tập của mình — một với cái nhìn sâu xa nhưng bao quát; một với phân tích chi tiết ngọn ngành.

Theo ký giả Jim Rutenberg thuộc *New York Times*, không ai nghi ngờ gì về tầm quan trọng của bầu cử giữa nhiệm kỳ cuối năm nay. Ông đưa ra ví dụ dân biểu John Conyers (Dân-chủ, Michigan) sẽ trở thành chủ tịch Uỷ-ban Tư-pháp Hạ-viện nếu đảng Dân-chủ chiếm được đa số trong kỳ bầu cử. Ở vị trí này ông Conyers có thể thực hiện điều ông vẫn kêu gào: xúc tiến thủ tục giải nhiệm tổng thống Bush. Hoặc nghị sĩ Patrick Leahy (Dân-chủ, Vermont) —cũng sẽ thành chủ tịch Uỷ-ban Tư-pháp Thượng-viện nếu đảng Dân-chủ thắng kỳ tới— từng hứa sẽ đòi viên chức chính quyền cấp cao nhất ra điều trần về kế hoạch nghe lén và tin tức tình báo sai lầm để đi vào chiến tranh Iraq.

Toà Nhà-Trắng dĩ nhiên không thể không nhìn thấy chuyện này. Triển vọng phải đi qua hai năm chót nhiệm kỳ thứ nhì với những tra vấn gay gắt bởi giới dân cử Dân-chủ đầy phẫn nộ khiến cố vấn Karl Rove và bộ máy chính trị của tổng thống

Bush phải ráo riết duy trì đa số Cộng-hoà trong quốc hội hiện nay cho bằng được. Với một đổng lý văn phòng toà Nhà-Trắng mới, ông Josh Bolten thay ông Andrew Card, ông Rove phải bỏ vị trí làm chính sách mới kiêm thêm sau bầu cử tổng thống năm 2004, để chú tâm vào vai trò chiến lược gia chính của ông Bush và nỗ lực duy trì đa số Cộng-hoà trong quốc hội, ít nhất cho tới khi ông Bush mãn nhiệm kỳ hai. Với những khó khăn và thất bại về mặt chính sách hai năm đầu nhiệm kỳ hai (mất khá nhiều ủng hộ của phe Cộng-hoà trong quốc hội), tham vọng mở rộng và kéo dài đa số Cộng-hoà trong quốc hội đã thành khiêm nhượng hơn. Nhưng đây cũng không hẳn là chuyện không tốt hay khó khăn đối với ông Rove. Tổng thống Bush, hay đúng ra là ông Rove cho thấy ông từng theo đuổi một chiến lược rõ rệt và cũng rất thành công trong chiến lược này: chia rẽ "ta" và "địch" rõ ràng với không chút thoả nhượng ở một mặt nào cả, và dựa hoàn toàn vào sự ủng hộ của giới bảo thủ trung kiên.

Trái ngược với lời tổng thống tuyên bố khi ra ứng cử kỳ đầu, rằng ông sẽ làm sạch thủ đô Hoa-Thịnh-Đốn, sau nhiệm kỳ đầu thủ đô trở thành trung tâm của những hối mại quyền thế (xin xem hai bài Hối-Mại Quyền-Thế Kiểu Mỹ, *Thế-Kỷ 21*, tháng Mười-một 2005 và tháng Năm 2006, cùng người viết). Trái ngược với lời tuyên bố sẽ là người "gây đoàn kết" ("uniter") giữa hai đảng chính khi nhậm chức tổng thống, sáu năm qua ông Bush đã đẩy hai đảng đến chỗ thù nghịch, luôn luôn chí choé kèn cựa nhau. Ông Rove có chủ trương rõ rệt không giữ thái độ ôn hoà nào hết; chính quyền luôn luôn độc quyền độc đoán và không chịu lùi bước trước trở ngại nào trừ phi không thể nào tránh khỏi. Sự tồn tại và thành công của chính quyền dựa vào việc làm vừa lòng để lấy sự ủng hộ của những nhóm bảo thủ trung kiên ("core voters" hay "base"), và chính quyền gạt bỏ hẳn việc hoà hoãn hay thỏa nhượng với phe đối lập cũng như giới cử tri độc lập hoặc ở giữa (fence sitter) để lấy thêm sự ủng hộ phần nào của những phe này. Chọn lựa này rất rõ rệt, và từng giúp chính quyền thành công hoặc vượt qua những khó khăn với tỉ số ủng hộ rất nhỏ nhưng đáng tin cậy. Khi gặp khó khăn hoặc cần tác động giới trung kiên này chính quyền chỉ cần nhắc nhở hoặc làm vài hành động tượng trưng liên quan đến những gì họ muốn nghe, muốn thấy: chống phá thai, chống đồng tính luyến ái, ủng hộ tôn giáo, mở rộng thế lực tư nhân trong giáo dục (trừ thuế cho tiền học tư, "school voucher" để lấy tiền công đóng vào trường tư, vân vân), tôn giáo (chuyển trách nhiệm của chính quyền về welfare và đưa tiền bạc vào các nhà thờ, cơ sở tôn giáo phược thiện để họ hoạt động theo lối tình nguyện —như thế chính quyền vừa hạn chế welfare vừa nâng cao tôn giáo), giảm thuế cho người giầu có và giới đại kỹ thương (hai-phần-ba ủng hộ chính quyền), gia tăng ngân sách quốc phòng, an ninh, đề cao ca ngợi tinh thần ái quốc hẹp hòi, nâng đỡ người da trắng một cách kín đáo tế nhị, hạn chế di dân, chống song ngữ và đòi tiếng Anh làm "quốc ngữ," vân vân. Nhìn chung chính quyền đã làm hoặc cho thấy nỗ lực thực hiện những điều trên, trừ lỗi lầm khó chữa là thâm thủng ngân sách lớn lao vì cuộc chiến Iraq và chống khủng bố, và nới rộng bộ máy cũng như quyền hành chính quyền liên bang —hai điều giới bảo thủ cực đoan không thể chấp nhận.

Đây là kiến thức thông thường trong khoa xã hội học chính trị (political sociology) được áp dụng một cách rất rõ rệt bởi ông Rove và những cố vấn trước đây dưới thời tổng thống bảo thủ Richard Nixon và Ronald Reagan. Nhưng giới quan sát chính trị nói ông Rove và Bush còn đưa áp dụng này tới mức xa hơn nữa. Tổng thống Reagan trước đây ít khi đi lễ nhà thờ cuối tuần nhưng luôn luôn nhắc nhở đề cao tôn giáo; ông Bush khi gặp khó khăn ở kỳ chọn lựa ứng viên Cộng-hoà sơ bộ trước năm 2000 (nghị sĩ John McCain có vẻ thắng thế) vội xuất hiện tại viện đại học tôn giáo Bob Jones có tiếng là bảo thủ và kỳ thị người da mầu để "lấy điểm" với giới bảo thủ (ông McCain mới đây cũng theo gót ông Bush và cũng xuất hiện ở viện đại học tôn giáo Liberty của mục sư Jerry Falwell, một lãnh tụ khối bảo thủ cực đoan Moral Majority, cũng để lấy điểm cho kỳ bầu cử tổng thống 2008). Trong tranh luận ứng cử kỳ đầu với ứng viên Dân-chủ Al Gore, trước hàng chục triệu khán thính giả toàn quốc ông Bush tuyên bố khuôn mẫu thần tượng của ông là chúa Giê-Su. Ông Al Gore sau này bị phê bình là cho thấy những khinh thường tiểu xảo của ông Bush trong cuộc tranh luận quá lộ liễu với những thở dài ngao ngán.

Theo political sociology thông thường giới bảo thủ, kể cả giới Cộng-hoà nói chung ở Hoa-Kỳ, nằm ở phía thiểu số. Nhưng họ cũng thuộc giới khá giả, có học, và nhất là tham gia bầu cử đều đặn —so với khối đa số (Dân-chủ) nói chung

thường kém hơn về kinh tế và học vấn (trừ đa số giới trí thức, đại học ngả về Dân-chủ) và nhất là không tham dự sinh hoạt chính trị đều đặn— nên thường đưa ứng viên bảo thủ đến chỗ thành công, dù là với tỉ số phiếu thắng rất hẹp (như hai kỳ bầu cử ông Bush vừa qua). Một điều nữa là những bầu cử thu nhỏ hoặc bị xem là không mấy quan trọng (như bầu cử giữa nhiệm kỳ so với tổng tuyển cử trên toàn quốc) thường cho phe bảo thủ thiểu số lợi thế vì họ hầu như luôn luôn đi bầu trong khi người trong nhóm đa số thờ ơ trễ nãi. Thực tế cho thấy, nếu số cử tri tham gia rộng lớn phe bảo thủ thường mất lợi thế —một oái oăm của dân chủ chưa có giải đáp thoả đáng. Như thế căn bản là làm sao xách động giới "base" hay "core voters" của mình đi bầu cử —hoặc tệ hơn là làm ngăn trở giới "core voters" của địch khiến họ không đi bầu được (như phe Cộng-hoà từng bị tố cáo ở những tiểu bang ngang ngửa và quan trọng như Ohio và Florida trong cả hai kỳ tổng tuyển cử 2004 và 2000).

Bà Patricia Madrid, bộ-trưởng Tư-pháp và ứng-viên Dân-chủ tiểu-bang New Mexico, nói phải đắc-cử trước khi điều-tra và giải-nhiệm (impeachment) tổng-thống Bush.

Trong chiều hướng nói trên, triển vọng phe Dân-chủ có thể nắm đa số một trong hai viện hoặc cả hai viện trong quốc hội có lẽ lại là một trong những vũ khí lợi hại cho ông Rove khi ông rời vị trí lo về chính sách để chăm chú vào thiện nghệ của ông: xách động giới bảo thủ nòng cốt trung kiên đi bầu cuối năm nay. Toà Nhà-Trắng cùng các giới Cộng-hoà cao cấp —trong nỗ lực biến nhược điểm thành lợi điểm— nghĩ rằng phe Cộng-hoà có cơ hội đoàn kết và xách động trở lại bằng cách dùng cái đe doạ phe Dân-chủ có triển vọng "triệt" ông Bush cùng những chính sách của ông nếu họ chiếm lại đa số trong quốc hội. Giới Cộng-hoà thượng viện vội gửi thư xin tiền ủng hộ của cử tri nòng cốt với đe doạ đa số Dân-chủ trong thượng viện sẽ "hạ tầng công tác" cuộc chiến ở Iraq và "những lo sợ lớn nhất của chúng ta sẽ thành sự thật."

Ông Rove bắt đầu đi khắp nước để kết hợp chiến lược với các ứng viên và đảng bộ Cộng-hoà địa phương đồng thời ráo riết họp bàn với các nhóm chính trị và chính sách toà Nhà-Trắng về đường lối trợ lực phe Cộng-hoà toàn quốc với những phương cách xách động nói trên. Trong các buổi ăn sáng thường lệ tại toà Nhà-Trắng ông Rove và giám đốc chính trị Sara Taylor tiếp xúc với các ứng viên Cộng-hoà thiếu triển vọng, đưa ra những phương cách cứu vãn cũng như một kế hoạch bắt đầu rõ rệt nhằm tấn công phe đối lập từ ba mặt: an ninh quốc gia, thuế má và y tế. Trong những họp mặt, gập gỡ tại toà Nhà-Trắng, trên máy bay Air Force One của tổng thống hoặc tại các tiểu bang có ứng viên, ông Rove xách động khuyến khích ứng viên ủng hộ tổng thống và những chính sách của ông. Ông chú trọng đến ba đề nghị đang gập khó khăn rất nhiều: chính sách di dân gồm kế hoạch thuê công nhân từ nước ngoài vào mà một số giới Cộng-hoà không đồng ý; chiến tranh Iraq hiện đẩy ủng hộ tổng thống xuống mức thấp chưa từng thấy; chương trình mua thuốc Medicare mà nhiều giới Cộng-hoà xem là quá phí phạm và quá "welfare."

Mới đây, trên đường tới một buổi tiệc gây quĩ tại Pennsylvania, ông Rove tuyên bố: "Chúng ta phải thật sự hung hăng vạch rõ cho cử tri thấy những khác biệt lớn lao giữa ứng viên của chúng ta và ứng viên đối lập."

NHỮNG THAY-ĐỔI CÓ THỂ XẢY RA

Theo hai ký giả Ronald Brownstein và Janet Hook thuộc tờ *Los Angeles Times*, câu hỏi chính trong bầu cử cuối năm nay là ý muốn thay đổi rõ ràng của dân chúng trong nước có đủ mạnh để vượt quá khuynh hướng không muốn đổi thay nằm sẵn trong hệ thống chính trị.

Nhìn ở nhiều mặt chính quyền Bush và phe Cộng-hoà phải chịu đựng những bất mãn lớn lao từ dân chúng không kém những bất mãn với chính quyền Clinton và phe Dân-chủ ngay trước cuộc bỏ phiếu giữa nhiệm kỳ của ông Clinton năm

1994 —cũng là bầu cử đưa phe Cộng-hoà vẻ vang nắm lấy đa số trong quốc hội. Nhưng ngọn triều bất mãn hiện nay như đang đập vào một cơ cấu chính trị bền vững hơn năm 1994. Cơ cấu này khiến việc đẩy ra khỏi quốc hội những nhân vật dân cử tại chức ở các tiểu bang từng bầu cho tổng thống đối lập rất khó khăn. Giáo sư chính trị học Alan Abramovitz thuộc viện đại học Emory, tiểu bang Georgia, nhận xét: "[Bầu cử cuối năm nay] sẽ là cái trắc nghiệm thật sự để thấy chuyện gì sẽ xảy ra khi ngọn triều bất mãn khá lớn mạnh đập vào hệ thống chính trị khó thay đổi." Hay nói cách khác, theo nhà thăm dò dư luận dân chúng Mark Mellman, "Câu hỏi lớn là: kích thước lớn của ngọn triều bất mãn hay hệ thống chính trị cứng nhắc sẽ cả thắng?"

Về mặt con số rõ ràng, phe Dân-chủ cần mười-lăm ghế ở hạ viện và sáu ghế ở thượng viện để giành lại đa số trong quốc hội. Chuyên viên bầu cử ở cả hai phe đồng ý là chuyện này không phải là dễ. Nhưng các nhà phân tích chính trị cũng cho thấy triển vọng phe Dân-chủ nắm được đa số ở một viện hoặc cả hai viện mỗi lúc một sáng sủa hơn. Giáo sư chính trị học Terry Madonna thuộc viện đại học Franklin & Marshall, tiểu bang Pennsylvania, nhận xét: "Tôi không nghĩ câu hỏi là, 'Liệu phe Cộng-hoà có mất ghế trong cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ chăng?' Đúng ra nó là, 'Họ sẽ thua đến mức nào?' "

Điều thấy rõ là phe Cộng-hoà đang sửa soạn chuẩn bị kỹ lưỡng. Giới lãnh đạo hạ viện bắt đầu họp mặt hàng tuần với các phụ tá của khoảng một tá dân biểu có thể bị đe doạ để điều hợp chiến lược. Những dân biểu ít bị đe doạ hơn cũng chuẩn bị với những quyên góp tiền bạc ủng hộ, và nếu cần tiêu tiền vận động càng sớm càng tốt. Trong khi đó phe Dân-chủ cũng nỗ lực mở rộng chiến trường với những tuyển chọn người có khả năng thách đố nhiều dân biểu Cộng-hoà chưa từng bị đe doạ trước đây. Tổ chức tranh đấu chính trị tiến bộ MoveOn đã bắt đầu cho chạy nhiều quảng cáo tấn công bốn nhân vật Cộng-hoà tại chức, kể cả bà Nancy Johnson, một dân biểu lâu đời ở Connecticutt; bà cũng chạy quảng cáo đáp ứng ngay.

Với dân chúng bất mãn vì giá xăng dầu lên cao, cuộc chiến Iraq và những xì-căng-đan hối mại quyền thế tại thủ đô Hoa-Thịnh-Đốn, với thăm dò dư luận dân chúng của viện Gallup đặt ông Bush ở mức 34 phần trăm ủng hộ và quốc hội với đa số Cộng-hoà ở mức 70 phần trăm chống đối, phe Dân-chủ đưa ra chủ đề bầu cử cuối năm như một trưng cầu dân ý về đường hướng sai lầm của chính quyền và ghép chặt ứng viên Cộng-hoà với tổng thống Bush —vốn được xem là một lợi điểm trong bầu cử trước đây. Ở những tiểu bang rất khác biệt nhau, như Arizona và Pennsylvania, phe Dân-chủ thượng viện sử dụng cùng một chiến thuật: đưa ra những con số thống kê cho thấy các nghị sĩ Cộng-hoà tại chức luôn luôn ủng hộ những gì tổng thống Bush đề ra, như cách chứng minh rằng giới dân cử Cộng-hoà không độc lập mà chỉ là công cụ của hành pháp ("rubber stamp")

Ngược lại, phần lớn phe Cộng-hoà cố địa phương hoá và cá nhân hoá bầu cử. Họ tìm cách tách rời bầu cử với trưng cầu dân ý về thành tích chính quyền Bush và quốc hội nằm trong tay phe Cộng-hoà; họ muốn người đi bầu chọn lựa giữa hai đảng dựa trên cái nhìn về tương lai, xem ai có ý kiến hay hơn. Nghị sĩ Conrad Burns (Cộng-hoà, Montana), hiện mang tiếng nhiều về liên hệ lem nhem với tay "lốp-bi" gộc đã bị án tù Jack Abramoff, nhấn mạnh chủ đề an ninh quốc gia, một yếu tố trong chiến lược gieo nghi ngờ về đối thủ Dân-chủ. Một yếu tố khác là tìm cách tách rời với chính quyền Bush: ông Mike DeWine (Cộng-hoà, Ohio), đang gặp khó khăn giữ ghế trong thượng viện có mời ông Bush tham gia vận động gây quĩ, nhưng không mời giới truyền thông và cũng không chịu chụp ảnh chung với tổng thống. Quảng cáo vận động tái cử của ông trên truyền hình giới thiệu ông là một "chiến sĩ độc lập tranh đấu cho các gia đình Ohio."

Không ai nghĩ rằng phe Dân-chủ nếu có thắng trong bầu cử cuối năm sẽ thắng lớn như phe Cộng-hoà năm 1994. Một lý do là phe Cộng-hoà đã thành công trong việc ngăn chặn giới dân cử Cộng-hoà về hưu. Năm nay phe Cộng-hoà chỉ có một ghế trống ở thượng viện và mười-tám ghế trống ở hạ viện. Hơn nữa, con số ghế ngang ngửa sát nút (có thể về tay đảng này hoặc đảng nọ) giữa hai đảng cũng không nhiều lắm: 35 ghế ở hạ viện và sáu ghế ở thượng viện. Hai con số tương đối rất nhỏ so với năm 1994, lý do chính là sau tổng tuyển cử năm 2000 ranh giới các đơn vị bầu cử được vẽ lại với mục đích duy trì an toàn cho những người tại chức thuộc cả hai đảng. Một lý do nữa là ngày nay hai đảng đều nắm đại đa số những ghế hạ viện từ các tiểu bang từng bầu cho đảng mình trong bầu cử tổng thống vừa qua. Phe Cộng-hoà có lợi thế hơn, nhưng

cũng chỉ nắm mười-tám ghế hạ viện từ các đơn vị bầu cho ứng viên tổng thống Dân-chủ John Kerry năm 2004.

Do đó ưu tiên của phe Dân-chủ là lấy lại cho bằng được những đơn vị này cũng như những đơn vị phần lớn ngả về Dân-chủ ở vùng Đông Bắc và Trung Tây Hoa-Kỳ. Ở tiểu bang Nữu-Ước phe Dân-chủ đang nhắm vào năm đơn vị chiếm bởi phe Cộng-hoà; họ có nhiều hy vọng thắng ở đây dựa vào khí thế mạnh mẽ của hai lãnh tụ Dân-chủ, bà nghị sĩ Hillary Rodham Clinton và ông Eliot Spitzer. Ở tiểu bang Connecticutt phe Dân-chủ tấn công hai dân biểu Cộng-hoà ôn hoà Christopher Shays và Rob Simmons, cũng như bà Nancy Johnson nói trên. Ở tiểu bang Pennsylvania phe Dân-chủ hy vọng lấy lại bốn ghế ở các đơn vị bầu cho ứng viên tổng thống John Kerry năm 2004. Tiểu bang Ohio cũng cho nhiều hy vọng.

Nhưng để chiếm lại đa số hạ viện phe Dân-chủ phải lấy được cả ghế ở những vùng khác nữa, bao gồm những tiểu bang "đỏ" (Cộng-hoà) bỏ phiếu cho ông Bush năm 2004. Ở tiểu bang Indiana phe Dân-chủ đưa quận trưởng cảnh sát Brad Ellsworth ra tranh cử với dân biểu John Hostettler, cũng như thách đố hai dân biểu Mike Sodrel và Chris Chocola, tuy không có mấy hy vọng.

Để lấy lại đa số trong thượng viện phe Dân-chủ cần lấy nhiều ghế hơn nữa ở các tiểu bang thường bầu tổng thống Cộng-hoà. Phe Dân-chủ nắm 28 trong số 36 ghế nghị sĩ (mỗi tiểu bang dù lớn hoặc nhỏ đều có hai ghế nghị sĩ) ở mười-tám tiểu bang bầu cho ông Kerry năm 2004 và ứng viên tổng thống Dân-chủ Al Gore năm 2000 (gọi là tiểu bang "xanh," hay Dân-chủ). Hai nghị sĩ Cộng-hoà trong hai tiểu bang "xanh" là cái đích cho phe Dân-chủ. Ở tiểu bang Pennsylvania nghị sĩ tại chức Rick Santorum, một người Cộng-hoà cực kỳ bảo thủ với tham vọng ứng cử tổng thống, phải chật vật chống lại ông Bob Casey, bộ trưởng tài chánh tiểu bang và ứng viên Dân-chủ. Suốt năm qua ông Santorum lết bết theo sau ông Casey trong các thăm dò dư luận, nhưng mới đây có vẻ như đuổi kịp ông Casey. Ở tiểu bang Rhode Island ông Lincoln Chafee, nghị sĩ Cộng-hoà ôn hoà nhất ở thượng viện, bị thách đố bởi ông Stephen Laffey, người cùng đảng nhưng rất bảo thủ. Nếu vượt qua được bầu cử sơ bộ ông Chafee sẽ phải đương đầu với đối thủ Dân-chủ "nặng ký" nguyên bộ trưởng tư pháp tiểu bang Sheldon Whitehouse.

Thử thách khó khăn hơn cho phe Dân-chủ là nỗ lực giảm thiểu lợi thế phe Cộng-hoà ở các tiểu bang bầu cho ông Bush trong hai kỳ tuyển cử tổng thống năm 2004 và 2000. Phe Cộng-hoà hiện nắm 44 trên số 58 ghế nghị sĩ trong 29 tiểu bang này. Ba nghị sĩ thuộc tiểu bang "đỏ" có vẻ yếu thế là ông Burns (tiểu bang Montana), DeWine (tiểu bang Ohio) và ông Jim Talent (tiểu bang Missouri).

Dù phe Dân-chủ có thắng lợi năm ghế nghị sĩ ngang ngửa họ vẫn cần phải chiếm thêm ghế ở các tiểu bang "đỏ" để nắm lấy thượng viện hoàn toàn. Họ đang nhắm vào nghị sĩ Jon Kyl (tiểu bang Arizona) và George Allen (tiểu bang Virginia). Họ cũng hy vọng tranh cử sơ bộ khốc liệt giữa hai ứng viên Cộng-hòa nhằm thay thế nghị sĩ Bill Frist (lãnh tụ đa số Cộng-hoà thượng viện; không ra tái cử để dành thì giờ sửa soạn tranh cử tổng thống 2008) sẽ dọn đường cho ứng viên Dân-chủ dân biểu Harold Ford chiếm ghế nghị sĩ tiểu bang Tennessee.

Phe Cộng-hoà, hơn ai hết, ý thức rõ rệt rằng trong những năm khi dân chúng tỏ ý muốn thay đổi mạnh mẽ —như những năm 1986, 1994, và có thể là năm nay— hầu như tất cả tranh cử ngang ngửa sát nút đều đưa đến thành công cho phe đối lập ngoài chính quyền.

Tờ *Los Angeles Times* kết luận: Năm nay, tránh được những tệ hại ghê gớm có thể là hy vọng lớn nhất phe Cộng-hoà cầu mong. Ở một hướng khác bà bộ trưởng tư pháp Patricia Madrid (tiểu bang New Mexico), cũng là ứng viên Dân-chủ thách đố dân biểu Cộng-hoà bốn nhiệm kỳ Heather Wilson, chọn chiến thuật chống đối chiến tranh Iraq để lấy lại phiếu của một số cử tri Dân-chủ và độc lập từng ủng hộ bà Wilson, nguyên là một sĩ quan không lực Mỹ và luôn luôn ủng hộ ông Bush ở Iraq. Bà Madrid đặt câu hỏi về mức độc lập với chính quyền của đối thủ: "Dù [bà Wilson] có cố tránh xa ông Bush và [phó tổng thống Dick] Cheney đến độ nào, bà ta vẫn không tách khỏi họ qua sự ủng hộ [chiến tranh Iraq]."

Tuy nhiên, như nhiều người tế nhị và thực tế trong phe Dân-chủ, bà Madrid không tham gia vào nghị quyết của phe Dân-chủ tiểu bang đòi giải nhiệm tổng thống Bush. Bà tuyên bố: "Tôi nghĩ lúc này là quá sớm, [cần phải có] một điều tra toàn diện trước đã." Nói một cách khác, phe Dân-chủ hiểu họ cần phải nắm được đa số trong quốc hội trong kỳ bầu cử giữa nhiệm kỳ cuối năm nay.

Cuộc sống vẫn lừng lững đi tới

Nhà văn NGUYÊN NGỌC
trả lời phỏng vấn của trang nhà TALAWAS

Lời Tòa soạn Thế Kỷ 21: *Sau đây là nguyên văn bài phỏng vấn nhà văn Nguyên Ngọc do Talawas thực hiện sau khi Đại hội X Đảng Cộng sản Việt Nam vừa kết thúc. Được phép của Talawas, tạp chí Thế Kỷ 21 xin đăng lại toàn bộ cuộc phỏng vấn này, nói lên các quan điểm của một nhà văn cấp tiến trong nước về Đại hội Đảng vừa rồi.*

*

talawas: *Thưa nhà văn Nguyên Ngọc, Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ X vừa kết thúc. Ông có thấy những mong đợi của mình, một đảng viên lão thành, được phản chiếu trong kết quả của Đại hội?*

Nguyên Ngọc: Tôi nghĩ là không, hoặc ít ra là không nhiều. Tôi cho là người ta đã chờ đợi ở Đại hội nhiều hơn. Tuy nhiên chính ở đây lại có chỗ có thể là "hay." Đây có thể là một nét rất đáng chú ý ở Việt Nam bây giờ: Đại hội thấp hơn đời sống, lạc hậu hơn so với đời sống. Và có chỗ rất "tiểu thuyết": hình như chính Đại hội cũng tự biết điều đó. Biết nhưng vẫn cứ làm như vậy, thật là vô cùng "Việt Nam"!

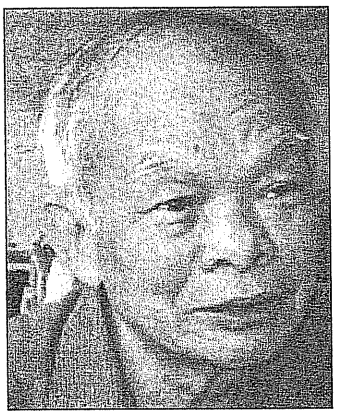
Nguyên Ngọc

Như vậy có cả hai mặt, vừa đáng mừng vừa đáng lo: một mặt xã hội vẫn cứ phát triển, và sự phát triển đó theo tôi là có nhiều khía cạnh lành mạnh (những khía cạnh lành mạnh đó, chẳng hạn, được phản ánh trong những thảo luận khá cởi mở trước Đại hội); mặt khác, sự lạc hậu nói trên tất sẽ tạo ra cản trở cho sự phát triển đó, gây chậm trễ, thậm chí đến một lúc nào đó có thể cả xung đột.

Và theo tôi, nguy cơ lớn nhất đối với Việt Nam bây giờ là quá chậm trễ. Cuộc chơi chung của thế giới bây giờ không chờ mình.

talawas: *Theo quan sát của cá nhân ông, phần lớn trong số 3,1 triệu đảng viên hiện nay có chia sẻ những đánh giá như vậy không?*

Nguyên Ngọc: Tôi nghĩ là khá nhiều người nghĩ như vậy, tuy họ không nói ra. Sau Đại hội, trong xã hội có một sự im lặng rất không bình thường. Cứ như người ta không còn quan tâm đến nó nữa.

talawas: *Và có thể coi nguyện vọng của phần lớn đảng viên ĐCSVN — dù chỉ thể hiện bằng sự im lặng - là nguyện vọng của đại bộ phận dân tộc Việt Nam không?*

Nguyên Ngọc: Nếu nói "phần lớn" thì tôi tin là có, vẫn còn có. Bởi vì "phần lớn" ấy, với tấm thẻ Đảng, trước hết vẫn là Dân.

talawas: *Dường như phong trào góp ý cho Dự thảo Báo cáo chính trị trước Đại hội X đã gieo khá nhiều hi vọng vào một bước chuyển rõ rệt trong cải cách chính trị. Những khái niệm như "Đổi mới II" và "Thời cơ vàng" đã dọn đường cho Đại hội suốt nhiều tuần lễ... Đó có phải là một hiện tượng "lạ" trong lịch sử đời sống chính trị Việt Nam cho đến nay?*

Nguyên Ngọc: Nếu tôi nhớ không nhầm thì đây không phải là lần đầu tiên Đảng Cộng sản Việt Nam yêu cầu đảng viên và cả những người ngoài Đảng góp ý kiến cho Dự thảo Báo cáo chính trị sẽ trình bày ở đại hội trước khi diễn ra đại hội Đảng, ít ra cũng là trong mấy kỳ đại hội gần đây. Tuy nhiên, quả thật lần này đã có "hiện tượng lạ": một số vấn đề cơ bản nhất, thậm chí có thể nói liên quan đến "vận mệnh" của Đảng, đã được nêu ra và thảo luận trong quá trình góp ý kiến. Ông Đỗ Mười, nguyên Tổng Bí thư Đảng, nêu vấn đề "kinh tế quốc doanh nhất thiết phải luôn là chủ đạo" và định nghĩa đấy mới chính là chủ nghĩa xã hội; ông Nguyễn Đức Bình phản đối quyết liệt chủ trương để cho đảng viên làm kinh tế tư nhân không hạn chế quy mô; đặc biệt ông này thẳng thắn yêu cầu đặt vấn đề đó lên bàn nghị sự. Và quả thật vấn đề

đã được đặt lên bàn nghị sự như ông Bình muốn, nhiều nhất là trên internet, nhưng cũng không phải không có trên một số báo chí công khai trong nước. Động đến hai vấn đề trên tức là đã động đến vấn đề sở hữu, một vấn đề nền tảng của hệ thống lý thuyết vẫn được coi là chính thống của chế độ. Tức là lần này, dầu muốn hay không, đã chạm đến "lõi". Hiện tượng này, theo tôi vừa "lạ", vừa không lạ. Lạ là vì lần đầu tiên nó được đặt lên bàn nghị sự một cách công khai như vậy; song cũng không lạ, vì việc nó bị, hay được đặt ra, là tất yếu. Chính cuộc sống đã đòi hỏi.

talawas: *Và Đại hội đã giải quyết vấn đề cốt lõi ấy một cách rất "sáng tạo": nền tảng lý thuyết vẫn không hề bị lay chuyển, đồng thời đòi hỏi của cuộc sống cũng không đến nỗi bị sao nhãng. Nói cách khác, Đại hội đã chấp nhận dùng phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa để xây dựng chủ nghĩa xã hội vững chắc hơn, và cho phép các đảng viên gia nhập giai cấp tư sản đỏ để trong tương lai có thể trở thành những người vô sản đích thực hơn. Ông không ngưỡng mộ tính sáng tạo này?*

Nguyên Ngọc: Tôi nghĩ có thể bạn hơi "lô gích hình thức" đây! Ở đây sự thể đang đi theo một thứ lô gích khác: lô gích vòng vo. Hay đúng hơn, nghịch lý hiển nhiên trong những điều đang được tuyên bố phản ánh sự lúng túng trong việc tìm một con đường phát triển sòng phẳng, minh bạch. Tôi không tin rằng ngày nay còn có ai thật sự mong muốn trở thành "người vô sản đích thực hơn" đâu. Song người ta đã ấp úng khi nói ra điều đó. Kết quả là sẽ tạo nên một thứ chủ nghĩa tư bản hoang dã. Những vụ kiểu Bùi Tiến Dũng, Nguyễn Việt Tiến... đang phổ biến, chắc chắn còn phổ biến, là chứng minh.

talawas: *Thưa ông, một câu hỏi khác: phần lớn các thảo luận về những chủ đề ít nhiều nhạy cảm, đặc biệt về đa nguyên chính trị, về việc tách bạch giữa bộ máy Đảng và bộ máy nhà nước, về việc dân chủ hoá và làm trong sạch nội bộ Đảng... hầu như chỉ diễn ra trên internet. Còn đại bộ phận dân chúng - những người không có điều kiện và thói quen theo dõi thông tin trên mạng — thì sao? Đại hội X có thật sự khiến họ quan tâm không?*

Nguyên Ngọc: Ở đây, theo tôi có chỗ khá tế nhị, và cũng thú vị. Đúng là đại bộ phận dân chúng không có điều kiện theo dõi thông tin trên mạng, ít được biết đến những cuộc thảo luận này, thậm chí họ cũng không quan tâm gì lắm đến chúng. Ở nông thôn thì có mấy ai nghe và biết gì đâu. Nhưng lại có mặt khác: vì sao những vấn đề cốt lõi và nghiêm trọng như vậy đã được đặt ra, và được thảo luận khá thẳng thắn, cởi mở? Những người tham gia thảo luận đều là những nhà chính trị, nhà kinh tế, nhà khoa học, những người trí thức, mà chắc chắn tuyệt đại đa số nông dân thậm chí không hề biết đến tên, cũng chẳng hề "uỷ nhiệm" cho họ phát ngôn thay mình. Nhưng, nếu các "nhà" kia đã nói đến những vấn đề trước đây được coi là động trời đó, và có người đã nói cũng tương đối đến nơi đến chốn, thì là vì chính những người im lặng bên dưới, vô danh và thậm chí cũng chẳng hề quan tâm đến Đại hội X, bằng hoạt động cụ thể và thiết thân đến sự sống của họ, họ đã và đang thật sự "giải quyết" những vấn đề đó trong cuộc sống. Hình như đó cũng là một đặc điểm của tình hình ở Việt Nam: không phải lý thuyết thắng trước đâu, mà là cuộc sống thắng trước, rồi lý thuyết mới lần theo sau. Công cuộc gọi là Đổi mới hồi năm 1986 thực tế đã diễn ra như vậy: nông dân bên dưới phá ra trước, rồi lý thuyết (đường lối) bên trên mới thay đổi theo sau. Có thể lần này có phần hơi khác lần trước: lần này lý thuyết (của các "nhà") tích cực hơn, và cũng có phần sớm hơn. Tức họ đã phối hợp với cuộc phá ra của bên dưới tốt hơn.

Theo tôi, hiện nay trong xã hội Việt Nam có một hiện tượng rất đáng quan tâm: những cái trước đây, và cả hiện nay, được coi là chính thống, tức đứng ở trung tâm, chiếm vị trí chủ đạo trong đời sống, thì trong thực tế đã trở thành cái bên lề (marginal), bị đẩy, bị loại ra bên lề; còn cái bên lề thì trong thực tế đang đi vào trung tâm thực của đời sống, trở thành cái chủ đạo trong đời sống, dù người ta không công khai công nhận như vậy. Tức, "vậy mà không phải vậy." Và ai cũng biết vậy, mặc dầu các "nhà" thì nói thẳng ra, còn văn kiện chính thống thì vẫn nói như cũ. Điều này diễn ra trong mọi mặt của đời sống xã hội, trước hết trong kinh tế, và cũng không hề dừng lại ngay cả trong văn học nghệ thuật. Trong kinh tế, mặc dù người ta vẫn nói quốc doanh là chủ đạo, nghị quyết Đại hội Đảng X vừa rồi cũng không nói khác, nhưng trong thực tế thì nó không còn là chủ đạo, mà đã trở thành bên lề rồi, trong khi đó kinh tế tư nhân đang thực sự trở thành chủ đạo

trong đời sống kinh tế của đất nước. Cuộc sống cứ thế lừng lững đi tới.

Sự thay đổi vị trí trong thực tế đó, cái chính thống thành cái bên lề, cái bên lề thành cái chính thống, dù người ta không nói thẳng ra, có thể là đặc điểm quan trọng nhất của tình hình ở Việt Nam hiện nay.

Vậy cuộc thảo luận có phần cởi mở của các "nhà" lần này có ý nghĩa gì không? Theo tôi thì có, thậm chí khá quan trọng nữa. Nó vừa là phản ánh của vận động xã hội bên dưới, đồng thời nó là sự hỗ trợ cần thiết về lý thuyết cho vận động đó, làm cho vận động đó vững chắc hơn.

talawas: *Hai mươi năm sau, một hiện tượng "xé rào" khác hẳn cũng đã xảy ra: phong trào đình công của công nhân. Ít nhất phong trào này cũng cho thấy một hiện thực không thể phủ nhận: cái đang diễn ra trong một khu vực kinh tế nhất định tại Việt Nam không còn một dáng dấp xã hội chủ nghĩa nào nữa, mà là chủ nghĩa tư bản ở dạng nguyên thủy và tàn bạo nhất. Đề tài này không hề được đặt ra, ở cả phía chính thống lẫn phía cải cách?*

Nguyên Ngọc: Đúng như vậy đấy: một thứ chủ nghĩa tư bản che giấu và hoang dã, hoang dã vì che giấu, ấp úng. Theo tôi thì đề tài này không phải đã không có người đặt ra, bằng cách này hay cách khác.

talawas: *Nhưng những phát ngôn trên báo Nhân Dân, trước ngày khai mạc Đại hội X không xa, lại là những thông điệp không thể hiểu sai, và Đại hội X đã xác nhận những thông điệp ấy: Trước sau như một, Đảng CSVN định nghĩa tương lai dân tộc thông qua mục đích tối hậu là chủ nghĩa cộng sản, với thời kì quá độ là chủ nghĩa xã hội. Như thể toàn bộ sự sụp đổ của khối cộng sản Đông Âu gần 20 năm trước và sự thất bại của dự án cộng sản ở quy mô toàn thế giới không đóng một vai trò gì...*

Nguyên Ngọc: Tôi không tin lắm những điều được nói đó. Tôi thậm chí không tin rằng chính những người nói ra những điều như vậy thật sự tin ở điều mình nói hay viết ra. Và theo chỗ tôi biết, người ta đọc những bài như vậy, rồi bỏ qua, chẳng mấy quan tâm làm gì, vì hầu như ai cũng biết hẳn chính những người nói hay viết đó cũng là nói, viết cho xong chuyện, chẳng lẽ không nói, chẳng lẽ viết khác. Như đã nói trên, "nói vậy mà không phải vậy," và ai cũng biết thế, cả người nói lẫn người viết. Tôi tin rằng "sự thất bại của dự án cộng sản ở qui mô toàn thế giới," một trong những bi kịch lớn của nhân loại, chắc chắn không thể không ảnh hưởng chút gì đến cả những đầu óc bảo thủ nhất. Ngay đến cả những đầu óc ấy cũng đã thấy không ổn rồi, con đường đi mà trước đây họ tin và định dẫn dắt đất nước đi theo, chính họ bây giờ cũng thấy nó mờ mịt và chẳng còn hy vọng mấy rồi. Nhưng thoát ra như thế nào thì còn rất lúng túng. Trong khi đó, chính cuộc sống bên dưới đang mở đường đi tới, lừng lững, chẳng gì ngăn lại được, và trong thực tế nó đang thắng, nó đang phá vỡ cái "dự án" kia, ở cả những chỗ cốt lõi nhất.

Tuy nhiên còn có điều thế này: cái bên trên lúng ta lúng túng như vậy thì nhất định sẽ kìm hãm sự phát triển bên dưới, gây chậm trễ rất nhiều. Tôi không bi quan về xu thế đi tới tất yếu, và thực tế đang diễn ra của đất nước, nhưng tôi rất lo lắng về sự chậm trễ. Bởi ngày nay còn có vấn đề thời cơ. Chậm quá, thì đến một cái "ngưỡng" nào đó sẽ là tuyệt vọng hoàn toàn, sẽ bị loại ra bên ngoài cuộc chơi chung. Theo tôi, đấy là nguy cơ lớn nhất hiện nay.

talawas: *Bản thân ông, một người cộng sản, có nhìn thấy số phận dân tộc Việt Nam bắt buộc phải gắn với chủ nghĩa cộng sản và những tín điều của nó không? Hay chúng ta có quyền đến với những chọn lựa khác?*

Nguyên Ngọc: Thế hệ chúng tôi đã đi theo Đảng Cộng sản vì lòng yêu nước, thiết tha giải phóng dân tộc. Và trong công cuộc vô cùng khó khăn ấy, Đảng đã phải "mượn" những lực lượng, không thể còn tìm thấy ở đâu được khác nữa, để làm cái công cuộc đó. Nhưng, ở đời là vậy, mượn rồi thì phải mắc nợ. Vấn đề bây giờ, theo tôi, là phải quả cảm cắt đứt với món nợ ấy.

Vừa rồi đã có cuộc kỷ niệm lớn, mà theo tôi người ta đã làm một cách khá hời hợt: kỷ niệm 80 năm ngày mất của Phan Châu Trinh. Khác và đi trước tất cả những người cùng thời, và cả những người sau thời của ông, Phan Châu Trinh không đặt vấn đề độc lập dân tộc một cách đơn độc, riêng biệt. Vì là người đầu tiên trong thời của ông nhận ra được rằng thế giới đã thay đổi một cách căn bản, hoặc nói như ngày nay, nhận ra rằng trên thế giới đang diễn ra một cuộc toàn cầu hoá - cuộc toàn cầu hoá lần thứ nhất - và Việt Nam phải sống trong thời đại toàn cầu hoá đó cùng với thế giới, nên ông chủ trương đặt việc giải quyết vấn đề độc lập dân tộc trong

một phạm trù rộng lớn, bao quát hơn, là phát triển dân tộc, phát triển mới là mục tiêu tối hậu, phát triển dân tộc trong thời đại mới, trong đó độc lập dân tộc chỉ là một bước, một điều kiện, có thể giải quyết bằng cách này hay cách khác, bạo lực hay không bạo lực, tuỳ tình thế cụ thể. Dừng lại ở độc lập dân tộc thì vô nghĩa.

Vấn đề của Việt Nam hiện nay, theo tôi, là như thế đó: do những điều kiện lịch sử nhất định, độc lập dân tộc đã được giành lại bằng cách đắt giá nhất. Nhưng dầu sao cũng đã xong rồi (tất nhiên với bao nhiêu vết thương, có cả những vết thương mình tự gây ra cho mình). Vấn đề bây giờ là phát triển dân tộc, và theo "dự án" nào đây? Tôi không chia sẻ một dự án đã chứng minh sự sụp đổ của nó, lại là ở qui mô toàn cầu, và được thử thách trong cả một thế kỷ mà E. Hobsbawm gọi là "thế kỷ 20 ngắn." Tôi chia sẻ với Phan Châu Trinh.

Trước hết cần quả cảm dứt ra khỏi món nợ ta đã bắt buộc phải mượn một thời, không việc gì phải đeo nó nặng trĩu mãi trên lưng, không việc gì phải tự ràng buộc mình vào nó, làm nô lệ cho nó mãi, trong khi hầu như cả thế giới đã dứt khỏi nó rồi. Có dám dứt ra hay không? Câu hỏi này hiện nay cũng sống còn như câu hỏi về độc lập dân tộc gần trăm năm trước.

talawas: *Nếu sự cáo chung của dự án cộng sản là tất yếu và tại Việt Nam ngày nay, niềm tin vào đó cũng không còn thực sự tồn tại như ông vừa nói, thì vì sao những người lãnh đạo đất nước vẫn cương quyết bám vào danh nghĩa của chủ nghĩa cộng sản? Họ phải có những lí do đủ lớn để huy động một dân tộc trên 80 triệu người tiếp tục hướng đến những giá trị đã phá sản?*

Nguyên Ngọc: Có thể có rất nhiều lý do: Vì những đặc quyền đặc lợi mà người ta phải cố giữ bằng mọi cách; vì sự lúng túng như đã nói trên kia... Bạn có để ý điều này không: có một hiện tượng "sống gấp" khá phổ biến trong nhiều người có chức có quyền bây giờ. Vì sao? Vì chính họ cũng không tin ở sự bền vững của những dự án, những giá trị mà họ hàng ngày kêu gọi mọi người đi theo. Thật sự là họ đang sống theo những giá trị khác. Vậy thì nhân dân không dại gì mà cắm cúi đi theo những giá trị chính họ đã từ bỏ trong thực tế đó. Tôi nghĩ rằng càng ngày càng ít người hơn trong số 80 triệu người như bạn nói còn thật sự hướng đến những giá trị ấy.

talawas: *Vậy sự độc quyền lãnh đạo của Đảng CSVN cần được biện minh thế nào trong khung cảnh này? Tuy chỉ là một trong 147 điều của Hiến pháp nước CHXHCNVN, nhưng điều 4 lại là điều duy nhất có thể vô hiệu hoá 146 điều còn lại...*

Nguyên Ngọc: Thì chính điều này cũng đã được một số người "bày lên bàn nghị sự" vừa rồi. Nghĩa là nó cũng đang bị đặt lại. Thậm chí có người đã công khai đặt vấn đề quay lại Hiến pháp 1946... Tuy nhiên, ngay những người đặt lại vấn đề đó cũng thấy không thể có ngay sự thay đổi ở đây. Trong thực tế, chưa có những lực lượng xã hội cho một sự thay đổi như vậy. Hay đúng hơn, những lực lượng như vậy đang còn trong quá trình hình thành. Và tôi cho rằng, cũng là sự hình thành tất yếu trước hết từ kinh tế. Kinh tế vẫn là chỗ quyết định nhất, và hiện

nay năng động nhất, cho một chuyển động xã hội cơ bản. Chính vì thế mà những người như ông Đỗ Mười và ông Nguyễn Đức Bình mới hoảng hốt đến thế, và, rất nhạy cảm, hoảng hốt đúng vào chỗ đáng hoảng hốt nhất đối với họ.

Tôi nghĩ rằng, nếu Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn thật sự còn là một đảng yêu nước, như nó từng là như vậy và do đó tạo được sức mạnh cực lớn để làm được những việc thật lớn trong quá khứ, thì ngày nay chính nó phải chủ động — một cách khôn khéo, không gây ra rối loạn và đổ vỡ quá đau đớn, tôi đồng ý như vậy — chuẩn bị cho sự thay đổi đó. Đặt quyền lợi của sự phát triển dân tộc lên trên quyền lợi của Đảng, chứ không phải ngược lại.

Và chính ở đây, cần có vai trò của các "nhà". Họ cần làm công việc chuẩn bị về lý luận cho sự chuyển động ấy.

talawas: *Mẫu số chung của những chuẩn bị về lý luận này là phương châm cải cách từ bên trong hệ thống, nhằm ngăn chặn sự suy thoái của hệ thống, khiến nó trở nên tốt đẹp hơn, hoàn thiện hơn, có khả năng tồn tại lâu hơn. Dường như đây là mấu chốt của sự xung khắc giữa các quan điểm cấp tiến hoặc cải cách với các quan điểm đối lập hoặc bất đồng chính kiến hiện nay? Ông có tin rằng hệ thống này có thể được cải biến từ bên trong không? Đã có một ví dụ thuyết phục nào trong lịch sử nhân loại về khả năng một hệ thống toàn trị tự chữa lành căn bệnh toàn trị của nó chưa?*

Nguyên Ngọc: Vừa qua nhiều người đã nói khá rõ rằng vấn đề không phải những suy thoái cục bộ mà là ở hệ thống. Khi nói như vậy tức là chừng nào người nói đã đứng ra bên ngoài hệ thống để nhìn nhận lại hệ thống. Như vậy đã ít nhiều không còn cái "mẫu số chung" như bạn nói. Và đấy có thể chính là điểm mới của tình hình hiện nay.

talawas: *Không ít người thuộc của cả hai nhóm, cải cách và đối lập, đều đưa ra những phạm trù đạo đức để kêu gọi lương tâm hoặc đánh thức những tình cảm cao quý ở giới lãnh đạo cao nhất trong Đảng. Lịch sử của quyền lực trên khắp thế giới cho đến nay đều không vận hành trên cơ sở của đạo đức, lương tâm hay tình cảm của cá nhân những người nắm quyền lực. Việt Nam sẽ là một ngoại lệ chăng?*

Nguyên Ngọc: Tôi thấy rất nhiều người đã biết rằng vấn đề không phải là "lương tâm" hay "đạo đức," và đã không còn ảo tưởng kêu gọi ai đó vì những cái ấy mà thay đổi. Người ta đã nói đến "cơ chế" (theo nghĩa rộng), thậm chí hệ thống, hay thể chế.

talawas: *Trong thời gian trước, trong và sau Đại hội X, ngoài sự lên tiếng của một số nhà văn độc lập, không nằm trong guồng máy chính thống hoặc đã ra khỏi guồng máy đó, chúng ta chứng kiến sự im lặng của đại bộ phận những người cầm bút còn lại. Ông có thấy mình là mẫu nhà văn dấn thân đang tuyệt chủng tại Việt Nam không?*

Nguyên Ngọc: Không đâu. Không có sự "tuyệt chủng" hay "đơn độc" đâu. Có điều mỗi người tuỳ hoàn cảnh, điều kiện của mình mà hành động theo cách thích hợp với mình. Tôi thì tôi vẫn tin ở đại đa số những người cầm bút của chúng ta, và tôi tôn trọng sự lựa chọn phương thức hành động của từng người.

talawas: *Đã có rất nhiều lời hô hào xuất phát từ niềm tin vào những sức mạnh kỳ diệu nào đó của dân tộc Việt Nam. Riêng ông, ông tin vào điều gì nhất ở dân tộc này?*

Nguyên Ngọc: Tôi vẫn chăm chú theo dõi những chuyển động đang diễn ra trong xã hội và tôi không quá bi quan. Có những lực lượng mới đang hình thành trong xã hội, cho những chuyển động mới. Có những nhà doanh nghiệp ngày càng giàu tâm huyết và có văn hoá, lại đủ khôn ngoan để tồn tại và phát triển. Cũng có một lớp trí thức trẻ mới đang hình thành và cũng không chịu ngồi yên đâu. Vấn đề là họ phải hình thành một tầng lớp xã hội thì mới thật sự tạo thành động lực xã hội.

Chính trên nhận thức đó, mà tôi thấy Đại hội vừa rồi là đáng lo. Với kết quả vừa rồi, tôi e nó sẽ là kìm hãm chứ không thúc đẩy. Vấn đề cần theo dõi hiện nay và sắp đến là tương quan giữa hai phía này, phía cuộc sống đang đi tới và phía một nhóm lãnh đạo vẫn đầy quyền lực nhưng trì trệ, tương quan đó sẽ chuyển động như thế nào đây. Quả thật như vậy thì mệt nhọc và tốn sức quá, nhưng đó là thực tế hiện nay.

Tôi không đặt lòng tin vào những "đức tính" trời cho nào đó của dân tộc như nhiều người vẫn hy vọng. Tôi tin và chờ đợi ở sự vận động của các lực lượng xã hội. Và trong sự vận động đó có những điều là tất yếu. Nói lại một lần nữa: chỉ e rằng mất sức nhiều quá, và do đó chậm trễ quá!

talawas: *Xin cảm ơn nhà văn Nguyên Ngọc đã dành cho talawas cuộc phỏng vấn này.*

Kiểm Soát Di Dân Lậu:

Một giải pháp trung dung của TT Bush?

Chính sách thoả hiệp vẫn không làm hài lòng nhiều thành phần khác nhau trong cuộc tranh luận

MAI LOAN

Với giải pháp đề nghị sẽ tăng cường khoảng 6,000 quân nhân thuộc lực lượng Vệ Binh Quốc Gia (National Guard) để tạm thời giúp ổn định tình hình an ninh tại biên giới miền nam nước Mỹ, được đọc trong bài diễn văn dài 17 phút được chiếu trực tiếp bởi nhiều hệ thống truyền hình toàn quốc vào ngày thứ Hai 15-5, Tổng thống George W. Bush đã đưa ra lời hứa hẹn rằng ông sẽ tìm cách ngăn chặn làn sóng di dân lậu đang càng ngày càng tiếp tục đổ xô vào Hoa Kỳ. Tuy vậy, một số các vị dân cử thuộc đảng Cộng Hoà, các cựu viên chức cao cấp trong chính quyền liên hệ trong ngành cũng như nhiều nhân viên thuộc Tổng Nha Biên Phòng (Border Patrol) đã tỏ ra e dè và đưa ra lời cảnh báo rằng kế hoạch tăng cường nhân viên kiểm soát bởi đội ngũ Vệ Binh Quốc Gia, tự nó, chỉ là một giải pháp giải quyết tạm thời và ngắn hạn để đối phó với một trong những nan đề đang gây tranh cãi rộng lớn trong nước.

Cùng lúc với những lời tuyên bố về một giải pháp theo chiều hướng cứng rắn áp dụng luật pháp chặt chẽ không khoan nhượng, TT Bush đồng thời cũng gióng lên một tiếng nói nhẹ nhàng hơn, nhắm vào các vị dân biểu và nghị sĩ tại Quốc Hội Hoa Kỳ, trong việc đi tìm những phương cách để giải quyết vấn nạn di dân lậu trong một tinh thần trung dung để tiếp tục lưu giữ truyền thống cởi mở đón nhận lớp người mới đến, vốn là nét đặc thù lâu đời của quốc gia này.

Trong cuộc tranh luận sôi nổi hiện nay về đề tài này, càng ngày càng trở thành một vấn đề nhức nhối gây "bức xúc" cho cả Quốc Hội và Toà Bạch Ốc, với nhiều ý kiến chống đối lẫn nhau gay gắt từ cả hai phía ủng hộ và chống đối, cũng như ngay cả trong nội bộ của đảng Cộng Hoà hiện đang cầm quyền ở cả hai ngành hành pháp và lập pháp, và diễn ra lan tràn tại nhiều thành phố lớn nhỏ khắp nơi trong nội địa, TT Bush đã nhảy ngay vào giữa với một lô những giải pháp đề nghị hầu có thể tìm được sự đồng thuận thoả hiệp và mong tìm được chút thành quả cuối cùng mà ông hy vọng đạt được cho sự nghiệp chính trị của mình trước khi nó thật sự chấm dứt sau cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ vào đầu tháng 11 năm nay.

Thật vậy, cho dù nhiệm kỳ chính thức của ông Bush sẽ kéo dài đến ngày 19 tháng Giêng năm 2009, nhưng trong thực tế, sau ngày bầu cử giữa nhiệm kỳ vào cuối năm nay, chính quyền của ông gần như sẽ không đạt được những thành tích đáng kể nào khác trong các vấn đề trọng đại, vì hầu hết các vị dân biểu và nghị sĩ đắc cử trong kỳ bầu cử sắp tới, cũng như một số lớn các vị thống đốc tiểu bang, sẽ làm thay đổi bộ mặt chính trị mới, với những nhân vật mới và những tham vọng toan tính cá nhân hay phe phái mới, chắc chắn rằng không còn lệ thuộc hay sợ áp lực từ phía Bạch Cung nữa. Trong truyền thống chính trị tại Hoa Kỳ, vị nguyên thủ quốc gia của siêu cường ở nhiệm kỳ hai sẽ mau chóng trở thành một thứ "tổng thống vịt què" (*a lame-duck president*), một lãnh tụ hữu danh nhưng vô thực vì thường là sẽ không còn ảnh hưởng mạnh mẽ hay có thể khuynh loát được lên các vị dân cử ở Quốc Hội để có thể thông qua những dự luật có lợi hay thuận theo quan điểm hay nghị trình của vị tổng thống đó, mặc dù quyền hành về hành pháp của ông vẫn còn nguyên. Lý do đơn giản là vì ông đã mất đi khả năng khen thưởng đền đáp những ai trung thành hay trừng phạt những kẻ chống đối xé rào vì mọi người đều biết chắc rằng ông đã bị giới hạn quyền được tái cử theo như hiến pháp quy định, tức là không còn hy vọng tiếp tục kéo dài thời gian cầm quyền. Trong nhiệm kỳ đầu, một số các vị dân cử, tuy đôi lúc cũng không muốn bỏ phiếu ủng hộ một số các dự

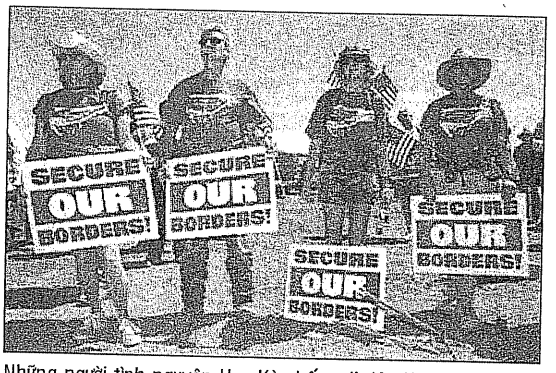

Những người tình nguyện Hoa Kỳ chống di dân lậu tại biên giới

luật theo ý của Bạch Cung, nhưng có thể bị áp lực hay bị trả đũa bằng nhiều hình thức khác nhau nếu như người đứng đầu ngành hành pháp được tái đắc cử và kéo dài nhiệm kỳ thêm nhiều năm nữa, nên nhiều khi phải ép mình để bỏ phiếu thuận và giúp cho ngành hành pháp đạt được nhiều thành quả chiến thắng, cho dù rất khít khao, như đã xảy ra trong thời gian vài năm qua.

Trở về với đề tài tranh luận hiện nay liên quan đến khối lượng di dân lậu, càng ngày càng tăng cao với ước tính hiện nay vào khoảng gần 12 triệu người, với những sự biểu dương càng ngày càng mạnh dạn hơn nữa của khối dân gốc Hispanic (đa số gốc Mễ và các quốc gia Nam Mỹ khác) qua các vụ biểu tình lan rộng tại nhiều thành phố lớn nhỏ trên toàn quốc, và với những hậu quả chính trị khác nhau nhưng khó đo lường được, TT Bush và nhiều chính trị gia Cộng Hoà đang đứng trước hai áp lực đối chọi và mong tìm ra một giải pháp dung hoà để hy vọng giảm bớt sự chống đối từ nhiều phía và có thể dẫn đến thất bại chính trị to lớn trong kỳ bầu cử sắp tới, nhất là trong bối cảnh ông Bush càng ngày càng mất uy tín trong dư luận Mỹ trên nhiều lãnh vực khác nhau, xuyên qua những cuộc thăm dò dư luận từ cả năm qua, tiếp theo một loạt những diễn biến đầy bất lợi từ chiến trường Iraq ở xa cho đến các vấn đề nội địa như bão Katrina, vụ tai tiếng hối lộ của Jack Abramoff, vụ xì-căng-đan tiết lộ tin tức tình báo bí mật của nhân viên cao cấp Lewis Libby và cho đến vụ giá xăng tăng cao gần đây.

Lần này, những giải pháp đề nghị của TT Bush nhắm hai mục đích: vừa tìm cách trấn an khối dân bảo thủ mong muốn chính phủ phải có những biện pháp cụ thể và cứng rắn để ngăn chặn làn sóng di dân lậu tiếp tục gia tăng, nhưng cũng vừa muốn làm hài lòng nhiều chính trị gia dân cử thuộc cả hai khuynh hướng cũng như giới chủ nhân ông trong thương trường muốn chính phủ phải tìm cách chấp nhận sự hiện hữu cũng như đóng góp tích cực và cụ thể của khối lượng nhân công cần thiết và rẻ tiền này trong việc đẩy mạnh bộ máy kinh tế của nước Mỹ.

Ba mục tiêu chính trị mà bài diễn văn của TT Bush mong muốn nhắm đến là: chứng tỏ cho quần chúng Mỹ thấy là chính phủ đang quan tâm đến một vấn đề thời sự cần phải giải quyết, xoa dịu sự bất mãn của khối cử tri bảo thủ vốn là một thành phần trung kiên nòng cốt và đắc lực cho sự thành công chính trị của ông trong thời gian qua, và sau cùng là hy vọng tìm ra một giải pháp thoả hiệp dung hoà hai dự luật về di dân được bàn cãi tại Hạ Viện và Thượng Viện. Chính các lãnh tụ dân cử thuộc phe Cộng Hoà cũng phải nhìn nhận rằng rất khó khăn cho ông Bush có thể đạt được những mục tiêu đó trong bối cảnh hầu hết các vị dân cử phe Dân Chủ đều đồng lòng đoàn kết trong phe chống đối và ngay cả chính phe Cộng Hoà của ông cũng đang chia rẽ nặng trong nan đề này, một đề tài xưa cũ nhưng lại nổ tung trong những ngày tháng gần đây để trở thành một cuộc tranh luận sôi nổi trên nhiều khía cạnh tròng tréo lẫn nhau về sắc thái hay bản thể quốc gia cho đến những nhu cầu kinh tế và những hậu quả hay trách nhiệm xã hội dẫn đến do sự có mặt của khối di dân lậu này.

Thật vậy, chưa ai dám chắc chắn rằng Quốc Hội có thể thông qua một đạo luật mới về vấn đề di dân trong năm nay với những dị biệt khá sâu đậm ở hai viện lập pháp, khi mà dự luật ở Thượng Viện nhắm đẩy mạnh đến một chương trình đón nhận lớp di dân mới dưới dạng "nhân công mướn tạm" (*guest-worker*), tức là có thiện cảm với khối dân từ Mễ Tây Cơ và miền Nam muốn sang tìm công ăn việc làm tại nước Mỹ, trong khi dự luật đã được thông qua ở Hạ Viện, dưới ảnh hưởng của nhiều khuôn mặt bảo thủ cứng rắn hơn, chỉ nhắm đến khía cạnh áp dụng luật pháp cương quyết và chặt chẽ, thậm chí còn buộc tội di dân lậu là một trọng tội về hình luật (*felony*). Xin mở một dấu ngoặc về thuật ngữ dùng để dịch chữ *guest-worker*, tức là "công nhân khách," nhưng trong thực tế và văn hoá Việt cũng như Mỹ, có lẽ không ai coi công nhân là khách và ngược lại, cũng không có chủ nào lại mời khách đi làm lao động trong nhà mình. Do đó, nên gọi là "công nhân mướn tạm" có lẽ đúng nghĩa gần nhất hơn để ám chỉ việc các công nhân đó chỉ được thuê mướn cho công việc tạm thời

đó thôi, và sau đó sẽ được trả về nguyên quán, thay vì được tiếp tục lưu giữ ở lại Hoa Kỳ để có công việc thường trực.

Trong bài diễn văn đọc tối thứ Hai, 15.5.06, ông Bush đã đưa ra những lời lẽ ôn hoà – hiếm thấy ở một chính trị gia ăn khách trong thời gian qua nhờ ở lập trường cứng rắn và cương quyết vào niềm tin của mình – nhằm mục đích tạo ra một giải pháp thoả hiệp: "*Hoa Kỳ cần phải tranh luận về đề tài di dân trong một bầu không khí hợp lý và kính nể lẫn nhau. Chúng ta không thể kiến tạo một quốc gia thống nhất bằng cách khích động lòng căm ghét của người dân, hoặc lợi dụng nỗi lo sợ của một khối quần chúng hoặc để khai thác đề tài di dân cho những mục tiêu chính trị.*" Những giải pháp đề nghị của TT Bush bao gồm việc tăng cường khối nhân viên biên phòng có nhiệm vụ kiểm soát biên giới, cùng lúc với việc xây cất thêm khối lượng phòng ốc tại các trại tạm giam để có thể chứa số lượng di dân lậu bị bắt tạm, nhưng cùng lúc đó đẩy mạnh việc ủng hộ cho khối di dân lậu, nhất là những thành phần đã nhập cư trong một thời gian dài và có công ăn việc làm vững chắc và đàng hoàng, có được một cơ hội để xin chuyển sang qui chế di dân hợp pháp, mở đường cho việc xin nhập quốc tịch chính thức sau này. Ông cũng nhắc lại đề nghị của ông về một chính sách "công nhân mướn tạm" để cho phép nhập cư một khối di dân sang Hoa Kỳ để đảm nhận một số công việc làm tạm thời, phần nhiều là trong lãnh vực nông nghiệp vốn rất cần một khối lượng nhân công đông đảo, chịu khó và chấp nhận đồng lương rẻ so với dân địa phương. Cùng lúc đó ông cũng đưa ra hình ảnh một chính phủ cương quyết để thi hành pháp luật nghiêm minh bằng đề nghị thiết lập một hệ thống thẻ căn cước cho khối công nhân ngoại quốc với những chi tiết cá nhân như dấu tay được lưu giữ trong hệ thống điện toán hoá để dễ dàng kiểm soát khối dân ngoại quốc (trong bối cảnh sau vụ 9/11, Hoa Kỳ muốn theo dõi kỹ càng sự di chuyển hay có mặt của những thành phần đáng nghi ngờ).

Một trong những đề nghị được nhắc đến nhiều cũng như gây tiếng vang lớn là đề nghị tăng cường số quân nhân thuộc Vệ Binh Quốc Gia tại bốn tiểu bang giáp giới với Mễ Tây Cơ là Texas, New Mexico, Arizona và California. Theo kế hoạch này, sẽ có khoảng 6,000 quân nhân được trưng dụng để đến các tiểu bang này, với nhiệm vụ hỗ trợ cho nhân viên của Tổng Nha Biên Phòng trong công tác kiểm soát biên giới. Các quân nhân này sẽ không phải thi hành nhiệm vụ giữ gìn luật pháp tức là chặn bắt những di dân lậu vượt biên giới, mà đúng hơn sẽ đảm nhiệm vai trò hỗ trợ trong các công tác thu lượm tin tức, canh gác, cũng như tiếp vận hay thông tin cho lực lượng biên phòng là thành phần đứng ra để bắt giữ những di dân lậu đang vượt qua biên giới. Các toán quân nhân bán-thời-gian này sẽ được trưng dụng trong một nhiệm vụ kéo dài khoảng hai đến ba tuần, và sau đó sẽ được luân phiên thay thế bằng những toán khác, và do đó trong vòng một năm, chương trình này có thể sẽ phải trưng dụng đến hơn 100,000 quân nhân phải tham gia vào công tác này. Sau đó chiến dịch này sẽ được chấm dứt và được thay thế bằng số lượng nhân viên của Tổng Nha Biên Phòng mới được tuyển mộ, với mục tiêu nhắm tới là có thể thuê mướn thêm khoảng 6,000 nhân viên tân tuyển,

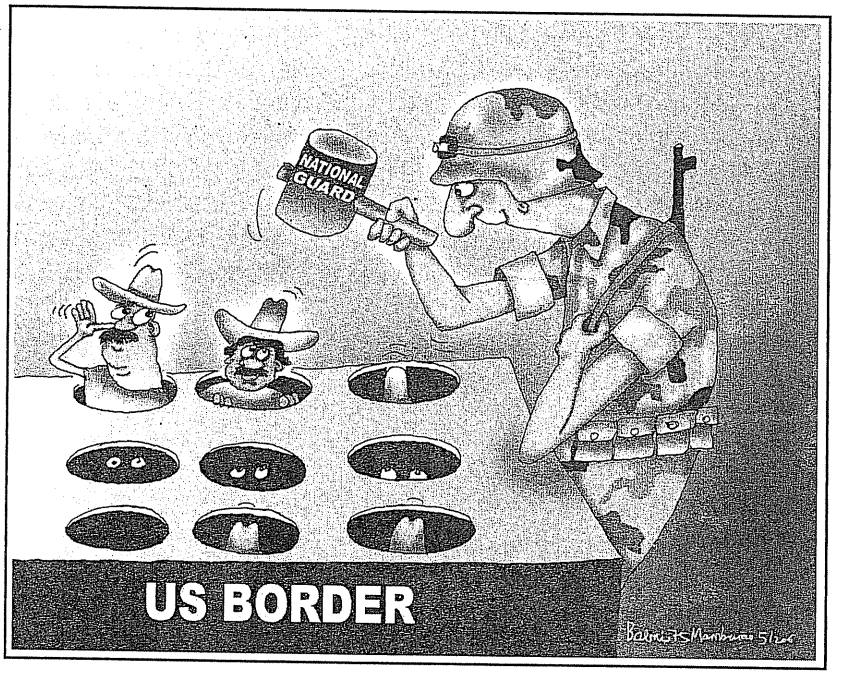

nâng tổng số nhân viên canh giữ biên phòng lên đến 18,000 người vào năm 2008.

Tuy vậy, nhiều viên chức chuyên môn trong ngành đã cho rằng giải pháp này cũng chưa thực sự có đầy đủ khả năng để giải quyết vấn đề. Bà Janice Kephart, luật sư cố vấn cho Uỷ Ban Điều Tra Vụ 9/11 và đặc trách nghiên cứu về đề tài an ninh tại biên giới thì cho rằng trong quá khứ lực lượng Vệ Binh Quốc Gia đã từng đảm nhiệm công tác này từ lâu. Do đó giải pháp của TT Bush chỉ có tính cách tạm thời, nhằm đưa ra một cảm giác giả tạo để trấn an sự lo ngại của khối dân bảo thủ lo sợ việc trà trộn của nhiều thành phần trong nước trong bối cảnh nhiều phần tử quá khích có thể tìm cách xâm nhập qua biên giới để tổ chức các cuộc khủng bố sau này. Ông Stewart Verdery Jr., cựu thứ trưởng Bộ Nội An đặc trách về chính sách an ninh biên phòng trong thời gian từ năm 2003 đến 2005, cho rằng sự có mặt tiếp tay của các toán Vệ Binh Quốc Gia sẽ giúp cho Lực Lượng Biên Phòng có thể rảnh tay chú tâm vào việc chặn bắt các nhóm di dân lậu. Thế nhưng việc này cũng sẽ dẫn tới một hậu quả khác là nhu cầu phòng ốc (con số giường cần thiết) để có thể chứa tạm số người tình nghi này trước khi được xét xử để trả lại nguyên quán. Dĩ nhiên, Hoa Kỳ là một quốc gia có truyền thống dân chủ và nhân bản cao độ nên không thể nào giam các tù nhân (cho dù là tạm bợ) một cách vô nhân đạo, thiếu thốn tiện nghi tối thiểu như trường hợp các nhà tù của các nước độc tài hay cộng sản. Theo ông Verdery, nhu cầu giường sẽ gia tăng này khó mà thoả mãn được trong thời gian ngắn sắp tới, và đó là thử thách đòi hỏi Quốc Hội cần phải sẵn sàng chuẩn chi thêm để giải quyết vấn đề (trong bối cảnh chính phủ Bush cứ một mực đòi hỏi mọi ngành, trừ quốc phòng, đều phải tìm cách giảm bớt ngân sách chi tiêu).

Ông T.J. Bonner, chủ tịch nghiệp đoàn đại diện cho các nhân viên canh gác biên phòng, cũng không mấy tin tưởng về giải pháp này. Theo Đạo Luật Cải Tổ Tình Báo và Phòng Chống Khủng Bố ban hành vào năm 2004 sau thất bại tình báo trong biến cố 9/11, chính phủ Hoa Kỳ phải gia tăng số lượng phòng ốc để có thể chứa số di dân bị tạm giam – tăng mỗi năm thêm 8000 giường – cũng như tăng cường nhân viên canh gác mỗi năm khoảng 2000 người. Tuy nhiên, con số mà các viên chức của Bạch Cung đưa ra theo sau bài diễn văn của TT Bush cho thấy là tổng số giường có thể lên đến 27,500 cái vào cuối tài khoá 2007, vẫn còn chưa đủ mức 34,500 giường như quy định của đạo luật mới. Theo thống kê mới nhất của Bộ Nội An, cơ quan kiểm soát Tổng Nha Biên Phòng, thì con số nhân viên tân tuyển trong tài khoá 2006 do chính phủ yêu cầu chỉ có 210 người, thay vì 2000 người như quy định. Ông Bonner nói rằng việc đưa ra lời hứa hẹn là một chuyện, những điều chính yếu vẫn là câu hỏi thiết thực "Tiền đâu?" để giải quyết vấn đề tức là phải gia tăng thực sự ngân sách cho các cơ quan liên hệ.

Điều đáng ngại hơn nữa là có nhiều cử tri cũng như chính trị gia bảo thủ cũng không thực sự tin tưởng nhiều vào sự hiệu quả cũng như thực tâm của chính quyền Bush để giải quyết vấn đề này. Ông Mark Krikorian, một trong những người chủ trương chính sách giới hạn chặt chẽ hơn số lượng di dân và hiện nay là giám đốc một viện nghiên cứu liên hệ mang tên là Center for Immigration Studies, cũng lên tiếng chỉ trích đề nghị của TT Bush chỉ có mục đích làm hài lòng và vỗ về khối cử tri trung kiên của ông vốn là thành phần bảo thủ cứng rắn. Ông diễn tả hành động này một cách không lấy gì làm cao đẹp lắm: "*Ông ta (Bush) vứt cho họ một cục xương. Đó là một cách để xoa dịu sự bực tức gầm gừ của khối dân trung thành với họ. Tất cả chỉ có thế thôi. Việc nhấn mạnh đến lực lượng Vệ Binh Quốc Gia như là một điểm chính trong chính sách giải quyết vấn đề quả là một điều phi lý, đến gần như khinh thường kiến thức mọi người.*"

Nghị sĩ Jeff Sessions của tiểu bang Alabama, một trong những vị dân cử chống đối kế hoạch của TT Bush có thể ân xá cho những di dân lậu được hợp thức hoá quy chế định cư sau này, cũng đưa ra lời cảnh giác rằng những cố gắng tạm thời của TT Bush sẽ không làm giảm bớt sự chỉ trích của khối bảo thủ: "*Những biện pháp nhỏ nhoi, như việc tăng cường Vệ Binh Quốc Gia, chắc chắn sẽ không làm thay đổi bầu không khí về sự hiện diện của khối di dân lậu khổng lồ để cho người dân có thể tin tưởng vào một giải pháp hữu hiệu. Và chắc chắn là người dân Hoa Kỳ biết rõ điều này.*"

Có lẽ đó mới chính là thử thách quan trọng cho TT Bush trong những ngày tháng sắp tới. Đó là chưa kể việc tăng cường các toán lính với quân phục rằn ri của Vệ Binh Quốc Gia tuần tiễu với súng ống trên tay dọc theo biên giới với nước Mễ, chắc chắn sẽ không làm hài lòng chính phủ của quốc gia láng giềng này, xuyên qua phản ứng mới nhất của chính quyền của TT Vicente Fox.

Houston, Texas 05-21-2006

MUỐN BIẾT RÕ NAM BỘ ĐÃ BỊ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM LỪA GẠT VÀ "NHUỘM ĐỎ" THẾ NÀO?
Cần đọc tác phẩm của Vy Thanh

LỚN LÊN VỚI ĐẤT NƯỚC

TÔN THẤT THIỆN

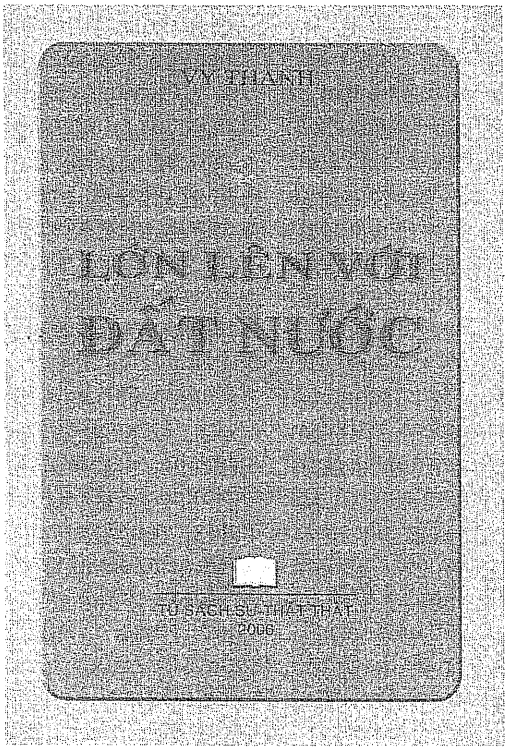

Nói lên "sự thật méo mó"

Vào khoảng năm 1990-91, nhân dịp ghé Paris, tôi được một người cọng sản đã bỏ Đảng giới thiệu với ông Phạm Ngọc Thuần. Ông này từng giữ chức lớn trong hàng ngũ Việt Cọng, làm đại sứ ở Đông Đức, nhưng sau 1975 ông bỏ cọng sản và tỵ nạn ở Pháp. Trong cuộc nói chuyện ông tỏ ra không ưa thích cọng sản, nhưng khi tôi gợi ý ông nên viết hồi ký kể lại những chuyện mà ông đã nghe tận tai, thấy tận mắt trong thời gian ông đi với cọng sản thế nào thì ông trả lời: "mình đã đi với người ta lâu, không lẽ nay lại nói này nói nọ về họ..."

Thái độ của ông Phạm NgọcThuần là thái độ của rất nhiều người gốc Nam Bộ đã đi với cọng sản. Hậu quả là tuy chúng ta biết rằng người Nam Bộ, cũng như người Việt ở những vùng khác, đã bị Đảng Cọng Sản lừa gạt lợi dụng chiêu bài chống Pháp dành độc lập thế nào để thực hiện ý đồ sâu xa của họ là biến nước Việt Nam thành một quốc gia cọng sản, một "tiền đồn của khối xã hội chủ nghĩa" do Liên xô cầm đầu, chúng ta không được biết tường tận, chi tiết Nam Bộ đã bị Đảng Cọng Sản "nhuộm đỏ" thế nào. Nay, nhờ tác phẩm *Lớn Lên Với Đất Nước* ta trám được một lổ hổng lớn về sự thiếu sót này. "Miền Nam bị nhuộm đỏ," cụm từ mà Vy Thanh dùng (tr.43), cũng có thể là tít của tác phẩm có tính cách hồi ức này.

Vy Thanh là một trí thức gốc Nam Bộ đã "xếp bút nghiên lên đường tranh đấu," "bỏ "thành vô bưng," tham gia kháng chiến chống

Pháp, đã được chỉ định làm công tác ở Ban tuyên huấn của Khu 9 [vùng từ Cần Thơ đến Rạch Giá và U Minh], và đã được đi học lại để làm công tác trí vận ở vùng (Đặc Khu) Sài Gòn-Chợ Lớn. Sau khi Hiệp Định Genève được ký, anh lại được Đảng chấp nhận cho đi Mỹ học để chuẩn bị công tác trí vận chống Mỹ trong tương lai. Nhưng những quan sát và suy tư của anh trong thời gian "ở trong bưng," rồi "về thành," và ở Mỹ, đã làm anh ta tỉnh ngộ. Và may cho anh ta, khi học ở Mỹ xong về lại xứ thì tổ trí vận Sài Gòn-Chợ Lớn bị vỡ, anh mất liên lạc, và cũng nhờ khi vô "vô bưng," rồi "về thành" anh đều bị đổi tên nên không còn trong danh sách cán bộ trí vận đó nên chẳng ai biết anh còn sống hay chết, nay ở đâu, làm gì, và không bị ai móc nối nữa. Dù sao anh đã quyết định rằng tinh thần yêu nước "đi kháng chiến... giống như con nít thấy người lớn đi coi hát, chạy theo, vô rạp [như hồi đám ma Trần Văn Ơn, 1950]... giờ không còn hợp thời nữa." Anh nói với thân phụ anh rằng "ý định của con là không muốn trở vào bưng hay ở ngoài thành hoạt động nữa. Đối với con, mất bao nhiêu năm đó là đủ rồi"(tr.338-339). Sau ngày cộng sản chiếm Sài Gòn, anh ta bị đi trại học tập một thời gian, nhưng sau đó anh vượt biên được với gia đình, và định cư tại Mỹ.

Trong *Lớn Lên Với Đất Nước*, anh Vy Thanh đã kể lại cuộc đời của anh từ lúc anh 12 tuổi, vào lúc Thế Giới Chiến II tiếp diễn và anh mục kích cảnh người Việt bị hiếp đáp, hành hạ, chà đạp, giết chóc. Trước là người bởi ngoại quốc: Nhựt, chủ mới của Việt Nam sau khi lật đổ Pháp; rồi đến quân đội Pháp trở lại, mang theo những lính Lê dương, gốc Ả rập, gốc Phi; rồi người Việt nhân danh độc lập và "Cách mạng."

Lớn Lên Với Đất Nước chia thành 10 chương, dày 753 trang, trong đó 396 trang là bản chính, 352 trang là chú thích. Tác giả đã tham khảo 208 tài liệu, một phần lớn là tài liệu của "bên kia" (cọng sản). Đó là chưa kể báo chí. Một điều đặc biệt, rất hiếm, mà có thể nói là chưa hề có trong các sách Việt Nam, là sách có một Danh mục (Index). Có thể nói rằng *Lớn Lên Với Đất Nước* là một công cụ nghiên cứu và một kho tàng vô giá cho những nhà sưu khảo về lịch sử, cùng các môn học địa lý, xã hội, tâm lý, canh nông, tôm cua cá, cây trái, của Miền Hậu Giang.

Những chuyện đã nghe, thấy

Tác phẩm hết sức phong phú. Vy Thanh nói về những chuyện "đã nghe, thấy, hiểu biết về đất nước từ ngày lớn lên." Những chuyện ấy "nhiều lắm." Như đã thấy, nó chiếm 396 trương. Ở đây không thể đề cập đến hết những chuyện đó được. Độc giả nào nóng ruột muốn biết ngay Vy Thanh đã đề cập đến những gì, xin lật sách ngay đến những trương 393-395. Trong đó, Vy Thanh đã tóm tắt những chuyện gì anh đã đề cập đến. Ở đây chỉ có thể trích ra một vài chuyện đáng ghi nhất.

- "Những chiếc ghe hầu của cán bộ lãnh đạo... Tôi được anh liên lạc chèo ghe cho lãnh đạo mời xuống tam bản [dành riêng cho lãnh đạo] uống cà phê sữa trong khi thủ trưởng của anh đọc leo lẻo... cần kiệm liêm chính cho cán bộ huyện chép về học."

- "Nửa đêm cô nữ sinh tốc mùng chạy, la hoảng trong rừng" [vì bị một ông cán bộ cấp Trung ương lén mò chun vô mùng cô ta để làm chuyện đốn mạt]

- "Hơn một trăm ghe chài chở lúa đầy nhóc bị nhận chìm làm thúi khúc sông cả tháng. Những bà già ngồi bên cạnh hai cái nong đựng đầy vịt mới nở, bóc từng con ở nong này đưa lên xem rồi đặt sang nong kia... chỉ vì Ủy ban Kháng chiến — Hành chánh biểu phải bẻ cổ hết" [theo kế hoạch "nông thôn bao vây thành thị với chính sách ngoại bất nhập nội bất xuất"của các ông cán bộ Trung ương phái vô không biết gì về điều kiện địa phương].

- "Chương trình tiểu học năm năm dạy xong trong 18 tháng..., lên lớp nhứt học trò làm được toán đại số, chứng minh được những định lý hình học phẳng. Nhưng anh học trò giỏi trưởng trại ở Trường trung học kháng chiến chưa học qua hàm số $y = ax2 + bx + c$. Cô mụ vườn học một khoá 3 tháng... đỗ bằng bác sĩ đẻ."

- "Ngay từ ngày đầu của Nam bộ kháng chiến "Ta" kêu gọi thầy cô giáo, sinh viên học sinh, văn nhân ký giả đóng góp cho cuộc kháng chiến thần thánh của "Ta." Sự thật đã hiển hiện như thế nào khi nhóm Đệ Tam triệt hết những người yêu nước như, xin kể một vài vị, các ông Phan Văn Hùm, Tạ Thu Thâu, Hồ Văn Ngà, v.v. Văn nhân như các cụ Phan Khôi, Phùng Cung cùng các bằng hữu đã làm gì đến nỗi bị tù đày? Báo Nhân Văn có tội với đất nước chẳng bằng việc

vác cả bộ Das Kapital về lệnh cho dân Việt thờ phụng tụng niệm hằng ngày?

"Ta" dạy dân thù ghét thực dân Pháp. Nhưng thầy giáo của "Ta" dạy học trò phải tin yêu Liên Xô, thành trì xã hội chủ nghĩa. "Ta" mắng Lê Tắc cầu vinh phương Bắc. Nhưng "bác Sáu Lê" với y phục cổ đứng 4-túi kiểu Bắc Kinh, vào chầu "Bác" Mao trước khi tới Paris phó hội.

Cộng tác với Pháp là Việt gian, làm việc với Mỹ là Mỹ ngụy. Nhưng "Bác" Hồ sang Moscou xin Stalin viện trợ đánh Tây, "Bác" qua Bắc Kinh yêu cầu Mao Trạch Đông và Đảng Cộng sản Trung Quốc giúp đánh úp miền Nam là yêu nước.

- Đấy! Ai Việt gian hơn ai? Ai ngụy chẳng thua ai?

Về tư tưởng, đã nói: *"Ta" chẳng có tư tưởng gì hết. Lạt mềm buộc chặt là phương pháp "Ta" cột cái gì đó với con người. Vợ cả, vợ hai, hai ba vợ đều... là cách giải quyết thỏa đáng từng vấn đề của "Ta." Đạo đức cách mạng là đó*"(tr.393-395).

Tức lộn ruột

Tác giả Vy Thanh nói nhiều về TWC (Trung ương cục) vì rất nhiều người tham gia kháng chiến chống Pháp ở vùng Hậu Giang đã là nạn nhân của một số nhân vật của cơ quan này, và trong lúc trò chuyện với nhau đã tiết lộ cho nhau biết những gì đã xảy ra cho bản thân họ. Đoạn sau đây tóm tắt tâm trạng của họ nhân dịp bàn về hai cán bộ cao cấp của TWC.

Câu chuyện xoay quanh vấn đề các ông "lãnh tụ" ở Trung ương được gởi vào công tác ở Khu 9 —vùng Hậu Giang — đã lớn tuổi và đã có vợ rồi, nhưng vào đây lại muốn "xây dựng" với gái sở tại, trước bằng dụ dỗ, rồi đến cách ép buộc các cô làm dưới quyền mình, và ban đêm lén vô nhà và vô mùng các cô định dở trò. Một cô tên là Thanh bị "bác Sáu" chiếu cố, một cô tên là Đào bị "ông Chín Kỳ" chiếu cố. Hai cô này làm việc tại Văn phòng "A" của Ban Tuyên huấn. Cô Thanh bị "anh Sáu" ban đêm lén vô nhà chui vô mùng, cô hô hoán lên. Cô Đào bị "ông Chín Kỳ" biểu xuống ghe tam bản với ông, rồi kéo níu cô, đè cô làm ẩu. Cô ta phải phóng xuống kinh lội, leo vô nhà dân trốn, kêu cứu. Kết quả là cô Thanh bị "bác Sáu" ra lệnh đuổi khỏi Văn phòng , và cô Đào bị "ông Chín Kỳ" mắng cô về tội "làm nhục cấp Trung ương trước mặt dân."

Khi nói đến "bác Sáu" và "ông Chín Kỳ", Vy Thanh góp phần:

"Tôi cũng rõ 'bác Sáu' là ai rồi. ["Bác Sáu" là Lê Đức Thọ, Phó Bí thư TWC Miền Nam, gốc Nam Định]. Tôi cũng rõ Lưu Quý Kỳ là người thế nào.[Lưu Quý Kỳ là Vụ trưởng Vụ Tuyên truyền Miền Nam, gốc Quảng Nam]. Mấy đứa bạn trai cùng trường Nguyễn Văn Tố đã về cơ quan này trước tôi một tháng, bật đèn báo động về một số nhân vật thuộc loại vừa có râu cằm lại có nanh ở đây khi tôi vào Văn phòng 'A' " [thuộc TWC].

Tụi nó nói:

"Đây là đất TWC, đọc theo từng âm của mẫu tự thành tức. TWC là chỗ gây ra cái tức, như tức mình vì thấy quá nhiều chuyện trái tai gai mắt, tức hộc gạch vì ức lòng quá mà nói ra không được, máu trong tim muốn ộc ra, tức lộn ruột vì đang đứng gặp chuyện ngược đời thành thử đầu dộng xuống đất cẳng chổng lên trời." (tr.290)

"Tức hộc gạch," "tức lộn ruột" là động lực thúc đẩy Vy Thanh viết *Lớn Lên Với Đất Nước*. Nó là sợi chỉ đỏ xuyên qua suốt tác phẩm này. Như anh giải thích trong "Lời nói đầu":

"Những trang sau đây là chuyện của bốn thế hệ sống trên hữu ngạn Sông Hậu. Bắt đầu từ khi lửa chiến tranh Thế giới thứ II... Trong số chuyện có cảnh tàn ác, dã man. Tôi không vì tính ác nghiệt, vô nhân đạo ghi nhẹ đi. Vì đó là cảnh thật, động tác chính xác xảy ra trước mắt tôi lúc bấy giờ. Tôi chỉ muốn trình với người đọc những gì tôi thấy nhưng người ta muốn giấu để 'thắng' người dân trong nước, để 'khoe' chế độ tiến bộ trên thế giới.

...

Tôi trích dẫn các sự kiện ... nhằm giúp người đọc thấy rõ cuộc chiến giữa người trong nhà trên đất nước tôi ở góc cạnh khác, góc cạnh luôn được tô đậm là "sự thật" nhưng là "sự thật méo mó" để cùng tôi, chúng ta hỏi:

Có đáng hy sinh cả triệu người — Việt, Pháp, Mỹ — cho cuộc chiến đó?, đáng tặng giải "Nobel Hoà bình què" năm 1973 cho hai người đã quàng khăn tang lên đầu các goá phụ và những trẻ Mỹ, Việt mồ côi cha không?" (tr. xiii)

Vô chiến khu

Lớn Lên Với Đất Nước là hồi ức của một thanh niên vùng Hậu Giang của Nam Bộ kể lại

hành trình của mình từ lúc "bỏ thành vô bưng" đi kháng chiến đánh Pháp dành độc lập cho đất nước, nhưng sau một thời gian sống trong "bưng" mục kích nhiều cảnh chướng tai gai mắt, thấy mình lầm, bị cọng sản lường gạt và lợi dụng, đã rút mình ra khỏi tình trạng con chốt bị thí. Người thanh niên đó là Vy Thanh, nhưng có thể là một trong hàng ngàn hàng vạn thanh niên Nam Bộ, và có thể nói toàn quốc, đã rơi vào tình trạng đó. Nhưng khác với Vy Thanh, họ đã không gặp một số may mắn giúp họ thoát mạng lưới của cọng sản.

Vy Thanh lớn lên giữa lúc tình hình quốc tế và quốc nội chuyển biến dồn dập: Chiến tranh Thế giới II bùng nổ, Nhựt đưa quân vô Bắc Việt, rồi Nam Việt, đảo chính Pháp làm chủ Việt Nam, rồi bị Đồng Minh đánh bại; Pháp mang quân định đặt lại chủ quyền trên Việt Nam. Sự kiện này phát động một phong trào kháng chiến chống Pháp. Đồng thời Đảng Cọng Sản Việt Nam đội lốt Việt Minh, nhân danh tranh đấu dành độc lập, cướp quyền lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp. Rồi cựu Hoàng Bảo Đại tái xuất hiện và ký hiệp định nhận Việt Nam là thành phần Liên Hiệp Pháp, nghĩa là liên minh với Pháp chống Việt Minh, nghĩa là chống kháng chiến. Cọng sản có một đề tài tuyên truyền rất hữu hiệu.

Những năm 1945-1950 là những năm đời sống dân Nam Bộ xáo trộn. Một trong hậu quả của sự xáo trộn đó là một phần thì trường ốc đóng cửa, một phần thì tinh thần thanh niên giao động, và bị ảnh hưởng lớn của phong trào kháng chiến. Vy Thanh nhận xét:

"Tinh thần dao động của người quốc gia miền Nam được cộng sản khai thác. Thừa nước đục, Việt Minh quậy thêm cho đục ngầu với nhiều màn xích động. Học trò, cô giáo nhẹ dạ, bạn hàng rong ngoài chợ, các anh xe đạp xích lôi khắp các đường phố, thầy thông ông phán dễ tin trong mấy công sở ở tỉnh, hễ nghe Việt Minh xúi đi biểu tình đánh đuổi Tây thì tất cả xuống đường cái rụp." (tr.120)

Vy Thanh cũng bị phong trào này lôi kéo. Khởi tiên, anh ta chỉ đi một tháng: "vô bưng coi cho biết." Nhưng rồi, sau "vụ trò Ơn," bị kích động mạnh, lại được hứa sẽ được đi Ba Lan, Ấn Độ học, anh ta xin cha mẹ cho đi "vô chiến khu" luôn. Và từ đây bắt đầu một "đời sống mới," một đời sống với tên mới, ngôn ngữ mới, sống theo tiêu chuẩn "tập thể," biết nhận "giai cấp mới" với tiêu chuẩn "tiểu táo," "đại táo." Đặc biệt là đời sống của mình do người khác quyết định. Người khác đó là "Cách mạng," nghĩa là Đảng Cọng Sản. Và sau khi được giao công tác "những phiền phức bắt đầu" (tr.157), đặc biệt là phải "học hỏi để nắm vững đường lối cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân của Đảng... nhiệm vụ bức thiết hàng đầu là học tập về chính trị, tư tưởng và tổ chức" (tr. 163). Vy Thanh đã bước vào một thế mà chỉ có tới không có lui.

Trong thời gian chỉ hơn nửa năm anh Vy Thanh đã ý thức được điều trên đây. Anh biết rằng "giặc Tây trước mặt không nguy hiểm bằng kẻ thù trong hàng với mình, đứng ở sau lưng!" Anh được biết rằng nhiều chiến sĩ cọng sản hoặc quốc gia có công chống Pháp đã bị loại. Anh đã thấy "mặt nhám phía sau cái huy hiệu "kháng chiến chống Pháp giành độc lập." Mặt đó "được sơn toàn màu đỏ." (tr.227)

Về "độc lập, tự do, dân chủ" anh nói:

"Tôi thấy thương dân nước tôi quá. Họ chiến đấu với Pháp dành lại độc lập, tự do, đặng có cuộc sống hạnh phúc. Hạnh phúc đâu chẳng thấy, chỉ thấy bất hạnh ngay từ tháng Tám năm xưa: thằng chổng trôi lềnh bềnh trên sông, người bị bắn ở sân banh, đàn ông bị mổ bụng dồn trấu, bị cho mò tôm, bị bắn sau ót, đàn bà bị hiếp, chồng vắng đang đêm ngủ bị người có quyền có chức dỡ mùng chung đại vô, trẻ con đi coi hát cũng bị lựu đạn què dò, v.v... đủ cảnh!" (tr.232)

Nhưng anh Vy Thanh ý thức rằng anh chỉ là "một con chốt trên bàn cờ," và "chốt chỉ có đi tới không có bước lùi!" Cho nên khi anh nghe trưởng cơ quan của anh đề cập đến việc kết nạp vào Đảng, anh ù tai! Anh nói: "Tôi biết được kết nạp tức là bước vào vòng kềm toả của họ." Anh cũng ý thức được rằng "Mình đang sống chung với hổ, báo, beo... toàn thú ăn thịt, giết thú lẫn người, không từ một ai" (tr.289). Anh thấy rõ "mình hiện đang ngồi trên lưng cọp... Nếu tôi nhảy xuống dọc đường, nó sẽ nhai nát đầu tôi" (tr.304). Nhưng anh cũng quyết định rằng anh sẽ không có ngày trở về chiến khu và "Bằng mọi cách, tôi sẽ không là quân cờ người trong trận thư hùng giữa họ và Tây" (tr.288).

Cần phải viết

Anh Vy Thanh đã thực hiện được ý nguyện

trên, nhờ một sự may mắn lớn, phải nói là rất hiếm có trong đời, và nhất là trong thế giới cọng sản: anh đã được một cán bộ cao cấp che chở, cất nhắc vì thấy khả năng của anh lớn. Ông này là ông "Chín Trản," Bí thư Khu ủy 9, và Giám đốc trường Đảng Khu ủy 9. Ngay từ đầu ông ta tỏ ra có cảm tình với anh Vy Thanh, và trong suốt thời gian Vy Thanh công tác trong Ban Tuyên huấn của TWC ông ấy đề bạt anh vào những chức vụ tốt, rồi đề nghị cho anh về thành đi học xong Tú tài, rồi lại cho đi Mỹ học. Ý định nói ra của ông Chín Trản là chuẩn bị cho Vy Thanh thành một chuyên viên văn hóa cao, và lâm thời kết nạp anh ấy vô Đảng để làm công tác trí thức vận. Nhưng, như đã thấy, sự việc đã không xảy ra như vậy. Đó là một điều may cho anh Vy Thanh. Nhưng cũng là một điều may cho chúng ta. Nhờ anh mà nay ta biết rõ thêm được mặt thật của cọng sản ở vùng Hậu Giang thời Nam Bộ kháng chiến. Ta hy vọng rằng sẽ có người như anh Vy Thanh viết về giai đoạn đó về vùng Tiền Giang, Miền Đông Nam Bộ.

Đoạn kết thúc tác phẩm của anh Vy Thanh đáng được mọi người nghiền ngẫm. Anh viết:

"Tôi nghĩ, một ngày nào.

Sẽ có nhiều cây viết ghi những dòng tương tự như tôi kể trên nhắc sự kiện đã xảy ra ở khắp nước tôi như vậy đó.

Phải có thiệt nhiều tác phẩm nói lên chuyện thật. Từng chuyện liên hệ đến một vùng trên quê hương tôi. Nhiều chuyện gom lại thành sách phản ảnh, cảnh ngộ. Từ Bắc vào Nam. Của những nạn nhân cọng sản sống lây lất từ 1930 cho đến nay. Của những người đã từng sống, đứng trong hàng ngũ kháng chiến chống Pháp. Của những gia đình đã trải qua thời kỳ chống Mỹ cứu nước. Sự thật đã rõ: dân nước tôi được dẫn đi phá đường, đắp cản, đào hầm chông, chắt mót cho đầy hũ gạo chống Mỹ, v.v... trong suốt hai thời kỳ đó để rồi 'Ta' cho không vùng biển đất nước, cho dời cột mốc biên giới miền Bắc về phía Nam xa hơn đặng đền đáp tình giao hảo như răng với môi.

Chuyện ngắn dài không quan trọng. Điều quan trọng là đừng để chuyện thật bị võ trang tuyên truyền bóp méo.

Cần phải viết, phải kể đặng các thế hệ được sinh nhưng chỉ được sống rất ngắn ngủi trên đất Việt biết thế hệ ông cha mình đã bị cộng sản sát hại, sỉ nhục, tù đày đến mức nào; đã bất chấp hiểm nguy chẳng nề mạng sống bỏ tất cả lại phía sau để cho con cháu hưởng tự do." (tr.395)

Ottawa,
Tháng 5, 2006

Tìm đọc

Ngôn Ngữ Tuyết

Tập truyện mới nhất của
Ngô Nguyên Dũng
gồm 9 truyện ngắn mang chung một chủ đề
Tình yêu và Dục tính

Quyên Book xuất bản.
Giá US$ 12.00
Hỏi mua tại các nhà sách
hoặc liên lạc về
e-mail: nqread@yahoo.com

NGÔ NHÂN DỤNG

VÔ TÍN BẤT LẬP

"Tử Cống vấn chính. Tử viết: Túc thực, túc binh, dân tín chi hĩ." (Luận Ngữ, Thiên XII Nhan Uyên, đoạn 7). Ông Tử Cống hỏi về chính (việc cai trị dân), Khổng Tử nói: "Đủ lương thực, đủ binh lực, và lòng dân tin tưởng." Tử Cống lại hỏi: Nếu trong ba điều đó phải bỏ một thì sao? Khổng Tử bảo: "Bỏ chuyện quân sự." Lại hỏi: Nếu không theo được cả hai điều còn lại, phải bỏ một thì sao? "Lương." Lương thực không đủ cũng được. Xưa nay người ta vẫn chết, nhưng dân không tin thì không đứng vững được. Dân vô tín bất lập: Chúng ta có thể hiểu câu hày theo cách mới, là niềm tin tưởng của mọi người đối với nhau, không cứ là đối với nhà cầm quyền.

Tháng trước có một cuộc hội thảo về đề tài "Vốn Xã Hội" ở Việt Nam, do hai tờ báo uy tín dứng tổ chức. Đây là một sáng kiến đáng ca ngợi. Vốn xã hội (social capital) trong việc phát triển kinh tế là một đề tài được giới khoa học chính trị và xã hội khắp thế giới bàn luận, phân tích, nghiên cứu từ hàng chục năm qua. Anh chị em trí thức trẻ ở nước ta cần làm quen với khái niệm này để cùng suy ngẫm.

Một xã hội có nhiều thứ vốn liếng – capital thường dịch là tư bản, nhưng ở nước ta bây giờ quen gọi là vốn, nghe dễ lọt tai hơn. Xưa nay nói tới phát triển kinh tế người ta chú ý đến vốn liếng vật chất: đất đai, quặng mỏ, rừng biển. Nhưng bây giờ đã thấy có những xứ nhỏ bé, tài nguyên nghèo nàn như Israel, Singapore cũng tiến bộ vượt bực, mọi người thấy vốn nhân sự thực là quan trọng. Tài năng, kỹ thuật, sáng kiến, óc cầu tiến đều là những tài nguyên kinh tế. Cho nên giáo dục là đầu tư thêm vốn cho tương lai; đặc biệt là nâng cao trình độ học vấn của phụ nữ ở nông thôn sẽ giúp các nước thoát khỏi cảnh nghèo khó. Nhưng đào tạo người tài không đủ nếu cả xã hội còn thiếu những chất keo gắn mọi người lại với nhau trong một niềm tin chung, tạo thành thói quen hợp tác với nhau trong những nỗ lực chung. Chất keo đó là vốn xã hội. Có nhiều cách đo lường vốn xã hội, một thước đo căn bản là lòng tin, những biểu lộ của lòng tin. Dân vô tín bất lập, không phải vấn đề dân có tin chính quyền hay không, mà còn phải hỏi người dân có tin lẫn nhau, có cộng tác với nhau hay không. Nói chung, con người trong xã hội đó sẵn sàng tin lời nói của nhau, sẵn sàng chờ đợi, trông cậy vào tính thiện của nhau hay không?

Tại sao niềm tin lại ảnh hưởng tới phát triển kinh tế? Vì nó giúp mọi người hợp tác dễ dàng. Tuy kinh tế thị trường được thúc đẩy nhờ cạnh tranh nhưng còn một mặt quan trọng khác là sự cộng tác nữa. Khi hai người ký một hợp đồng, người ta phải tin là cả xã hội chung quanh bảo đảm cái hợp đồng đó được tôn trọng; bằng hệ thống luật pháp, và bằng lòng tin. Có những lúc người ta không cần ký kết gì cả; hoặc có những điều mà hợp đồng không thể nói hết được, hoặc luật pháp chưa quy định đầy đủ; thì người này tin rằng người kia cũng tôn trọng ý nghĩa của điều giao kết. Vì mỗi người tin là nếu bên kia làm trái điều giao kết thì chính bên đó sẽ bị thiệt hại. Vì trong xã hội ai cũng lo bảo vệ danh dự của mình, không ai muốn mang tiếng thất tín, tiếng xấu đó là mối tai hại rất lớn. Khi mọi người tin nhau, hợp tác dễ dàng với nhau, hoạt động kinh tế sẽ phát triển nhanh hơn, rộng lớn hơn.

Không phải ai cũng nói dối

Trong chuyện cổ tích nước ta, ông Dương Lễ nhờ người vợ thứ là Châu Long đi theo nuôi nấng ông bạn Lưu Bình, khuyến khích ông bạn học chăm chỉ cho tới ngày thi đỗ. Đọc chuyện này chúng ta thường chú ý đến tình bạn. Nhưng có một giá trị luân lý khác đằng sau câu chuyện, là lòng tin. Ông Dương Lễ dám bầy ra mưu đó vì ông tin tưởng nàng Châu Long có lòng trung thành với mình, và cũng tin tưởng Lưu Bình là người đứng đắn, không làm cái việc nài hoa ép liễu nếu người phụ nữ không thuận. Nói chung, người mình đọc chuyện Lưu Bình Dương Lễ mà không cần nhắc đến lòng tin của Dương Lễ vì rằng điều đó hiển nhiên quá, bình thường quá, không cần phải nói ra. Trong truyền thống nước ta, có những niềm tin tưởng như vậy, ai cũng công nhận, chẳng cần giải nghĩa.

Nhưng thời nay thì khác. Nhiều người Việt Nam chắc cảm thấy xấu hổ khi đọc một câu trong bài phỏng vấn ông Trần Quốc Thuận, đăng trên báo Thanh Niên ở Việt Nam gần đây. Ông Thuận

nói: "Chúng ta sống trong một xã hội mà chúng ta phải tự nói dối với nhau để sống." Ông Trần Quốc Thuận là phó chủ nhiệm Văn Phòng Quốc Hội Việt Nam, lời ông nói có gang có thép, không phải nói chơi.

Nếu quả mọi người Việt Nam cứ phải nói dối lẫn nhau hàng ngày để sống thì chúng ta có nên tin những lời ông Trần Quốc Thuận mới tuyên bố hay không? Ở đây có một nghịch lý đã được nêu lên từ thời thượng cổ bên Hy Lạp. Một người dân đảo Crête nói: "Dân Crête toàn là bọn nói dối." Anh ta nói thật hay nói chơi? Rút cuộc không ai biết câu đó đúng hay sai.

Chúng ta không cần tin lời ông Trần Quốc Thuận nói đúng 100 phần trăm cho tất cả mọi người Việt Nam, ông không định nói người Việt Nam nào cũng phải nói dối hàng ngày. Nhưng vẫn có thể tin hiện tượng ông Thuận mô tả là có thật, nghĩa là tin ông đã nói một sự thật, nói với tấm lòng thành thật. Nếu không tin ông Thuận nói với lòng thành thật thì còn tin ai?

Nhưng khi dùng hai tiếng "chúng ta" ông Trần Quốc Thuận định nói "chúng ta" là những người nào? Tôi hy vọng là ông không nói đến tất cả 83 triệu người Việt Nam, từ bé đến lớn. Nhiều người Việt lớn tuổi vẫn giữ được nền nếp gia phong, khi dậy con cháu cũng dậy nói dối là điều đáng xấu hổ, phải tránh. Những bạn trẻ đến trường, chắc phải có bạn, mà tình bạn nào chẳng đặt trên lòng tin? Vì vậy mới có chuyện mấy em học sinh lớp bẩy rủ nhau nhẩy xuống sông tự trầm, vì bất mãn với gia đình. Nhiều em bé ba bốn tuổi chắc chưa được nghe nói công lao đảng vĩ đại ra sao, tâm hồn hẳn vẫn còn ngây thơ, trong sáng chứ. Chúng ta tin rằng trong dân tộc Việt Nam còn rất nhiều người không nói dối để mà sống.

Ai bắt buộc phải nói dối?

Thế thì những tiếng "chúng ta nói dối" ông Thuận nói đến ai? Những ai là những người bắt buộc phải nói dối, không nói dối không "sống" được? Vì ông là một đảng viên cộng sản, nói chuyện với một tờ báo do đảng làm chủ, có thể coi câu nói của ông là lời tâm sự có tính cách tự phê bình kiểm thảo. Chúng ta, tức là "anh chị em đảng viên cộng sản chúng ta." Không phải vì bản tính người cộng sản là dối trá, nhưng mà họ đã phải tập nói dối, dối mọi người và dối lẫn nhau từ lâu rồi. Khi đảng Cộng Sản cứ nhất quyết đóng vai lãnh đạo nước Việt Nam suốt 70 năm, và họ nói dối thành thần như thế, thì cái tập quán nói dối nhau để sống thế nào cũng lây lan sang hàng xóm láng giềng, lây sang rất nhiều người Việt Nam tiếp cận thường xuyên với đảng.

Mà ai chẳng có lúc phải tiếp cận với các đảng viên cộng sản? Trong gia đình bố mẹ phải dậy con: Ra đường ai hỏi nhà mình ăn gì tối hôm qua, phải nói mình ăn khoai nghe con! Cấm không được nói thật là mình ăn cá chép nhé! Có ai gặp công an mà lại dại dột nói thật hay không? Ngay trong đảng, họ cũng không tin nhau nữa. Chẳng thế mà đảng đã ra lệnh cảnh sát công an đứng thâu tiền lệ phí xe cộ phải khâu túi lại. Khâu túi lại trước khi đi làm, nhiều người phải khâu lén lút không cho vợ thấy. Không biết vì anh xấu hổ với vợ khi mình bị đảng nghi ngờ, hay anh xấu hổ vì làm việc dưới quyền những người ngớ ngẩn? Một bà vợ đã bật cười, không thể tin trên đời có những mệnh lệnh như vậy! Nhưng khi ta biết trong cả xã hội có một cuộc khủng hoảng niềm tin ghê rợn như thế thì còn ai cười được nữa không?

Hiện tượng mọi người "phải tập nói dối lẫn nhau để sống" đã được nhiều người nói đến rồi, ông Thuận là người mới nhất. Hồi 1976 tôi gặp một người Việt vượt biển đầu tiên, tới định cư ở Canada. Anh kỹ sư tiến sĩ này ở lại Sài Gòn trong lúc vợ con đã chạy trước ngày 30 tháng Tư. Anh được tiếp tục làm việc trong công ty cũ, cộng tác chặt chẽ và vui vẻ với các ông chủ mới từ Hà Nội vào tiếp thu. Một bữa thủ trưởng đến nhà đón anh đi công tác, thấy tấm hình gia đình trên tường, vô tình hỏi thăm: Thế chị nhà và các cháu đâu? Ông kỹ sư lúng túng chưa biết trả lời ra sao, đang ậm ừ tìm đường nói nhưng nói dối không quen, thì người cán bộ đỡ lời: Chị nhà bị Mỹ ép buộc di tản phải không? Dạ đúng, mẹ nó và sấp nhỏ bị Mỹ ép buộc di tản. Từ đó anh học được một ngôn ngữ mới: bị ép buộc di tản. Sẵn sàng nói bất cứ lúc nào, nói nhanh, nói với giọng đau đớn, luyến thoắng không thua gì người Hà Nội. Trong xã hội mới, tự cải tạo để xây dựng thành con người mới, phải dùng ngôn ngữ mới. Anh thầm cảm ơn đảng đã dậy cho những cách ăn nói, cách ăn ở mới, hiện đại, cho anh theo kịp các đồng chí đảng viên. Anh đọc lại cuốn tiểu thuyết *1984* của George Orwell để trau giồi nghề nói dối, nói ngược thành suôi, suôi thành ngược, sẵn sàng sống trong một "xã hội xã hội chủ nghĩa." Ban đêm nằm mơ cũng thấy mình đang tìm mưu nghĩ mẹo để nói dối cho đạt tiêu chuẩn do trên đề đạt. Cho đến lúc anh lo sấp đánh mất nhân cách của chính mình, soi gương thấy ngượng với cái mặt của mình, mới tìm tàu vượt biển. Để được sống như một con người cũ, ở một nơi không

nói cần dối vẫn sống được. Một anh bạn khác của tôi, sau năm 1975 vẫn làm việc, có lúc ở công trường thủy lợi mấy tháng mới về, lòng tràn ngập niềm vui đang góp phần xây dựng đất nước trong hòa bình. Nhưng về tới Sài Gòn đọc báo thấy cấp trên của anh báo cáo công trường sắp khánh thành. Mà anh biết dự án chưa được nghiên cứu đủ, chưa biết sẽ làm cái gì, như thế nào. Thôi thì cấp trên nó nói dối, mặc kệ nó cũng được. Nhưng một bữa, anh coi bài vở các con học ở trường, thì anh giật mình, thấy không thể để cho con cái mình học nói dối được. Cũng vượt biển. Để cứu lấy các con, chậm trễ còn hơn không.

Sống trong một chế độ mà những lời dối trá tràn ngập lỗ tai, chui cả vào trong giấc ngủ, người ta rất khó sống thành thật. Quả như ông Trần Quốc Thuận phân tích: Nói dối thành một "bản tính thứ hai," một tập quán xã hội.

Nhưng tại sao các đảng viên cộng sản cứ phải nói dối lẫn nhau, rồi tập cho mọi người chung quanh mình sống giả dối? Ông Thuận nói tới nạn tham nhũng, nạn vơ vét tiền của nhà nước làm đạo lý suy đồi. Ông nói rất đúng, tham nhũng làm thiệt hại tiền của thuộc toàn thể quốc gia, nhưng mối thiệt hại vật chất không đáng kể. Cái hại lớn nhất là nó làm đạo đức cả xã hội suy thoái.

Tôi không bênh vực quý ông Bùi Tiến Dũng, Nguyễn Việt Tiến, Ngô Xuân Lộc, vân vân; nhưng đổ cho họ cái tội làm cho dân Việt Nam sinh tật nói dối thì hơi oan. Có khi chính họ cũng là nạn nhân. Đã đành rằng quý vị quan chức trên phải là những tay nói dối thành thần, miệng hô toàn những khẩu hiệu cần kiệm liêm chính mà tay thì thò túi móc tiền của dân; nhưng có phải họ sinh ra cái chế độ gian dối hay không?

Đây là một thứ lầm lẫn quen thuộc khi tìm hiểu nhân quả. Như khi người ta nghe tiếng ếch nhái kêu rồi thấy trời mưa, có phải bọn cóc nhái chúng tạo ra cơn mưa đâu? Có một nguyên do khác nó vừa làm cho cóc nhái kêu, vừa sinh ra mưa. Có một thứ nó vừa đẻ ra bọn tham nhũng vừa phát huy truyền thống nói dối của đảng. Đó là chế độ độc tài toàn trị.

Chế độ chuyên chính vô sản được thí nghiệm ở Liên Xô và Trung Quốc đã tạo nên một "nền văn hóa nói dối" toàn diện, triệt để. Cả một bộ máy tuyên truyền chỉ có một việc là tâng bốc lãnh tụ và suy tôn đảng. Cả các sử gia cũng được lệnh viết lại lịch sử, họ xóa cả hình những người có thật ra khỏi các bức hình lịch sử. Ông Stalin thì xóa hình Trotsky đứng bên cạnh Lenin, ông Mao Trạch Đông thì xóa hình Lưu Thiếu Kỳ, rồi hình Lâm Bưu. Đời Lê Duẩn thì xóa các dấu vết của Hoàng Văn Hoan trong tất cả sách vở lịch sử đảng. Cái tập quán dối trá cha truyền con nối từ đời Lenin truyền xuống đến bây giờ.

Ông Hồ Chí Minh đã viết những cuốn sách tự khen mình, ký tên Trần Dân Tiên, Th Lan, đem cho cả đảng học tập với nhau bao nhiêu năm. Có ai tự viết nói về mình rằng "Bác Hồ là người rất khiêm tốn" hay không? Cái thói nói dối ở đâu mà ra vậy? Không phải ông Hồ bản tính đã nói dối, nhưng ông viết tự khen mình vì bổn phận của một đảng viên. Lúc đảng cần phải suy tôn lãnh tụ, mà ông là người viết dễ nhất, đảng giao phó thì ông viết. Cũng như "sử gia" Trần Huy Liệu bịa ra "anh hùng Lê Văn Tám," dùng cả guồng máy tuyên truyền tung hô; trước khi mất mới nhờ một sử gia khác phủ nhận giúp mình. Ông Liệu vẫn là con người thành thật, không nỡ nói dối lịch sử; nhưng bổn phận bảo phải nói dối tù cứ phải nói dối. Cái chế độ độc tài toàn trị nó bắt mọi người phải nói dối. Nó dựng lên một thứ "luân lý mới," lấy lợi ích của đảng làm tiêu chuẩn, vượt trên các tiêu chuẩn đạo lý thường tình.

Nhưng không nên bi quan nghĩ rằng cái tật nói dối này đã trở thành cố tật của cả một dân tộc. Dân tộc ta có từ bao nhiêu ngàn năm, chế độ cộng sản chỉ là một giai đoạn. Khi nào chế độ độc tài chấm dứt thì dân tộc ta sẽ phục hồi được đạo lý. Ngay bây giờ nhiều người vẫn dám nói sự thật. Bằng cớ là chính ông Trần Quốc Thuận vừa mới nói một sự thật. Ông bảo rằng: "Thực tế là các đại biểu quốc hội đều biết số phận của họ không gắn liền với sự tín nhiệm của cử tri, nó gắn với tín nhiệm của một nơi khác."

Đây là một câu nói chí tình. Ông Trần Quốc Thuận chỉ không dám nói thẳng, hoặc nhà báo không dám in ra thẳng lời ông ra, là cái "nơi khác" ấy nó là cái gì. Ông cũng không nói đóng vai đại biểu quốc hội như vậy người ta có cảm thấy nhục nhã hay không? Chính trong lòng mình hẳn cũng thấy xấu hổ khi đóng vai trò đại biểu giả dối chứ? Sao không dám nói thẳng ra?

Thành ra, ngoài cái tội sinh ra cái thói quen nói dối tập thể, chế độ độc đảng toàn trị còn sinh ra một cái tật khác, là sợ. Điều này thì nhà văn Nguyễn Tuân đã diễn tả từ lâu rồi. Thế bao giờ dân ta được giải thoát khỏi thói dối trá và thói sợ hãi?

KHI ĐƯỢC MỌI NGƯỜI THƯƠNG MẾN

Có một kỷ niệm hồi nhỏ làm cho tôi thấy mọi người chung quanh có lúc ai cũng tử tế với mình.

Cảm giác thật ấm cúng. Bữa đó tôi đến nhà chú Tư tôi, như mỗi ngày vẫn tới sớm để quét sạch gian nhà giữa, giải chiếu, xếp ấm và tách trà, chờ cụ ra ngồi đậy lũ trẻ học chữ Nho. Việc "quét giọn, nói năng" (sái tảo ứng đối) nằm trong chương trình giáo dục, ngoài ra chú Tư dậy tôi học thuộc lòng sách Gia huấn của Trình Minh Đạo và mấy đoạn trong Luận Ngữ. Bữa đó tôi đến cổng nhà chú, mới bước vào thì bị hai con chó ngoạm vào chân hai miếng, giờ vẫn còn vết sẹo. Đó là tai nạn lớn nhất trong thời thơ ấu, may lũ chó không bị bệnh dại. Lúc đó tôi nhớ mới bẩy tám tuổi, bỗng nhiên thấy ai cũng chú ý, săn sóc mình. Từ họ hàng đến làng xóm ai cũng thăm hỏi; ngay cả mấy bạn trẻ trong xóm có lúc đấm đá nhau, cũng tới tỏ vẻ thương mến. Ai mà chả muốn được mọi người thương như vậy?

Một buổi sáng Thứ Tư tháng trước, cái cảm tưởng được mọi người thăm hỏi, săn sóc sống trở lại, làm tôi nhớ kỷ niệm thời nhỏ. Sáng sớm hôm đó, tôi nhận được một email từ bên Đức, một anh bạn báo tin trang nhà của Nhật báo Người Việt bị ăn trộm nguyên con. Lúc đó tôi mới mở Người Việt Online ra, quả nhiên thấy trong đó có bản tin của "Thông Tấn xã Việt Nam;" ghi rõ cả xuất xứ; cùng với một bài bôi bác Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất. Ngay sau đó, bao nhiêu là cú điện thoại khác. Có bạn gọi từ San José, California; có người từ Houston, Texas; từ Ottawa, Canada, tất cả cùng hỏi thăm và sau đó góp ý kiến về cách đối trị với "kẻ cắp tin học." Một chú bạn trẻ ở xa nhất, gọi từ Nhật Bản, hỏi: "Sao vậy anh? Vợ em nó bảo hôm nay vào Người Việt Online thấy như đọc báo Nhân Dân! Buồn cười quá!"

Buồn cười thật, mà cũng vui. Không riêng gì các độc giả, các bạn đồng nghiệp cũng xúm lại ủng hộ và bầy tỏ tình thân. Khi Người Việt Online tái xuất hiện với tên một địa chỉ mới, nguoivietweb.com, tất cả các đài phát thanh, các báo đều giúp loan tin ngay cho bà con xa gần biết. Mấy tuần báo ở vùng Bắc California nhận được thông báo của Người Việt đã điện thoại ngay ân cần cho biết họ sẽ đăng kịp tin trong số báo ra Thứ Sáu tuần này. Nhưng tin tức đi nhanh nhất vẫn là do các trang lưới điện tử. Trang Phù Sa, mạng lưới Họp Mặt Dân Chủ, Nhân Quyền, vân vân, đều thông tin ngay cho các thành viên và độc giả về địa chỉ mới nguoivietweb.com của Người Việt Online.

Ngày hôm sau, Người Việt nhận được rất nhiều email với những phản ứng về vụ "cướp cửa hàng" này. Ý kiến rất nhiều. Trang nhà các đài phát thanh quốc tế như BBC cũng đầy các thư độc giả và thính giả bàn tán. Đọc vui lắm, xin lần lượt kể chia vui với bà con.

Nhiều độc giả viết rằng cái trò "phá hoại" này là trò quen thuộc của Cộng Sản, không ai lạ gì. Rất nhiều người phản đối việc xâm phạm một cơ quan ngôn luận. Nhưng cái trò khủng bố này vô ích, không ai xoá được nhật báo Người Việt Online cả. Đúng là trò trẻ con, chỉ có bọn cướp lâm vào đường cùng quẫn (sic) mới mang trò trẻ con đó ra thi thố mà cứ tưởng là ghê gớm lắm! Một độc giả dùng hình ảnh "cướp cửa hàng." Ông (hay bà) này kể rằng trông thấy cảnh "cửa hàng" Người Việt Online bị chiếm đoạt làm ông nhớ lại lúc Việt Cộng "đánh tư sản." Chúng chiếm cửa hàng, đuổi hết gia đình ông đi; một người con đi xa cả tuần lễ mới về, bước vào nhà mình thấy toàn những mặt sắt đen xì – chắc cũng giống như cảnh mở báo Người Việt ra lại đọc phải báo Nhân Dân vậy!

Các bạn có bao giờ trông thấy cảnh hàng xóm nhà mình bị ăn cướp hay chưa? Đã chính mắt trông thấy một anh kẻ cướp nó giựt sách tay của một bà ngay giữa phố, nó vừa chạy vừa quay lại giơ dao lên dọa dẫm, khiến nạn nhân đang kêu la bỗng ngạc nhiên há miệng không phát ra tiếng được nữa, thấy cảnh đó hay chưa? Cái cảm giác khi chứng kiến cảnh người ta bị cướp bóc, bị trấn lột, nó có thể ghê rợn lắm. Vì nó vừa bất ngờ, vừa hung bạo. Độc giả Người Việt mỗi ngày vào trang báo quen thuộc mình vẫn đọc nó cũng giống như một người buổi sáng bưng ly cà phê ra ngồi bên khóm hoa bên vườn đọc báo. Người ta chờ đợi những giây phút bình an, thoải mái, chứ có ai nghĩ sẽ gặp một ông công an đòi "làm việc" đâu! Mở báo Người Việt ra mà lại thấy ông báo Nhân Dân ngồi lù lù, nhiều người bắt đầu cảm thấy bất an, chúng ta thông cảm. Có người kể rằng sau khi vào trang nhà nhật báo Người Việt Online lại gặp báo Nhân Dân ngồi xổm đó, phải sống lại cái cảm giác hồi xưa khi mở cửa ra sau vườn chỉ lo gặp một chú công an đang lom khom rình mò. Đúng là một vụ khủng bố trên mạng lưới! Làm cho mọi người cứ sống nơm nớp không biết công an nó rình mình ở đâu. Hoặc như một nhà thơ viết, họ "Đem bục công an đặt giữa trái tim người!"

Một độc giả Người Việt có óc hài hước, nhận định rằng việc phá hoại Người Việt Online nằm trong một nghị quyết mật của Trung ương Đảng, gọi là Nghị quyết 36 Rưỡi. Nếu quý vị còn nhớ, năm xửa năm xưa có một cái Nghị quyết 36 mà mọi người gọi là Nghị quyết Dụ dỗ Người Việt ở

Nước ngoài. Bên cạnh đó có cái Nghị quyết 36 Rưỡi nói rằng "Dụ chúng nó không được thì đánh bỏ mẹ chúng nó đi!"

Nhưng có thật là Việt Cộng phá báo Người Việt Online hay không? Đồng bào mình khi quen nếp sống văn minh cũng nhiều người có thái độ bình tĩnh và rất công bằng. Nhật báo Người Việt đã báo cảnh sát (FBI) nhưng không bao giờ đổ cho ai là thủ phạm. Một độc giả của trang nhà BBC cũng khuyên can, "Các bác phải cân nhắc đủ mọi khả năng, chưa nên kết luận khi chưa có bằng chứng (là Việt Cộng chủ mưu)." Ngược lại, cũng có độc giả Người Việt nổi giận không nhịn được, viết như thét lên: Nợ máu sẽ trả bằng máu! Nghe ghê quá! Một vị khác lý luận rất Sherlock Holmes: Cứ đặt ra đủ các giả thuyết, loại bỏ những giả thuyết yếu nhất rồi cuối cùng phải suy ra thủ phạm là ai. Ai được lợi khi phá diễn đàn Người Việt Online? Việt Cộng. Ai muốn cướp diễn đàn để đăng những bài hoan hô Hồ Chí Minh, những tin của TTXVN, và đả phá Giáo hội Phật Giáo Việt Nam Thống nhất? Việt Cộng chứ còn ai nữa. Vì vậy có vị tức giận quá, đề nghị các tay trộm tin học khác hãy trả đũa tìm cách chiếm trang nhà báo Nhân Dân để đăng vào đó những bài chống Cộng cho bõ ghét. Rõ là giận mất khôn. Có ai đi đọc báo Nhân Dân bao giờ đâu mà chiếm lấy làm gì cho phí công!

Nghĩa là điệp điệp trùng trùng

Quả thật, Nhật báo Người Việt cũng được rất nhiều người thương, lúc gặp tai nạn thấy tình thương hiển hiện. Trái tim mọi người cùng đập một nhịp với nhau. Chúng ta sống tự do quen, không lo cảnh có ai "Đem bục công an đặt giữa trái tim người," vì trái tim của chúng ta biết tìm ngay ra một địa chỉ mới để gặp nhau. Gặp nhau để cùng tiến tới tương lai. Cảm giác ấm cúng được viết báo và đọc báo cùng những người bạn khiến tôi nhớ lại mấy câu thơ Thanh Tâm Tuyền viết hồi 1955. Bài thơ mở đầu với mấy câu hỏi:

Anh có biết vì sao Cộng Sản thủ tiêu Khái Hưng?
Mỗi lần hoàng hôn tôi bước cùng đám đông
Lòng khẩn cầu cách mạng
Anh có biết vì sao Cộng Sản thủ tiêu Phan Văn Hùm?
Mỗi lần hoàng hôn tôi chạm mặt từng người
Có phải chúng ta đang sửa soạn
. . .
Anh có biết vì sao Cộng Sản thủ tiêu Tạ Thu Thâu?
. . .

Bài thơ lập nhiều lần câu,

Anh có biết vì sao Cộng Sản thủ tiêu
vì sao Cộng Sản thủ tiêu
vì sao Cộng Sản thủ tiêu

và kết thúc với mấy câu thơ lạc quan:

Mỗi lần hoàng hôn tôi thắp lửa mình tôi bước tới
Và các bạn tôi
Nghĩa là điệp điệp, trùng trùng
. . .

Hiện nay người Việt Nam ở trong nước cũng như bên ngoài, "chúng ta đang sửa soạn." Chúng ta vẫn đang thắp lửa trên mình và bước tới. Cùng với bạn bè của chúng ta. Nghĩa là điệp điệp, trùng trùng. Xin cảm ơn tất cả các bạn.

NẠN HÀNG GIẢ

Cạnh tranh theo lối thị trường tự do là một phương pháp đạt tới tiến bộ. Nhưng một thứ có thể giết thị trường cạnh tranh, là hàng giả mạo. Nếu hàng giả bán đầy chợ, không sao kiểm soát được, thì chợ sẽ phải đóng cửa. Vì vậy, luật lệ bao giờ cũng trừng phạt hàng mạo hóa. Không phải ở chợ người ta mới lo hàng giả, trong bất cứ ngành nào muốn có tiến bộ cũng phải ngăn ngừa nạn "hàng giả," chẳng hạn bằng cấp giả, tác phẩm đạo văn, nhạc phẩm cóp nhặt, vân vân.

Như trong một ngành khảo cứu khoa học, sáng chế kỹ thuật thì làm sao tránh nạn hàng giả? Về kỹ thuật, tương đối dễ. Khi một người sáng chế ra thứ gì, bao giờ cũng nộp đơn xin "bằng sáng chế" (patent) tại khắp các quốc gia có thể có người cạnh tranh với mình, để giữa tác quyền, sau này còn đòi tiền nếu có ai dùng đến kỹ thuật mình tìm ra. Một cách đo lường hiệu nghiệm khác là dùng thị trường. Anh chế ra cái gì mà có người mua để sản xuất đem bán thì chắc anh có tài thật.

Trong lãnh vực khoa học, các công trình nghiên cứu thường đem cho các người cùng ngành thẩm định xem có gì mới mẻ không. Ở mỗi ngành khoa học, nhân văn hoặc tự nhiên, đều có các tạp chí chuyên môn, đăng các bài khảo cứu giá trị. Mỗi tạp chí đó mời những người có tiếng nhất trong ngành làm "giám viên" (referee) đọc những bài lai cảo, để xem bài viết có gì mới mẻ không, cần phải trả lời những câu hỏi nào trước khi đăng. Lối thẩm định đó gọi là "đồng nghiệp kiểm soát" (peer review) bảo đảm người nộp bài nghiên cứu làm đúng phương pháp và có cống hiến mới cho hiểu biết của

ngành. Nếu một người gian dối, lấy công trình của người khác nhận làm của mình, rất dễ bị các "giám viên" nhìn ra ngay. Các giáo sư đại học thường hãnh diện khi được đóng vai trò giám viên này, có thể ghi vào tiểu sử khi đi xin việc hoặc đòi tăng lương, cho nên họ phải làm việc đứng đắn!

Ở Hàn quốc năm ngoái có vụ giáo sư Hwang Woo Suk (tên chữ Hán là Hoàng Vạn Tích) bị tố cáo giả mạo khi công bố ông tạo được các tế bào mầm (stem cell) mới, bài nghiên cứu của ông được đăng trên tờ báo sinh học có tiếng, cùng ký tên với ông dưới bài nghiên cứu có tên một giáo sư có uy tín ở Pittsburg. Chính vị giáo sư kia sau đó nghi ngờ và xin rút tên mình ra vì nghi ngờ, cuối cùng thiên hạ biết là ông Hwang giả mạo. Muốn biết một công trình nghiên cứu khoa học thật hay giả, cách giản dị nhất là người ta thí nghiệm lại. Trong bài nghiên cứu, khoa học gia phải trình bầy cặn kẽ phương pháp nghiên cứu của mình, để người khác có thể lập lại thí nghiệm đó.

Trong tháng trước, ở Trung Quốc xẩy ra vụ một giáo sư đại học giả mạo đánh lừa cả nước ba năm sau mới bị lật tẩy.

Ông Trần Tiến (Chen Jin), khoa trưởng trường Vi – Điện tử (Micro-electronics) Đại học Giao Thông thành phố Thượng Hải, thường gọi là Giao Đại, năm 2003 đã công bố việc sáng chế một thứ "chíp" thuộc loại DSP (Digital Signal Processor) hoàn toàn mới, có công dụng hóa mã và giải mã (encoding, decoding) những tín hiệu số. Loại chíp này để lắp trong các máy điện tử nhỏ như điện thoại cầm tay, máy hình số, vân vân. Loại chíp mới của Giáo sư Trần Tiến và 100 kỹ sư, khoa học gia dưới sự điều khiển của ông được đặt tên là Hán Tâm số 1. Hán Tâm là tên trung tâm kỹ thuật của đại học Giao Đại, do giáo sư Trần Tiến làm chủ tịch. Trung Quốc mỗi năm phải nhập cảng vài tỷ mỹ kim các loại chíp để lắp ráp hàng tiêu thụ.

Đại học Giao Thông Thượng Hải ra đời từ thời Mãn Thanh, năm 1896, là nơi đào tạo nhiều nhà lãnh đạo như ông Giang Trạch Dân, cựu chủ tịch Trung Quốc, cùng các nhân vật Trung ương Đảng như Lục Định Nhất, Đinh Quang Căn.

Đầu năm 2004 trường Đại học Giao Thông lại loan tin hai thứ chíp mới hơn, dựa trên Hán Tâm số 1 đã ra đời, có tốc độ nhanh gấp bội. Hán Tâm 2 có khả năng làm 150 triệu con tính trong một giây, Hán Tâm 3 làm 600 triệu con tính một giây, và bản tin cho biết thêm là các công ty ngoại quốc đã đặt mua triệu rưỡi con chíp loại một, hai triệu con chíp loại 2. Tuy nhiên Giáo sư Trần Tiến công nhận rằng Thượng Hải vẫn còn đi sau các xứ khác trong việc họa kiểu và sản xuất chíp ít nhất ba năm, nhưng ông đang tiến hành việc nghiên cứu hai loại chíp Hán Tâm mới hơn.

Nhưng đầu tháng trước Đại học Giao Thông Thượng Hải đã cách chức khoa trưởng và chức giáo sư của ông Trần Tiến, sau khi điều tra thấy việc "sáng chế" của ông hoàn toàn giả mạo, sau khi có người đã đưa lên trang nhà điện tử internet thuộc Đại học Thanh Hoa ngày 17 tháng Giêng, những lý do nghi ngờ công việc của ông Trần Tiến. Theo bản tin vô danh này thì ông Tiến đã mua mươi con chíp loại 58600 của công ty Motorola từ bên Mỹ, đem về thuê công nhân cạo nhãn hiệu Moto và gián nhãn hiệu Hán Tâm lên.

Tổng số tiền mà ông Trần Tiến nhận được của chính phủ Bắc Kinh trong cuộc "nghiên cứu, sáng chế" này lên tới 14 triệu đô la! Điều lạ lùng là các cơ quan đã công nhận bằng sáng chế của ông ở thành phố và ở Bắc Kinh cũng như cơ quan cấp tiền không ai quan tâm kiểm tra cả. Năm ngoái chính phủ Bắc Kinh chi 24.6 tỷ mỹ kim cho các nhà nghiên cứu khoa học, tăng 28 phần trăm so với năm 2004.

Nhưng tại Trung Quốc có nhiều người sẵn sàng làm công việc tố giác các vụ giả mạo trong giới đại học, miễn là có người nghe. Một người là giáo sư Fang Zhouzi, với web site www.xys.org bằng chữ Hán, bắt đầu có mặt từ năm 2000. Theo ông Fang, một nhà sinh học đã tốt nghiệp tại Mỹ thì mạng lưới này đã khui ra 500 vụ giả mạo hoặc gian lận.

Một vụ án nổi tiếng không kém vụ giáo sư Trần Tiến là ông Qiu Xiaoqing, Đại học Tứ Xuyên ở Thành Đô. Ông Fang tố cáo giáo sư Qiu gian lận về kết quả các cuộc thí nghiệm của ông trong bài nghiên cứu đăng trên tạp chí uy tín Natue Biotechnology tháng 11 năm 2003. Sáu giáo sư được ký tên cùng đã xin tạp chí trên rút tên của mình ra, tờ báo và Đại học Tứ Xuyên đang điều tra. Trong một vụ khác, mạng lưới xys đã tố cáo giáo sư Liu Hui, Đại học Thanh Hoa trứ danh, vì đã khai trong tiểu sử của mình một bài nghiên cứu của một người trùng tên ở Mỹ; ông Liu Hui phải xin lỗi, khai là mình lầm lẫn, nhưng bị đại học khiển trách.

Cần phải có luật lệ rõ ràng, mỗi ngành chuyên môn cần phải có tổ chức tự nguyện và tự quản để bảo vệ tiêu chuẩn và thanh danh của mình. Đó là nhu cầu của một xã hội văn minh.

Trang Chuyện Phiếm

SONG THAO

DẤU

Giáo sĩ Bá- Đa- Lộc, khi ký âm chữ Việt bằng mẫu tự La Tinh, đã có một sáng chế ngoạn mục là thêm râu thêm ria vào những con chữ. *O tròn như quả trứng gà, Ô thì đội mũ, Ơ thì thêm râu!* Những ê a ngày bé đến bây giờ tôi vẫn còn nhập tâm. Không hiểu kiểu giáo dục ê a đó ngày nay có lỗi thời không chứ hiệu quả của nó có lẽ không thể làm ngơ được. Hoặc như ngày tôi còn ngồi ở lớp Ba tiểu học, giờ tiếng Pháp, ông thầy nhiều sáng kiến đã có một lối đóng chốt vào trí nhớ của học trò rất hay. Muốn cho học trò ghi nhớ về những chữ đồng âm dị nghĩa trong tiếng Phú Lang Sa, thầy đã quyền biến: cùng đọc là *foi* nhưng đọc giống nhau mà nghĩa khác nhau. Chữ *fois* có nghĩa là lần, các con để ý cái đuôi *s* trông giống như một đứa trẻ được cõng trên lưng, khi các con chơi đuổi bắt ở ngoài sân chẳng hạn, cứ được thua một lần là đứa thua phải cõng trên lưng đứa thắng, phải không? Còn cũng đọc là *foie* nhưng các con để ý cái đuôi *e*, trông nó như lá gan phải không? Vậy *foie* có nghĩa là gan! Còn *foi* đằng sau chẳng có gì cả có nghĩa là lòng tin, tin thì nhìn lên trời có thấy gì đâu! Lời giảng giản dị đó tôi còn nhớ đến ngày nay và chẳng bao giờ phải bâng khuâng khi viết chính tả gặp phải những chữ *foi*, *fois* hay *foie* nữa.

Nhưng khi có sáng kiến thêm những dấu sắc huyền hỏi ngã để ghi lại những âm lên xuống trầm bổng của tiếng Việt, giáo sĩ Bá-Đa-Lộc đã vô tình giăng ra một cái bẫy. Cái bẫy mà chính hậu duệ của ông vấp ngã liêng chiêng! Chúng ta cứ thử nhớ lại thứ tiếng Việt của các ông cố đạo Tây thử coi. Đó là một thứ tiếng Việt lơ lớ, chông chênh như lướt trên mây. Thứ tiếng Việt không dấu nghe ngộ nghĩnh nhưng muốn hiểu thì phải lắng nghe và suy nghĩ. Người ngoại quốc nói mà bỏ dấu được tiếng Việt không phải là dễ. Tôi chỉ mới gặp vài người. Irina Zisman là một. Cái tên này có gợi lên chút gì trong trí nhớ của bạn không? Đó là một người Nga nói tiếng Việt có dấu đàng hoàng. Năm 1994, trong một chuyến sang Montreal, Irina đã có cuộc tiếp xúc thân mật với một số người viết ở thành phố văn học này. Tôi đã ghi lại cuộc gặp gỡ này trong bài "Ta Đã Làm Chi Đời Ta" trên báo Nắng Mới, xuất bản tại Montreal, số 31 tháng 4/1994:

"Người đàn bà trạc tứ tuần ngồi trước mặt tôi, đầu luôn luôn cúi xuống, ly coca trước mặt, ánh đèn vàng hắt ra từ chiếc chụp đèn treo thõng xuống gần sát đầu người tạo một vũng ánh sáng thân mật. Ánh sáng búng lên từng sợi tóc nâu nhạt óng ánh như một chất kim khí quý giá, ánh sáng làm nổng lên cặp kính gọng dầy nặng nề ép xuống sống mũi cao, ánh sáng làm tươi lên chất son trên đôi môi phát âm tiếng Việt giọng Bắc như một người Việt chính cống. Tôi nghĩ nếu nhắm mắt lại thì tôi không thể tưởng tượng được người ngồi trước mặt tôi là một phụ nữ người Nga. Irina Zisman đó. Con người đang tích cực tranh đấu cho nền dân chủ tại Việt Nam qua đài phát thanh Hy Vọng đưa tiếng nói thẳng về quê hương chúng ta. Con người không những nói tiếng Việt lưu loát, phát âm tiếng Việt không một chút ngọng nghịu, mà còn viết sách tiếng Việt với cả tâm hồn Việt Nam. Chúng ta đã được đọc " Bút Ký Irina I". " Bút Ký Irina II" cũng vừa ra mắt bạn đọc.

Tôi vẫn cứ ngỡ là người ngồi trước mặt tôi không thể không là người Việt. Tôi buột miệng hỏi:

- Irina là người Nga hay người Việt vậy?

Đôi môi đang đùa giỡn với chiếc ống hút nước, khuôn mặt nghếch lên tinh nghịch hỏi lại tôi:

- Anh thấy sao?

Tôi lúng túng:

- Mắt tôi bảo Irina là người Nga nhưng tai tôi lại bảo Irina là người Việt.

Irina cười khỏa lấp:

- Thì thế đó!

Thấy trước mặt Hồ Đình Nghiêm có tờ báo xuân, ánh mắt Irina sáng lên:

- Đã có báo tết rồi đấy à?

Y chang nỗi mừng của một người Việt say mê văn chương Việt. Tôi nghĩ tới một khuôn

mặt khác: Ỷ Lan. Dân Hồng Mao chính cống nhưng cũng nặng lòng với văn hóa Việt Nam chẳng kém người đàn bà Nga La Tư ngồi trước mặt tôi. Chữ "Nga La Tư" là do Irina nói ra làm ngạc nhiên mọi người. Cũng như khi chị dùng chữ "ba trợn" để nói về những người cầm quyền đương thời tại Việt Nam. Tôi hỏi người đàn bà này về người đàn bà kia.

- Irina có biết Ỷ Lan không?

- Biết chứ! Irina có gặp Ỷ Lan rồi.

Đầu tôi nẩy ra một câu hỏi ngộ nghĩnh:

- Hai người nói với nhau bằng tiếng gì?

Irina cúi đầu cười. Ỷ Lan là dân Anh. Irina trước đó đã cho biết là tiếng Pháp còn nói tạm được chứ tiếng Anh thì chịu. Cứ cho là họ nói với nhau bằng tiếng Việt đi. Nghĩ mà thấy thú vị!"

Đã mười hai năm trôi qua kể từ ngày tôi viết những dòng chữ trên, vậy mà khi đọc lại tôi vẫn thấy rộn ràng. Cái năm Tuất của tờ báo Tết mà Irina reo vui khi thấy năm xưa nay đã lại một lần xuân con chó, xuân Bính Tuất. Nhưng rộn ràng hơn cả là cái cảnh hai người đàn bà tóc vàng, da trắng, mũi cao, mắt xanh ngồi nói chuyện với nhau bằng tiếng Việt, cái thứ tiếng Việt đã vượt qua được cạm bẫy đầy những dấu nhọc nhằn của giáo sĩ Bá-Đa Lộc giăng ra. Thú vị hơn nữa là hai người lại có hai giọng nói khác nhau. Irina giọng Hà Nội, Ỷ Lan thổ âm Huế. Người đàn bà Anh, sanh ở York, mang tên Penelope Faulkner nhưng thích dùng cái tên của một bà hoàng hậu nước Việt này vẫn ăn nằm với tiếng Việt toàn thời gian trong tòa soạn tạp chí Quê Mẹ ở thủ đô nước Pháp. Chưa từng đến Việt Nam bao giờ, vậy mà Việt Nam nằm trong lòng cô từng giây từng phút. Cũng như Irina, cô là một người tranh đấu không mệt mỏi cho tự do dân chủ ở Việt Nam, đồng thời là một nhà báo viết tiếng Việt và một nhà văn... Việt Nam. Tuyển tập truyện ngắn "Quê Nhà" gồm 19 truyện là tác phẩm đầu tay của người thiếu nữ phương Tây nhưng... Việt Nam như bất cứ người thiếu nữ Việt nào khác. Có điều tóc cô không đen, da cô không vàng. Tôi chưa bao giờ được trực tiếp giáp mặt với Ỷ Lan nhưng đã được nghe cô nói trên truyền thanh, truyền hình, đã được thấy cô trong chiếc áo dài Việt Nam. Dáng cô cao và thanh tú, cao hơn một người Việt Nam bình thường, nên chiếc áo dài cô mặc cũng dài hơn. Nhưng chiếc áo dài hơn lại làm tôi nhìn thấy hình dáng đất nước Việt gầy guộc, nghèo nàn, khổ đau hơn.

Irina và Ỷ Lan Penelope Faulkner là hai khuôn mặt trí thức. Chắc thứ tiếng Việt họ học là thứ tiếng Việt trường ốc đàng hoàng. Giọng Hà Nội của Irina có phải là giọng của người sĩ quan Việt Nam Cộng Hòa mà bà gá nghĩa? Giọng Huế của Ỷ Lan là giọng của những người chung quanh cô trong tòa soạn báo Quê Mẹ? Còn giọng của cô gái người Canada sống tại thành phố Montreal chẳng học một lớp tiếng Việt nào đích thị là giọng của người chồng Việt Nam. Đó là giọng đặc sệt miền Nam, cái thổ âm có con cá "gô" bơi trong "guộng"!

Tôi chưa bao giờ được gặp cô... người Việt gốc tây này nhưng nhà tôi đã gặp trong một văn phòng chuyển tiền về Việt Nam. Cô tới gửi tiền về cho cha mẹ chồng ở Việt Nam. Giọng cô trách móc. *Để cho anh ấy thì chắc ông bà già chẳng bao giờ nhận được đồng bạc nào!* Nhìn phía sau mái tóc vàng, nhà tôi tưởng cô là một cô gái Việt Nam chính tông nhuộm tóc vàng cho giống đầm, nhưng khi cô quay lại mới... hết hồn! Đó là một cô đầm rặt. Một cô đầm Việt Nam đến nỗi thở than trách móc chồng như bất cứ một bà vợ Việt Nam nào. *Anh ấy nhậu nhẹt tối ngày, nhậu xỉn rồi nói tục. Chị biết không, anh ấy nói tầm bậy kinh khủng. Em phải chỉnh hoài à!* Sao cô đầm này nói rành tiếng Việt đến vậy? *Em cứ bắt chước anh ấy và các bạn của anh ấy. Mà em có học viết tiếng Việt nữa. Biết đọc biết viết rồi em mới thấy anh ấy viết tiếng Việt mà lỗi chính tả đầy rẫy!* Tôi vẫn cứ muốn gặp cô đầm đặc biệt này một lần mà chưa có dịp. Nhưng chỉ nghe kể về cô, tôi cũng có đủ cái háo hức mang cô ấy vào truyện. Trong truyện ngắn "Biết Nói Chi," in trong tập truyện "Cuối Ngày, Một Lần Ngồi Lại," tôi đã cho cô đầm này vào vai Monique, một bà mẹ đưa con đi học lớp Việt Ngữ vào ngày Chủ Nhật mỗi tuần. Nhân vật xưng "tôi" là cô giáo dậy học con của Monique.

Tôi được khuyến khích bởi những bậc cha mẹ bỏ những giờ nghỉ quí báu đưa đón con đi học một tiếng nói chẳng cần cho cuộc mưu sinh nơi chốn này. Họ nán lại trò chuyện, gợi ý, bàn bạc với tôi. Họ là những người Việt như tôi tuy con họ có thể mang màu tóc khác nên chúng tôi cùng có chung những lo lắng chỉ đường cho đám trẻ tìm về nguồn gốc của chúng.

Monique thì khác. Cô đầm rặt có khuôn mặt thanh thanh này không có một nét đen nào trên

tóc, trên lông mày, trên mắt. Chỉ có từng chữ Việt phát âm hoàn hảo thoát ra từ đôi môi biết cười nhưng không biết che kín được hàm răng trắng đều như tấm hình quảng cáo của nha sĩ. Tôi vui với câu chào trong lần đầu gặp gỡ.

"Chào bà."

Miệng tươi, đầu cúi thấp, mắt như dè dặt đo độ phản ứng của tôi. Tôi tần ngần chào lại.

"Chào cô. Cô dẫn cháu tới học?"

Giọng tôi thận trọng chậm rãi. Thật ra câu hỏi của tôi như một thăm dò, tôi chẳng nghĩ là cô đầm trước mặt hiểu được. Thấy tiếng chào của cô vững giọng quá tôi muốn thử cho biết.

" Thưa bà, vâng ạ. Tôi muốn cho cháu tới học vì ông già cháu là người Việt."

Tôi ngạc nhiên vì lối phát âm rặt giọng địa phương miền cực nam nước Việt, nơi tôi đã từng có thời "ngồi" tới sáu năm. Nhưng tôi cũng bấm bụng cười vì lối dùng chữ khá tức cười của cô đầm chay này. Tôi tò mò thử tiếp.

"Cô muốn nói cháu có cha là người Việt?"

Cô đầm không nhận ra chủ tâm của tôi, chẳng chút bối rối.

"Dạ, bà nói đúng, ông xã tôi là người Việt Nam."

Tôi cười. Cô đầm cũng nhoẻn miệng cười theo. Nghe được cái giọng chân chất của địa phương nơi khởi đầu những ngày dạy học, tôi thấy mọi sự trở nên ngộ nghĩnh lạ lùng. Tôi vui miệng.

"Cô nói tiếng Việt hay và rõ quá. Nếu chỉ nghe giọng nói mà không nhìn thấy mặt, tôi nghĩ chắc chắn là tôi tưởng đang nghe một người Việt nói tiếng Việt."

"Bà quá khen. Tôi còn phải học hỏi nhiều."

Tôi tò mò.

"Ai dạy cô nói tiếng Việt mà hay quá vậy?"

Bặm môi, lưỡng lự, Monique như châm chọc.

"Không có ai dạy tôi cả."

Nhìn vẻ mặt chưng hửng của tôi, Monique chắc vừa lòng lắm. Cô tiếp.

"Tôi nghe và bắt chước ông xã tôi và các bạn của ông ấy."

Bụng tôi đã có ý nể cô đầm thông minh này. Tự học mà nói được tiếng Việt như vậy dễ có mấy người. Tôi thành thật khen.

"Như vậy chắc chồng cô hài lòng lắm nhỉ!"

Monique chớp mắt đứng tần ngần, tay bối rối vuốt mái tóc nâu đã quá mượt mà, giọng không vui.

"Chẳng phải vậy đâu, bà ạ!"

Một cô đầm khác (không biết sao những người Việt làm ngỡ ngàng ông Bá-Đa-Lộc này lại toàn là các bà các cô!) cũng là một người nói tiếng Việt loại *super*. Tên cô chắc nhiều người đã quen thuộc: Lily Doiron! Lần đầu tiên tôi nghe cô nói khi cô trả lời phỏng vấn của đài phát thanh Á Châu Tự Do có trụ sở tại Hoa Thịnh Đốn. Cô nói lưu loát bằng một thứ tiếng Việt nhuần nhuyễn bỏ dấu đàng hoàng. Chẳng là cô là một ca sĩ chuyên hát nhạc Việt Nam. Cô ca sĩ dễ thương Dalena hát tiếng Việt bằng lối phát âm rõ ràng Việt Nam đã là một hiện tượng của nền tân nhạc của chúng ta. Cô Lily cũng hát tiếng Việt. Cũng bỏ dấu ngon lành không ngọng nghịu. Cũng hát loại nhạc quê hương. Nhưng cô ăn đứt cô Dalena vì cô biết nói tiếng Việt. Chồng cô là một người Việt và họ đã có với nhau ba con. Điểm đặc biệt là con cô cũng nói tiếng Việt dấu diếc đàng hoàng như mẹ! Trong buổi lễ Kỷ Niệm Hai Bà Trưng do Hội Phụ Nữ Việt Nam tại Montreal tổ chức vào ngày 5/3/2006 vừa qua tại thính đường Père Marquette, cả gia đình cô đã trình diễn một màn hoạt cảnh gây xúc động mọi người có mặt. Ba đứa con của cô đã đóng vai ba trẻ ăn xin và cô con gái lớn nhất, chừng 10 tuổi, đã hát nhạc Việt ngon lành. Cảnh trên sân khấu là cảnh giả nhưng khán giả đã bị lôi cuốn thành cảnh thật khi họ ào ào tiến đến sát sân khấu bỏ tiền thật vào chiếc nón rách ăn xin của ba đứa trẻ có nửa giòng máu Việt trong người trong những bộ quần áo rách rưới vá chằng vá đụp.

Khi ra về, tôi cứ quẩn quanh nghĩ ngợi không yên trong bụng. Ba đứa trẻ chỉ có một nửa giòng máu Việt đã nói thứ tiếng quê cha một cách đàng hoàng trong khi quanh chúng ta có rất nhiều trẻ rặt giòng máu Việt mà nói được tiếng Việt theo trường phái... cố đạo chúng ta đã mừng húm! Nhiều em còn không nói được một chữ tiếng Việt, nhiều em còn không hiểu tiếng Việt, nói chi tới biết đọc biết viết chữ Việt. Phải chăng vì chúng ta, những bậc làm cha làm mẹ, chúng ta đã không ăn nằm với tiếng Việt như những cô đầm hãnh diện vì mùi nước mắm trên?

03/2006

VÒNG 1

Thân thể người ta chia ra làm ba vòng: vòng 1, vòng 2 và vòng 3. Giới mày râu thì chỉ lý tới vòng 2. Làm sao cho cái bụng bia đừng thành

thùng nước lèo là được. Còn vòng 1 là cái vòng thảm thương chẳng cần lý tới. Không lý tới vòng 1 của mình nhưng lại không thể không nghía tới cái vòng 1 của... người đối diện! Theo một cuộc thăm dò thì 46% các ông trên thế giới cho biết là khi đối diện với một người khác phái có vòng số 1 bắt mắt họ không thể không chôn mắt vào. Số phần trăm trên có ít quá không? Ngay cái thứ vô tri như nắng cũng cầm lòng không đặng, huống chi những đấng phàm phu tục tử.

Trưa bơn lơn. Nắng trên cao
Chờ em hở cổ lẻn vào lần khân
Dặn đi dặn lại bao lần
Mặc chi chiếc áo hở phần chứa thơ?
(Quan Dương)

Nắng lần khân thì gió cũng ỡm ờ.
có?
không?
nơi kẽ rập rình
hay trời vén gió si tình
chết
ngây
đứng trân
nghe áo tỏ bày
ơi vòng nhuyễn thể
hồn bay
một tờ.
(Hoàng Xuân Sơn)

Cái vòng nhuyễn thể đó là gì vậy? Đó là tập hợp những mô mỡ và tuyến sữa. Nhưng sự tập hợp này không phải ai cũng như ai. Có người nghễu nghện, có người khiêm cung. Cùng một vóc dáng, cùng trọng lượng nhưng cái vòng số 1 không bắt buộc cùng kích cỡ như nhau. Sự phát triển đôi gò biểu trưng của phái nữ phát triển nhiều hay ít tùy theo sự chi phối của một số hormone sinh dục nữ được tiết ra từ buồng trứng kể từ khi đến tuổi dậy thì. Người nhiều *hormone* thì xênh xang bộn bề. Người ít *hormone* thì... *hai Kiều e lệ nép vào dưới... da*! Ngay cả nơi một người, bên tả bên hữu cũng có khi không cân phân. Nhất bên trọng nhất bên khinh.

Hình dáng của cái khối dịu mát này được đồng hóa với các loại trái cây tươi mát mật ngọt. Chúng ta thử đi từ dậy thì đi lên: chanh, cam, lê, bưởi, dừa và... mướp! Trái cây của trời đất tùy theo phong thổ hay giống mà ngọt nhạt khác nhau. Trái cây của chúng ta thì muôn hình vạn trạng, ngọt nhạt khác nhau, hương hoa cũng khác nhau. Thường thì nó là tổng hợp của một thứ... *bodymade*, mỗi trái mỗi khác, chẳng trái nào giống trái nào. Bà chúa thơ nôm Hồ Xuân Hương, chẳng biết có trông mình mà ngẫm đến ta không mà lại không ví von với trái cây, mà ví với bánh trôi nước. Nghe lãng đãng nổi trôi hết cỡ.

Thân em vừa trắng lại vừa tròn
Bẩy nổi ba chìm với nước non
Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn
Mà em vẫn giữ tấm lòng son.

Sao lại bánh trôi khiêm nhượng mà không bánh dầy, bánh bao? Hẳn cũng có lý do. Cái thứ bánh trôi này ở thời nữ sĩ Hồ Xuân Hương thì phải rào chắn kỹ càng, không thể vươn lên trước mắt công chúng được. Những dừa những bưởi thời đó là một điều bất tiện cần phải giấu giếm. Ngày nay không dừa, không bưởi cũng phải đôn lên cho ra dừa ra bưởi. Chẳng ai muốn thua chị kém em. Muốn đôn lên thì phải độn. Ngày xưa khoa học chưa tiến bộ nên chỉ có độn phía bên ngoài bằng cách tạo ra những cái... vung bằng cao su đủ kích cỡ nhét trong áo ngực. Tiện nhưng không bảo đảm. Có khi miếng cao su buồn tình nhúc nhích tạo nên những tình huống khó cười. Có thể chị chàng nằm không đúng vị trí tạo nên một cặp núi đồi lệch lạc không vừa mắt. Có thể chị chàng nổi máu phiêu lưu đi du lịch xuống phía Nam tạo thành một ngọn đồi thừa thãi. Có thể máu giang hồ đậm đặc quá, chị chàng nhảy phóc xuống đất gây nên một thảm trạng từ đỏ mặt tới ù té chạy bán sống bán chết. Bất tiện nữa là khi nhập cuộc thân mật, mặt nạ bị lột ra, nỗi chán chường xâm chiếm làm mất vui đi.

Ngày nay người ta không chấp nhận những sự bất tiện đó nữa. Đã chơi thì chơi tới ngọn nguồn lạch sông. Nâng lên là nâng một cách vĩnh viễn, trước sau như một chứ không có cái lối người ngoài nhìn vào thì khác mà bồ bịch chồng chiếc lại cảm thấy khác. Phần thiệt hại thuộc về những người thân! Bởi vậy nâng cấp là cấy sâu vào bên trong, giữ rịt trong đó. Vậy là anh chàng *silicon* vào việc.

Bác sĩ phẫu thuật sẽ phải đối đầu trước hết với tình trạng chia bệnh nhân ra hai loại: loại chưa có con và loại đã có con. Với loại chưa có con, bác sĩ sẽ khám kỹ xem bệnh nhân có thực sự cần phẫu thuật không để đưa ra lời khuyên tốt nhất. Với nhóm đã có con thì cứ thoải mái...

hành hiệp. Tuy nhiên những người đã có bệnh tim mạch, tiểu đường và bướu cổ thì phải thận trọng, cần tham khảo trước các bác sĩ chuyên khoa.

Sở dĩ cần phân loại như vậy là vì con Tạo sinh ra vòng số 1 của phái nữ một cách sầm uất là có mục đích cả. Đó là cái bầu sữa để nuôi con chứ không phải một thứ để làm dáng. Nhũ hoa là một cách gọi rất hợp ý trời tuy ý trời ngày nay hình như không hợp với ý các bà. Đó là một thứ trời cho để... cân bằng sắc đẹp! Trời không cho thì bác sĩ phẫu thuật cho. Cũng vậy thôi!

Sau khi khám kỹ lưỡng về hình dáng và kích thước của ngực, bác sĩ sẽ quyết định cách phẫu thuật: hoặc rạch ở nách, hoặc ở quầng vú, hoặc ở dưới vú. Sau đó túi ngực silicon được nhét vào bên cạnh tuyến sữa để không gây ảnh hưởng tới việc tạo sữa và nuôi con. Tạo hình nổi cộm như vậy có lợi gì không? Lợi chứ!

Giờ học vật lý, giáo sư dạy về các chất liệu. Thầy đặt câu hỏi:

"Nếu bây giờ các em được chọn một chất liệu quý có trên thế giới này, các em sẽ chọn chất gì?"

Sinh viên thứ nhất giơ tay xin trả lời:

"Thưa thầy, em sẽ chọn vàng. Có vàng em sẽ có nhiều tiền để có thể mua được một chiếc xe BMW."

Sinh viên thứ hai xin nói:

"Thưa thầy, em sẽ chọn platine. *Platine ngày nay có giá hơn vàng*. Như vậy em sẽ mua được một chiếc xe đắt tiền hơn. Em thích xe Mercedes."

Sinh viên thứ ba vội giơ tay:

"Thưa thầy, em nhất định sẽ chọn silicon."

Giáo sư ngạc nhiên, hỏi:

"Sao vậy?"

Rất tự tin, em sinh viên trả lời ngay:

"Thưa thầy, mẹ em có hai bịch silicon, và thầy không thể tưởng tượng được có bao nhiêu xe hơi loại xịn nhất đậu trước cửa nhà em đâu!"

Silicon oai hùng như vậy nhưng nhiều bà vẫn từ chối nhét *silicon* vào trong người vì sợ. Họ sợ bị ung thư ngực. Các bác sĩ phẫu thuật cực lực bác bỏ điều này. Họ cho biết là túi ngực được đặt vào cơ thể là một chất liệu được sản xuất theo tiêu chuẩn tuyệt đối an toàn. Một nhóm các nhà nghiên cứu do Joseph McLaughlin, Chủ Tịch Viện Dịch Tễ Học ở Rockville cầm đầu, đã phân tích dữ liệu của trên ba ngàn phụ nữ Thụy Điển được giải phẫu thẩm mỹ ngực từ năm 1965 đến 1993. Kết quả cho thấy là những phụ nữ cấy ngực không hề có nguy cơ gia tăng ung thư vú hơn những người không cấy ngực. Tuy nhiên, vào năm 1992, Hoa Kỳ và sau đó Canada cũng đã cấm cấy ngực bằng chất silicone vì lo ngại sẽ gây nên nhiều loại bệnh như rối loạn hệ miễn dịch, viêm khớp hay ung thư. Mới đây lệnh cấm này đã được giải tỏa. Không có nguy cơ nhiễm ung thư nhưng cấy ngực nhiều khi cũng sinh ra rắc rối. Như một trường hợp vừa xảy ra tại Nữu Ước.

Ba bà cấy ngực đã đâm đơn kiện ông bác sĩ giải phẫu trước tòa Tối Cao Manhattan vì đã cho các bà những bộ ngực cỡ của cô đào Pamela Anderson. Quý vị thường xem xi nê chắc đã nghe danh bộ ngực quá đồ sộ đến dị hợm của cô đào sexy này. Ông bác sĩ gặp nạn là Brad Jacobs, một bác sĩ giải phẫu tốt nghiệp tại Đại Học danh tiếng McGill trong thập niên 1980. Vì đâu nên nỗi? Theo Luật sư Gary Douglas cãi cho ba bà này thì không những ông bác sĩ nhét vào những bộ ngực đồ sộ và, quan trọng hơn, là những thứ nhân tạo này đã tạo nên sự bất cân đối trầm trọng với kích thước thân thể của các bà. Luật sư John Jankoff của bác sĩ Jacobs phản pháo lại: các thân chủ của bác sĩ Jacobs đã chỉ nhận được những gì họ muốn. Họ đã được cho coi những hình ảnh và họ chọn kích cỡ theo những hình ảnh này. Tham lam muốn to cho đáng đồng tiền bát gạo thì ráng mà mang, kiện tụng chi nữa! Nhưng trong đơn kiện, các bà nêu lý do vì bác sĩ cấy cho những bộ ngực quá lớn nên họ "chịu những thương tổn tại vùng ngực và các nơi khác khiến họ phải ở trong nhà và chữa trị bằng nhiều loại thuốc." Tờ *New York Post* thuật lại lời của bà Felice Rosenbaum, 40 tuổi: "Tôi muốn có cỡ 34B nhưng sau khi giải phẫu thì ngực lớn đến dị hợm." Bà Cornelia Ion, 27 tuổi, cho biết đã tốn hết sáu ngàn đô tiền thuốc để mổ thêm hai lần nữa tu sửa lại đôi gò bồng đảo quá cỡ thợ mộc! "Tôi và bác sĩ đã thỏa thuận là ông ta sẽ không độn vào quá đáng. Tôi đã nói rõ với ông ta là tôi không muốn cỡ 2-D. Vậy mà bây giờ cỡ của tôi y chang 2-D." Còn bà Iolanda Rodriguez thì la làng: "Tôi được ông ta bơm vào cỡ D, khi sửa lại thì ông ta lại chơi luôn tới hơn 2-D, gần 3-D lận!"

Quý vị nào không thông thạo tình hình A, B, C, D thì đừng hỏi tôi đó là những "ám hiệu" gì. Người thông thạo là các bà. Cứ đó mà hỏi là chắc ăn như bắp!

Có nhiều bà sợ cảnh máu đổ thịt nát nhưng vẫn muốn... gia cố cái vòng số dách. Bèn chơi trò hút chân không. Hút chân không? Quảng cáo của một cơ sở thẩm mỹ tại Sài Gòn vi vút như thế này: "Cùng với thời gian, các cơ ngực của bạn sẽ bị chảy sệ, nhưng giờ đây, bạn khỏi lo về điều đó, chúng tôi sẽ giúp bạn có một bộ ngực săn chắc như ý muốn." Giúp bằng cách "không cần phẫu thuật, không đau, mà chỉ sau 15 ngày, số đo vòng 1 sẽ được cải thiện 5 — 7 cm." Nếu nghe bùi tai, muốn rềnh rang thêm từ 5 đến 7 phân nữa, bạn phải chi 3,3 triệu đồng cho 15 ngày điều trị. Bệnh nhân sẽ được bôi kem, làm massage, được chụp một dụng cụ trông giống cái bát lên hai bên ngực, cắm điện rồi hút chân không. Sau mỗi ngày, máy được điều chỉnh tần số cao hơn, cảm giác đau đớn cũng tăng. Kết quả, vòng 1 có phồng lên, nhưng ấn vào hơi đau. Thây kệ đau, miễn là đi đứng thấy tự tin hơn là được. Nhưng thường thì ngày vui ngắn chẳng tầy gang. Chỉ khoảng hai tháng sau, một buổi sáng thức giấc, bạn sẽ thấy hàng họ bỗng tiêu điều như bánh bao gặp mưa! Lớp da đã được hút phồng lên nay nhăn nheo trông còn bà già hơn trước. Xong một giấc mộng... lớn!

Thực ra, phương pháp hút chân không chỉ là một tiểu xảo nhất thời. Lớp kem massage được quảng cáo là có tác dụng làm nở ngực thực chất là để giữ nước hoặc là thuốc bổ sung nội tiết tố, kích thích tuyến vú phát triển. Nhưng ngực được cấu tạo bởi các mô mỡ, những người gầy ngực vẫn không thể phát triển ngay cả khi nội tiết tố đầy đủ. Không có bột, gột chi được nên hồ!

Chẳng phẫu thuật, chẳng hút chân không, cô bé người Trung Quốc Trịnh Hy Phiên vẫn cứ bề thế. Quá bề thế là đằng khác! Cô là người có bộ ngực lớn nhất thế giới. Mỗi bên bầu ngực nặng tới 10 kí, chiều dọc 48 phân, bề ngang 30 phân! Để vác cái vòng số 1 đồ sộ như vậy, cô đi đứng rất khó khăn. Một vừa hai phải thôi, cái gì nhiều quá cũng dị dạng. Cô bé 14 tuổi này rất khổ tâm khi bị bạn bè xa lánh và bị đám thanh niên luôn luôn cười nhạo một cách bất lịch sự và đặt cho cô cái tên "con bò sữa"! Không hiểu bộ ngực này đã được ghi vào kỷ lục Guinness chưa?

Tạo hóa sanh ra bộ ngực của người đàn bà không phải như một món trang sức, càng không phải là một vật mỹ thuật, và rất không phải là một biểu hiện dục tính. Chính con người đã hiểu lầm ý của Đấng sáng tạo. Chúng ta đã nâng bộ ngực lên hàng... quý tộc. Rồi màn che trướng rủ như một niềm bí mật. Khi sở hữu chủ của bộ ngực nhận chân ra được giá trị của thứ trái cây lủng lẳng phía trước thì bộ ngực tự nhiên có giá. Cái giá khi thì tính bằng tình cảm, khi thì tính bằng tiền bạc, khi thì tính bằng sức mạnh, khi thì tính bằng... chiến tranh. Muốn hòa bình, chúng ta đã có một mô hình mẫu từ lâu: mô hình của những dân tộc thiểu số. Bộ ngực của những người nữ nơi miền thượng du được mọi người thừa nhận là một cơ phận để nuôi con. Chỉ có thế thôi. Không hơn không kém. Khi đã được coi như một cơ phận bình thường trên cơ thể như bàn tay bàn chân thì ngực cứ phô ra một cách tự nhiên. Và cái nhìn của người khác là một cái nhìn bình thường, dửng dưng! Cái gọi là văn minh đã bóp méo vòng số 1, gán cho chúng ý nghĩa dục tính. Nhảm nhí quá sức!

Bộ ngực của bà Di Peel thì lại là một dụng cụ... văn hóa! Bà dùng chúng để tạo ra những bức tranh sơn dầu. Người đàn bà đã có hai mặt con, cư ngụ ở Tasmania, thuộc Úc Đại Lợi, đã đổ sơn lên ngực, nằm đè lên tấm vải bố trải sẵn trên mặt bàn để vẽ hoặc bà đổ sơn trên một tấm vải bố rồi dùng núm ngực làm cọ để tạo nên một bức tranh. Khi muốn dùng màu khác cho bức tranh, thay vì rửa cọ, bà Di Peel phải đi tắm! Với "bút pháp" lạ lùng như vậy, tranh của bà lên giá vùn vụt. Đầu tiên bà bán với giá 5 bảng Anh một bức, rồi tăng lên 10 bảng, và bây giờ giá đã là 40 bảng. Tranh... ngực của bà ra sao, chính bà đã nhận xét. "Chúng như những bông hoa mơ hồ không hình khối. Bức vẽ gần đây nhất của tôi trông giống như trái đất nằm giữa vũ trụ, nhưng con trai tôi đặt tên là 'Động Đất' vì cháu bảo trông giống như một vụ động đất hơn!"

Tin... nghệ thuật này đã làm buồn lòng các ông bạn họa sĩ của tôi không ít. Nếu trường phái vẽ bằng vòng số 1 này chiếm lĩnh thị trường tranh thì các ông ấy đành giải nghệ hết. Lấy chi mà vẽ đây!

05/2006

Website: www.songthao.com

Thiền sư Nhất Hạnh ký hợp đồng phim **"Đường Xưa Mây Trắng"** mà không lấy tiền bản quyền!

TIỂU KÝ

Nhiều người rất ngạc nhiên khi thấy báo chí loan tin về đại hội điện ảnh Cannes (Pháp quốc), ngày 23 tháng 5, 2006 có đăng hình thiền sư Nhất Hạnh và các vị đệ tử đứng tươi cười, đằng sau là hình các tài tử, đạo diễn v.v.. quần áo lộng lẫy. Tăng đoàn đã được mời tới Cannes trong buổi công bố việc ký kết hợp đồng cho phép làm phim về cuộc đời đức Phật dựa trên cuốn Đường Xưa Mây Trắng của Thiền sư Thích Nhất Hạnh. Cuốn phim sẽ do một nhà tư bản Ấn Độ, ông Bhupendra Kumar Modi bỏ vốn. Nhưng chưa có báo nào nói về hợp đồng lạ lùng giữa Thiền sư Nhất Hạnh và nhà đầu tư B.K Modi, vì tác giả không lấy tiền bản quyền.

Đây là một hợp đồng rất đặc biệt vì không những tác giả Nhất Hạnh không nhận tiền bản quyền như thông lệ, vị thầy tu già 81 tuổi chỉ đòi hỏi một điều kiện - có lẽ duy nhất trong lịch sử phim ảnh thế giới: *Từ người bỏ vốn (ông B. IK. Modi), đến giám đốc sản xuất, người viết phim, phân cảnh, cho tới các tài tử, tất cả phải dự một khóa tu tập cùng thiền sư và tăng đoàn Làng Mai* (tại làng hay tại một tu viện của Làng Mai, ở Pháp, hoặc ở Hoa Kỳ (California, Vermont) hay ở Việt Nam, nếu tình cờ Thiền sư có mặt ở xứ nào đúng thời gian mà nhóm làm phim đã chọn xong người, muốn tới thực tập.

Riêng ông giám đốc sản xuất Michel Shane (từ Holywood) và người viết phân cảnh (Script writer) từ cuốn Đường Xưa Mây Trắng sẽ phải tới Làng Mai ở hai tuần lễ để biên soạn và đưa tác giả duyệt ngõ hầu diễn tả đúng với của ý của người viết cuốn sách. Michel Shane cho báo chí biết ông muốn làm cuốn phim thành một thiên "anh hùng ca vĩ đại." Thiền Sư Nhất Hạnh đề nghị nhóm người thực hiện cuốn phim sẽ sinh hoạt với tăng đoàn Làng Mai như một gia đình lớn, tập hạnh lắng nghe và dùng ái ngữ để thông đạt những ý kiến bất đồng nếu có. "Khi có thể hiểu nhau, thương nhau và chung sức làm phim, chúng ta mới có thể cống hiến cho thế hệ tương lai những tuệ giác của Bụt, Buddha."

Mong ước của tác giả Nhất Hạnh là các tài tử có cơ hội học được hạnh đi, đứng, nằm, ngồi, nói, cười trong ý thức chánh niệm và đạt được một chút thực chất của Hiểu biết, Thương yêu thấm nhuần trong lòng họ. Như vậy, khi đóng vai Bụt hay các nhân vật chung quanh ngài, các tài tử có thể thực sự biểu lộ được uy nghi, chánh niệm và lòng từ ái, chứ không chỉ đóng "giả bộ" là diễn tả được cách hành xử của người tu (pretend to be mindful, compassionate, pretend to respect fine manners). "Mấy người viết truyện phim, đạo diễn, người điều hành v.v... cũng cần có những phẩm chất tu tập trong họ mới có thể đóng góp về phương diện này cho công trình thực hiện cuốn phim." Vì vậy, cả đoàn người làm phim sẽ phải vừa tu tập vừa thực hiện công tác nghệ thuật này.

Modi rất đồng ý với Thiền sư Nhất Hạnh về điểm này. Ông cũng có ý làm một phim về cuộc đời đức Phật để nhân loại nhìn vào tấm gương Từ bi Trí tuệ của ngài mà giảm được các khổ đau, bớt chiến tranh, khủng bố.

Nhà tỷ phú Ấn Độ B. K. Modi đã có ý định làm một phim về Đức Phật từ 17 năm nay, theo lời ông nói. Ông đã bái yết Đức Đạt Lai Lạt Ma để thỉnh ý, cũng như đã tham khảo nhiều Phật tử khác, người Ấn Độ cũng như người ngoại quốc. Ông đã quyết định bỏ ra 120 triệu Mỹ Kim để quay cuốn phim căn cứ trên cuốn Đường Xưa Mây Trắng, sau khi ông được đọc cuốn sách này bằng tiếng Hindi (ngôn ngữ chính của Ấn Độ), cách đây hai năm. Ông cho biết cuốn sách đã chuyển hóa cuộc đời ông, một người theo Ấn giáo - Hinduism; cho nên dù gia đình ông phản đối, ông

Hàng trước: Phía bên phải Thiền Sư Nhất Hạnh là Dr. Modi, bên trái là hai trong những vị ủng hộ Dr. Modi làm cuốn phim này, đứng sau Thiền Sư Nhất Hạnh là thầy Pháp An, ở phía sau là Tăng Thân Làng Mai.

cũng nhất quyết biến cuốn sách thành một cuốn phim có "giá trị để đời," mong giúp nhiều thế hệ tương lai biết cách sống từ bi và trí tuệ.

Sau khi biết tác giả Thích Nhất Hạnh vẫn còn tại thế, ông Modi đã liên lạc với nhà xuất bản Paralax lấy địa chỉ và gửi một luật sư tới Làng Mai (miền Tây Nam nước Pháp) để thương thuyết về bản quyền. Thiền sư Nhất Hạnh đã từ chối không thảo luận những con số từ nửa triệu mỹ kim được đưa ra, nhưng tỏ ý muốn gặp người có ý làm phim. Vì vậy ông Modi đã đến gặp ông thầy trong ba ngày, từ 27 tới 29 tháng 3 vừa qua (2006). Sau cuộc gặp gỡ, Thiền sư Nhất Hạnh tỏ ý muốn cúng dường chư Phật, không lấy tác quyền, chỉ đề nghị ông tặng một phần tiền thu lợi (1%) giúp cho các trẻ em đói khổ của xứ Ấn. Hiểu và cảm thông sâu xa được tâm nguyện này ông Modi rất cảm động, nên đã xin được góp thêm 1% nữa vào quỹ từ thiện giúp trẻ em đói ở khắp nơi, trong đó có Việt Nam.

Đường Xưa Mây Trắng là cuốn sách kể chuyện đời đức Phật Thích Ca qua con mắt của chú bé chăn trâu Svasti, sau xuất gia, trở thành một vị đệ tử của Phật. Đó là chú bé cúng dường cỏ bồ đề cho sa môn Tất Đạt Đa tĩnh tọa suốt 49 ngày trước khi thành đạo. Nhiều độc giả Việt Nam cho rằng Đường Xưa Mây Trắng kể chuyện đời đức Phật mà hấp dẫn không thua gì truyện chưởng! Các độc giả quốc tế coi đó là cuốn sách đầy phẩm chất tâm linh khiến người ta phải đọc liền, trang này sang trang khác và thấy lòng chuyển hóa.

Xuất bản lần đầu tiên bằng Việt Ngữ năm 1988, sách Đường Xưa Mây Trắng tiếp tục thuộc vào loại sách bán chạy nhất tại Bắc Mỹ và các xứ Âu, Á khác, đã dịch ra 20 ngôn ngữ khác nhau. Tại Trung Quốc, nhà nước Cộng Sản đã cho phép in và tái bản nhiều lần cuốn sách này bằng Hoa ngữ, từ khi họ chính thức thỉnh mời thiền sư Nhất Hạnh qua giảng dạy cho các tăng ni từ năm 1997 và nhiều lần các năm sau đó.

Tờ báo chuyên điểm sách Library Journal viết: "Đó là cuốn sách tác giả viết bằng trái tim của mình, dùng các nguồn tài liệu quan trọng (bằng tiếng Phạn và tiếng Hán) về cuộc đời đức Phật. Văn phong mới mẻ, đầy chất thơ của ông có thể làm say mê các độc giả sơ cơ cũng như các Phật tử thuần thành..."

Tiến sĩ B.K. Modi từ 31 năm qua, đã được coi là một công dân thế giới sau khi cơ sở của

ông thiết lập nhiều hệ thống thông tin cao cấp cho Ấn Độ và quốc tế. Không chỉ góp phần vào việc phát triển kinh doanh, Modi có nguyện vọng phục vụ nhân loại qua những cơ sở kinh tế chú ý tới đạo đức nghề nghiệp và phục vụ cộng đồng. Là chủ tịch hội Maha Bodhi Society và nhiều tổ chức từ thiện khác, Modi mong gây dựng niềm tự tin cho dân Ấn, đồng thời cổ võ tình huynh đệ quốc tế, không phân biệt tôn giáo, chủng tộc. Ông Modi rất năng động trong việc cổ võ sự hợp tác giữa những người khác văn hóa, khác tôn giáo và truyền thống, mong góp phần sớm chấm dứt các bạo động của xã hội ngày nay. Ông đã tổ chức nhiều hội luận khắp thế giới về Hòa Bình, Chân Lý, Từ Bi và Bất Hại. Modi được đức Đạt Lai Lạt Ma coi là một người bạn tốt của ngài. Dự án cuốn phim về đời đức Phật đã được ngài ban phép lành, và ngài sẽ có mặt tại Hollywood vào ngày 11 tháng 9 năm nay, khi cuốn phim về Đường Xưa Mây Trắng chính thức được khởi công. Modi mời tác giả tham dự buổi ra mắt sắp tới đó nhưng không chắc thiền sư Nhất Hạnh qua dự được vì đã hứa hướng dẫn cho một khóa tu khác tại Âu Châu trong thời gian đó. Là một nhà kinh doanh tỷ phú Ấn Độ, có tài sản khoảng 2.4 tỷ Mỹ Kim, Modi muốn làm cuốn phim về cuộc đời đức Phật từ nhiều năm qua. Ông tuyên bố với báo Hollywood Reporter: "Sau nhiều năm nuôi ý làm cuốn phim về Buddha, nay tôi mới có thể thực hiện mộng ước của mình. Tôi tìm được cuốn Đường Xưa Mây Trắng từ hai năm qua, cuốn sách này đã thay đổi đời tôi và nay tôi nghĩ, phải chia sẻ niềm hạnh phúc của tôi với cả thế giới." Được biết cuốn phim này sẽ nhắm vào lớp khán giả 15 đến 25 tuổi.Tuy theo Ấn Độ giáo nhưng ông Modi rất kính phục Bụt Thích Ca, là nhân vật có thật trong lịch sử, một đại sư của xứ Ấn Độ được loài người vô cùng tôn kính. Ông Modi đã từng được nhiều nhà Phật học danh tiếng đề nghị các "kịch bản" về đời đức Phật, theo truyền thống Nam tông có, Bắc tông có, nhưng cho tới nay, ông mới tìm được cuốn sách ưng ý làm nền cho tác phẩm điện ảnh đầu tiên do ông sản xuất. Đây là lần đầu tiên ông bỏ vốn làm phim và ông đã sang ở Hollywood, lập một công ty, Buddha Films.Thiền sư Nhất Hạnh nói với báo chí: "Bụt có thể không vui vì bị thần thoại hóa quá nhiều trong những thế kỷ qua. Cuốn phim này có thể giúp ngài trở lại hình ảnh một Con Người như chúng ta."

Đám Cưới Đầu Thế Kỷ
Hạnh Phúc Dài Trăm Năm

Rất vui nhận được Thiếp Báo Hỉ do Anh Chị Nguyễn Đình Cường ở Artesia, báo tin Lễ Thành Hôn của Trưởng Nam,

cháu Nguyễn Đình Mặc Huy

sánh duyên cùng

Samantha Cao Hồng Mỹ

Thứ Nữ của ông bà Cao Anh Phong ở Baldwin Park.
Hôn lễ cử hành ngày 24 tháng 6 năm 2006.

Xin góp lời mừng cùng hai họ Nguyễn và Cao, và chúc hai cháu Mặc Huy và Samantha Hồng Mỹ
đám cưới đầu Thế Kỷ thật vui và hạnh phúc dài suốt trăm năm này.

Gia Đình ***Trần Văn Lệ*** *&* *Gia Đình* ***Nguyễn Phúc Liên Kỳ***
Los Angeles North Hill

Đường Xưa Mây Trắng - Hit 12

PAUL WILLIAMS

Sư Cô HƯƠNG NGHIÊM *dịch*

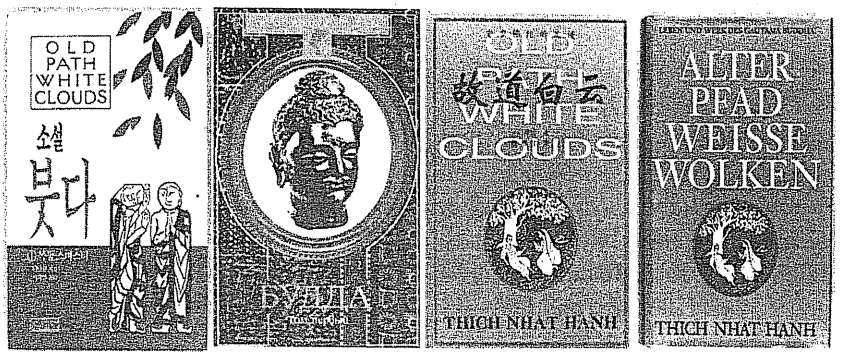

***Lời người dịch**: Trong bài nói chuyện về 20 năm thành lập Làng Mai, Sư Ông* (Nhất Hạnh – TK21) *có kể về thời gian viết cuốn sách Đường Xưa Mây Trắng. Lúc đó Sư Ông tin rằng người đọc cũng sẽ có nhiều hạnh phúc như khi Sư Ông viết cuốn sách đó. Sau khi được dịch ra tiếng Anh, sách tiếp tục được dịch ra nhiều thứ tiếng khác và được phổ biến rộng rãi khắp nơi kể cả Trung Quốc. Mười ba năm sau, Paul Williams, một nhà văn và phê bình văn học người Mỹ, trong cuốn "The 20th Century's Greatest Hits: A Top 40 List, what works of art should be remembered and why? (nhà xuất bản Forge/St Martin năm 2000, ISBN 0-312-87391-3) đã chọn cuốn Đường Xưa Mây Trắng, bản dịch tiếng Anh của Mobi Ho, làm "Hit" thứ 12. Dưới đây là bản dịch Việt Ngữ.*

H.N.

Đây là cuốn sách viết về cuộc đời của Siddhartha Gautama, nhà triết học và lãnh đạo Tôn giáo người Ấn, sống trong thế kỷ 500 trước Thiên chúa. Sách được viết bằng tiếng Việt vào cuối thế kỷ hai mươi tại Pháp Quốc và tác giả là thiền sư Nhất Hạnh, vừa là thi sĩ, học giả và người tranh đấu cho hòa bình. Thầy đã từng qua Bắc Mỹ châu trong thời cao điểm của chiến tranh Việt Nam để kêu gọi hòa bình, tìm cách lên tiếng nói để phá tan những quan điểm sai lầm đã tạo ra chiến tranh Việt Nam. Tại Hoa Kỳ thầy Nhất Hạnh đã có nhiều dịp nói chuyện với sinh viên học sinh, giáo sư, nhân viên chính phủ, và giới kêu gọi hòa bình. Năm 1967, Thầy được mục sư Martin Luther King, Jr., người lãnh đạo giới kêu gọi quyền công dân, đề cử giải thưởng hòa bình Nobel.

Cuốn sách đã được viết thật sâu sắc về cuộc đời Đức Phật, một tác phẩm lớn của một nhà văn lớn thuộc hạ bán thế kỷ 20. Dù Thầy chưa được nhiều người trong giới văn sĩ biết đến nhưng Thầy đã là tác giả của hơn 30 tác phẩm quan trọng mà tôi nghĩ sẽ có giá trị lâu dài, trong đó gồm có tiểu thuyết, thơ, truyện ngắn, nhiều sách dịch giảng kinh điển Phật Giáo và rất nhiều sách dạy sự thực tập trong đời sống hàng ngày nhắm vào quần chúng đông đảo, trong đó có hai cuốn nổi tiếng được lưu hành rộng rãi là Peace is Every Step (An lạc từng bước chân) và Living Buddha, Living Christ (đã tái bản nhiều lần). Thật ra tất cả những gì Thầy Nhất Hạnh muốn chia sẻ với chúng ta trong những tác phẩm của Thầy đều có thể được tìm thấy trong cuốn Đường Xưa Mây Trắng. Tôi có biết một số tác phẩm do các tác

giả người Âu kể lại về cuộc đời của Bụt như cuốn Siddhartha của Hermann Hesse (1922) và cuốn The Light of Asia của Sir Edwin Arnold (1879), nhưng tôi vẫn nghĩ rằng chưa có cuốn nào hay như cuốn Đường Xưa Mây Trắng. Đó quả là một tác phẩm văn học trung thực ghi lại một cách đầy đủ đời sống và công trình của một nhân vật lỗi lạc đã gây hứng cảm cho biết bao nhiêu pho tượng mỹ thuật có giá trị. Dựa theo những tài liệu hiện còn lưu trữ mà Thầy đã nghiên cứu rất kỹ càng, Thầy cho thấy Bụt không phải là một đấng thần linh, Bụt là một người như chúng ta, cũng đã từng khổ đau như chúng ta. Thầy rất lưu tâm đến nội dung của từng tài liệu được nghiên cứu, Thầy so sánh, đối chiếu, chiêm nghiệm để biết rõ ai là người ghi chép lại, những phần nào người ghi chép muốn nhấn mạnh, muốn bỏ qua hay phóng đại. Nhờ vậy mà Thầy đã thuật lại cuộc đời của Bụt với tất cả xúc cảm và niềm tin của một người biết rất rõ không kém ai trong thời đại này về từng chi tiết và cảm nghĩ đã xảy ra cho Bụt và những người đương thời. Độc giả có thể cảm nhận được điều đó trong khi đọc cuốn sách và niềm tin càng tăng khi theo dõi từng câu chuyện được ghi chú rất rõ ràng trong phần phụ lục cuối cuốn sách.

Tuy nhiên cái điểm làm nổi bật cuốn Đường Xưa Mây Trắng không phải chỉ vì nó đã diễn bày lại một cách trung thực những sự trạng dựa theo Tạng kinh Pali, một tạng kinh đã có mặt từ hơn 2500 năm nay và được xem là nền tảng của đạo Bụt từ xưa đến giờ. Cái giá trị lớn nhất của Đường Xưa Mây Trắng, cũng như của các tác phẩm bạn được sắp vào hạng có tầm vóc lớn trong mục liệt kê này, cái giá trị đó nằm ở chỗ là đã nói lên được cái tâm thức, cái tình cảm, cái kinh nghiệm của một con người ở thế kỷ 20. Jorge Luis Borges (bài #32), trong tác phẩm của ông với tựa đề "Pierre Menard, Author of the Quixote," đã vẽ ra được một Don Quixote của thế kỷ 20 dù vẫn sử dụng một cách trung thành nguyên bản của thế kỷ 17, bởi vì tác giả là một con người của thế kỷ 20 với tâm thức và cá tính của một con người ở thời đại mới. Cho nên "Không phải là điều oan uổng dù 300 năm dài đã trải qua với bao nhiêu biến cố khốc liệt." Vì vậy mà chúng ta vẫn có thể nhận ra được bộ mặt của chiến tranh Việt Nam trong cuốn sách ghi lại cuộc đời của đức Bụt và tôi không khỏi giật mình khi nhìn thấy lại qua cuốn sách này cái lý tưởng mạnh mẽ đã lôi cuốn tôi khi tôi còn trẻ, tức là cái khoảng thời gian của những năm sáu mươi, cái thời của ban nhạc Beattles, của Mục sư Martin Luther King và chiến tranh Việt Nam. Ta có thể cảm nhận được niềm tự hào của thầy Nhất Hạnh khi Thầy khám phá ra sự thật là đức Bụt, con trai của một gia đình quý tộc Ấn, đã cứng rắn đối đầu với mọi áp lực từ gia đình cho đến ngoài xã hội khi Ngài cho phép người thuộc giai cấp "tiện dân" đụng vào thân thể Ngài và đi xa hơn nữa là nhận họ làm đệ tử của Ngài. Ngài đã dõng dạc tuyên bố: "*Con đường của chúng ta là con đường của bình đẳng. Chúng ta không công nhận giai cấp. Dù chúng ta có gặp nhiều khó khăn khi chấp nhận cho Sunita xuất gia, chúng ta vẫn phải có can đảm làm điều đó; thế hệ mai sau sẽ nhớ ơn chúng ta vì lần đầu tiên trong lịch sử, chúng ta đã dám mở cánh cửa này.*"

Rõ ràng mục đích của Thầy Nhất Hạnh khi viết cuốn Đường Xưa Mây Trắng chính là để trao truyền cái tinh thần vô úy đó cho độc giả, cũng tựa như Henry David Thoreau đã chịu ảnh hưởng sâu đậm của những lời Bụt dạy và thánh Gandhi thì chịu ảnh hưởng của Thoreau (bài #34) và các vị Đạt Lai Lạt Ma đương thời chịu ảnh hưởng của Bụt và các đệ tử của Ngài (bài #38). Tôi có thể nói rằng khó có ai đọc Đường Xưa Mây Trắng mà không cảm thấy lòng như ngây ngất say vì những tình cảm cao thượng cứ rạt rào từ trang này sang trang khác như những đợt sóng. Suốt cả tác phẩm là một thiên anh hùng ca tỏ bày lòng ngưỡng mộ chân thành trước một lối sống gương mẫu đầy những hành vi và mục đích cao cả, đọc thấy rất cảm động vì trong văn chương thời nay những điều này rất ít ai đề cập tới. Đọc xong cuốn sách, tôi thấy mình bị thu hút mãnh liệt bởi nhân cách vĩ đại của Bụt qua cái nhìn và ngòi bút của Thầy Nhất Hạnh. *Đường Xưa Mây Trắng là mối tình nồng nàn giữa Thầy và đức Bụt, cũng như tác phẩm Autobiography of a Yogi của Yogananda; Yogananda nói mình là người tình chung thủy của đấng tạo hóa, Thầy Nhất Hạnh cũng cho thấy Thầy là người tri kỷ của Bụt (chữ Thầy giống như chữ sensei tiếng Nhật).* Thầy thương Bụt với tấm lòng của một người đứng giữa một bối cảnh lịch sử phải chứng kiến biết bao nhiêu con người đẹp của

thế hệ Thầy, bao nhiêu giá trị đẹp đều bị tiêu hủy một cách vô lý bởi chiến tranh và Thầy đã tìm thấy được sự nương tựa nơi tấm gương trong sáng của Bụt và lấy cơ hội đó để giúp đỡ đồng bào ruột thịt.

Dù tôi chưa hề là một tín đồ tôn giáo, tôi vẫn có thể nói rằng đạo Bụt qua cách giảng dạy của Thầy Nhất Hạnh là một triết lý sống rất thực tiễn dựa trên kinh nghiệm của bản thân, không phải là một tôn giáo như bao nhiêu tôn giáo khác với những tín điều làm mình e ngại. Đây cũng là cái thấy của tôi khi tôi nghiên cứu kinh Dịch, đời sống tâm linh phải được hình thành từ những cố gắng cá nhân cho mình thấy rõ cái gì là thực và có lợi lạc. Nói một cách khác, niềm tin của mình được đặt trên căn bản của sự tự thực chứng chứ không phải do những lời dọa dẫm gây ra. Trong chương 62 của Đường Xưa Mây Trắng, Thầy Nhất Hạnh đã trích dẫn lời Bụt dạy một nhóm thanh niên trong một làng nọ: *"Này các bạn, các bạn hiện có đầy đủ tư cách để phán xét những gì nên tin và nên chấp nhận, và những gì không nên tin và không nên chấp nhận. Tôi xin nhắc lại: chỉ nên tin và chấp nhận những gì hợp với trí xét đoán của mình, những gì được các bậc hiền nhân chấp nhận và khuyến khích, những gì mà nếu đem ra thực hành sẽ đem lại niềm vui và hạnh phúc cho mình và cho kẻ khác. Những gì trái chống lại thì nên từ chối, đừng chấp nhận."* Lời dạy này đâu có phải là cái cách mà các tôn giáo khác thường trình bày.

Là một văn sĩ người Mỹ, tôi đã từng được học về các nhà thơ như Emerson, Clemens, Ginsberg, Dylan, Vonnegut, Faulkner, Jefferson và nhiều vị khác nữa, tôi thấy cái triết lý sống của họ cũng chẳng khác gì Đường Xưa Mây Trắng. Khi tôi được đọc Bản tuyên ngôn về nhân quyền thế giới (Universal Declaration of Human Rights) tôi thấy đó là một bài thơ diễm lệ hơn là một bản văn chính trị. Cho nên khi tôi đọc những tác phẩm của thầy Nhất Hạnh bằng tiếng Anh hay bằng tiếng Việt, những mẫu chuyện ghi lại từ những tài liệu bằng tiếng Pali, Sanskrit, và Hán văn, tôi cũng thấy đó là những áng văn tuyệt hay, thanh thoát nhẹ nhàng, không phải là những bản giáo điều khô khan. Điều làm tôi thương Thầy hơn cả là khi Thầy quy tụ được một số ít Phật tử giúp Thầy đối phó với tình trạng chiến tranh đang bùng nổ chung quanh, Thầy đã soạn ra một số quy luật dựa theo những gì Bụt dạy để giúp cho các tác viên xã hội nuôi dưỡng được lý tưởng từ bi cứu khổ của mình trong đời sống hàng ngày. Quy luật thứ nhất mà Thầy cho là quan trọng nhất là: *"Không được thờ làm thần tượng bất cứ một chủ nghĩa hay một lý thuyết nào, kể cả những chủ nghĩa và lý thuyết Phật giáo. Những hệ thống giáo lý trong đạo Bụt phải được nhận thức như những pháp môn hướng dẫn tu tập mà không phải là những chân lý tuyệt đối để bảo vệ và thờ phụng."* Đó là châm ngôn mà tôi nghĩ tất cả các tôn giáo khác cần nêu cao.

Thầy Nhất Hạnh đã chứng kiến ngay trên quê hương của mình bao nhiêu đồng bào già trẻ lớn bé đã bị tiêu hủy một cách thảm khốc bởi chiêu bài ý thức hệ, cho nên khi Thầy ghi lại cuộc đời của Bụt, Thầy không đưa ra một loạt những ý niệm để mình thờ phụng hoặc phải sống chết vì nó. Thầy đã rất ý thức về sức tàn phá của những chiêu bài ý thức hệ. Do đó Thầy đã tạo cơ hội để cho độc giả được nhìn thấy Bụt là một con người như mọi người, chỉ vì Ngài biết cách quán sát mọi sự mọi việc với một nhãn quan mới, Ngài đã giác ngộ và giải thoát mình ra khỏi mọi sai lầm của gia đình hay thầy bạn, đưa mình tới con đường tự do an lạc theo đó mình biết phải sống như thế nào cho chính bản thân mình và những người chung quanh. Và điều này, theo lời Bụt dạy, không ai mà không làm được và dù ở trong tình huống nào, ta cũng biết cách để tạo ra hạnh phúc.

Lối kể chuyện của Thầy thật hấp dẫn làm độc giả say mê dù không nhất thiết phải chọn con đường tu đạo. Chỉ cần để chút thì giờ và để hết tâm ý theo dõi và thưởng thức câu chuyện cho trọn vẹn là đủ. Không có gì phải ràng buộc, "không có gì phải lưỡng lự" đúng như John Lennon đã nói.

Bây giờ chúng ta hãy trở lại bàn thêm về khía cạnh nghệ thuật của tác phẩm, về kỹ thuật dựng chuyện của tác giả, câu chuyện thường bắt đầu từ đâu, đó là điểm quan trọng nhất; tôi vẫn thường tự hỏi Thầy đã học được ở đâu cái bí quyết sở trường này. Ai đang nói, ai đang trình bày sự kiện, dĩ nhiên là tác giả, nhưng Thầy thường dùng lối kể chuyện dựa trên quan điểm của một nhân vật phụ, thường là một nhân vật trẻ tuổi như trong Đường Xưa Mây

CÁC BẢN IN ĐƯỜNG XƯA MÂY TRẮNG Ở MỸ, ANH, PHÁP, ẤN, THÁI LAN, TRUNG QUỐC, ĐÀI LOAN, ĐỨC, VIỆT NAM, TIẾNG VIỆT TẠI MỸ, TIẾNG VIỆT TẠI PHÁP, NGA, ĐẠI HÀN, VÀ Ý

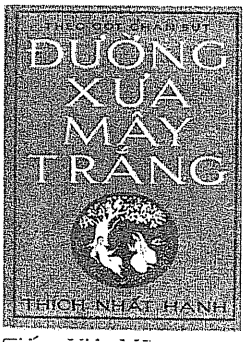

Tiếng Việt-Mỹ

Tiếng Hindu-Ấn Độ

Tiếng Đại Hàn

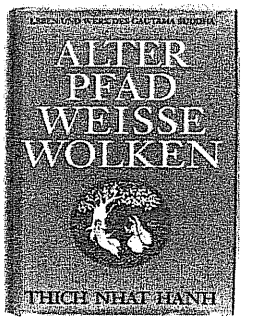

Tiếng Đức

Tiếng Nga

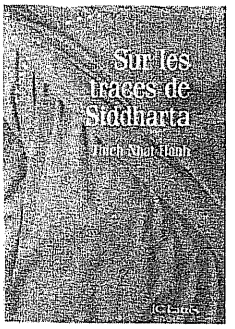

Tiếng Pháp

Tiếng Thái Lan

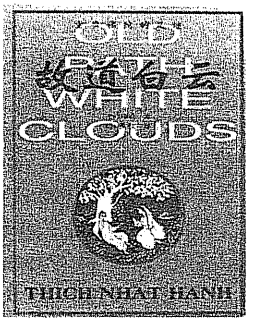

Tiếng Trung Quốc

Tiếng Việt-tại Việt Nam

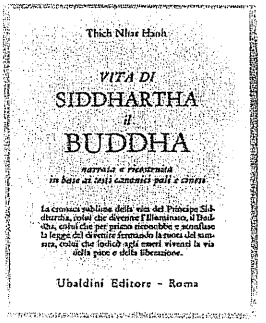

Tiếng Ý

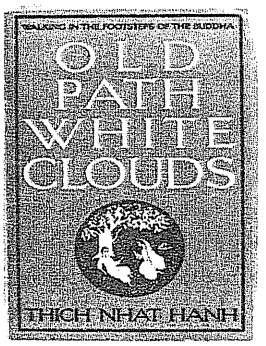

Tiếng Anh-Mỹ

Tiếng Trung Quốc-Hồng Kông

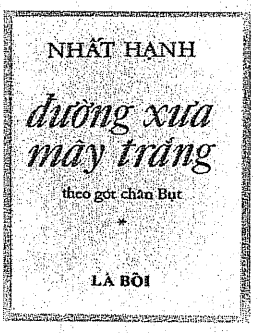

Tiếng Việt- Lá Bối

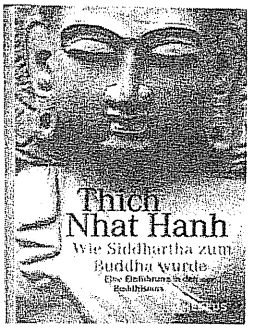

Tiếng Đức-tái bản

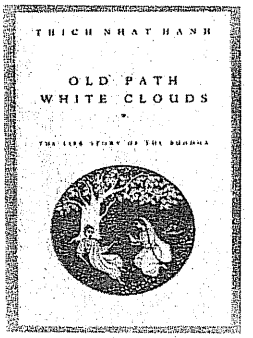

Tiếng Anh-London

Tiếng Việt-Việt Nam

Trắng, chúng ta được gặp chú bé chăn trâu Svastika trước tiên, chú bé thuộc giai cấp tiện dân và sau này là một thầy tỳ khưu trẻ tuổi.

Khi tìm hiểu về cuộc đời của chính Thầy Nhất Hạnh, mình mới hiểu rõ vì sao cuốn Đường Xưa Mây Trắng bắt đầu với một nhân vật trẻ tuổi, chú bé Svastika, lúc đầu mình tưởng Thầy làm thế để lôi cuốn giới độc giả trẻ tuổi. Sự thật là khi Thầy được chín tuổi, tức là nhỏ hơn chú bé Svastika hai tuổi, Thầy đã thấy trên bìa một tạp chí hình của đức Bụt ngồi tọa thiền trên cỏ thật là thanh thản và hình ảnh này đã làm Thầy xúc động mãnh liệt. Sau đó Thầy có dịp được cùng thầy cô giáo và các bạn đi du ngoạn trên núi; Thầy đã tách khỏi đám bạn và trèo lên núi một mình vì Thầy nghe nói có một đạo sĩ ẩn tu trên núi đó và Thầy phải tìm cách gặp vị đó cho bằng được dù có thể vì thế mà bị lạc trong rừng hay bị thầy cô giáo la rầy. Cho nên mình đã hiểu vì sao thầy Nhất Hạnh đã kể cuộc đời của Bụt qua cái nhìn của một chú bé chăn trâu, mà theo truyền thuyết chú đã bất ngờ gặp Bụt lúc đó là một đạo sĩ đang tọa thiền dưới một gốc cây bên mé rừng; chú bé đã bị thu hút bởi nụ cười hiền hậu của vị đạo sĩ cũng như cách tiếp xử ân cần của Ngài đối với chú là một người thuộc giai cấp "tiện dân." Svastika liền đi cắt cỏ đem về cho vị đạo sĩ làm gối ngồi thiền và lót chỗ ngủ. Vì thế, chú bé là người đầu tiên được gặp Bụt và hầu chuyện với Bụt sau khi Ngài thành đạo.

"Thưa Thầy, hôm nay con trông Thầy rất khác lạ." Đúng là một chứng nhân độc đáo! Trong khoảnh khắc đó, chú bé Svastika thay mặt tất cả chúng ta, cái thế giới được gọi là không Bụt để chứng kiến sự hình thành của một đức Bụt. Đến năm Svastika được hai mươi mốt tuổi, anh được Bụt mời đi xuất gia và anh đã rụt rè chấp nhận. Sau đó, theo sự sắp xếp khéo léo của Thầy, Svastika có cơ hội thuật lại cho bà Gotami nghe về những gì mà anh đã được tận mắt thấy hồi Bụt vừa thành đạo; Thầy còn công nhận rằng chính Svastika và các bạn trẻ trong làng đã gọi Bụt là Bụt, tức là "người tỉnh thức." Sau đó thì bà Gotami kể cho Svastika nghe từng chi tiết về thời thơ ấu của Bụt.

Svastika được làm bạn với Rahula, con trai của Bụt, cũng sắp được xuất gia. Và câu chuyện về cuộc đời của Bụt cứ theo vậy mà từ từ diễn tiến qua cái nhìn của Svastika. Ta thấy được sự thành đạt của Bụt trong khi đi hoằng pháp, đi đâu Bụt cũng tiếp nhận được rất nhiều đệ tử, gồm nhiều giới trẻ và giới thương gia giàu có, cũng giống như các nghệ sĩ nhạc Rock nổi tiếng ngày nay đi đâu cũng có người hâm mộ. Ta cũng thấy được những khó khăn của Bụt khi Tăng đoàn thiếu hòa khí, khi có những mưu toan chống lại Bụt, những đố kỵ hiểm khích từ những đạo sĩ của các môn phái khác. Thầy cũng kể rõ xuất xứ của từng bài pháp của Bụt mà sau này trở thành những kinh quan trọng và những đoạn văn này Thầy viết thật là xuất sắc.

Lâu lâu nhân vật Svastika lại xuất hiện để nhắc lại quan điểm của mình, cho ta thấy người thầy tu trẻ này là một người rụt rè khiêm tốn và rất trung thành với Bụt; đôi khi Svastika cũng hơi thất vọng về sự thực tập của mình, thấy mình còn nhiều vụng về và thiếu sáng suốt.

Nói tóm lại, cuốn sách được viết thật nhẹ nhàng dễ đọc và rất lôi cuốn, vì người viết đã không viết nó với tư cách của một giảng sư. Dĩ nhiên là trong nhiều tác phẩm khác, Thầy có hướng dẫn độc giả cách thiền tập khi điện thoại reo hay khi bắt đầu cho máy xe nổ, và lúc nào lời dạy của Thầy cũng nhẹ nhàng ôn tồn và đầy tình thương. Trong Đường Xưa Mây Trắng Thầy chỉ muốn mời chúng ta đi gặp bậc giác ngộ qua sự hướng dẫn của một chú bé thật dễ thương, thật hồn nhiên và giản dị, người đã tình cờ may mắn được gần gũi đức Bụt trong những ngày trước và sau khi Ngài thành đạo và cho đến khi Ngài nhập diệt bốn mươi lăm năm sau.

Cô Mobi Ho đã dịch tác phẩm từ tiếng Việt sang tiếng Anh một cách xuất sắc và chắc là sách đã hoặc sẽ được dịch ra nhiều thứ tiếng khác. Có thể đó sẽ là một trong những tác phẩm có giá trị nhất, có giá trị không phải do số lượng sách bán được mà do ở mức độ ảnh hưởng của tác phẩm đó trong tương lai. Các độc giả tương lai không cần phải chuẩn bị gì cả. Bạn có đủ sáng suốt để biết những điều nào có thể tiếp nhận được hay không tiếp nhận được trong khi đọc tuyệt tác này cũng như những tuyệt tác khác được liệt kê trên danh sách 40 tác phẩm có giá trị trong thế kỷ 20. Cái đẹp nó nằm trong mắt và trong tâm của mỗi độc giả.

Ảnh Hưởng Của Văn Hóa Trung Hoa

TRẦN GIA PHỤNG

1.- ẢNH HƯỞNG THỜI TRUNG HOA ĐÔ HỘ CỔ VIỆT

Trong thời gian khoảng hơn một ngàn năm, từ khi Triệu Đà, tướng của nhà Tần (Trung Hoa), đem quân đánh chiếm cổ Việt năm 208 TCN, cho đến khi Ngô Quyền đánh đuổi quân Nam Hán năm 938 ở Bạch Đằng Giang, các triều đại Trung Hoa đô hộ và khai thác đất nước chúng ta. Chắc chắn tổ tiên chúng ta chịu nhiều ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa.

Theo *Hậu Hán thư* (*Hou Han shu*, sách về đời Hậu Hán, tác giả Phạm Việp, viết vào thế kỷ thứ 5): "*Tục Cửu Chân làm nghề săn bắn chứ không biết dùng bò để cày. Dân thường phải mua lúa Giao Chỉ mỗi lần bị thiếu thốn.* [Nhâm] *Diên bèn truyền đúc các thứ điền khí dạy cho họ khẩn ruộng, ruộng đất trù mật, mỗi năm một rộng thêm; trăm họ được đầy đủ. Dân Lạc Việt lại không có phép cưới hỏi, mọi người ưa dâm dật, không quen thói sống chung với nhau, nên không biết tình cha con, không biết đạo vợ chồng. Vì vậy Diên gởi thư đi các huyện thuộc quyền ông, truyền cho mọi người đàn ông từ 20 đến 50 tuổi, đàn bà từ 15 đến 40 tuổi, tất cả tùy theo tuổi tác mà cưới hỏi nhau... Trước kia trong thời Bình Đế có Tích Quang, người Hán Trung làm thái thú Giao Chỉ, lấy lễ nghĩa dạy cho dân Man di ăn ở, tiếng giáo hóa cũng lừng lẫy như ông Diên... Đất Lĩnh Nam giữ phong tục Trung Hoa bắt đầu từ hai vị thái thú đó...*"(**1**)

Nhâm Diên, người huyện Uyển, thuộc Nam Dương (Trung Hoa), làm thái thú Cửu Chân (châu thổ sông Mã) từ năm ất dậu (25 SCN), đến năm 29 (SCN) thì được gọi về Trung Hoa làm quan ở Thu Dương. Tích Quang, người Hán Trung, làm thái thú Giao Chỉ (châu thổ sông Hồng), đời vua Hán Bình Đế (1-5 SCN). Năm Kiến Võ thứ nhất (tức năm Ất Dậu, 25 SCN) đời vua Hán Quang Võ (Han Kuang-wu, trị vì 25 - 57), ông được phong tước Diêm Thủy Hầu.

Hai ông trên được các bộ cổ sử Trung Hoa ca tụng về các điểm dưới đây, và được các bộ sử nước ta chép theo, nhưng các điểm nầy cần được xem xét lại:

Thứ nhất, Hậu Hán thư cho rằng người Việt "*không có phép cưới hỏi... không quen thói sống chung với nhau nên không biết tình cha con, không biết đạo vợ chồng,*" nên Nhâm Diên dạy dân Việt cưới hỏi theo lễ giáo. Lúc đó, người Việt còn sống trong các bộ tộc theo phong tục tập quán riêng, và có thể còn theo mẫu hệ. Khi phiên dịch bộ Quốc triều hình luật của nhà Hậu Lê (1428-1527), giáo sư Nguyễn Ngọc Huy (1924-1990) cho rằng một trong những thay đổi quan trọng mà sự đô hộ của người Trung Hoa đã mang đến cho dân Việt là: "*Về mặt phong tục, người Việt đã từ chế độ mẫu hệ bước sang chế độ phụ hệ. Cùng với việc làm lễ cưới hỏi theo lối Trung Hoa, người Việt đã có họ và theo họ của người cha. Hầu hết các họ mà người Việt Nam còn dùng đến ngày nay đều là những họ của người Trung Hoa, nhưng đọc trại theo tiếng Hán Việt. Việc kế thừa và lãnh đạo thì chuyển từ con gái sang con trai theo một diễn trình dài dặc. Sau cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng năm 39 thì đến Bà Triệu đứng lên lãnh đạo cuộc tranh đấu chống người Trung Hoa năm 248. Nhưng từ đó trở đi, các cuộc vận động độc lập đều do người đàn ông Việt cầm đầu. Vậy ta có thể bảo rằng cho đến lúc Bà Triệu dấy binh, xã hội Việt hãy còn ít nhiều tính cách mẫu hệ, nhưng sau đó thì hoàn toàn chuyển qua phụ hệ.*"(**2**) Tập tục mẫu hệ tồn tại trong các bộ tộc miền núi Việt Nam cho đến những ngày gần đây.

Khi chú thích Hậu Hán thư của Phạm Việp, trong đoạn viết về cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng, thái tử Lý Hiền (nhà Đường) đã viết vào thế kỷ thứ 8: "...*Giao Chỉ thái thú Tô Định dĩ pháp thẳng chi, Trắc oán nộ cố phản...*" (...Thái thú Giao Chỉ là Tô Định dùng luật pháp trói buộc nên [bà] Trắc tức giận làm phản...).(**3a**) Chữ "pháp" mà thái tử Hiền dùng không phải chỉ một nghĩa hẹp là "luật lệ", mà chữ "pháp" ở đây có thể hiểu rộng hơn như là pháp chế, tổ chức hành chánh, chính trị, cũng như kinh tế, văn hóa, phong tục. Trong một đoạn nói về việc cai trị của Mã Viện sau khi đánh dẹp Hai Bà Trưng, Hậu Hán thư (quyển 54, tr. 747) chép: "*Điều tấu Việt luật dữ Hán luật bác giả thập dư sự.*" (Luật dân Việt và luật nhà Hán khác nhau đến hơn mười điều).(**3b**)

Tuy Hậu Hán thư viết nhẹ như thế, nhưng chỉ cần "hơn mười điều" đi ngược lại phong tục tập quán xã hội cũng đủ trở thành gông cùm trói buộc tự do của người Việt.

Thứ nhì, công việc "giáo hóa" lễ nghĩa của các thái thú, phổ biến Nho giáo, một triết thuyết hô hào tư tưởng "trung quân," nhằm "dạy" cho dân cổ Việt trung thành với nền quân chủ, tức trung thành với vua Trung Hoa, và chấp nhận nền đô hộ của Trung Hoa.

Mục đích chính của những nhà đô hộ Trung Hoa trong việc áp đặt lễ nghi cưới hỏi Trung Hoa cho dân chúng cổ Việt, nhằm buộc người cổ Việt phải vào hồ sơ hộ tịch địa phương khi thành hôn (mới được thừa nhận). Nhờ thế, nhà cầm quyền đô hộ nắm được tình hình an ninh, số hộ dân để dựa theo đó mà thu thuế.(**4**) An ninh và thuế khóa là mục đích hàng đầu của chế độ đô hộ bóc lột.

Công việc "giáo hóa" của hai thái thú trên, nhất là việc áp dụng tục lệ cưới hỏi theo lễ nghi Trung Hoa bị người Việt chống đối. Một tờ trình của Tiết Tống (Hsueh Tsung) vào năm 231 gởi cho triều đình Đông Ngô thời Tam quốc (213 - 280), cho rằng cho đến khi ông đến Giao Chỉ dưới thời Sĩ Nhiếp (thái thú 187-226), tức là sau mấy trăm năm đô hộ, ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa không đúng theo như các báo cáo trước đó; và người Giao Chỉ và Cửu Chân vẫn còn giữ tục lệ gia đình của họ.(**5**)

Thứ ba, "*Diên bèn truyền đúc các thứ điền khí dạy cho họ khẩn ruộng.*" Dựa vào câu nầy, các sách xưa cho rằng chính Nhâm Diên đã dạy cho dân Việt biết cách dùng lưỡi cày bằng sắt (điền khí) để cày ruộng. Người Trung Hoa tự hào là họ đã dạy dân Việt cày cấy, nhưng thử hỏi người Trung Hoa thời xưa sống ở châu thổ sông Hoàng (Hoàng hà), trồng (lúa) mì và (lúa) mạch ở ruộng khô, chưa biết lúa gạo ở ruộng nước, làm sao giỏi kỹ thuật trồng lúa gạo ở ruộng nước, hơn người Việt mà dạy người Việt?

Chính một bộ sách xưa của Trung Hoa, *Giao Châu ngoại vực ký*, (viết khoảng giữa đời Tấn (265-420), Trung Hoa) đã viết: "*...Hồi xưa, chưa có quận huyện, thì Lạc điền tùy theo thủy triều lên xuống mà cày cấy. Người cày ruộng ấy gọi là Lạc dân, người cai quản dân gọi là Lạc vương, người phó là Lạc tướng, đều có ấn bằng đồng và dải sắc xanh làm huy hiệu...*"(**6**) Nói cách khác, "Hồi xưa, chưa có quận huyện...", nghĩa là trước khi người Trung Hoa đến cổ Việt lập thành quận huyện, người Việt đã biết làm ruộng "lạc," "tùy theo thủy triều lên xuống mà cày cấy," tức là ruộng "ló" (lúa) hay ruộng lúa nước, tùy theo thủy triều.

Trong sách *Ancient China* (1967), tác giả Edward H. Schafer viết rằng: "*Thuật trồng lúa gạo và thuần hóa gia súc chắc chắn* [Trung Hoa] *đã tiếp thu từ các sắc dân tầm thường ở miền nam xa xôi hẻo lánh* [nam Man]." (Nguyên văn: "*The art of cultivating rice and domesticating cattle were doubtless adopted from the despised races of the remote south.*" (7a) Cũng tác giả nầy cho biết thêm rằng Đức Khổng Tử (551-478 TCN) "*phải sống chủ yếu bằng loại bánh làm bằng kê*" (nguyên văn: "*...Confucius must have subsisted chiefly on millet cakes...*").(7b) Như thế, Khổng Tử sinh sống ở Sơn Đông, vùng hạ lưu Hoàng Hà, đã từng đi du thuyết nhiều nơi ở Trung Hoa, có thể không ăn cơm.

Tại Mê Linh (Vĩnh Phúc, Phú Thọ ngày nay) quận Giao Chỉ (châu thổ Hồng hà), người ta mới phát hiện được những bộ xương trâu đã có mặt tại đây khoảng 2,000 năm trước Công nguyên, và hai lưỡi cày bằng đồng theo mô thức Đông Sơn (thế kỷ thứ 5 TCN đến thế kỷ 1 SCN) dùng cho trâu cày.(**8**) Như thế, dân Lạc Việt đã biết làm ruộng, đã biết nuôi trâu cày và đã biết sử dụng điền khí trước khi người Trung Hoa đến xâm lăng. Lúc đó, dân Lạc Việt dùng lưỡi cày bằng đồng vì đồ đồng là nghề luyện kim chính của dân Lạc Việt (vốn nổi tiếng về trống đồng), và nhất là đồ sắt bị hạn chế, do việc bà Lữ hậu nhà Hán đã ra lệnh cấm xuất cảng sắt xuống phía nam Trung Hoa từ năm 183 TCN.(**9**)

Thái thú Nhâm Diên không phải là người khai tâm dân Việt dùng điền khí để cày cấy, như *Hậu Hán thư* đã viết và các bộ sử khác chép theo, kể cả các bộ sử Việt Nam, từ *Đại Việt sử ký toàn thư* của Ngô Sĩ Liên (thế kỷ 15) cho đến các bộ sử gần đây. Một nghi vấn có thể được đặt ra là phải chăng Nhâm Diên, thái thú Cửu Chân, tức vùng châu thổ sông Mã, nơi có trung tâm trống đồng Đông Sơn (Thanh Hóa), chứng kiến dân chúng địa phương đã cày cấy bằng lưỡi cày bằng đồng theo mô thức Đông Sơn, rồi báo cáo như trên về triều đình Trung Hoa để lập công, như ông đã từng báo cáo không đúng sự thật về việc ông giáo hóa dân Việt, mà Tiết Tống trình cho nhà Đông Ngô năm 231?

Nói chung, tổ chức cai trị của Trung Hoa ở các vùng đô hộ tại miền nam sông Dương Tử, trong đó có cổ Việt, nhắm mục đích chính là khai

thác và bóc lột dân chúng thuộc địa, chứ không nhắm mục đích khai hóa. Do đó, người Trung Hoa chỉ truyền bá những gì cần thiết cho nền đô hộ của họ. Riêng việc dùng điền khí để trồng lúa nước hoàn toàn là sáng kiến của người Việt.

2.- ẢNH HƯỞNG VĂN HÓA TRUNG HOA THỜI ĐỘC LẬP

Ngày nay, nhiều người cho rằng vì bị Trung Hoa đô hộ một ngàn năm, nên người Việt bị ảnh hưởng nặng nề của văn hóa Trung Hoa. Không ai có thể phủ nhận điều nầy, nhưng vấn đề nầy cần được xét sâu rộng hơn nữa, để thấy rõ việc Trung Hoa đô hộ cổ Việt trong hơn một ngàn năm, không phải là tác nhân duy nhất đưa đến ảnh hưởng sâu đậm của văn hóa Trung Hoa về sau nầy.

Nguyên sau khi đánh đuổi quân Nam Hán năm 938 và xưng vương năm 939, chính quyền Ngô Quyền tiếp tục sử dụng chữ Nho (chữ Hán) làm văn tự hành chánh, dầu người Việt vẫn nói tiếng Việt. Lúc đầu, nhờ có trình độ văn hóa, giỏi chữ Nho, các thiền sư Phật giáo được vua chúa trọng dụng. Dần dần các triều đại quân chủ Việt nhận ra rằng Nho học, với hệ thống xã hội xây dựng trên tam cương,(10) với tư tưởng trung quân ái quốc, là kim chỉ nam hành động của sĩ phu, mới thiết thực ích lợi cho công cuộc cai trị, cho trật tự xã hội và nhất là cho chế độ quân chủ, hơn là các triết thuyết khác. Từ đó, Nho học được các chính quyền Việt đưa vào chương trình học tập, giảng dạy và thi cử của nhà nước.

Trước kia, dưới thời Trung Hoa đô hộ, chữ Nho chỉ được dùng trong hành chánh của chính quyền Trung Hoa ở cổ Việt. Việc học chữ Nho và Nho học đối với dân chúng Việt có tính cách tùy thích, không bắt buộc. Nếu dân chúng Việt không có nhu cầu cộng tác hay liên hệ với nhà cầm quyền đô hộ thì chẳng cần học. Nhà cầm quyền đô hộ Trung Hoa không tổ chức thi cử cho dân chúng địa phương tại ở cổ Việt.

Từ thời đất nước được độc lập, các chính quyền quân chủ Việt sử dụng chữ Nho làm văn tự chính thức của triều đình. Đương nhiên người Việt vẫn nói tiếng Việt. Để chọn lựa nhân tài ra làm quan, các chính quyền quân chủ tổ chức thi cử bằng chữ Nho. Nội dung thi cử dựa trên Nho học. Tất cả mọi người dân Việt muốn tiến thân, đều phải học chữ Nho, học chương trình Nho học, để thi cử đỗ đạt, mới được ra làm quan. Nội dung thi cử gồm chính yếu là các bộ *tứ thư, ngũ kinh*,(11) lịch sử và văn chương Trung Hoa. Ngoài ra có thêm lịch sử và văn chương Đại Việt. Nói cách khác, chương trình Nho học rất nặng về văn chương, lịch sử, văn minh, văn hóa Trung Hoa.

Vị vua đầu tiên cử sứ thần sang Trung Hoa thỉnh *cửu kinh* (tức *tứ thư* và *ngũ kinh*) của Nho giáo năm 1007 (đinh mùi) là Lê Long Đĩnh (trị vì 1006-1009). Dưới thời vua Lý Nhân Tông (trị vì 1072-1127), triều đình mở khoa thi tam trường đầu tiên năm 1075 (ất mão), để kén chọn nhân tài ra giúp nước. Thi cử là phương pháp tuyển chọn nhân tài rất dân chủ, được nước ta bắt đầu áp dụng từ đây. (Trong khi ở Âu Châu cho đến thế kỷ 19 mới bắt đầu có thi cử.) Kỳ thi hương cuối cùng theo Nho học diễn ra vào năm 1918 và sau đó là kỳ thi hội và thi đình cuối cùng năm 1919, dưới thời vua Khải Định (trị vì 1916-1925).

Như thế, rõ ràng trong thời Trung Hoa đô hộ, chữ Nho và Nho học có tính cách "nhiệm ý," học cho biết; trong khi vào thời nước ta độc lập, chữ Nho và Nho học có tính cách "bắt buộc," học để tiến thân. Tất cả những điều nầy đưa đến các kết quả sau đây:

Thứ nhất, xã hội Việt được hình thành theo mô hình quân chủ Nho giáo, dựa trên tam cương, ngũ thường.(12) Những vua quan, anh hùng, thần thánh, phong tục, tập quán, luật pháp Trung Hoa trở thành những mẫu mực chẳng những của các cấp lãnh đạo xã hội Việt, mà cả của dân chúng Việt. Các điển lễ trong cuộc sống xã hội Việt, như cưới hỏi, tế tự, tang ma, trang phục... từ triều đình xuống tới thứ dân Việt, đều hoàn toàn rập khuôn theo điển lễ Trung Hoa, nhất là "Chu lễ" (tức nghi lễ nhà Chu bên Trung Hoa).

Tứ dân trong xã hội cổ điển là "sĩ nông công thương." Đây không phải là sự phân biệt giai cấp, nhưng điều nầy cho thấy xã hội nông nghiệp Việt rất tôn trọng "kẻ sĩ," là những người theo đuổi Nho học, và xem nhẹ các ngành công nghệ và thương mại.

Thứ hai, với sự hỗ trợ của chế độ quân chủ, nền Nho học chiếm địa vị bậc nhất trong một thời gian dài ở nước ta, ít nhất từ thế kỷ 15 đến thế kỷ 19. Điều nầy một mặt giúp chế độ quân chủ ổn định trật tự xã hội, nhưng một mặt khác, vì sự sùng thượng Nho giáo quá độ, Nho học trở thành giáo điều, kinh điển. Có một thời, những gì "Tử viết" (tức Khổng Tử nói) là khuôn vàng thước ngọc cho Nho sinh Việt.

Trong bất cứ xã hội nào, giáo điều luôn luôn giới hạn sự suy tư của dân chúng, và làm cho xã hội trở nên xơ cứng, không tiến bộ được. Điều nầy không phải chỉ diễn ra ở Đại Việt, mà ở ngay

cả quê hương của Nho giáo là Trung Hoa, nhất là sau thời kỳ nhà Tống (968-1279).(13) Song hành với sự sùng thượng Nho học là sự sùng thượng văn hóa Trung Hoa, khiến nhiều người Việt chỉ xem trọng giá trị Trung Hoa, và xem thường tất cả những giá trị văn hóa khác.

Thứ ba, do bị ảnh hưởng nặng nề của văn hóa Trung Hoa, người Việt không mấy cởi mở với văn hóa Tây phương khi người Âu Châu đến xin mở cửa để giao thương. Có thể nói văn hóa Nho giáo trở thành một rào chắn tự nhiên ở Đại Việt (đổi thành Việt Nam từ thế kỷ 19) chống lại sự xâm nhập của văn hóa Tây phương, vì nền văn hóa Tây phương có nhiều điểm khác biệt với văn hóa Việt lúc đó.

Vua chúa thời Trịnh Nguyễn và triều đình nhà Nguyễn lo sợ nền văn hóa Tây phương sẽ làm lung lay nền tảng xã hội Nho giáo và ảnh hưởng đến quyền lực của họ. Cần chú ý là Nho giáo là ý thức hệ căn bản của chế độ quân chủ trong đó khái niệm trung quân được đưa lên hàng đầu, nên các vua chúa lo ngại nền tảng Nho giáo bị thay đổi do sự xuất hiện của văn hóa Tây phương, có tính cách phóng khoáng, dân chủ và trọng nữ quyền.

Xã hội Nho giáo lúc đó chấp nhận đa thê. Những người đa thê thường là vua chúa, quan lại và giới giàu có. Trong khi đó, giáo luật đạo Thiên Chúa du nhập từ Tây phương, cấm đoán phong tục đa thê. Điều nầy vi phạm vào quyền lợi của giới lãnh đạo xã hội Nho giáo. Chính Thanh Đô Vương Trịnh Tráng (cầm quyền ở Đàng Ngoài 1623-1657) đã từng lên tiếng: "*Đạo nào* [Thiên Chúa] *các ngươi giảng trong nước ta? Các ngươi truyền cho thần dân ta chỉ được lấy một vợ mà ta thì muốn có nhiều để sinh nhiều con trung thành với ta.*"(14)

Dân chúng Việt vốn bị ảnh hưởng sâu đậm văn hóa Trung Hoa, xem nhẹ việc buôn bán, xếp thương giới vào hạng cuối cùng của xã hội Nho giáo (sĩ nông công thương). Từ xưa, người Việt vốn không có nền ngoại thương, nên người Việt chẳng có nhu cầu buôn bán với người nước ngoài. Do đó, người Việt cũng thờ ơ với việc mở cửa, trao đổi giao dịch với người Tây phương.

Chính vì không thể thuyết phục được người Việt mở cửa để giao thương, chính quyền Pháp đã lợi dụng việc triều đình Việt Nam cấm đạo và đàn áp giáo sĩ, gây ra những vụ tử đạo,(15) để khích động dư luận dân chúng Pháp, đưa quân xâm lăng và bảo hộ Việt Nam vào năm 1884.

Tóm lại, ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa trong gần một ngàn năm nước Việt độc lập (939-1884) có thể nói còn sâu đậm hơn trong một ngàn năm nước Việt bị Trung Hoa đô hộ (208TCN-938). Toàn bộ hai lần ảnh hưởng nầy bao trùm lên nền tảng văn hóa bản địa Việt, khiến đôi khi có thể bị lầm tưởng trước đây, nền văn hóa Trung Hoa độc tôn tại nước ta.

(Toronto, 17-4-2006)

CHÚ THÍCH

1. Nguyễn Phương trích dịch, Việt Nam thời khai sinh, *Huế: Phòng Nghiên cứu Sử, Viện Đại Học, 1965, tt. 186-187.*

2. Nguyễn Ngọc Huy, Quốc triều hình luật, *Phiên âm, dịch nghĩa và chú thích, quyển A, Viet Publisher, [không đề nơi xuất bản], 1989, tr. 19.*

3. Nguyễn Phương trích dịch, sđd. tt. 176 (3a) và 137 (3b).

4. Bên Trung Hoa, thời Chiến quốc (479-221 TCN), tại nước Tần, dưới đời Tần Hiếu Công (cầm quyền 361-338 TCN), để thu thuế, tể tướng Thương Ưởng hay Vệ Ưởng (390-338 TCN), bày ra cách tổ chức hộ khẩu.

5. Keith Weller Taylor, The Birth of Vietnam *[Việt Nam khai sinh], University of California Press, 1983, tr. 75. Về việc nầy, tác giả Taylor căn cứ trên sách Tam quốc chí của Trần Thọ. (Sách nầy khác với Tam quốc chí diễn nghĩa của La Quán Trung là một bộ tiểu thuyết.)*

6. Lê Tắc, An Nam chí lược *[chữ Nho], Huế: Uỷ Ban Phiên Dịch Sử Liệu Việt Nam, Viện Đại Học, 1961, tr. 39.*

7. Edward H. Schafer, *Ancient China*, New York: Time-Life Books, 1967, tr. 16 (7a), tr. 37 (4b).

8. Keith Weller Taylor, sđd. tr. 35.

9. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Hà Nội: bản dịch của Nxb. Giáo Dục, 1998, tập 1, tr. 92.

10. Tam cương: ba sợi giây lớn của cái lưới, nghĩa bóng là ba giềng mối của xã hội: vua tôi (quân thần), chồng vợ (phu phụ), cha con (phụ tử). Ngũ thường: năm đạo của con người: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.

11. Tứ thư: Đại học, Trung dung, Luận ngữ, Mạnh tử. Ngũ kinh: Thi, Thư, Dịch, Lễ, Xuân thu.

12. Ngũ thường: Năm đức tính thông thường của con người: nhân = lòng thương người; nghĩa = hợp với lẽ phải; lễ: phép tắc cư xử, trong xã hội; trí: hiểu biết, khả năng suy nghĩ; tín: thành thật, tin cẩn.

13. Thời nhà Tống, xuất hiện nhiều danh sĩ Nho giáo rất bảo thủ nổi tiếng như Trương Hoành Cừ [Trương Tài, 1020-1976], Trình Y Xuyên [Trình Di, 1033-1107] và Chu Hối Am [Chu Hy, 1130-1200] "thường quá thiên về đường quy thức, quá trọng về đường thượng lễ và cư kính cho nên thành ra câu chấp, bó buộc về mặt thủ cựu, lâu ngày ứ trệ, thật là hại cho sự tiến hóa."(Trần Trọng Kim, Nho giáo, *quyển hạ, Sài Gòn: Trung Tâm Học Liệu, Bộ Giáo Dục, tái bản 1971, tt. 165-166.)*

14. Alexandre de Rhodes, Histoire du royaume de Tonquin, *bản Việt dịch của Hồng Nhuệ, Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài, TpHCM: Tủ sách Đại Kết, 1994, chương 20, tr. 124.*

15. Tử đạo (martyr): nghĩa là chết vì đạo. Chữ "martyr" (Anh) bắt nguồn từ chữ "martus" (Hy Lạp), có nghĩa là người làm chứng cho một sự kiện mà chính bản thân người đó chứng kiến hay kinh nghiệm. Nói cách khác là lấy chính bản thân mình làm chứng cho điều mình tin là có thật vì mình đã chứng kiến hay kinh nghiệm. Nếu tinh mắt để ý, các chế độ cộng sản Liên Xô, Đông Âu, Trung Hoa, Việt Nam, chủ trương đàn áp tôn giáo, nhưng không bao giờ gây ra những vụ án tử đạo, mà chỉ sử dụng những biện pháp hành chánh, hay những vụ án hình sự, chính trị, để bắt giam giáo sĩ và tín đồ các tôn giáo.

NGÀY MAI VỀ XỨ LẠ

NGUYỄN HIỀN

– Mai mày về bển rồi.

Tiếng nói rơi vào khoảng không mênh mông vùng ngoại ô thành phố. Chiều nắng rát mặt. Tôi ngồi trên chiếc cầu làm bằng hai tấm ván thô bắt ngang khoảnh đìa nhỏ, bên dưới ngập một thảm rau xanh rì, rợn gió. Chị tôi ngồi bên, ống quần vén lên tới đùi, để lộ hai cẳng chân với bắp chuối tròn mập, gót chân sần sùi nẻ nứt, đây đó những đường gân xanh và những vết sẹo xuống đến hai bàn chân rửa chưa sạch bùn. Trời đã xế chiều, đám rau muống vừa được xáo vội trong nước đục ngầu dưới đìa và tụm thành bó nằm sắp lớp một bên bờ nước. Mùi nhựa rau mới cắt bốc lên hăng hăng mũi, trộn lẫn mùi nước bùn. Chị vuốt những sợi tóc mai lấm tấm mồ hôi trên thái dương, lập lại một lần nữa câu nói trống không:

– Mai mày về bển rồi. Mới vậy mà lẹ dữ.

Tôi lặng im. Dư vị những ngày nghỉ về ở với chị vẫn còn đậm nét trong đầu. Nhìn lại, ba tuần lễ qua đi như chớp. Hai chiếc va li đồ đã sẵn sàng cùng tôi trở về xứ lạnh. Tôi lảng sang chuyện khác, lập lại một câu mấy tuần nay tôi vẫn nói:

– Thấy chị hồi này sống thoải mái em cũng mừng.

– Tao từ hồi nào tới giờ vẫn thoải mái. Tới đâu hay tới đó. Chỉ biết lúc nào Trời còn thương thì tao còn sống, vậy thôi.

– Chị ăn nói lẩm cẩm như bà già.

– Chớ sao. Mày không thấy tóc tao bắt đầu bạc rồi hả?

Tôi nhìn sang bên, im lặng, như đồng ý với lời chị nói. Quả thực. Những sợi tóc lưa thưa khô xác hai bên màng tang đã bắt đầu chịu thua ông thần thời gian, đành phai dần màu đen tuổi trẻ. Tôi nói trỏng:

– Hay tại nắng. Sao chị không mang nón? Cháy tóc hết.

Chị ngồi im không trả lời, hai bàn chân đung đưa cọ vào nhau cho bụi đất rơi trở lại xuống đám rau muống lao xao. Tôi nhìn bóng hai chị em đổ dài xuống mặt đìa, dường như đâu đó có những con cá nhỏ đớp nước, sủi tăm thành từng vòng nhỏ chập chờn. Tôi hỏi:

– Sao hồi nào tới giờ đâu thấy chị nói có nuôi cá...

– Cá nào?

Tôi chỉ mấy tăm nước. Chị cười:

– Đâu phải cá. Bọt nước dưới sình đó. Rau mọc đặc nghẹt như vầy cá đâu còn chỗ mà lội. Gái ơi Gái! Ra sắp rau con, hồi sáng này chú Bảy nói chiều tới sớm lấy rau đặng tối chú còn đi đám giỗ bên ngoại nè.

Con Gái trong nhà chạy ra, lẹ làng xắn ống quần ì ọp lội xuống đám rau lềnh bềnh. Những vũng bùn bị khuấy đục ngầu, sủi bong bóng. Nó hỏi vói lên:

– Chú Bảy có nói chừng nào chú tới không dì? Sao hồi bữa qua con hổng nghe chú ấy nói

kìa?

– Thì hồi mai này thằng Bé vừa qua nhấn với tao. Chị quay lại nói với tôi: 'Cái thằng Bảy. Lo làm lụi hụi, ngày đám giỗ cũng quên tiêu luôn.'

Con Gái ở với chị, vừa coi nhà, đi chợ, nấu cơm, vừa phụ chị trong việc vớt rau, rửa rau. Con Gái, tên khai sinh của nó là Kim Chi, chị gặp một sáng đứng lơ ngơ trên bến xe đò, chiếc rổ đựng mấy xâu bánh ú còn nóng phỏng tay vừa bị một thằng đầu tém lạng xe Dream ngang qua xớt mất. "Đồ lưu manh ở đâu ấy. Xe Dream gì mà thèm mấy cái bánh ú. Nó muốn chọc con nhỏ thì có." Chị nói với giọng tức tối, như muốn chia sự phẫn nộ. Thấy nó tội nghiệp, chị hỏi gia cảnh, rồi cùng nó xuống tuốt Long An, tới nhà xin cho nó được về ở với chị, vừa giúp công việc nhà, vừa để có người hủ hỉ. Có con Gái ở bên, chị không còn sợ những đêm trở gió nhức đầu không có người cạo. Hơn nữa, bữa cơm có hai người cũng bớt cô quạnh. Trong một lá thư gửi sang cho tôi, lúc kể về con Gái, chị đùa: Tao bây giờ sống như tiên. Có người làm, còn hơn thời xưa. Tôi về thăm chị, rớt vào cảnh tiên, duy Tiên nữ cùng nàng hầu triền miên rau muống ao nhà và cá đìa hàng xóm.

*

Chị đưa hai tay lên bóp be sườn, uốn lưng kêu lụp cụp. Hình ảnh một cô thư ký năm nào, tóc đen mượt dài đến ngang lưng dường như đã lùi xa vào một chốn nào đó trong ký ức. Nhìn sang chị, tôi chỉ tìm thấy một người đàn bà đang đi vào tuổi an phận. Chị đã qua khỏi tuổi bốn mươi một đỗi xa. Bốn mươi con gái xứ tôi kể như đã được xếp vào rương đồ cũ, chỉ chờ đóng nắp. Mười hai bến nước, long đong chẳng tấp được vào bến nào, còn nói gì trong với đục.

Ngày tôi về thăm, ngỡ ngàng khi theo chị về xóm. Xóm nhỏ, ít dịp đón khách từ xa đến. Chiếc xe tội nghiệp nhấp nhổm, bốn bánh cố tránh những ổ gà nhấp nhô trên đường đất vàng quạch. Đám con nít rồng rắn bu theo xem tôi từ ngoài đường cái vào tới trong nhà như đi xem hát hội. Lần đầu tiên tôi sống trong không khí vùng quê mà tưởng như mơ. Những kỷ niệm xưa trong gia đình, cùng cha mẹ và người chị đã mất hút theo căn nhà mấy năm trước đã sang cho người chủ mới. Từ cảnh sống ban ngày bon chen nơi xứ tạm dung, vật lộn với chồng phiếu xuất nhập để tối về nằm bẻ những ngón tay kêu lắc cắc và lo sợ nghĩ đến ngày hôm sau, bỗng dưng tôi bước vào những ngày thảnh thơi, chỉ có ba chuyện: ăn, chơi, và tán dóc. Thời gian dường như dài ra gấp mấy lần. Tôi hoàn toàn sống trong những cảm giác mới, mọi chuyện chung quanh như cùng một lúc ập vào đầy ngũ quan. Căn nhà mái tôn kêu răng rắc trong nắng trưa. Hai chiếc lu chứa nước mưa ngoài sân, ngó vào thấy lăng quăng trồi lên hụp xuống. Đìa rau muống cung cấp thức ăn mỗi ngày. Ngay cả ngôi mộ của má mấy tuần rồi tôi vẫn đi thăm, cũng còn rất mới và rất lạ với tôi. Có cũ chăng, chỉ là bầu trời đêm nhiệt đới đầy sao lấp lánh mà ở xứ người tôi không bao giờ thấy, bây giờ vừa tìm lại. Khác hơn mọi người, tôi trở về quê hương mà không tìm được những kỷ niệm xưa, trở về để chỉ thấy cảnh chưa bao giờ thấy, với những bộ mặt hàng xóm lạ hoắc lạ hươ. Ngay cả những vật dụng thân quen trong nhà, cùng chị tôi theo về địa chỉ mới, trong căn nhà vùng ngoại thành, cũng mang một bộ mặt của người lạ. Thật khó mà tưởng một người như chị tôi. Ngược dòng xã hội, chị chui rúc vào một xó như nữ tu dòng kín. Cho thắc mắc của tôi, chị chỉ đáp: "Ở đây rồi ai cũng thành đui điếc, hay thành sư cô nhu mì, nhà nước bảo sao răng rắc nghe vậy." Có lẽ đúng. Ngay như tôi, chân ướt chân ráo trên phi cơ bước vào phòng làm thủ tục nhập cảnh, qua cửa hải quan, vừa nghe anh chàng mặc đồng phục màu cứt ngựa lèo nhèo rằng tờ khai vật dụng 'không được rõ ràng,' tôi đã vội vã móc túi lấy tấm giấy năm đô mới toanh dúi vào tay anh ta, mặc dù trong va li, ngoài mớ đồ tùy thân, tôi chẳng có gì hơn mấy xấp vải hoa, ít hộp kẹo bánh và hai bộ quần áo mang theo làm quà cho người chị đã mấy năm không gặp. Lúc đó, tôi chợt hiểu ra rằng vì sao màu xanh cứt ngựa đã trở thành phổ thông trong quân đội khắp nơi trên thế giới. Có lẽ vì màu cứt ngựa tự nó đã toát ra một quyền uy khó giải thích. Mà quân đội lúc nào cũng tượng trưng cho quyền uy, cho dù có những đạo quân được gởi đi gọi là để duy trì hòa bình cho một vùng đất nào đó. Tôi mỉm cười với ý nghĩ vừa thoáng qua, khi so sánh quyền uy với một vật bẩn thỉu nhất.

*

Giờ đây, sau ba tuần lễ, lúc tôi bắt đầu quen với nhịp sống tĩnh lặng ở đây, đã cảm được

những tối có muỗi vo ve trong mùng và tiếng nhái, tiếng dế ngoài đêm tù mù, nghĩ tới ngày mai trở về, nghỉ ba ngày, rồi lại chúi vào đống phiếu mỗi sáng nằm chình ình trên bàn làm việc, tôi ngán ngẩm. Chị tôi bỗng nói:

– Mày về nhớ cho tao gởi lời thăm thằng Thân. Ờ mà...

Câu nói vừa chợt buông ra bỗng tắc nửa chừng. Có lẽ chị vừa nhớ trực ra hoàn cảnh của tôi. Thân và tôi đã không còn là gì của nhau nữa. Lúc đón tôi ở phi trường lố nhố người, thấy tôi một mình đi ra, chị sửng sốt: "Thân đâu?" Tôi ôm chị khóc nức, thú thật những điều vẫn giấu chị bấy lâu nay. Có những điều mình vẫn phải giấu nhau, tại sao thế nhỉ? Khi mẹ tôi mất, ba tháng sau tôi mới được tin của chị, kèm lời giải bày: "Sợ cho mày hay rồi mày buồn." Tôi đã âm thầm giận chị suốt mấy tháng ròng. Buồn trước hay buồn sau ba tháng có khác chi đâu. Nhưng sau đó không lâu, khi tôi và Thân chia tay nhau, bỗng dưng tôi cũng giấu bặt chị về sự tan vỡ đang làm tôi hụt hẫng. Có những chuyện giấu nhau đến giờ chót không phải để làm người đối diện ngạc nhiên. Có thể tôi sợ phải thú nhận sự bất lực của mình, như người ta vẫn sợ hãi và trốn tránh cái tôi trần trụi. Hay phải chăng tôi cũng muốn để cho chị cũng hiểu nỗi buồn phiền của tôi ra sao khi được lá thư chị gởi có kèm theo bản sao giấy khai tử của mẹ?

LƯU TRỌNG TƯỞNG

YOSEMITE

Nyda, Neidy hay Neida,
Người con gái xứ Colombia
Da nâu màu cà phê
Tóc say mùi nha phiến.

Yosemite
Một sáng mù sương
Gần nhau không thấy mặt
Chỉ nghe dòng thở ấm gợn bên tai.

Vách núi trống như lòng ta rộng mở
Thác đổ dồn như mạch máu vỡ bờ
Trời nặng trĩu gối đầu lên cổ thụ
Cành non ôm mây trắng lẳng lơ chờ.

Neidy, Nydei. Vui cười hớn hở
Cầm tay ta kéo chạy giữa rừng cây
Rừng cây lặng ỡm ờ trong nắng mỏng
Giọt sương trong lơ lửng giữa từng mây.
Tầng mây nhẹ trải dài theo bóng loãng
Dòng sương loang ôm dấu bước em đi.

Neidy, cô gái xứ Colombia
Nắng nhiệt đới lạc trong trời sương phủ
Một cành xuân vừa nảy lộc trong ta.

26-07-04

Khi biết tôi đã hoàn toàn dứt liên lạc với Thân, chị lặng người đi một thoáng, xong bảo tôi: "May mà chúng mày chưa có con với nhau." May thật. May là chị không biết đứa con chúng tôi chưa kịp đặt tên, đúng ra là không muốn đặt tên, đã không được phép chào đời để thấy những xung đột giữa hai bên. Để khi đứa bé lớn lên không phải bị hai phe giành lấy, cố chứng minh phần phải về mình.

Bây giờ trong những ngày tôi về thăm, đôi lúc chị vẫn bất chợt nhắc tới Thân như một thói quen, như dòng chữ hỏi thăm vẫn viết vào đoạn cuối bức thư lâu dần chỉ còn như một tấm giấy báo cho người bên kia biết là mình vẫn còn sống, vẫn còn bình yên. Dường như cho đến hôm nay, đã mấy tuần qua rồi nhưng chị vẫn chưa thể chấp nhận một việc xảy ra mà chị không ngờ, và cũng ngoài tầm tưởng tượng. Thân, người đồng nghiệp của chị năm nào. Thân với giọng nói nhẹ, rụt rè, nhưng hay pha trò chọc hai chị em tôi. Thân hay đến nhà chơi, lúc đầu mượn cớ phải cùng chị tôi làm sổ sách thêm ở nhà, rồi chúng tôi thân nhau hơn, đã mấy lần bộ ba đi chơi, giỡn hớt nhau. Bất chợt Thân bỏ ra đi, trong làn sóng những người thấy quê hương không còn là nơi dung thân nữa. Tôi cũng

ra đi sau đó không lâu, nhưng ra đi để cho ước nguyện của mẹ tôi được thành, là mong cô con gái cưng được rảnh chuyện áo cơm để lo việc xây dựng tương lai mình. Ba người chia ba nơi, nhưng những gì Thượng đế đã sắp đặt, bỗng dưng vẫn xảy tới không cần tìm kiếm. Trong lúc tôi đinh ninh đã đứt đoạn với Thân, như đã biệt tăm tin tức những đứa bạn còn ở lại, thì một lá thư chị tôi gởi sang hai năm sau buổi tôi đi đã kết nối tôi lại với Thân. Số Thân long đong, sau thời gian dài trên một hòn đảo có cái tên lạ hoắc, vừa được nhận định cư, và tình cờ đang ở cách tôi một khoảng không đủ xa để những người yêu nhau phải nản chí, thế rồi chúng tôi đã yêu nhau và cưới nhau vào mùa thu đầu tiên.

Rồi chúng tôi lại xa nhau, cũng vào một mùa thu. Tôi đã vứt hết những bài thơ tình mùa thu lời lẽ sáo mòn, có áo dài tím và lá vàng rơi mà tôi đã nắn nót chép đầy hai cuốn tập, vào sọt rác.

Bây giờ, nhìn lại quãng đời đã đi qua, tôi tự hỏi phải chăng mình đã quá vội vã? Lấy Thân dường như chỉ để giải quyết nỗi cô đơn của đời con gái trong một xã hội ai cũng thèm muốn kết thân với nhau nhưng lại không đủ can đảm và cũng không có hứng bước ra khỏi nhà mỗi buổi chiều trời sụp xuống kéo không khí lạnh về. Thuở đó tôi mướn phòng ở chung với con bạn. Phương nhỏ hơn tôi năm tuổi, tính tình lí lắc, hồn nhiên. Phương đi cùng chuyến tàu vượt biển, từ ngày đầu tiên tôi đã thầm cảm phục sự can đảm và gan dạ của cô gái một mình đi tìm tự do, và cũng do hoàn cảnh, chúng tôi thân nhau ngay, sau khi được ghép chung vào một căn phòng trong trại tiếp cư. Chúng tôi rời trại, cũng lại hai đứa chung nhau một nhà. Buổi sáng chúng tôi đi làm, không kịp chào nhau. Buổi tối về, lắm hôm mệt nhoài, để nguyên quần áo, bò ra giường ngủ, nửa đêm lò mò kéo nhau dậy mang bánh mì ra quẹt mứt quẹt bơ và ngó nhau ăn. Cuối tuần dắt nhau đi lượn cửa hàng, hay đi bơi, té nước đùa nhau chí choé. Thỉnh thoảng chuyền thư gia đình cho nhau xem. Cuộc sống thật đơn giản. Cả hai đứa đều không có bạn trai. Hoặc có chăng, chỉ là một vài hẹn hò vớ vẩn mà đoạn kết đã biết ngay từ đầu.

Một đêm đổi mùa, trời trở bão, gió lay giật cây thông bên hông nhà vật vã và hú qua dãy mái nghe u u, giữa cơn mơ hồng tôi bỗng chợt thức giấc trong cảm giác căng cứng của cặp nhũ hoa và một bàn tay đang mân mê đầu núm nhột nhạt. Tôi gạt bàn tay ra, tốc mền ngồi phắt dậy, gai ốc nổi đầy sống lưng. Tưởng gì, hóa ra con ranh con giở chứng. Tôi gắt:

– Mày làm cái trò gì kỳ vậy?

Tiếng Phương nói như khóc:

– Thảo ơi, tao cô đơn quá Thảo ơi!

Tôi không dám bật đèn, sợ phải nhìn khuôn mặt bẽn lẽn của nó. Nằm vật xuống, tôi kéo mền lên cổ, mò tìm bàn tay nó, bàn tay có những ngón dài và ẩm mồ hôi, bóp nhẹ. Tôi an ủi:

– Thôi ngủ đi.

Phương không nói gì thêm, nhưng tôi đoan chắc tôi nghe được cả những cái chớp mắt của con nhỏ, cả giọt nước mắt rơi xuống gối.

Tôi nằm ngửa ra, lót hai tay xuống đầu, nhìn lên trần nhà, nghe gió vặn khung cửa kêu răng rắc. Tôi chợt hiểu ra. Chúng tôi tuy có nhau đấy nhưng cũng có nhiều lúc như không. Có những điều tôi không thể chia xẻ với cô bạn cùng chung phòng và tôi biết Phương cũng có những suy tư không thể nào tỏ lộ với tôi hay với đám bạn của nó. Có ai ngờ trong tận cùng tâm hồn của một con nhỏ lí lắc, hồn nhiên lại có những thầm kín phức tạp như thế! Lúc ấy, tôi bắt đầu biết sợ và tự nghĩ biết đâu chừng sẽ có một ngày mình chắc cũng phát điên và làm trò nỡm như con nhỏ Phương vừa làm với tôi. Thời may, Thân đến đúng lúc tôi đang bềnh bồng trong những ưu tư của đời con gái nở hoa đang mòn mỏi chờ những hạt phấn bay vào. Đám cưới tổ chức sau đó không lâu. Đơn giản. Sau khi lấy Thân, nhiều đêm co người nằm ôm chồng, như phản xạ, trong đầu tôi lại hiện ra hình ảnh đêm đó. Phương xoay người lại, len lén kéo chiếc gối trên đầu xuống, co chân ôm vào lòng cố dỗ giấc ngủ đến nặng nhọc. Mặc dù ngày hôm sau hai đứa lại giỡn với nhau, như quên hết những gì vừa xảy ra vài giờ trước đó, lại kéo nhau đi lượn cửa hàng, và tôi cũng không hỏi gì thêm, nhưng hình ảnh khoảng lưng trần của Phương quay về phía tôi, dưới chiếc áo ngủ xộc xệch, cứ ám ảnh tôi hoài. Hôm chia tay về địa chỉ mới, Phương ôm chặt tôi, chúc tôi hạnh phúc. Mắt nó đỏ hoe. Tôi chẳng có gì chúc lại ngoài lời chúc may mắn. Bây giờ Phương vẫn ở một mình. Hàng đêm chắc nó vẫn còn nằm ôm chiếc gối trong chăn... Chắc lại khóc thầm. Không biết nữa.

*

Còn tôi, lời chúc hạnh phúc của Phương dành cho cũng đã bay đi mất. Thân có thể dịu dàng, chiều chuộng tôi, ban ngày cũng như ban đêm, nhưng mang một tính người nữ nào cũng khó ưa. Thân chi ly bần tiện. Khi khám phá điều này, tôi có cảm tưởng những chiều chuộng Thân dành cho tôi đều là giả dối. Nhìn những món quà Thân thỉnh thoảng mua tặng, tôi không thể ngăn nổi ý nghĩ là Thân đã suy tính rất nhiều trước khi đi đến quyết định. Hoặc giả đó chỉ là những lời xin lỗi ngầm, một hối hận không hơn mười phút sau mỗi lần phạm điều răn thứ bảy. Bởi nếu Thân chỉ có tật xấu là chi ly với tôi thì có lẽ tôi đã cố nhịn, với an ủi dù sao cũng có người chồng biết lo liệu tài chánh cho gia đình, dù cái lo có hơi khe khắt một chút. Tôi đã mấy năm như con ngựa sút chuồng, muốn kéo về tàu bắt ăn món cỏ khô khốc lạt lẽo cũng cần phải có thời gian. Nhưng sau tôi bỗng khám phá ra, cũng tình cờ do mấy đứa mách lẻo, rằng Thân gian díu với một vài cô bạn của chúng. Trong tứ đổ tường, sách giáo khoa dạy rượu chè và thuốc sái là hai thứ tồi bại nhất, nhưng tôi không tin. Tôi chỉ thấy đám bạn trai tán gia bại sản vì casino. Còn riêng phái nữ chúng tôi kỵ nhất là thói trăng hoa của chồng. Tôi hỏi. Thân chối. Nhưng những mối tình hờ của Thân dần dà không thể che giấu được, một khi tôi đã cố tình theo dõi. Tôi làm dữ, hạch đến nơi đến chốn. Lúc đó Thân mới chịu. Lời thú nhận mang một giãi bày:

– Ừ thì anh có này kia với mấy cô ấy nhưng đó chỉ là qua đường thôi mà.

Tôi hực lên. Làm dữ. Thân trả lại. Đã chửi bới. Đã lăn xả vào nhau. Lúc ấy tôi mới biết trong người đàn ông còn có con quỷ dữ ẩn mình. Căn nhà trở thành địa ngục khi quỷ hiện hình. Lúc tỉnh lại chỉ còn hai con người ê chề, trơ trẽn đang nhìn vết sẹo của mình và của người đang thấm vào hồn đau rát.

Qua đường. Qua đường. Tôi không nghĩ Thân có một bộ mã đủ để quyến rũ người khác phái leo lên những chiếc giường nhơ nhớp mà không có một sự đổi chác nào khác. Là đàn bà, tôi biết tên đàn ông chẳng làm được trò trống gì khi chiếc túi lép kẹp. Như vậy có nghĩa là những con đàn bà khốn nạn kia hẳn đang phởn phê với những món quà Thân mua tặng. Thân đã giả dối với tôi. Nếu Thân cũng giả dối với mấy con lăng nhăng đĩ thõa đó thì lũ chúng nó cũng đồng một số phận với tôi. Còn nếu Thân thành thật với chúng? Tôi không dám nghĩ thêm, vì sợ những điều nghĩ thêm sẽ làm máu tôi sôi lên mất. Bây giờ, trong đầu tôi vẫn nhiều khi còn lẩn vẩn câu hỏi: "Nếu mà Thân chiều chuộng, rộng lượng hơn với tôi, sự thể sẽ ra sao? Có thể tôi sẽ dễ dàng chấp nhận những lần bí mật xé rào, và trở về ấp úng không giải thích được sự hờ hững khi nằm cạnh vợ, trong chăn lẩn quẩn mùi nước hoa lạ?..." Câu hỏi sẽ không có câu trả lời, khi tôi không phải là vật đổi chác để lấy những món quà Thân tặng. Tôi phải có một điểm gì hơn những đối thủ chứ, ngoài tờ giá thú không có mấy giá trị trong xứ này. Có lúc tôi đã cố nghĩ rằng mình cao thượng, có lòng tha thứ. Nhưng chính những lúc đó tôi biết rằng khi tự cho mình cao thượng, tôi đã vô tình hạ Thân xuống trong nấc thang đo con người. Khinh rẻ nhau là con rắn độc giết tình yêu. Hơn nữa, trong tận cùng, tôi dường như vẫn nghe đâu đó lời của lòng: "Cho đáng đời. Mày chỉ lấy chồng để lấp cô đơn ban đêm thôi."

*

Không khí gia đình đã bắt đầu trôi nổi giữa trần gian và địa ngục, không có lối thoát. Cho đến một hôm, sau khi nghe Thân mớ trong đêm và gọi tên một cô gái tên Thúy, hôm sau tôi đã đặt thẳng yêu sách với Thân. Thân phải chọn tôi hay chọn những mối tình hờ qua đường. Thân không nói gì, chẳng phân giải, lặng lẽ thu đồ vào trong chiếc túi thể thao, đi biệt hai ngày mới về. Như một cách trả lời gián tiếp. Tôi ôm gối vào phòng riêng, khóa cửa lại, mặc những lời năn nỉ tôi đã thuộc nằm lòng. Một tháng sau, tôi biết mình đã cấn thai. Nhưng thủ tục ly dị với sự đồng ý của cả hai người đã đi được hơn nửa phần đường. Cây cung tôi đã căng giây, không còn tháo trở lại được nữa. Một quyết định sai lầm ngày hôm nay thường đưa tới một quyết định sai lầm khác cho ngày mai, chỉ vì người ta khó thể tự cho mình lầm lẫn, hoặc tự phủ nhận mình.

Hôm chúng tôi thực sự chia tay, tôi còn nhớ vào một ngày thứ bảy, trời nắng. Thân đến lúc tôi đang loay hoay dọn phần đồ của mình để về căn nhà trọ mới, vừa túi tiền. Vẫn điệu bộ lúng ta lúng túng. Chiếc xe Van cót két hạ bửng xuống, tiếng khóa cửa mở lách cách. Tôi làm ra vẻ thản nhiên, lặng lẽ xếp đồ từ tủ bếp vào

mấy chiếc thùng carton lượm ngoài siêu thị. Tuy thế, tôi vẫn biết, vẫn nghe, vẫn cảm nhận những gì đang xảy ra quanh mình. Thân nói trống không: "Anh tới mang đồ đi." Tôi im lặng. Tuồng như có một bức tường vô hình chắn đôi gian phòng khách nhỏ. Thân đi ra đi vào, không lời trao đổi, như người máy, mang ra xe những thùng sách, chồng đĩa hát để chung với chiếc máy nhạc, một thùng nhỏ đựng mấy cái đĩa và dao nĩa kêu leng keng, hai cái ghế, một chiếc bàn nhỏ mặt bàn bị nứt một hôm chúng tôi gây gỗ và Thân đã dằn mạnh nắm tay lên đó khi tôi đứng dậy bỏ đi. Những thứ đó giờ đang từ giã tôi không một lời nhắn nhủ. Gian phòng khách đã gần trống trơn. Còn một thùng đồ cuối cùng, ló lên hai cái khung hình. Hôm thu dọn đồ, Thân đã gỡ hai tấm hình ra đưa cho tôi và tôi đã lẳng lặng, một cách hơi tàn nhẫn, vò nát cả hai và đút vào thùng rác. Còn một thùng đồ cuối. Thùng đồ cuối cùng. Và sau đó là chấm dứt. Thân sắp đi, đi khỏi không gian này. Nhưng đến bao giờ Thân mới đi khỏi ký ức tôi đây? Thân chợt bỏ thùng đồ xuống, bước lại gần. Tôi nghe tiếng chân đi lần đến, rụt rè. Thân đặt lên bàn bếp hai chiếc chìa khóa cửa, và nói nhỏ:

– Thôi anh đi.

Đáng lẽ tôi đã òa lên khóc khi nghe những lời cuối ấy. Tôi biết chẳng bao giờ tôi nghe lại cái giọng rụt rè, nhẹ như gió ấy một lần nữa. Tôi cũng sẽ chẳng thèm nghe, mặc dù biết rằng đôi khi mình vẫn nhớ. Cho dù đến mấy chục năm sau. Nhưng hình ảnh những ngày cấu chí nhau bỗng ùa về làm tôi nóng bừng mặt. Tôi thốt ra một câu không cần suy nghĩ:

– Thôi từ giờ anh tự do rồi, anh muốn theo con đĩ Thúy ấy thì anh cứ tự nhiên. Đừng quấy rầy tôi nữa.

– Em biết Thúy là ai không mà nói vậy?

Tôi bĩu môi:

– Là ai tôi không cần biết. Cái thứ cướp chồng người...

– Thúy là chị Thúy của em.

Tôi bỗng quỵ xuống, lỗ tai lùng bùng. Lúc tôi tỉnh dậy thì Thân đã đi mất, bỏ lại tôi bèo nhèo trong chiếc ghế bành kê một góc căn phòng khách trống không, một tấm mền đắp lên người vừa tuột xuống đùi. Thân bỏ đi, từ đó tôi không còn gặp, và cũng không bao giờ muốn gặp Thân để lại rùng mình nghĩ đến những phút cuối cùng ấy. Hôm từ biệt chúng tôi đã không hôn nhau. Thật còn tệ hơn những lần tôi phải hôn xã giao giã biệt những người khách trong buổi tiệc mà tôi biết chắc chẳng bao giờ còn gặp lại.

*

Có lẽ vì thế tôi đã giấu không cho chị tôi biết những gì đã xảy ra giữa chúng tôi. Mỗi lần nghĩ đến, tôi không cản được hình ảnh Thân đã cùng chị chết mệt với nhau. Có thể lắm chứ. Trong sự ghen tuông, thật không có gì khác biệt giữa người thân và kẻ lạ. Tôi buột miệng:

– Chị vẫn còn yêu anh Thân à?

Tôi thấy mắt chị bỗng thoáng mờ đi. Chị chối:

– Bậy nà. Tao với thằng Thân đâu có cái gì nào.

– Vậy là chị hạnh phúc lắm đó. Thân ngủ mớ mà cũng gọi tên chị nữa.

– Sao? Chị thẳng thốt. Mày đừng có chọc cái thân già này.

– Thiệt đó. Em mà nói dóc thì...

Thấy vẻ mặt của tôi, chị biết tôi không nói đùa:

– Bộ mày ghen hả?

– Em đâu có biết.

Tôi bắt đầu kể lại về những ngày cuối cùng của chúng tôi. Chị lặng im ngồi nghe. Rồi kết luận:

– Thôi thế cũng xong.

Câu nói chẳng ăn nhập vào đâu. Hai chị em lại ngồi nhìn ra trời nắng và nhìn xuống đìa nước màu xanh rêu tìm những con cá tưởng tượng. Tôi nói:

– Em xin lỗi chị.

Sự thực, tôi cũng chẳng biết tôi có lỗi gì. Lỗi của tôi, nếu có, chỉ là đã không giữ được yên lành trong gia đình như chị tôi vẫn hằng mong. Chị tôi nói nhỏ:

– Lỗi gì. Cũng tại trời xui.

– Sao chị với Thân lại chia tay nhau vậy? Tôi bỗng bật ra câu hỏi tò mò vẫn chôn trong đầu, mà quên đi cái giận của kẻ ăn thừa.

– Mày còn nhớ hôm Thân đi không?

– Lâu quá rồi em cũng chẳng còn nhớ nổi nữa. Sao chị?

– Thân nói đi thoát được sẽ bảo lãnh tao sang bên ấy. Mà trong nhà thì chỉ có tao với mày. Tao đi thì má sống với ai?

Tôi định nói: Thì má sống với em. Nhưng tôi nhớ trực ra hoàn cảnh gia đình hồi đó. Chẳng lẽ tôi lại bỏ học, lao ra kiếm sống, nuôi bà mẹ

với chứng bịnh suyễn kinh niên? Một chọn lựa nan giải. Ngay cả trong những ngày tháng đó, khi lớp học chỉ còn những buổi cả thầy và trò chán ngắt trong những cuộc lên gân qua bài học chính trị nhồi sọ. Nhưng những đứa ngu dại như tôi vẫn bám trường, bám lớp, chỉ vì run sợ trước cảnh tranh sống không tình người đang xảy ra hàng ngày. Như thế, có thể nào tôi chịu nhào ra đời để cho chị tôi đi dung dăng dung dẻ với anh chàng Thân bên một xứ nào đó? Chắc là không? Chỉ trừ phi ba má tôi ra lịnh. Hay trừ phi tôi là bà nữ thánh đầy lòng từ bi.

Quyết định ở lại của chị tôi thực ra cũng là một nước cờ. Tôi đi thoát, thì chị tôi cũng có thể đoàn tụ với Thân, nếu cơ hội đến. Và rồi mẹ tôi sẽ có thể sống nhờ vào sự giúp đỡ của hai chị em tôi nơi xứ người. Nhưng cả chị lẫn tôi đều quên mất một yếu tố. Mẹ tôi với những cơn suyễn. Thời gian qua nhanh, mang theo cả sức khoẻ về cõi hư vô. Từ ngày mẹ tôi trở bệnh lần cuối, chị không dám rời căn nhà nửa ngày. Có những yếu tố xem ra rất nhỏ nhặt, nhưng chính chúng đã quyết định mọi việc thay cho con người. Chị tôi đã không thể chờ. Thân cũng không thể chờ. Chờ và mong đợi trong trường hợp chị tôi nhiều khi đồng nghĩa với bất hiếu.

Trong chớp mắt, cả quãng đời quá khứ chợt quay trở lại. Tôi như người ngoại cuộc xem lại cuộn phim do mình đóng. Tôi hiểu những điều trước đây không nghiệm ra, nhưng thật sự có nghiệm ra, tôi cũng không thể nào xoay lại được. Từ chối Thân ư? Tôi sẽ chọn ai trong hàng ngàn, hàng chục ngàn con người đã tự chôn quá khứ của mình, đã cố quét lên dĩ vãng của mình một lớp sơn tự chọn. Chuyến vượt biên đối với nhiều người quả thực đã đưa đến kết quả bằng trăm lần lời xưng tội trong nhà thờ.

Chị ngậm ngùi bảo:

– Tao đâu ngờ chúng mày lại ra như thế

Tôi cười gượng trả lời chị, bằng một giọng rất lạ:

– Chứ chị nghĩ nếu chị lấy anh Thân thì sẽ không có chuyện ấy xảy ra sao?

Chị tôi ngồi lặng. Hẳn chị cũng đã nhiều lần tự đặt câu hỏi ấy và có lẽ chị vẫn còn đang tìm câu trả lời.

*

Buổi tối cuối cùng. Chúng tôi lặng lẽ ăn cơm quanh chiếc bàn tròn. Đĩa rau muống luộc, mấy khứa cá lóc chiên và chiếc đầu cá nấu canh chua thơm. Buổi trưa con Gái vừa đạp xe lên chợ mua thêm một gói thịt quay. Tôi hỏi con Gái mai này tôi đi nó có nhớ tôi không. Nó toét miệng cười, không nói. Hình như câu hỏi quá khó với nó. Có lẽ trong cuộc đời nó chưa biết nhớ là gì. Cho tới giờ, tôi chỉ thấy nó quanh quẩn trong xóm, chơi đánh đũa với mấy con nhỏ cùng tuổi mỗi khi xong việc, hay loay hoay với hộp đồ trang sức có mấy cây son và phấn nụ rẻ tiền, cuối tháng ôm bọc quần áo cùng túi quà Sài Gòn trở về xóm nhà cũ dưới Long An. Chị tôi lột bưởi, ân cần đưa cho tôi. "Bưởi ổi trên Biên Hòa đó mày biết không. Ngọt lắm. Ăn đi rồi qua bên đó đừng có nhớ." Tôi lua vội tô cơm cuối. Con Gái thu chén, chị tôi giăng mùng sẵn cho tôi, cẩn thận tấn mùng xuống chiếu như ngày xưa mẹ tôi vẫn làm. Lần thứ hai kể từ khi tôi về chị giăng mùng cho tôi. Chẳng biết đến bao giờ chị sẽ giăng cho tôi lần nữa?

*

Đêm đã xuống. Cái nóng ban ngày còn lảng vảng. Tôi nghe tiếng một con thằn lằn tắc lưỡi trên rui nhà. Tiếng loạt soạt của hai con chuột đuổi bắt nhau. Tôi ước mình cũng được sống vô tư như chúng, như con Gái hiện giờ, như tôi những ngày cuối nơi căn nhà thân yêu giờ không còn nữa. Tôi trở mình. Trên chiếc võng mắc ngang cửa sổ, chị tôi hỏi với sang: "Mày chưa ngủ hả?" Tôi thoái thác:

– Nghĩ tới lúc phải đi làm lại sao em ngán quá.

– Hay mày về ở với tao. Có chị có em với nhau. Tao đủ sức nuôi mày mà.

Tôi vẫn tiếp tục nhìn lên nóc mùng. Mình sẽ không thể thay chỗ con Gái, tôi nhủ thầm, mặc dù tôi đang thèm cuộc sống đơn giản, vô tư của nó hiện nay. Tôi đã không còn có thể vô tư trở lại như ngày xưa. Ngày mai tôi về rồi. Chị tôi muốn gởi gì theo? Có thể, rất có thể chị đã mua sẵn cho Thân một món quà gì đó, hiện đang cất kỹ trong một ngăn tủ chỉ có chị biết. Khi tôi đi rồi, chị sẽ thỉnh thoảng mở ngăn tủ ra rờ rẫm món đồ đã mua không bao giờ có dịp gửi. Hay chị chỉ muốn gửi một lời hỏi thăm? Lời hỏi thăm tôi cũng không thể mang theo. Hay là chị sẽ cố chờ? Chờ trong vô vọng một ngày Thân tự dưng nhớ ra còn một góc tim gởi lại ở quê nhà. Nhưng nếu chuyện này xảy ra, chị sẽ phải chọn lựa nữa. Giữa tôi và Thân, lúc đó chị sẽ chọn ai đây?

Quán Trà Thính Lặng

TRẦN MỘNG TÚ

Hà Nội là cả một thế giới bí mật, nó luôn luôn giấu những bất ngờ nho nhỏ ở một chỗ ta không hình dung ra được. Một may mắn tình cờ nào đó ta tìm thấy cái bí mật đó ngay trước mặt ta, ta bàng hoàng như được ai mời một chén rượu quý. Cái ngọt của rượu cứ vương mãi ở cổ như một bài thơ chưa đọc đến câu cuối cùng. Câu thơ đó có thể ở lại với ta suốt một đời người.

Một buổi chiều, tôi lang thang trên đường phố Hà Nội, đi một mình trong khi chờ đợi chồng con (được một ngày mẹ cho) đang phân tán trong phố cổ trở về đi ăn tối. Vừa đi vừa ngắm nghía hai bên: Phố, người, xe tấp nập buổi tan tầm, chạy đâm vào nhau, như những con rối trong tuồng múa nước. Cái cảnh này trên thế giới chỉ có ở những nơi đất hẹp người đông. Hà Nội, Sài Gòn Việt Nam là hai nơi điển hình đáng kể nhất. Chen giữa bước chân đi là những hàng ăn, hàng uống bầy cả ra hai bên phố. Ngay trước những cửa hiệu hàng hóa, ai muốn bán thì cứ bầy ra bán. Ở một con ngõ vào xóm người ta cũng có thể chăng một tấm bạt từ vách tường của nhà bên phải sang vách tường của nhà bên trái ở ngay đầu ngõ làm thành một quán cà phê hay một quán bán chè, bán cháo. Ai may mắn có được cái mặt tiền độ ba thước vuông là thành một cửa hiệu khang trang lắm rồi, còn không thì cứ bầy ngay ra trên lối đi, trên một nắp miệng cống cũng để vừa một gánh hàng rong. Khách hàng xúm xít ngồi xuống ăn uống rất là tự nhiên, giản dị, thưởng thức món ăn thật hạnh phúc, chẳng kém gì những người khách ở trong một nhà hàng sang trọng thưởng thức món ăn của mình.

Tôi hòa mình vào trong cái dòng sinh mệnh đông đảo đó. Lang thang mãi, mỏi chân và khát nước, thấy thèm một ly trà quá, Thật may, một cái quán bán nước trà, kẹo lạc (đậu phọng) đơn sơ ngay góc đường Tôn Đức Thắng và Đoàn thị Điểm. Quán không có bảng hiệu, vài cái bàn thấp và ghế đẩu, nhưng gần như mọi người đã ngồi hết, tôi đứng loay hoay một vài giây, có người giúi cho vào tay chiếc ghế đẩu, mà chẳng nói một câu gì. Tôi vội cám ơn và nhận được một nụ cười. Ngồi xuống, chưa kịp gọi thì chủ quán, một người đàn bà trẻ khoảng ngoài ba mươi đã đem đến trước mặt tôi một ly nước trà, và cái đĩa nhỏ có mấy chiếc kẹo. Chị không nói câu nào, đặt ly nước trà bốc khói, thơm ngát xuống ngay một góc bàn đã có bốn người ngồi trước mặt tôi với một nụ cười, tôi cũng cười lại đáp lễ, cúi xuống nhìn vào ly nước một giây, rồi uống một ngụm nhỏ. Nước trà vừa chát, vừa ngọt, vừa thơm, đúng là trà mộc Thái Nguyên. Uống ngụm nước mà như uống một nụ cười. Hình như những người ở trong quán này ai cũng hào phóng nụ cười.

Nước trà làm tôi tỉnh hẳn người, lúc đó tôi mới để ý nhìn chung quanh. Quán trà nhỏ xíu

nhưng rất ấm cúng và giản dị. Chị chủ quán đang loay hoay với những chiếc ấm, những hộp, những gói trà và những chiếc ly thủy tinh. Ánh lửa ở chiếc lò ga hắt lấp lóe một bên má chị, nhìn thấy cả đuôi lông mày của con mắt bên đó kéo dài một nét thanh thanh, cái bóng nhỏ bé của chị hắt một vệt rất mờ trên vách. Cả quán có ba chiếc bàn vuông và một chiếc bàn dài, bàn vuông thì ngồi được hai người, bàn dài thì được bốn người. Vì quán rất hẹp, nên kê gần nhau lắm. Bàn nào hình như cũng chen thêm ghế, và khách ngồi sát vai nhau rất là thân mật. Họ chụm đầu vào nhau, trò chuyện, nhai kẹo lạc ròn thành tiếng, khói trà nghi ngút bốc lên ngang mặt mọi người, nhưng sau làn khói mỏng manh đó những con mắt vẫn ánh lên khi họ nhìn nhau trò chuyện. Thỉnh thoảng họ lại giơ tay đập vào vai nhau rất thân thiện.

Quán trà bình dân này không có tiếng hát, tiếng nhạc vỡ ra từ máy phát thanh hay truyền hình như ở các nơi khác, nên không khí rất êm ả. Khách nói chuyện với nhau rất khẽ, khẽ đến nỗi không nghe được tiếng, chỉ thấy những bàn tay xòe ra, nắm vào, những ngón tay chỉ vào ngực mình, hay chỉ vào mũi người khác thi nhau múa lên. Nếu họ nói to thì chắc là quán đang ồn lắm. Mặc cho tiếng ồn ào của những chiếc xe gắn máy, tiếng còi xe bóp inh ỏi, tiếng người gọi nhau ơi ới, tiếng rao hàng và đôi khi chen vào cả tiếng cãi cọ trước cửa quán, những người vào đây uống trà họ giữ được không khí rất là thinh lặng, nói rất khẽ và cười rất nhẹ. Chị chủ quán luôn luôn biết ý khách hàng, không đợi gọi, kẹo chưa hết đã mang ra, trà lúc nào cũng được rót đầy ly đem tới, chị thong thả chuyên nước sôi từ ấm sang bình, tiếng nước sôi trên bếp cũng nhẹ nhàng như tiếng guốc chị di chuyển, hình như tôi nghe được cả tiếng thở của chị.

Tôi uống đến ly trà thứ hai và ăn gần hết chiếc kẹo, tỉnh hẳn người, lúc đó mới quan sát kỹ đến những người khách chung quanh mình. Họ phần đông còn trẻ, người già nhất chắc chỉ khoảng bốn mươi, họ đang nói chuyện với nhau bằng những bàn tay, múa khoa lên trong quán. Cách nói chuyện của họ làm tôi liên tưởng đến một lớp *Sign Language* ở College tôi đã theo học cách đây mấy năm. Câu đầu tiên chúng tôi học là lấy ngón tay chỉ vào giữa ngực mình, xong xòe bàn tay ra áp vào bên trái ngực, rồi chỉ ngón tay vào người đối diện. Như thế có nghĩa là *I love you.*Tôi đã học hết khóa vỡ lòng và có thể nói chuyện vài ba câu thông thường với người câm, điếc. Bẵng đi một thời gian không học tiếp theo, bây giờ khó mà nhớ lại được hết những điều mình học.

Chị chủ quán đến gần tôi với một mảnh giấy, đưa cho tôi đọc. "*Đây là quán Trà của người câm và điếc, bà cần gì thêm xin viết xuống đây.*" Tôi ngẩn người ra nhìn chị, chị nhìn lại tôi cũng vẫn với nụ cười. Tôi viết lên tờ giấy của chị vừa đem đến, hỏi chị mở quán này bao lâu? Thì chị cho biết là mới hai năm, sau khi vừa lập gia đình, anh cũng là người dùng ngôn ngữ thinh lặng như chị. Chúng tôi tiếp tục bút đàm với nhau, chị nói khi mới mở quán trà, muốn bán cho tất cả mọi người, nhưng khách nói được đến uống trà thấy cứ phải bút đàm với chủ quán mất nhiều thời giờ quá và khách không nói được thì cứ giơ tay chỉ chỏ vào họ, nên họ bỏ đi. Dần dần những người câm, điếc rủ nhau đến đây uống trà, coi như quán này mở ra chỉ để dành riêng cho họ, những người đối thoại thinh lặng.

Tôi ngồi im trong bóng chiều chập choạng, một vài cửa tiệm đã lên đèn, chị chủ quán cũng bật lên một ngọn đèn điện ở một góc quán, ngọn đèn không được sáng lắm, nhưng cũng soi rõ những bàn tay đưa ra, những ngón tay chỏ vào nhau, tôi ngắm nhìn những bàn tay đó cố vận dụng vốn liếng ít ỏi đã học được của mình, dần dần tôi hiểu họ đang nói với nhau về việc làm, giá sinh hoạt, có người có con vừa ở bệnh viện ra, có người vừa thất nghiệp. Tôi dở quá nên nghe được mà không nói được. Nếu tôi còn nhớ để nói chuyện được với họ thì hay biết bao!

Nếu ai đã từng được thưởng thức tuồng Nô của người Nhật, là một loại tuồng các diễn viên sơn mặt trắng toát giống nhau, khi diễn kịch họ không nói tiếng nào, chỉ diễn tả bằng cách khoa tay múa chân, người xem phải đoán được cảm xúc của họ qua những cử chỉ đó, thì thấy những người đang uống trà trong quán này giống như họ vậy, có khác một điều những người này không phải kịch sĩ, họ không quét sơn trắng lên mặt, nên ta đọc được cảm xúc trên từng cái cau lông mày, cái cười mệt mỏi nửa miệng, hay nụ cười nở tung ra như một đóa hoa. Tôi phải nhờ chị chủ quán thông ngôn, cái ngôn ngữ thinh lặng này. Tôi viết xuống giấy câu hỏi, rồi chị chủ quán dùng tay nói lại với họ. Chị cho biết phần đông những người này không biết đọc, biết viết. Nếu tôi muốn nói chuyện với họ, phải nói thật to,

không được dùng tay che miệng, họ sẽ nhìn miệng tôi mà đoán tôi đang nói câu gì.

Có người rút ở trong túi ra một tờ giấy, có bọc plastic với một dòng chữ in sẵn: *Tôi vừa câm vừa điếc. Không biết chữ. Xin nói to và đừng che miệng*. Tôi nhìn tờ giấy được giữ gìn cẩn trọng như một tờ căn cước mà trong lòng rưng rưng, thấy nghèn nghẹn ở cuống họng, vội cúi xuống uống ngay một ngụm trà.

Tôi ngồi chuyện trò với họ bằng sự trợ giúp của chị chủ quán, chúng tôi nói với nhau về những đời thường. Chuyện gia đình, chuyện học của con, chuyện việc làm của cha mẹ. Họ hỏi tôi về cái đất nước xa xăm tôi sống, ở đó những người câm, điếc được giúp đỡ thế nào? Chúng tôi hỏi nhau cả về chuyện uống trà. Câu chuyện càng lúc càng thân thiện cởi mở, họ nói năng tự nhiên, ước mơ giản dị, chỉ mong kiếm đủ ngày hai bữa, có chút tiền nhỏ phòng khi con cái ốm đau, đủ tiền đóng học phí cho con mỗi khóa học.

Nhưng buổi chiều tan việc, họ bỏ lại tất cả nhọc nhằn khuân vác trên bến dưới thuyền ở những bãi sông; những túi xi măng, những viên gạch, tảng đá ở nơi xây cất; cái cuốc cái xẻng ở một con đường đang đào, đắp nào đó, ghé uống mấy ly nước trà và gặp những người cùng chung ngôn ngữ với họ, ngôn ngữ thinh lặng trong quán trà thinh lặng này.

Tôi ngắm nhìn họ cầm ly uống trà rất là bình dân, sảng khoái, hình dung ra ở một nơi uống trà khác của những người được gọi là thanh lịch. Những quán trà dành cho tao nhân mặc khách có những nghi thức cầu kỳ gọi là *Trà Đạo*. Khi cho trà vào ấm thì gọi là *Ngọc Diệp hồi cung*. Khi tráng trà thì gọi là *Cao Sơn trường thủy* (rót nước 60 độ, cao cách trà 20-30 phân). Khi pha trà thì gọi *Hạ Sơn nhập thủy* (rót sát miệng ấm, nước sôi đủ 100 độ). Khi nhấc chén trà lên thì mấy ngón tay cũng được thăng hoa gọi là ba con rồng *Tam Long giá ngọc,* trước khi uống ngụm trà đó phải từ tốn đưa lên mũi từ trái sang phải thưởng thức mùi thơm của trà gọi là *Du Sơn lâm thủy*.* Chao ôi là nghi lễ, là cầu kỳ.

Những người uống trà trong quán trà *Thinh Lặng* này họ giản dị lắm, trà do chị chủ quán pha một bình lớn, rót ra sẵn trước mặt, họ cầm lấy chén trà, nhìn nhau bằng những ánh mắt thân mật, ngửa cổ lên uống một hơi đầy, uống theo cả mệt nhọc của một ngày lao động vất vả vào lồng ngực. Họ chỉ vào ngực mình, ngực bạn, nói lòng quý mến nhau. Những tiếng động bên ngoài đường của xe cộ, của âm thanh ầm ĩ, họ bỏ cả ngoài tai. Trong những lồng ngực đơn sơ đó cái âm thanh tĩnh lặng kéo dài theo nhịp đập êm ả của trái tim.

Tôi chào họ ra về, mang theo quán trà *Thinh Lặng* trong trái tim nhiều tiếng động đời thường của mình, nước mắt bỗng ứa ra.

Chao ôi, là quê hương yêu dấu! Mỗi chỗ giấu một điều bí mật, ta có may mắn tìm thấy, khác nào như những người tìm được châu báu trong kho tàng cổ tích thần tiên.

Trích Ký- Những Mảnh Quê Nhà.

* Cách pha trà ở Lư Trà Quán, Thanh Xuân- Hà Nội.

MẠC PHƯƠNG ĐÌNH

Qua Nhà Em

buổi chiều qua nhà em
bóng nắng như hờn dỗi
nghiêng dáng rọi qua thềm
cánh cửa chừng khép dở
ta chẳng nhìn thấy em

buổi tối đi qua đó
trăng thượng tuần vừa lên
khoảnh sân chưa đủ sáng
bóng tối đầy mông mênh
che khuất niềm mong đợi
ta chẳng nhìn thấy em

buổi sáng ta trở lại
nắng mai thật êm đềm
căn nhà đầy ánh sáng
vẫn không nhìn thấy em

bây giờ em ở đâu?
rặng tre già trước ngõ
đứng yên lặng cúi đầu
như nỗi buồn chín đỏ
giữa khung trời mưa mau.

MƯA

GIA THỤY

Trời Virginia hôm nay mưa, bầu trời xám xịt và những cơn mưa phùn làm tôi nhớ Hà nội và Đà lạt. Mưa ở xứ Mỹ này, con người ta dường như không cảm nhận được sự ướt át thật sự của trời mưa, mọi thứ ở nơi đây đều hoàn hảo, hoàn hảo đến nỗi đôi khi tôi thèm có được cái cảm giác mình gặp phải cơn mưa trên đường về nhà mà lại lỡ để quên cái áo mưa đâu đó và đành chịu hứng cơn mưa, rồi sau đó được hưởng cái cảm giác thật thú vị khi thay bộ quần aó khô ráo, pha ly cà phê nóng và ngồi ngắm mưa rơi rả rich qua khuôn cửa sổ. Trời mưa ở đây yên lặng quá, không nghe được tiếng mưa rơi trên mái nhà và hình như đã lâu lắm rồi tôi không phải mặc áo mưa khi đi ra ngoài bởi vì chỉ cần chạy vài bước là được ngồi trong xe êm ấm, nếu có thì cũng chỉ cần đến một cây dù là đủ.

Lần đầu tiên tôi đến Hà Nội, buổi chiều giáp Tết hôm đó trời thật đẹp và tôi mê Hà Nội từ lần gặp gỡ đầu tiên. Sau này, một người cậu bên ngoại ở Mỹ đã hỏi tôi "cháu thích Hà Nội có phải vì những gì cháu được nghe kể lại từ ông bà cha mẹ, qua sách vở hay tự bản thân cháu thích" và quả đó là một câu hỏi rất khó trả lời. Những gì tôi được nghe người lớn kể lại về Hà Nội hay cả những hình ảnh tôi xem trong album gia đình chỉ có thể vẽ lên trong trí tưởng tượng của tôi một hình ảnh rất mơ hồ về Hà Nội. Khi tôi đọc "Hà nội 36 phố phường" của ông Thạch Lam, tôi thật sự vẫn chưa thể cảm nhận được hết sự tinh túy những mô tả của ông về Hà Nội, thế nhưng khi tôi đến Hà Nội, mọi thứ dường như oà vỡ ra trong tôi, tôi cảm nhận một cách sâu sắc những gì ông viết và hưởng thụ cái cảm giác đó một cách vô cùng thích thú khi ngồi ăn một tô bún ốc nóng hổi trong cái quán chật hẹp đến độ không thể nhúc nhích được ở phố Mã Mây hay bún thang ở chợ Hàng Da, bún chả ở phố hàng Hành hay đơn giản là ngồi ngay xuống vỉa hè để ăn đậu phụ chiên nóng hổi chấm với tương Bắc. Tôi không hiểu tại sao tôi luôn luôn tìm một bà cụ ngồi chiên đậu để mua, có lẽ tôi muốn tìm thấy hình ảnh bà tôi qua những bà cụ mà chỉ có thể tìm thấy trên đường phố Hà Nội. Thật ra bún thang ở cái quán trước mặt chợ Hàng Da không phải là ngon xuất xắc nhưng bởi vì trong cái lần đầu tiên tôi đến Hà Nội, sau một ngày lang thang dưới bầu trời ảm đạm và xám xịt trong mưa phùn và gió bấc, cơn mưa mà mình không thể biết được bao giờ trời sẽ tạnh, những cơn mưa nhỏ hạt, âm ỉ và dai dẳng. Đối với tôi, một người từ Sàigòn ra, lúc đó quả là lần lạnh nhất trong đời. Trời lạnh rét căm căm, tôi chỉ vô tình ghé vào cái quán đó vì cảm thấy đói và lạnh, tôi

vẫn nhớ mãi tô bún thang ngày đó và sau này mỗi lần có dịp ra Hà Nội tôi luôn luôn tìm cách ghé lại đó để tìm lại cái hương vị tô bún thang ngày ấy, đối với tôi thì lúc nào cũng ngon, ngon vì cảm xúc nhiều hơn là vì bún thang. Một phần có lẽ cũng vì tôi thích những cơn mưa phùn của Hà Nội.

Tôi sống trong một căn nhà xưa cũ ở Gia Định, ngôi nhà mái ngói âm dương duy nhất còn sót lại trong khu phố, nó nằm lọt thỏm giữa những căn nhà ba bốn tầng được xây lên chung quanh và hàng xóm có thể nhìn thấy chúng tôi đi ra đi vào trong căn nhà nếu họ đứng bên cửa sổ nhìn xuống. Căn nhà có hai cánh cổng màu nâu với dàn hoa vông vang dày đặc quanh năm nở hoa, dàn hoa mà trong suốt những năm tháng sống tha hương tôi vẫn cứ mơ thấy một cách rõ ràng như trước mắt mình. Ngày xưa con hẻm vào nhà chỉ là con đường đất nhỏ với một bên là hàng dừa cao và một bên là hàng cây được trồng thay cho hàng rào, thời kỳ mà người ta không phải lo sợ có người lẻn vào nhà ăn trộm. Thế rồi dần dần hai bên hẻm được thay thế bằng tường bêtông chắc chắn xây theo những căn nhà nhiều tầng, con hẻm cũng được làm lại, trải ximăng thay cho con đường đất và khoảng sân trước nhà tôi trở nên thấp hơn mặt đường. Những cơn mưa bong bóng của Saigon thường rất lớn và kéo dài, khoảng sân nhà tôi biến thành một hồ chứa nước khi nước mưa không thoát kịp và thỉnh thoảng chúng tôi cứ phải lội qua để đến được cánh cổng. Tôi hay ngồi nhìn những hạt bong bong nổ lên đầy sân dưới cơn mưa và cầu cho trời hết mưa và tự nhủ thầm năm nay mình phải làm lại cái sân trước trong suốt 12 năm sống ở Saigon trong căn nhà mái ngói âm dương của Ngoại tôi. Thời gian chờ đợi để được ra đi đến bến bờ tự do và đoàn tụ gia đình, cuộc sống của những cái valy được xếp sẵn cho lần ra đi không quay trở lại, con người ta sống bằng những ảo vọng về một miền đất hứa qua những hình ảnh hào nhoáng, một miền đất hứa của kiếp lưu đày và tha hương mà quên đi cuộc sống hiện tại của mình. Cuộc sống chờ đợi đó giống như những cơn mưa phùn của tháng Bảy mưa ngâu Đà Lạt, những cơn mưa âm ỉ dai dẳng kéo dài ngày này sang ngày khác mà không thể biết được ngày mai trời sẽ nắng hay mưa.

Tôi yêu những cơn mưa bất chợt của Sàigòn trong thơ Nguyên Sa... trời chợt mưa chợt nắng chẳng vì ai... đường xá Sàigon lúc nào cũng đông đúc, ồn ào, xô bồ, đầy bụi và khói xe dưới cái nắng gay gắt của khí hậu miền nhiệt đới rất dễ làm người ta nổi cáu. Đang lái xe gắn máy giữa đường thì cơn mưa đổ xuống, có lẽ phải nói là ụp xuống thì mới diễn tả được đúng những cơn mưa của Sàigòn, có những cơn mưa mặc dù người ta chỉ mất có một phút để mặc áo mưa vào mà quần áo đã ướt hết, cũng có những cơn mưa được báo trước bằng những đám mây vần vũ trên trời và sấm sét, người ta cố chạy nhanh hơn để đến được nơi cần đến mà không mắc phải cơn mưa, để không phải mặc bộ quần áo ướt hay ít nhất thì cũng mang đôi giày ướt cho đến khi về nhà.

Những cơn mưa bất chợt của Sàigòn, dường như mình nhìn thấy được cả cuộc sống và cả con người của thành phố Sàigon chỉ trong một vài phút ngắn ngủi. Tôi sống ở Sàigòn hơn 12 năm nhưng cái cảm giác sống động và đặc biệt đó của Sàigòn không bao giờ mất đi trong tôi, chỉ cần nhắm mắt lại tôi có thể tưởng tượng ra trước mắt mình hình ảnh đó một cách rất rõ ràng. Thành phố Saigon có lẽ là một thành phố bận rộn nhất Việt Nam, đường xá lúc nào cũng đầy xe gắn máy, thế rồi khi cơn mưa bất chợt ập tới, tất cả những ai đi xe gắn máy đều tấp vào lề đường và mọi người cùng nhau đi tìm áo mưa mặc vào, những cái áo mưa với rất nhiều màu sắc sống động và cả những hàng chữ quảng cáo trên áo mưa, và rồi tất cả lại tiếp tục đổ ra đường như cơn mưa không hề tồn tại. Tôi luôn luôn thích thú nhìn ngắm cảnh tượng này, con người Sàigon lúc nào cũng vui vẻ chấp nhận những thử thách đến với mình và mặc dù người ta sống trong bất cứ cảnh ngộ nào họ cũng tìm được cách thích ứng được... cơn mưa bất chợt của Sàigon nghe không lãng mạn như tình khúc "trời mưa thì mặc trời mưa, gần em không gian như thừa..." nhưng quả là có một sự liên hệ nào đó giữa lãng mạn và thực tế.

Bên ngoài trời đã hết mưa và màu nắng sau cơn mưa thì đẹp mê hồn, vạn vật dường như vừa được tẩy rửa sạch sẽ, lá xanh hơn và lóng lánh dưới những tia nắng... cảnh vật ở đây đẹp quá, đẹp đến độ người ta có thể ngỡ ngàng... thế nhưng riêng tôi thì vẫn mơ ước được nhìn thấy, được sống trong một cơn mưa bất chợt của Sàigon... trời mưa thì mặc trời mưa của người Sàigon...

Virginia, 4 - 2006

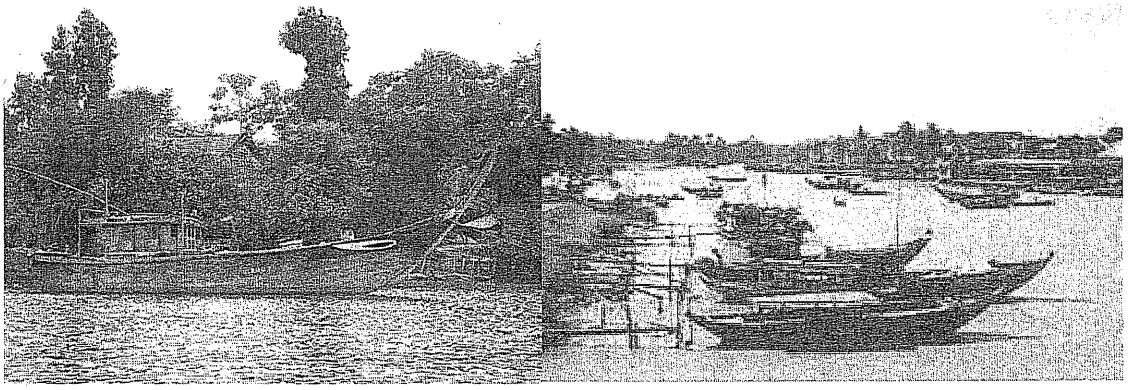

SÔNG MEKONG

ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG VÀ BAN VIỆT NGỮ ĐÀI RFI

TRỊNH ÁNH NGUYỆT

Từ những bản tin

Ngày 19 và 20.01.2002, các hãng thông tấn quốc tế đánh đi những bản tin cho biết Trung Quốc lại khởi công xây dựng một đập thủy điện mới công suất 4200 MW / Megawatt trên thượng nguồn sông Mékong, đoạn chảy qua Vân Nam.

Bản tin ngày 19.01.2002 của AP mở đầu với câu "Trung Quốc sẽ tiến hành kế hoạch xây dựng thêm sáu đập nước trên quãng sông Mekong của họ bất chấp mối lo ngại của các nước hạ nguồn về những tổn thất kinh tế và môi trường."

AFP trích dẫn Tân Hoa Xã cho biết chi tiết là công nhân Trung Quốc đã khởi công xây dựng đập thủy điện Tiểu Loan (Xiaowan) trên sông Mékong, một công trình lớn thứ nhì so với dự án đập khổng lồ Tam Hiệp (Three Gorges) trên sông Dương Tử. Bản tin này cũng đề cập tới mối lo của các nước Đông Nam Á nơi có con sông Mékong chảy qua, trong đó có Việt Nam, là với công trình Tiểu Loan, Trung Quốc sẽ có thể kiểm soát lưu lượng của dòng sông và việc xả nước vào những khu vực nơi con sông đi qua đất nước mình.

Từ Côn Minh, ngày 21.01.2002, bản tin của Interfax như một lời trấn an dư luận mà ngay tựa đề người ta đã đọc thấy chủ đích của phía Trung Quốc "Dự án điện lực Lan Thương Giang / tên Trung Quốc của sông Mekong được khởi công trong các mối hoài nghi về môi trường." Bộ trưởng Ngoại Thương và Hợp tác Kinh tế Trung Quốc thông báo với Interfax là ngày 20.01.2002 trạm thủy điện Tiểu Loan trên Lan Thương Giang chính thức khởi công xây dựng. Đây là đập thứ ba trong tổng số 8 đập thủy điện dự kiến xây dựng trên sông Mékong đoạn chảy ngang Trung Quốc.

Đây cũng là công trình được chính quyền trung ương Trung Quốc xem là then chốt trong chương trình phát triển năng lượng nằm trong kế hoạch ngũ niên lần thứ 10 (2001-2005). Interfax cũng nhấn mạnh tới chiến lược dài hạn của Trung Quốc là ngoài việc cung cấp nguồn điện để phát triển kinh tế, đập Tiểu Loan còn giữ vai trò quan trọng trong các lĩnh vực kiểm soát lưu lượng, thuỷ lợi và lưu thông trên dòng Mekong. Trước những lo ngại có cơ sở thực tế của các nước hạ nguồn về thiệt hại môi trường mà họ phải hứng chịu do công trình xây dựng các đập nước của Trung Quốc trên thượng nguồn sông Mekong, bản tin Interfax trích dẫn các viên

chức thẩm quyền quả quyết là công trình của Trung Quốc "hoàn toàn không gây tác hại cho môi trường" nếu không nói thêm là "có lợi cho tất cả các quốc gia ven sông."

Ngoài thời sự nóng bỏng này, tin tức từ trong nước cùng thời gian đó thường xuyên báo động về tình trạng khô hạn và nhiễm mặn bất thường của đất đai vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long. Cụm từ "hạn hán diễn ra trên diện rộng" và "mùa khô kéo dài" được báo chí nhắc tới đi kèm với những tổn thất phụ như mực nước sông Tiền sông Hậu thấp xuống vài mươi cm so với cùng thời kỳ năm trước, nông dân thiếu nước canh tác, dân chúng thiếu nước sinh hoạt. Đó là chưa kể nước mặn đã xâm nhập vào sông ngòi, đất đai làm cá tôm ngắc ngoải, cỏ cây héo úa và cả một nền kinh tế nông nghiệp vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long cũng kêu cứu. Điều đáng nói giới lãnh đạo Việt Nam từ các ngành nông nghiệp, thủy văn , cấp nước... thông qua báo chí chỉ đề ra những giải pháp tạm bợ như nạo vét thêm lòng kinh rạch, đắp đập thời vụ, ngăn chặn kinh dẫn nước trong khi chờ mùa mưa tới v.v... mà không đưa ra lời giải thích rõ ràng về nguyên nhân khô hạn và nhiễm mặn bất thường ở vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long.

Những lời báo động đã có từ trước đó

Cuối những năm 1990 chúng tôi bắt đầu chú ý có khá nhiều bài viết trên báo chí tiếng Việt ở Mỹ báo động nguy cơ mà các nước hạ nguồn sông Mekong, nhất là vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long sẽ phải hứng chịu một khi Trung Quốc và các nước khác nữa thực hiện tham vọng khai thác con sông phần chảy qua lãnh thổ của họ. Về đề tài này còn có một số buổi hội thảo cũng của nhóm Mekong Forum và các tài liệu biên soạn rất công phu của Bs Ngô Thế Vinh. Trong quyển tiểu thuyết tư liệu Cửu Long Cạn Dòng Biển Đông Dậy Sóng xuất bản ở Hoa Kỳ năm 2000 của tác giả này có câu hỏi gây lo âu hơn nhiều là liệu còn bao lâu nữa con sông này sẽ trở thành con sông của quá khứ! Khi đề cập tới thời sự sông Cửu Long, nhóm Mekong Forum và những bài báo viết khác ở Mỹ đều có trình bày những nguyên nhân làm thay đổi hệ sinh thái của dòng sông huyết mạch nuôi sống miền nam Việt Nam, những điều mà trong nước chưa hề lên tiếng.

Về phần Ban Việt ngữ RFI tuy đưa tin kịp thời về những nguyên nhân này nhưng chưa có một chương trình nào đặc biệt như đã từng thực hiện cho các biến cố quan trọng. Do đó lần này, ba phóng viên Trọng Nghĩa, Đức Tâm, Thụy Mi và tôi được phân công làm hai tạp chí phát liền trong hai tuần với chủ đề "Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long đứng trước thảm họa hệ sinh thái bị hủy hoại." Giống như mỗi khi thực hiện tạp chí đặc biệt, chúng tôi đã phải chuẩn bị chu đáo hơn bình thường, từ việc tìm nguồn tài liệu, phân công đến việc tìm người trả lời các câu hỏi. Tạp chí hai kỳ ấy chúng tôi đã có được sự đóng góp giá trị của một số chuyên viên từng nghiên cứu về sông Mekong và các vị này đã đưa ra những cái nhìn sắc sảo tùy từng góc độ chuyên môn của từng người, xác nhận mối hiểm họa đang ngày càng cận kề trước tiến độ xây dựng các đập thủy điện của Trung Quốc. Ba người đồng nghiệp của tôi đã phỏng vấn các ông Nguyễn Đức Hiệp, chuyên viên Viện bảo vệ môi trường New South Wales ở Úc, giáo sư Lê Thạch Cán trường đại học Tổng hợp Hà Nội, nhà địa lý học Christian Taillard thuộc Trung tâm Nghiên Cứu Khoa Học Quốc gia của Pháp CNRS, giáo sư Lê Quang Minh trường đại học Cần Thơ. Riêng phần tôi do mối quen biết cũ đã phỏng vấn kỹ sư Nguyễn Hữu Chung, thành viên nhóm Mekong Forum. Rất tiếc là do việc sắp đặt lại chỗ làm việc trong Ban chúng tôi, hai tạp chí ấy đã bị thất lạc. Riêng phần tôi còn giữ được băng gốc lần nói chuyện với chuyên viên thủy lực Nguyễn Hữu Chung. Kỹ sư Nguyễn Hữu Chung đã đưa ra những giải thích có cơ sở về các tai hoạ mà loạt đập nước do Trung Quốc xây trên thượng nguồn đang gây ra cho vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long. Theo anh tuy nhằm mục đích phát triển kinh tế quốc gia khi xây loạt đập nước trên sông Mekong nhưng Trung Quốc vẫn có thể sử dụng chương trình ấy cho những mục tiêu chiến lược quân sự nếu cần thiết, nghĩa là lợi ích quân sự là sản phẩm phụ của những công trình kinh tế. Đối với Ủy Hội Sông Mekong (Mekong River Commission) kỹ sư Nguyễn Hữu Chung cho rằng cơ quan này đã không làm được công việc phải làm là tìm kiếm sự đồng thuận hoặc thỏa hiệp giữa các quốc gia ven sông Mekong khi cần khai thác con sông. Đặc biệt anh không trông cậy gì ở Ủy Hội Sông Mekong trong việc bảo vệ quyền lợi của người dân Đồng Bằng Miền Nam Việt Nam. Còn đối với trong nước cũng như các nước láng giềng có sông

Mekong chảy ngang qua, hầu như giới lãnh đạo có mối bận tâm nào khác thay vì lên tiếng phản đối việc làm của Trung Quốc. (1)

Tìm thêm tiếng nói đồng điệu

Tôi tuy sinh trưởng ở Sài Gòn nhưng gốc gác đồng bằng miền Tây Nam bộ. Thuở nhỏ, mỗi mùa hè là dịp tôi được gởi về quê ngoại ở Mỹ Tho và thỉnh thoảng được theo gia đình về Cần Thơ. Trong trí nhớ của tôi hình ảnh con sông Tiền sao mà bát ngát, nước sông sao ngọt ngào. Tôi nhớ lại con rạch nhỏ đưa nước từ sông lớn vào phía sau nhà bà ngoại tôi, nước lao xao mỗi khi ngoài sông có tàu bè lớn đi ngang. Và tôi nhớ cây cỏ ven sông là một màu xanh bất tận, âm thanh rì rào ru giấc trưa hè. Con sông Hậu lưu lại trong tôi một hình ảnh khác, là những chuyến phà trên đó mình mỏi mắt chờ thấy rặng cây bờ bên kia, để rồi khi về tới nhà là chạy ào theo lũ trẻ ra con rạch trước nhà tắm mát. Có lẽ vì lý do nguồn gốc nên khi theo dõi thời sự Việt Nam tôi đặc biệt lưu ý tới vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long. Sau hai tạp chí đặc biệt về sông Cửu Long và các đập nước do Trung Quốc xây dựng trên thượng nguồn hợp tác với các bạn đồng nghiệp tôi như có đà đi tiếp trên con đường chỉ còn một mình tôi hăm hở. Trên con đường này tôi chuẩn bị tài liệu để có thể tiếp tục thực hiện những tạp chí liên quan tới những thay đổi môi sinh vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long, hậu quả của việc xây dựng các công trình đồ sộ trên thượng nguồn bên Trung Quốc. Tôi cần những tiếng nói có trọng lượng khi nêu lên vấn đề bảo vệ con sông, bảo vệ nguồn sống của người dân nơi này. Mặc dù hướng đầu tiên mà tôi nhắm tới là những tiếng nói có thẩm quyền từ trong nước nhưng trong khi chờ đợi điều kiện thuận lợi tôi bắt đầu thực hiện những chương trình phỏng vấn các chuyên viên hoặc tổ chức ở hải ngoại nghiên cứu về sông Mekong. Phải nói trong đợt đầu tôi đã được sự hỗ trợ tận tình của kỹ sư Phạm Phan Long thuộc nhóm Mekong Forum ở Mỹ qua những lần trả lời phỏng vấn của ban Việt ngữ chúng tôi (2) mặc dù lúc đó tôi chỉ mới được đọc các bài viết của anh trên báo. Người thứ nhì đã giúp cho tôi rất nhiều tài liệu liên quan tới các đập nước của Trung Quốc là bác sĩ Ngô Thế Vinh, tác giả tiểu thuyết tư liệu *Cửu Long Cạn Dòng Biển Đông Dậy Sóng* nhưng có điều là anh chưa bao giờ nhận trả lời tôi trên đài

LÝ THỪA NGHIỆP

Cây Cỏ Reo Vui

Người đi niệm Phật trên đồi
Thấy mùa Xuân ở bên người năm xưa
Sân nhà mai đã vàng chưa
Mẹ còn thức đợi Giao thừa nữa không!?
Tay cầm một mảnh tình chung
Đốt lên thì thấy muôn dòng lệ bay.

Trên đồi một chiếc áo phai
Đêm đêm cuốc đất đợi ngày trổ hoa
Lạy trời ở một phương xa
Hồn ta hạt bụi quê nhà còn đau
Biển xanh sóng ngát câu chào
Ai còn đứng mãi lối vào thiên thu.

Lên đồi thắp đuốc công phu
Sáng nay chợt thấy một mùa xuân xanh
Ngàn sương về đậu long lanh
Lòng tôi cây cỏ bất thần reo vui
Và tôi bái khắp phương trời
Nghe từ vô thỉ từng hồi chuông vang.

RFI. Sau một số chương trình có sự hợp tác của các chuyên viên ở nước ngoài như các anh Nguyễn Đức Hiệp ở Úc, Phạm Phan Long, Trần Tiễn Khanh ở Mỹ, Nguyễn Hữu Chung ở Canada, đầu năm 2005 tôi có cơ hội phỏng vấn nhà nông học nổi tiếng Võ Tòng Xuân. Khác với nhiều nhân vật có thẩm quyền trong nước, giáo sư Võ Tòng Xuân không ngần ngại khi nhận phát biểu – và rất thẳng thắn về những vấn đề thời sự tế nhị. Tôi khâm phục sự tận tụy và lòng nhiệt thành của ông trong các lĩnh vực nghiên cứu, giáo dục và vận động cho các mục tiêu phát triển nông thôn. Nói về tình trạng đồng bằng miền tây Nam bộ bị nhiễm mặn, giáo sư Võ Tòng Xuân xác nhận điều này đã có từ nhiều năm nay, hậu quả của việc Trung Quốc xây đập thuỷ điện trên thượng nguồn sông Mekong và ông cũng nhìn nhận sự bất lực của Việt Nam, không ngăn được cũng không thể đi kiện được. Nhìn xa hơn, trước nguy cơ chẳng những Trung Quốc mà luôn cả Thái Lan cũng khai thác chuyển dòng con sông Mekong sao cho có lợi cho đất nước họ, bất chấp thiệt hại gây ra cho các nước khác ven sông giáo sư Võ Tòng Xuân cho rằng quốc tế phải lên tiếng, can thiệp mạnh để giới hạn việc tự tiện xây đắp đập, chẳng những trên sông Mekong mà đối với tất cả những con sông quốc tế khác (3). Trong khi chờ đợi một phản ứng mạnh mẽ như thế, nhà nông học lạc quan này đã nêu lên các biện pháp đối phó với những thay đổi của thiên nhiên trong những lần nói chuyện khác nhau trên đài RFI. Từ việc chuyển hướng nông nghiệp, nuôi tôm cua thay cho khoản thất thu của mùa màng do đất nhiễm mặn, tính toán thời vụ sao cho thích nghi với cơn lũ cơn hạn bất thường, cho tới viêc tìm kiếm lai tạo giống lúa cao sản tương đối chịu mặn hơn giống lúa thường (4). Trong một lần nói chuyện khác trên đài RFI, ông cũng đã nhắc tới việc nghiên cứu một phương pháp mới được áp dụng ở phương tây là cách "tưới luân phiên" có thể giúp tiết kiệm 2/3 lượng nước cần thiết trong mỗi vụ mùa; tuy tiết kiệm nước tưới nhưng vẫn đảm bảo được năng suất lúa (5). Mỗi lần nói chuyện với giáo sư Võ Tòng Xuân tôi đều có cảm tưởng ông không bao giờ biết mệt mỏi, bao giờ ông cũng tìm cách đưa đời sống dân nông thôn lên cao, trong đó có việc giáo dục.

VỰA LÚA CỦA CẢ NƯỚC CẦM ĐÈN ĐỎ TRONG GIÁO DỤC

Đối phó với thảm họa thay đổi hệ sinh thái ở vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long không chỉ giới hạn trong trách nhiệm của chính quyền hay sự đóng góp của các chuyên gia mà còn phải làm sao nâng cao kiến thức của người dân. Qua báo chí trong nước, cho tới giờ này hầu như người dân nông thôn miền Nam chỉ biết tìm cách thích nghi với các biến đổi bất thường về thời tiết đất đai. Họ không được giải thích một cách tường tận nguyên nhân vì sao nước mặn mỗi năm mỗi lấn sâu thêm vào đồng bằng, vì sao nước máy như có pha muối, vì sao lưu lượng của chín nhánh sông tưới mát ruộng đồng lại giảm đi rất đáng kể vào mùa khô, vì sao cá tôm ở đây ngày trước phong phú là thế mà nay cứ mất dần đi cả số lượng lẫn chủng loại... (6). Hàng trăm thắc mắc của người dân chỉ được nhà nước giải thích chung chung về tình trạng trái đất bị hâm nóng, về hiện tượng El Nino mang tính định kỳ, tích cực hơn thì chỉ cho nông dân phương pháp tưới tiêu hay chủ động gieo xạ tránh hạn. Có nơi đứng trước tình trạng nước máy bị nhiễm mặn cơ quan hữu trách chỉ biết kêu gọi dân chúng thông cảm. Vai trò của giới chuyên viên nghiên cứu trong hoàn cảnh này càng trở nên cấp bách và cần thiết. Trong khi đó trả lời phỏng vấn của Ban Việt ngữ RFI ngày 12.02.2006, giáo sư Võ Tòng Xuân hiệu trưởng trường Đại học An Giang đã xác nhận về mặt giáo dục thì vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long bị xếp hạng kém nhất nước, thua cả các tỉnh miền núi phía bắc (7). Viện đại học Cần Thơ với trọng trách của một trung tâm hướng dẫn và phát triển khoa học kỹ thuật cho vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long, thành lập từ năm 1966 – đổi tên thành trường đại học Cần Thơ sau năm 1975 đã đạt được kết quả thế nào trong việc huấn luyện và đào tạo thành phần chủ lực cho công cuộc phát triển khu vực, và đặc biệt trong tình hình hiện nay , trong việc tìm kiếm giải đáp hữu hiệu cho tất cả hiểm họa do việc Trung Quốc xây đập trên thượng nguồn sông Mekong? Cuối tháng Tư 2005 tôi tìm cách liên lạc với giáo sư Lê Quang Minh, Hiệu trưởng trường đại học Cần Thơ xin được phỏng vấn ông về đề tài này. Rất tiếc qua rất nhiều lần đề nghị phỏng vấn bằng các phương tiện khác nhau, chính thức và không chính thức tôi đều nhận

được những lời từ chối rất khéo của văn phòng Hiệu trưởng.

Câu trả lời của giáo sư Võ Tòng Xuân hiệu trưởng trường đại học An Giang từ khi trường được thành lập vào năm 1999 cho đến nay giải đáp được phần nào thắc mắc nói trên của tôi đối với những trung tâm đào tạo cán bộ phát triển nông thôn, đặc biệt trong vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long (8). Thứ nhất, trường đại học An Giang tiếp tục đi theo nguyên lý giáo dục của trường đại học Cần Thơ, kết hợp lý thuyết với thực hành, nhờ đó sinh viên có thể đối chiếu bài vở từ trường lớp với thực tế và nông dân có thể được sự giúp đỡ kiến thức trực tiếp. Một mặt nào đó, cả hai bên đều có lợi trong chương trình thực tập này. Thứ hai, biết là Việt Nam không thể làm gì để ngăn cản hành động tùy tiện khai thác sông Mékong của Trung Quốc, khoa Nông nghiệp của trường đại học An Giang đã tìm cách biến cái họa nhiễm mặn thành cơ hội cải thiện đời sống nông thôn tức là chuyển đổi cơ cấu canh tác.

Tất cả nỗ lực mới ở mức độ ấy mà thôi. Nói cách khác, chưa có tín hiệu gì cho thấy những đề nghị của tác giả Ngô Thế Vinh từ năm 2002 chung quanh việc thành lập "một phân khoa sông Mekong" cho Viện đại học Cần Thơ gây được tiếng vang (9). Nói theo kỹ sư Nguyễn Hữu Chung "Tôi thấy dường như là các nhà lãnh đạo đang bận lo những chuyện khác và cho tới giờ phút này chẳng ai nói gì tới cái chuyện Mékong hết!" (1)

Riêng tôi thật tình vẫn muốn biết vì sao trong bối cảnh hiện nay đề nghị xây dựng thêm một phân khoa đặc biệt cho sông Mékong trong phạm vi các trường đại học Cần Thơ, An Giang lại không thực hiện được. Phân khoa mới sẽ giúp đào tạo một đội ngũ trí thức trẻ có vốn hiểu biết chuyên sâu về con sông Mékong và phân khoa ấy cũng có khả năng mở rộng quy mô hợp tác giữa chuyên viên các nước trong khu vực vốn quan tâm tới sinh mệnh của con sông này. Đó là chưa kể, một phân khoa như thế chắc chắn sẽ thu hút sự góp sức của những người Việt Nam ở hải ngoại.

Nhận định về khả năng tiếp tay của người Việt ở hải ngoại cho một chương trình như vừa nói, giáo sư Đỗ Bá Khê nay đã quá cố cho rằng rất nhiều người có tấm lòng và họ có khả năng làm việc này. Giáo sư Đỗ Bá Khê là người đã đọc bài diễn văn đầy tin tưởng ở vai trò khai sáng của Viện đại học Cần Thơ trong lễ mãn khoá đầu tiên của Viện đại học này ngày 19.12.1970 và cũng là người tích cực vận động cho mô hình Đại học Cộng đồng tại Việt Nam. Qua sự giới thiệu của bác sĩ Ngô Thế Vinh tôi được nói chuyện với thầy Khê và được thầy gởi cho nhiều tài liệu liên quan tới trung tâm giáo dục bậc đại học đầu tiên của miền Tây Nam bộ. Có lẽ do tình đồng hương nên thầy dành cho tôi ít nhiều thiện cảm. Trong lần sang Mỹ tháng bảy năm 2005, tôi cũng có ý định tới thăm thầy tận nhà nhưng cuối cùng chuyện không thành. Tuy vậy thầy và tôi đã có dịp nói chuyện khá lâu và câu chuyện xoay quanh công cuộc giáo dục vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long mà trung tâm điểm là viện đại học Cần Thơ. Ước vọng của thầy Khê là làm sao phát huy lợi thế sẵn có về mặt cơ sở vật chất của trường, cần thêm sự đóng góp của bên ngoài – nhất là về mặt tri thức để trung tâm giáo dục này giữ được vai trò ngọn đuốc soi sáng cho vùng đồng bằng trù phú của đất nước. (10)

CỬU LONG CẠN DÒNG KHÔNG CHỈ VÌ BỊ CHẶN NGUỒN

Số phận con sông Cửu Long sao mà lênh đênh! Chưa giải quyết được hậu quả của chính sách ngăn sông của Trung Quốc, chuyển dòng của Thái Lan thì ngay chính trong nước người ta đang giết lần mòn con sông huyết mạch của đồng bằng miền nam. Chỉ một bài điều tra phóng sự trên báo Tuổi Trẻ Chủ Nhật ngày 08.01.2006 (11) cũng đủ bộc lộ một hiểm họa khác đang rình rập vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long. Chẳng những là sự kém hiểu biết trong việc bảo vệ môi trường mà còn là thái độ tắc trách của những người có thẩm quyền. Nhóm phóng viên báo Tuổi Trẻ Chủ Nhật đã tới khu công nghiệp Mỹ Quý thành phố Long Xuyên và xác nhận tại đây có 10 nhà máy chế biến thủy sản đang ngày đêm thải nước dơ xuống sông Hậu, không qua hệ thống xử lý vì không có hoặc không đủ! Nhà máy của công ty Nam Việt , một nhà máy chế biến thủy sản có công suất thuộc loại lớn nhất vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long trên bờ sông Hậu thuộc tỉnh Long Xuyên chỉ có hệ thống xử lý 400m3 nước thải/ ngày nhưng lượng nước thải mỡ và máu cá chưa được xử lý đổ ra sông nhiều gấp ba. Sông Hậu là nơi chứa chất hôi thối, dơ bẩn của công ty Nam Việt từ năm năm qua mà chính quyền

không hề đả động tới mặc dù có đơn khiếu nại của cư dân chung quanh.

Ở đoạn sông thuộc Cần Thơ, sông Hậu cũng chịu tình cảnh tương tự, tức là phải hứng nước thải đen ngòm của các khu công nghiệp. Báo Tuổi trẻ Chủ nhật mô tả, ở khu vực quận Bình Thủy hệ thống cống xả nước thải của các nhà máy chĩa ra sông dày đặc. Ở đoạn sông gần khu công nghiệp Trà Nóc, nhà máy xí nghiệp càng dày và nạn ô nhiễm nước càng nặng nề hơn. Tại những miệng cống tập trung của khu công nghiệp, nước đen đặc quánh cứ ồ ạt tuôn ra rạch Sang Trắng và đổ ra sông Hậu. Trong khi dòng sông đang chết lần mòn vì nước thải kỹ nghệ thì trên bờ, hàng loạt khu công nghiệp đang lấn thêm đất. Chẳng những ở hai bờ của sông Hậu quãng thuộc Cần Thơ, Long Xuyên đất đai quy hoạch thành khu công nghiệp gần hết mà ở thượng nguồn, ở An Giang, Đồng Tháp bờ sông Hậu cũng bị xẻ thịt tương tự.

Ngay sau đọc bài phóng sự điều tra này tôi đã tìm cách liên lạc để phỏng vấn giới hữu trách ở Cần Thơ, tìm hiểu thêm sự thật. Thời gian đó bên Việt Nam đang chuẩn bị Tết, các ban ngành bận rộn với tiệc tất niên, tổng kết cuối năm, rất khó khăn để có thể tìm ra người có trách nhiệm đồng ý trả lời nhất là trả lời một đài phát thanh nước ngoài. Tôi cảm ơn Kiến trúc sư Trần Văn An Viện trưởng Viện Kiến trúc và Quy hoạch Thành phố Cần Thơ đã nhận trả lời đài RFI một vấn đề thời sự tế nhị tuy báo chí trong nước dễ dàng đề cập tới. Nhưng nghe phần trả lời phỏng vấn của kiến trúc sư Trần Văn An (12) thính giả có thể đặt câu hỏi là khi Viện Kiến trúc và Quy hoạch Thành phố Cần Thơ đã thực hiện đầy đủ chức năng trong việc giám sát các công trình xây dựng những khu công nghiệp, từ tiến trình quy hoạch cho tới vấn đề bảo vệ môi trường thì làm thế nào có thể xảy ra các vụ ô nhiễm sông Hậu như báo chí đề cập tới! Ở đây không chỉ các nhà máy xí nghiệp bất chấp quy định về việc xây dựng hệ thống xử lý nước thải mà luôn các cơ quan có thẩm quyền nhưng không kiểm tra đôn đốc và chính quyền các cấp ở địa phương vì lý do này khác đã không cứng rắn xử phạt những vụ vi phạm cũng phải chia sẻ trách nhiệm này.

Trở lại với giải pháp lâu dài củng cố và duy trì sức sống cho vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long trước tất cả các tai họa từ phương Bắc cũng như từ trong lòng khu vực có lẽ giáo dục và đào tạo vẫn là giải pháp ưu tiên và nếu có chuyên ngành về sông Mékong thì điều đó càng rất tốt. Đào tạo một đội ngũ chuyên viên để phát triển nông thôn, để đối phó với tai ương bên ngoài và giáo dục để xây dựng ý thức về phát triển bền vững nơi người dân. Dĩ nhiên còn có nhiều yếu tố khác trong bài toán phức tạp này nhưng nói theo kiểu dân miền Nam "có còn hơn không," Riêng tôi thì luôn luôn mong rằng không bao giờ "Cửu Long cạn dòng và Biển Đông dậy sóng."

05 / 2006

[Tác giả bài viết, nguyên là luật sư tòa Thượng Thẩm Sài Gòn trước 1975, nguyên phóng viên báo Tin Sáng. Định cư tại Pháp từ 1992 và hiện là phóng viên Ban Việt ngữ đài RFI / Radio France Internationale từ 1993 với mối quan tâm theo dõi đặc biệt về môi sinh và phát triển Đồng bằng Sông Cửu Long.]

Tham khảo:

1/ Ks Nguyễn Hữu Chung trả lời phỏng vấn ngày 06.12.2002.

2/ Sau phỏng vấn đầu tiên 03.02.2002, kỹ sư Phạm Phan Long đã có nhiều cuộc nói chuyện với một số phóng viên khác của RFI. Trong e-mail gửi cho tôi ngày 03.02.2002, anh Phạm Phan Long có viết: "...Tôi thiết nghĩ chị sẽ có lúc trở lại vấn đề này nữa. Xin gởi kèm lần nữa dữ kiện về Mékong để chị sử dụng về sau. Đây là bài thuyết trình mà tôi đã trình bày tại Mekong River Conference tại Santa Ana College năm 2000..."

3/ Gs Võ Tòng Xuân trả lời phỏng vấn trên đài RFI, 03.01.2005, 05.09.2005 và 10.10.2005.

4/ Gs Võ Tòng Xuân trên đài RFI, 03.01.2005.

5/ Gs Võ Tòng Xuân trên đài RFI, 10.10.2005.

6/ Trong bài "Chuyện một dòng sông" trên Tuổi Trẻ ngày 16.04.2006, người viết Phan Trung Nghĩa, tự giới thiệu là dân Bạc Liêu nhắc lại thời cá tôm dầy đặc trên sông 30 năm trước. Trước cảnh "sông rạch bây giờ nghèo kiệt, không còn tôm cá bao nhiêu" người viết cho rằng đó là do dòng sông đã bị khai thác bất tận.

7/ Trả lời phỏng vấn của RFI, 12.02.2006, gs Võ Tòng Xuân đã giải thích dự án cải tổ hoàn toàn phương pháp giáo dục Việt Nam từ lớp 1 đến lớp 12, một công trình đòi hỏi nhà nước phải có quyết tâm đưa giáo dục Việt Nam lên hàng tiên tiến.

8/ Gs Võ Tòng Xuân trả lời phỏng vấn RFI, 15.09.2005

9/ Ngô Thế Vinh – Viện Đại học Cần Thơ, Đồng Bằng Sông Cửu Long và con Sông Mekong (Thế kỷ 21- 9/ 2002)

10/ Băng ghi âm hai lần nói chuyện với Gs Đỗ Bá Khê.

11/ Có một dòng sông .. sẽ "qua đời ?" - Điều tra của Nhóm phóng viên TTCN tại Cần

Thơ. Tuổi Trẻ Chủ Nhật, 08.01.2006.

12/ Kiến trúc sư Trần Văn An trả lời RFI, 15.01.2006

NHỚ VÀ QUÊN

ĐẠM THẠCH

Thấy tôi có vẻ lừng khừng, chị nhìn tôi, đôi mắt có chút gì như năn nỉ. Rồi chị vừa giải thích mà cũng như vừa khuyến khích tôi thêm:

- Kệ nó em! Chuyện đã qua cho qua. Đừng để tâm làm gì em. Chịu khó bước vài bước qua nhà thấp cho nó vài nén nhang. Hôm nay, ngày giỗ đầu của nó. Chẳng mấy thuở em về. Chị thấy, mấy năm sau này nó thất sủng, bị hất cẳng ra khỏi Ủy ban, cởi bỏ áo công an, hình như chỉ còn lo ban Thể dục thể thao cho xã mà thôi!

Mẹ tôi mất hồi tôi mới năm tuổi. Chị ở vậy nuôi tôi. Tôi xem chị như mẹ. Ba năm trước tôi về tổ chức lễ thượng thọ cho chị. Chị nói:

- Thôi em! Đừng làm gì rình rang. Chỉ cần sắm một mâm trái cây rồi chị em mình qua chùa cúng Phật và gởi tiền cho Thầy trụ trì để chùa mua gạo phát chẩn.

Chị bảo gì tôi cũng thuận nghe. Tôi hiểu tấm lòng của chị. Rồi chị cười cười nhắc lại.

Năm nọ em về mang chai rượu Mỹ - rượu gì chị không rành. Cúng giỗ cha xong, em khui rượu đãi mọi người, ai cũng khen ngon. Thằng Long nhún môi khà lên một tiếng buộc miệng khen rượu Mỹ ngon quá chừng chừng, ngon đáo để, ngon hết sẩy, ngon hết chỗ chê; làm ai trong bàn tiệc cũng móc nhẹ nó:

- Giờ mới biết khen Đế quốc là trễ rồi!

Thằng Long chỉ bẽn lẽn mà không tỏ dấu hiệu gì tự ái, cáu giận. Giá như trước đây nó đã sừng sộ lên lớp mọi người. Rượu hết. Chỉ thoáng chuyền tay qua một tua là trút chai không còn một giọt dính đầu ngón tay. Tiệc tan. Ai cũng dáo dác tìm cái vỏ chai. Người nào cũng muốn tìm để cò-léc xông, cò-léc-xiếc gì đó. Người này nghi người kia mà không ai nghi thằng Long cất giấu. Té ra, khi nó chết, thấy con Ẩn - em nó - chưng trên bàn thờ nó.

Vậy là tôi quyết định qua thắp cho nó mấy cọng nhang. Dầu gì nó cũng là...

Chị tôi vui ra mặt, đệm thêm:

- Có con Bé Ba, con của hai Phường, cũng ở Mỹ về như em. Không biết em còn nhớ, nó gọi năm Long bằng cậu ruột.

Như có thêm đồng minh, tôi xăn xái thay áo qua dự đám giỗ và cũng để biết thêm về con Bé Ba, con của hai Phường, mà hồi chiến tranh, mẹ nó cũng đã chết chùm cùng gia đình.

Đầu tiên là ba Tiệm, em kế hai Phường. Ba Tiệm theo du kích xã. Hôm ấy, có cuộc phối hợp hành quân giữa lực lượng địa phương và toán biệt kích quận. Ba Tiệm có nhiệm vụ gác cầu Lái Thẻn. Khi phát hiện toán lính mở đường xuất hiện bất ngờ vội chạy báo động. Ba Tiệm chạy không khỏi, chết ngay tại chỗ bởi loạt đạt đầu tiên. Toán lính địa phương tiếp tục mở rộng cuộc hành quân. Toán biệt kích quận nằm ém lại. Vài người kéo xác ba Tiệm lại gần dốc cầu, lấy lá dừa đậy lại, sau khi sửa xác chết nằm ngay ngắn.

Cho đến chiều tối hôm đó, khi cuộc hành quân hoàn toàn chấm dứt, nghe ngóng và cầm chắc lính đi ruồng đã rút về hết, bà con trong vùng mới thông báo cho gia đình tin ba Tiệm nằm chết ở cầu Lái Thẻn, nơi mà ba Tiệm thường được phân công canh gác. Ba Hoài, mẹ ba Tiệm, cùng thằng con út, bỏ dở cữ sấy dừa, tức tốc chạy qua nhận diện. Hai Phường, từ dưới lộ đá Ba Lai, cũng được tin, bỏ gánh rau bán nửa chừng, vội bao đò qua sông cầu Kinh theo ngã lộ chú Kiếu, hốt hoảng chạy lên cho kịp. Khi ba mẹ con cùng lúc giở xác ba Tiệm thì một tiếng nổ kinh hoàng, chát chúa của quả lựu đạn được gài lại. Cả ba mẹ con chết banh xác ngay tại chỗ. Mẹ, ba Hoài chết tuổi bốn ba. Con, hai Phường hai mươi bốn để lại ba con nhỏ. Lớn nhứt mới năm tuổi, nhỏ nhứt lên hai. Ba Tiệm chết tuổi hai mươi hai, để lại ba con, một trai hai gái. Thằng Rắc lớn nhứt mới vô mẫu giáo. Con Cụt chị nói còn ngọng nghịu, con Cụt em mới biết đi lững đững.

Riêng thằng Núp, mới vừa bể tiếng, giọng nói khao khao, khắp khắp như vịt xiêm lai.

Nó chết xác văng nằm vắt vẻo sát bờ kinh.

Tôi đã bỏ lửng giữa chừng. Tôi nói: dầu gì... dầu gì thằng Long cũng là bạn thân với tôi hoặc còn hơn thế nữa. Nếu có dịp tôi sẽ mở dấu ngoặc để lần mò về sự thân cận giữa nó và tôi.

Thằng Long nó chỉ hơn tôi một hai tuổi là cùng. Tôi tuổi Mùi. Nó tuổi Ngọ hoặc tuổi Tỵ. Những năm năm mươi, một thời thới bình ở làng tôi. Những ngày nghỉ học, nhà thằng Long là nơi chúng tôi thường xuyên tựu tập để tổ chức rượt sóc, bắn chim.

Thằng Núp, em út thằng Long, lúc đó chừng ba bốn tuổi, môi chì, nước da bủng, mốc cời, tướng mập và lùn. Hễ ngày chủ nhựt, ngay sáng sớm, nhằm lúc nước ròng, nó tình nguyện xuống mương tìm đất sét. Riết rồi nó quen và biết nơi nào là ổ đất sét loại đất có màu vàng nửa nghệ nửa tròng đỏ trứng gà. Loại đất dính dẻo nhẹo chứ không phải đất bùn gặp nước chưa kịp nắm đã rã ra. Đất sét vò đạn bắn chim là lý tưởng. Ngoài hai anh em thằng Long và tôi. Còn có thằng Ức con bộ Hào. Chú bộ Hào có hai người vợ ở chung một nhà. Thiếm năm lớn, ở với chú không con, thiếm đứng ra cưới thiếm năm nhỏ cho chú. Chú có tiền, ở không đi đánh bài. Thằng Ức là con thiếm năm nhỏ. Con Triệu chị nó sau này ưng thằng tư Xê, em kế ba Tiệm. Rồi còn có thằng Út con bộ Tánh.

Chú bộ Tánh ho kinh niên, đụng đâu cũng khạc nhổ, đờm xanh thấy mà gớm. Người ta đồn chú bị lao phổi ít ai dám lại gần sợ lây. Sau cùng còn có thằng Tam con Ghỉ A, cháu ngoại Tám Kinh. Tám Kinh ở xóm ai cũng biết, nhà chuyên môn chứa bài tứ sắc để lấy xâu. Những lúc tám Kinh thiếu tụ thường hú cha tôi qua trám chỗ. Những lúc đó, cha tôi nhìn chị em tôi với đôi mắt thật dịu dàng như dò hỏi ngầm tìm một sự khuyến khích. Biết ý, chị tôi cười cười nói: Cha qua chơi cho khuây khỏa, lúa chỉ chờ gặt mà thôi, ở nhà ở không làm gì! Cha đi, cho thằng chín đèo-út của cha níu áo cha qua ngồi sau lượm rác. Chơi bài tứ sắc có thua bao nhiêu. Miễn là đừng có nóng mũi chơi bài cào hay xì dách rủi thua là cháy túi!

Để chuẩn bị cuộc chơi, tụi tôi xúm nhau nhào, ngắt đất vò đạn. Gặp bữa trời nắng ráo, đem phơi nắng. Chờ đạn ráo mồ hôi, cầm lên lòng bàn tay, thấy cưng cứng, nặng nặng là biết dùng được thì nhét đầy túi quần xà lỏn, túi quay phía trước bụng, kè kè, xề xệ cho dễ móc nạp vào miếng da nạng giàn thun. Gặp khi trời ui ui, hoặc thấy chuyển mưa đạn vò được đem sấy trên lò trấu. Đạn phơi nắng bắn đằm, đường đi chính xác. Đạn sấy khô nhanh, viên đạn bốc hơi bởi lửa nóng áp nên nhẹ hơn đạn phơi khô, thường bị bạt gió. Tôi và thằng Tam có nhiệm vụ bắn nà tứ phía để cướp tinh thần con vật buộc nó phải nhảy từ tàu lá dừa cây dừa nầy qua cây dừa khác cốt yếu cho nó chạy mệt đành thúc thủ bó đọt trên ngọn dừa. Vì vậy hai đứa tôi cần có nhiều đạn, nên mang một túi vải đeo ở cổ. Còn tụi kia không thích mang nặng nên chỉ bỏ đủ hai túi quần xề xệ trước rún. Tụi nó tự hào mỗi viên đạn phải hạ ít nhứt một con chim.

Thật ra, rượt sóc mới là chính, là mục tiêu hàng đầu. Còn chim chóc thì chỉ trau trảu mới đáng phí đạn. Sóc thường chuyền trên cao . Nó phóng nhanh từ cây dừa nầy sang cây dừa khác. Đôi lúc bị rượt nà, té xuống đất nó cũng kịp bò lên chạy vòng vòng theo thân dừa leo tuốt lên ngọn. Khi biết chắc nó mệt rồi, ngồi bó đọt trên ngọn dừa, hai thằng, hoặc thằng Ức hoặc thằng Út có nhiệm vụ leo lên ngồi trên buồng dừa rất nhẹ nhàng, khéo léo để không động tịnh và giương nạn giàn thun cách con sóc chừng hai sải tay. Bọn dưới đất đứng giăng hàng ngang, từ bờ dừa nầy đến bờ dừa khác. Khi phát hiện thấy có sóc, chúng tôi vừa la vừa bắn nột áp đảo tinh thần con vật. Đạn bắn tua tủa tứ phía. Nó đành tháo chạy thoát thân trối chết khi bị rượt nà. Còn chúng tôi cuộc rượt bắt sôi nổi, hào hứng nhứt là khi con vật bị thương rơi từ trên cao xuống đất và thằng nào cũng nhào tới bắt sống. Điều thú vị hơn nữa, con sóc được mang đến trình diện ông chủ vườn để được thưởng mười đồng. Hồi đó mười đồng tiền Bảo Đại lớn lắm. Chúng tôi biết tính ông trưởng Mười keo kiệt. Vườn rộng minh mông nhưng một trái dừa khô rụng cũng không qua mắt ông. Đứa nào lén phén lượm trái dừa hay bẻ bất cứ trái cây nào mà ông bắt gặp, ông bắt quì gối tại chỗ rồi còn kêu cha mẹ tới mắng vốn. Cũng vì tính như vậy mà ông thù lũ sóc lũ chuột phá hoại dừa ông. Chuột thì ông có thể hài bằng bẫy tre gác trên mỗi cây dừa nào mà ông thấy có chuột khoét. Còn sóc thì tinh khôn hễ nghe động tịnh một chút thì đã kịp phóng mình chuyền đi nơi khác. Để chơi khăm ông chúng tôi cố tình lùa sóc từ vườn khác sang vườn ông rồi mới tìm kế hoạch bắt sống. Nghe tiếng chúng tôi hô vang ông thường ra xem và cổ võ. Chính ông ra giá mỗi con sóc bắt được trong phạm vi

TUỆ SỸ

BÌNH MINH

Tiếng trẻ khóc ngân vang lời vĩnh cửu
Từ nguyên sơ sông máu thắm đồng xanh
Tôi là cỏ trôi theo dòng thiên cổ
Nghe lời ru nhớ mãi buổi bình minh

Buổi vô thủy hồn tôi từ đáy mộ
Uống sương khuya tìm sinh lộ viễn trình
Khi nắng sớm hôn nồng lên nụ nhỏ
Tôi yêu ai, trời rực sáng bình minh?

Đôi cò trắng yêu nhau còn bỡ ngỡ
Sao mặt trời thù ghét tóc nàng xinh?
Tôi lên núi tìm nỗi buồn đâu đó
Sao tuổi thơ không khóc buổi bình minh?

vườn ông sẽ được thưởng mười đồng bất luận lớn hay nhỏ. Cuộc hành quân chấm dứt khi tiền trao cháo múc. Chúng tôi hăm hở quay về nhà thằng Long phân công nhau, đứa nhúm lửa, đứa rửa nồi vo gạo, đứa nấu nước sôi cạo lông hoặc thui rồi bầm, rồi nấu. Chỉ một con sóc bầm nhuyễn có thể nấu nồi cháo một lít gạo cũng dư sức ngọt. Chúng tôi vừa ăn vừa chuyện trò rôm rả, mồ hôi chảy ướt áo. Đứa nào cũng giành góp công cho chiến tích của nồi cháo sóc. Trong khi ngồi đợi cháo nhừ nêm nếm muối nước mắm hành lá thì lần nào thằng Ức cũng tái diễn cái mửng cũ. bằng cách đem chim của thằng Long ra làm trò cười. Nó chê của thằng Long chỉ bằng trái ớt hiểm, chắc là muôn đời không cưới được vợ. Mà quả thật, thằng Long rất mặc cảm về điều này vì hễ ai nhắc đến đàn bà con gái là nó tìm cách nói lảng ra. Những lúc ấy thằng Ức thường phô trương của nó ra để chứng tỏ mình vô địch. Như hãnh diện thằng Ức cười híp mắt trong khi thằng Long bỏ đi một nước. Thằng Tam cũng thú nhận với tôi là nó chịu lép vế khi của nó chưa mở mắt! Còn thằng Bàn con sáu Bấp thỉnh thoảng mới tham gia cuộc chơi có lần rủ tôi hai đứa cùng trật quần nằm giữa bờ đê chờ con Lượng con bà mụ Huấn Tuồng đi ngang qua thấy chơi. Tôi nghe lời nó làm theo. Nhưng nửa chừng khi thấy bóng con Lượng đi gần tới tôi vội kéo quần lên khỏi rún và nằm úp mặt xuống ruộng giả đò ngủ say. Còn một mình thằng Bàn nó lảnh đủ tiếng chửi của con Lượng: Đồ tồi bại, đồ mất dạy, khi nó kịp nhìn thấy cái con trùn hổ của thằng Bàn vội kéo cái nón lá bước né qua. Không biết nó về nhà có mách với bà huấn Tuồng không mà sau đó nghe êm re trong khi thằng Bàn chơi dại đang còn sợ xanh máu mặt.

Trong khi húp cháo sì sụp chúng tôi trò chuyện với nhau bằng tiếng lái mà người ngoài không chú ý nghe được sẽ không thể hiểu chúng tôi đang nói gì. Thằng Ức có biệt tài nói lái chầu ba chầu tư. Nói nói : Tay ra ngoào [tao ra ngoài] hoặc nói hỏi: Mừa ăn cơm chây? [mầy ăn cơm chưa?]. Tôi dở hơn nghe nó không kịp và chỉ nói lái đôi. Để gỡ gạc tôi xổ một tràng tiếng Tây cho tụi nó lé mắt. Thằng nào quýt sơ măng đờ mống se? Thằng nào đờ lộng sôi? Còn thằng nào ót măng? Tôi cố tình chêm chữ đờ [de tiếng Pháp] lần đầu mới nghe tụi nó có vẻ phục tôi sát đất. Ăn uống no nê chúng tôi hè nhau rinh nồi chén ra kinh rửa. Rồi chia phe tạt nước hoặc chơi trò giấu cây lặn kiếm. Ngụp lặn đã đời cho tới mặt trời đứng bóng mới chịu trồi lên bờ. Thằng thì môi thâm tím,thằng thì nước bùn đóng bợn quanh miệng giống như để râu. Để bớt rung lập cập tụi tôi lấy yếm mo cau làm giấy, rứt mầu dừa khô giả thuốc rê quấn thành điếu hút phà khói ra lổ mũi, sặc chảy máu cam. Chỉ có râu bắp hút thơm, nhẹ nhàng như người lớn hút Rubie, Ách chuồng. Rồi đâu đã chịu ngưng. Thằng Ức đề nghị tất cả leo lên đứng hàng ngang trên cây dừa trốc gốc ngã xiên cách mặt đất hơn hai thước thi nhau đái coi thằng nào đái xa.

Mục nầy thì thằng Long không bao giờ tham dự. Chuẩn bị chơi thằng Ức nín đái, hai tay bịn chặt đứng hẩy ra đằng trước cho nước xịt thật xa. Còn tôi trịt quần kéo ra trậm trầy trậm trật, đến chừng xả bọng được thì cũng chỉ đến mức hai thước là cùng! Thằng Út đếm một hai ba,

cả bọn đồng ca bài: Trời lập đông, con cu teo, kéo ra hoài mà còn dài nhằng.

Những ngày nghỉ học vui chơi đã đời cũng đã qua. Đám tụi tôi cũng phải ôm cặp đệm đến trường suốt những năm tiểu học.

Năm lớp nhứt, học với cô giáo Hà tôi thi rớt đệ thất. Phải đợi năm sau thi đậu lớp tiếp liên, học với thầy Xương để chuẩn bị thi lại đệ thất. Có lần cô giáo Hà tâm sự với cả lớp chúng tôi: cô nói cô sẽ không bao giờ lấy chồng!

Trong trái tim non nớt tôi tin lời cô Hà nói và như có một điều thiêng liêng nào khiến tôi vừa cảm động vừa hạnh phúc. Học lớp tiếp liên với thầy Xương mà tâm hồn tôi vẫn hướng về cô giáo Hà ở ngôi trường Phú Khương với tất cả chân tình. Thầy Xương dữ dằn, thường đứng chồm xuống bàn thứ hai nhiếc tụi học trò chậm hiểu bài toán mà thầy vừa giảng là đồ ăn rục quần chó! Những lúc ấy hình ảnh cô Hà hiền dịu như một nguồn an ủi. Rồi một chiều, khi đạp xe đi ngang qua trường cũ tôi bỗng bắt gặp cô Hà ngồi sau xe Lambretta và một tay vòng ôm eo thầy Quân! Tự nhiên tôi choáng váng và nước mắt tủi thân chảy dài xuống má. Câu nói ngày nào của cô đã làm cô như thần tượng bỗng nhiên sụp đổ. Tôi không còn hứng thú đạp xe mỗi ngày từ nhà đến trường hơn sáu cây số như trước đây với chiếc xe đạp đòn dông nhỏ xiếu mà anh tôi mua tặng như món quà quí giá đầu tiên trong đời của tôi để khuyến khích tôi cố thi đậu vào lớp đệ thất trường công tại thị xã Trúc Giang. Và năm đó một lần nữa tôi thi rớt. Nỗi thất vọng của tôi không phải vì thi rớt đệ thất mà là tôi thật sự buồn bã khi biết mình từ đây đã thật sự mất cô Hà.

Chị tôi tưởng tôi không đậu nên buồn bỏ ăn mấy ngày. Chị an ủi:

- Rớt keo này bày keo khác em lo chi. Học tài thi phận mà! Mấy tháng hè cứ vui chơi với bạn bè để rồi tựu trường ghi tên học lớp đệ thất trường tư rồi cố ôn bài thi lại cứ nhồi riết thế nào cũng đậu lo gì?

Thế là tôi xa quê từ đó. Xa những thằng bạn với những buổi rượt sóc hào hứng.

Tôi tiếp tục học trường bán công Hoài An ở Phú Nhuận và ở trọ nhà anh tôi. Thay vì trở về quê thi lại đệ thất tôi tiếp tục học tiếp lớp đệ lục. Và sau khi được ban giám hiệu khuyến khích nhảy lớp, tôi bỏ lớp đệ ngũ và nhảy lên học lớp đệ tứ mà không phải đóng học phí. Đang khi ráo riết để chuẩn bị thi tốt nghiệp trung học đệ nhứt cấp được tin chị tôi đau nặng tôi tức tốc trở về quê cũ. Xuống xe bên kia cầu Ba Lai, tôi lội giày lội bùn từ ngả tư Từng Đậu nhắm hướng ấp Phước Hậu đi như một kẻ mất hồn.

Theo lời cha tôi kể lại, vào một đêm khuya, thằng Long sau nhiều năm vắng mặt bỗng nhiên xuất hiện, súng ống kè kè. Nó đề quyết chị tôi lấy cắp số vàng mà gia đình nó chôn giấu. Bằng chứng là tôi có tiền lên thành phố học mà không cần thi đệ thất ở tỉnh nhà. Chị tôi thề bán mạng. Chị thách nó dám lên đình Phước Hậu bẻ cổ gà thề trước mặt thánh thần? Nó không đi. Nó nói nó không tin thần thánh. Thần thánh là cái con mẹ gì mà phải thề? Nó bắt ép chị tôi phải nhận. Ức quá chị tôi phát điên. Cha tôi phải đi thỉnh bác chín Du làm nghề thầy pháp lâu năm để giải tà. Phải mất hai ngày để bác chín chuẩn bị lập đàn tràng ngay trước sân nhà cha tôi. Cái sân vuông rộng chung quanh dựng hàng rào ngang ngực kết tua bằng lá dủng đỉnh như người ta thường dùng trang trí rạp đám cưới. Ngoài bác chín Du, người ốm yếu, giọng nói sang sảng, cột cái khăn nhiễu điều trên đầu bỏ thõng một bên để một tay bác cầm, tay kia bác cầm cây nhang bắt ấn, còn có ba người đàn ông lực lưỡng hóa trang thành ba nhân vật Quan Công, Quan Bình và Châu Xương. Người nào cũng đi đứng múa may, hơi thương , kích, đoản đao giống như trong tuồng hát bộ. Cuộc lễ bắt đầu lúc chạng vạng tối. Bà con trong xóm kéo nhau đứng vây quanh hàng rào vừa tò mò theo dõi một cách thành kính vừa có cảm giác sờ sợ. Cha tôi mặc áo dài khăn đóng màu đen như những ngày đình Phước Hậu cúng lễ kỳ yên.

Một người thanh niên lạ mặt đệ tử của bác Chín dẫn chị tôi từ trong nhà bước ra ấn chị ngồi trên chiếc ghế đai. Trông chị ốm yếu, gương mặt thất thần. Chị dáo dác nhìn những người đang chen chúc đứng xem. Chị không nói tiếng nào. Thỉnh thoảng chị kéo vạt áo bà ba lên lau mặt. Quang cảnh bỗng im lặng đến ngột ngạt khi chiêng trống trổi lên gióng giả. Sau khi xá bốn phương tám hướng bác chín Du bắt đầu hành lễ. Một tay nâng khăn điều tay cầm nhang dạng chân đi qua lại trước mặt chị tôi với sự hỗ trợ hầm hì của ông quan Châu Xương râu cụt cầm thương dài múa may loạn xạ. Lúc đầu chị tôi chỉ cúi nhìn xuống đất, đôi mắt như sợ sệt. Nhưng khi bác chín càng la hét hâm dọa thì chị tôi bỗng đứng vụt dây chỉ vào mặt bác

chín nói như thách thức:

- Ai có giỏi thì đè cổ thằng nào vu oan giá họa. Đừng tưởng làm ồn ào như vầy mà dọa được con nhỏ nầy. Nào. Giải tán. Nhà ai nấy về. Về hết. Để tôi còn nghỉ ngơi!

Con heo sữa quay từ hồi sáng giờ đã nguội lạnh. Bác chín lắc đầu than con tà nầy dữ quá cần phải triệu thêm người cao tay ấn để trừng trị.

Phải mất cả năm sau chị tôi mới lần lần hồi phục. Khi được biết chị tôi đã tỉnh nhiều, sinh hoạt bình thường thì tôi không còn dám trở lại quê tôi nữa. Bởi, đây là giai đoạn mà Mặt trận Giải phóng Miền Nam thật sự nổi lên. Dấu hiệu đầu tiên là những thân cây dừa đã bắt đầu xuất hiện cờ Mặt trận với ba màu xanh đỏ vàng. Lính nghĩa quân xã cũng chỉ dám lên một đổi đường lấy bùn non trét lấp lá cờ rồi rút về. Tin từ quê nhà cho hay thằng Long đã gia nhập lực lượng chính quy được huấn luyện trong bưng. Thằng Ức đi nghĩa quân. Thằng Út đi Sư đoàn Bảy căn cứ đóng ở phía Sơn Đông. Thằng Tam ghi danh vào lực lượng cảnh sát chiến đấu ở tận Long An. Cha và chị tôi không thể rời bỏ ruộng vườn, đành trụ lại giữa hai lần đạn. Nhiều lúc tình hình căng thẳng bắt buộc phải tản cư thì cũng chỉ né qua phía Sơn Đông khi thấy tình hình êm lại thì quay trở về.

Từ lộ đá Ba Lai nơi có nhà việc Xã, có ngôi chợ, có trường tiểu học Thạnh Hựu mà thuở thơ ấu tôi đã học lớp ba với thầy Đơ rồi lên lớp nhì với thầy Bình. Chính năm học này thằng Nam tuy học cùng một lớp nhưng nó lớn con bự xộn đã đầu độc tôi bằng cách nhét cuốn tập chép tay trong gầm bàn tôi với hình ảnh ba mươi sáu kiểu tục tĩu. Và cũng chính năm học này tụi tôi chuyền tay nhau chép thơ bằng giấy pơ-luya mỏng nhiều màu với những bài thơ như Hổ nhớ rừng, hai sắc hoa ti-gôn...

Đó, từ đây có thể tẻ theo ba ngả lên các ấp Phước hậu, phước Thịnh, và Phước hựu của làng Tam Phước nơi chôn nhau cắt rốn của tôi. Riêng ngả chú Kiếu nằm dọc theo bờ sông Ba lai lên hướng Tường đa phải qua cây cầu đúc duy nhứt là cầu Kinh cũng đã bị giựt sập để cản trở những cuộc hành quân lớn nhỏ của chánh quyền. Dọc đường các biểu ngữ viết nguyệch ngoạc với nội dung chống chế độ Ngô Dình Diệm thối nát, gia đình trị hoặc đả đảo tay sai đế quốc Mỹ được căng ngang các lối đi. Và rất nhiều chướng ngại vật mô mìn giả. Trong bối cảnh nguy hiểm đó định mệnh nào khiến hai Phường kịp bao chuyến đò định mệnh cho đời mình...

Dĩ nhiên, những tàn tích chiến tranh những năm ác liệt ấy giờ không còn sau bao nhiêu năm vật đổi sao dời. Cây cầu Kinh đã được bắc lại ngang qua con kinh rộng chỉ trên năm mươi thước cũng chỉ là cây cầu xi măng tạm bợ rộng chỉ vừa đủ bộ hành và xe ba gác qua lại chở dừa. Ba con lộ tẻ đã cũng chỉ từng chặng trải đá tráng nhựa để tiến lên xã hội chủ nghĩa ưu việt thay thế những con lộ đất từ thuở cha sanh mẹ đẻ ra tôi.

Tôi đã về thăm lại mộ mẹ tôi. Ngôi mộ mà anh chị tôi bàn tính sẽ có ngày di dời về nằm gần cha tôi bên phần đất bên nội, cách con rạch Lái Thẻn, bên này là miếng vườn của bà Bái Ba mà hình như hồi nhỏ tôi quen miệng kêu bằng ngoại. Mẹ tôi mất năm bốn tám mà chị tôi hay nói là năm Mậu Tý hưởng dương bốn mươi lăm. Chị tôi kể lại ngày đám ma, tôi không khóc và còn hãnh diện với lũ bạn rằng nhà tôi có làm bò đãi tiệc, tôi cũng giả bộ kéo cái đầu tàu dừa gắn hai trái quao làm sừng dắt đi như sáng nay người ta dắt còn bò tội nghiệp đi đập đầu. Riêng mẹ tôi hồi sanh tiền không có chụp ảnh lưu lại nên trong ký ức mù mờ tôi cũng chỉ còn nhớ mang máng là mẹ tôi có khuôn mặt xương xương, người mảnh dẻ. Bà có thói quen ngồi bên bàn nước nhai trầu bỏm bẻm với con dao tách cau không tra cán, phần sắt đuôi dao được bẻ quặp lại. Tôi còn nhớ như in, chính lúc mẹ tôi dùng con dao ấy lạng trái bắp nấu ra dĩa cho tôi bốc ăn thì tôi cũng vừa làm một việc tàn ác là cầm cây chỉa soi nhái có ngạnh nhắm con gà con chui nằm dưới ngạch cửa mà đâm. Con gà mắc lưỡi chỉa dẫy dụa rồi chết ngay. Cha tôi đang nằm đọc truyện phong thần bỗng ngồi vụt dậy, đôi mắt quắc lên giận dữ quát to:

- Đồ chết bầm! Sao mầy ác vậy?!

Tôi ôm mặt khóc òa. Tay chân rung lẩy bẩy. Mẹ tôi một tay tém miệng trầu một tay ôm tôi vào lòng dỗ ngọt:

- Thôi con đừng khóc. Cha giận cha rầy thêm. Lỡ rồi, chắc con đâu muốn vậy. Thôi để mẹ bảo chị hai con làm thịt quay chảo cho con ăn. Trước sau gì mình cũng ăn.

Gà nuôi để ăn thịt mà!

Theo lời chị tôi kể lại, chính thằng Long hồi còn sống, nó khuyên đừng di dời mộ dì Tư [nó nói gia đình nó đâu có bắt buộc phải dời, ai cũng sẵn lòng dành một khoảnh đất đâu có thiệt

TRẦN TRUNG ĐẠO

Lụa Duy Xuyên

Ai về qua phố Hội An
Mua dùm tôi tấm lụa vàng Duy Xuyên
Tôi đi quét lá trăm miền
Mẹ ngồi dệt sợi ưu phiền quanh năm
Mai nầy con trở về thăm
Sẽ may cho mẹ chiếc khăn gói trầu
Dù xa cách nửa địa cầu
Có hồn con vẫn theo hầu mỗi đêm.

thòi gì?] và bởi chị em chúng tôi ai cũng có công ăn việc làm đàng hoàng, cuộc sống đang an bình, sau chiến tranh ai cũng còn nguyên vẹn thì không nên làm điều gì xáo trộn.

Và đây cũng là lúc tôi cần mở dấu ngoặc để nói về sự thân cận giữa tôi với thằng Long. Cũng theo lời chị tôi kể, hồi đó,gia đình ông bà ngoại tôi nghèo, sanh đông con, ở đâu miệt Thủ Thừa thuộc Long An, bằng lòng cho bà Bái ba nuôi thời con gái, bà ngoại của thằng Long. Bà Bái là bạn hàng xóm láng giềng với ông bà nội tôi. Hai miếng đất giáp ranh bởi con rạch Lái thẻn chảy ra sông Ba lai. Con rạch mà tuổi thơ của tôi trầm mình tập bơi lội dưới dòng những chiều nước lớn và khi nước giựt ròng tôi theo chị tôi xúc tép đãi hến và sau này lớn lên một chút tôi thường cắm câu dọc theo kinh lúc đêm về với cả chục cần câu chuốt bằng tre gai. Con rạch mà hồi nhỏ tôi bơi muốn hụt hơi mới tới bên kìa bờ thật ra nó chỉ rộng vừa đủ chiếc ghe chài lui tới chở dừa đem cân. Thấy được tuổi, nội tôi bằng lòng cưới vợ cho cha tôi còn bà Bái ba đứng ra gã, hai bên kết thông gia từ khi mẹ tôi mới vừa mười bảy tuổi còn cha tôi cũng hai mươi. Lập gia đình xong cha tôi quyết định ra riêng. Bà Bái ba chỉ miếng đất trong vườn bà cho cha tôi cất nhà nói là để tiện cho mẹ tôi lui tới sớm hôm với bà. Có lẽ mẹ tôi về sống với bà được bà thương yêu đùm bọc coi như con nên đặt chị ba Hoài thứ ba mặc dầu chị là con đầu lòng và cũng tiện cho vai vế khi xưng hô vì phía cha tôi - thứ hai.

Thật tôi không ngờ, đứng trước ngôi mộ của mẹ tôi lại là chòm mộ của gia đình chị ba Hoài. Mộ của chị, và nằm sấp lớp xung quanh là mộ hai Phường, ba Tiệm, mộ thằng Núp và sau cùng ngôi mộ mới tinh vừa quét vôi ràng ràng mộ thằng Long.

Mới tết vừa rồi, chị tôi cũng sửa sang chỗ nằm của mẹ tôi tươm tất. Con Ẩn, không chồng, sau ngày ba mươi tháng tư cũng chỉ giữ vai trò khiêm nhượng là chủ tịch hội phụ nữ giải phóng Xã mỗi tháng chỉ họp lấy lệ một lần với công lao kháng chiến hưởng tiền hưu, chủ yếu hoa lợi nhờ vào miếng vườn để giữ ngôi nhà thừa tự. Sáu Ẩn cũng đã chỉnh trang chòm mộ đặc biệt sau khi anh nó thằng Long mãn phần. Hai anh em sống hủ hỉ suốt năm tháng sau chiến tranh. Thằng Long chết vì bịnh ung thư gan khi nó chưa kịp hưởng căn nhà thừa tự mà hai anh em nó dành dụm mới vừa xây xong.

Tôi thắp nhang vái mẹ tôi xong, rồi đi vòng vòng cắm ba nén nhang cho từng ngôi mộ.

Khi tôi bước qua nhà đi dự đám giỗ thì gặp tư Xê và sáu Ẩn đon đả mời chào. Những người đi dự đa số tôi đều biết mặt. Người lớn có, nhỏ có, ngang hàng có, chỉ trừ các em cháu nhỏ sau này là tôi không biết gốc gác con ai. Thấy tôi ở xa về ai cũng xúm xít hỏi thăm cuộc sống của tôi ở Mỹ ra sao, nghe nói có vợ về sao không thấy? Hồi trước giải phóng làm chức vụ gì. Tôi trả lời vắn tắt. Tôi là sĩ quan trước phục vụ ở bộ tư lệnh vùng bốn Cần Thơ, làm việc ở văn phòng không có đi tác chiến cấp bực trung úy tuy có quyết định thăng cấp đại úy chưa kịp nhận thì bị vụ ba mươi tháng tư. Sau khi đi tù về rồi sang Mỹ diện H.O. Sau mấy tuần rượu đẩy đưa, mời ép thì tôi chỉ cầm đũa cầm chừng mà không buồn gắp thức ăn, Tư Xê sợ tôi ngại ăn gà vịt sợ bịnh cúm gia cầm nên nói bảo đảm gà vịt ở nhà nuôi không lây nhiễm. Tôi làm sao nuốt cho vô trong khi ngồi ở bàn tiệc nghe những điều mà mình muốn quên đi:

- Thời chiến tranh ác liệt mầy không ở dưới quê là may. Giờ hòa bình lại được ở Mỹ là đại

phước!

- Bồ mà còn ở lại chắc cũng phải không theo bên nầy cũng theo bên kia. Chắc bồ còn nhớ thằng Ức con bộ Hào theo nghĩa quân cũng bị anh em mình giết chết. Thằng Út con bộ Tánh bỏ làng theo sư đoàn bảy. Đi hành quân bị thương về ở làng thương phế binh. Sau bảy lăm cách mạng vào giải tán trại, bị đuổi về vườn sống bữa đói bữa no, vợ nó là con Á con tám Kinh. Hiện nay thì bị tai biến mạch máu não đi cà xịt cà đụi quanh quẩn trong nhà chỉ nhờ vào con vợ đi bán bánh bò bữa được bữa không. Còn thằng Tam con Ghỉ A, đi theo cảnh sát hòa bình không thấy trở về chẳng biết còn hay mất.

- Không nói đâu xa.Hôm nay giỗ năm Long cũng nên nhắc lại tội ác của Mỹ ngụy.

Ai đời, tụi nó bắn chết ba Tiệm ở chân cầu Lái Thẻn, trước khi rút đi còn thâm độc gài trái lựu đạn lại. Nó cố tình giết thêm nhiều mạng người. Bữa đó, vì nóng lòng con, nóng lòng em, mà cô ba Hoài, hai Phường, thằng Núp cả nhà chết chùm. May mà tư Xê, không có mặt, vã đi lính ở miệt nào xa không biết. Còn sáu Ẩn thì theo bên nầy công tác xa nên thoát nạn, chứ không thôi...

Sợ buổi Tiệc không được vui tư Xê đánh trống lảng bằng cách châm rượu thêm cho tôi bắt qua chuyện khác:

- Anh chín, người ngồi kế anh là ai anh có biết không? Chồng sau của vợ ba Tiệm đó. Còn thằng hồi nãy bưng thức ăn nó chào anh. Nó là thằng Rắc con ba Tiệm. Ba nó mất hồi nó mới học mẫu giáo. Con Cụt chị, con Cụt em hai đứa đều lớn đại có chồng có con hết trơn.

Tôi à lên một tiếng. Thằng Rắc để râu ria lởm chởm trông muốn già bằng tôi.

Bỗng như nhớ ra điều gì, tư Xê giới thiệu với mọi người là tôi có trí nhớ dai. Ảnh còn nhớ vanh vách câu thiệu hay câu vè mà hồi đó mọi người đều biết. Những nhân vật trong làng mình, nhớ từng đặc điểm. Đâu anh Chín thử nhắc lại xem ai trong bàn tiệc nầy còn nhớ không?

Tôi bưng ly nước lạnh nhấp mội xong rồi thưa, sau khi đọc xong cho phép tôi kiếu trước, vì còn bận xuống nhà dưới để chào hỏi bà con một chút kẻo bị quở là ở xa về vô tình. Tôi đọc:

- *Lội mương mắc cạn là chỉ ba Ơn* [Có tiếng nói lao xao: ba Ơn ở ngõ ba lộ thầy Cai mập ú na ú nần...]

Ai có cơn là chị tư Lược [Tư Lược chết lâu rồi, bả có cơn thiệt]

Ai nói cũng được là con năm Kiểm Dầu [Con nhỏ lẳng lơ phải biết!]

Tánh hay câu mâu là cô mười Cứng [A, a cái này đụng chạm à nghen. Bả đang còn sống. Bả mà nghe được chắc bả nổi sùng chửi cho một mách!]

Cặp nào xứng bằng cặp thằng Liêm [Không biết hai đứa nó giờ ở đâu? Có còn khắng khít như hồi mới cưới không hay đã rã bè?]

Con mắt lim dim là con ba bà Lếch [Con ba con tư. Nhớ ra rồi. Bà Lếch vợ quản Đặng. Cả hai đều chết. Hai chị em nó có chồng ở đâu xa ít khi về đây. Nhắc chị ba bà Lếch tôi thù thằng cha tư Tương hết chỗ nói. Số là... Chị ba mới mua được chiếc xe máy đầm. Chị mới tập chạy chưa rành. Thế mà chị dám rủ tôi xuống chợ Bến Tre xem cải lương gánh Đồng Thinh có kép mùi Văn Thường đóng. Tôi ngồi sau yên xe vịn chặt dưới yên xe. Con lộ đất ngoằn ngoèo khiến xe lượn qua lượn lại, còn thân mình chị cũng uốn theo. Thế mà thằng cha tư Tương dám đặt điều bảo tôi bóp l. con ba bà Lếch! Chú sáu Xã đang đứng hớt tóc cho tôi, chú vừa húi cái đầu ca-rê thì tôi vụt đứng dậy xấn tới như muốn ăn thua đủ với tư Tương. Chả chỉ cười hề hề gạt nhẹ tay tôi ra. Chú sáu nói như an ủi. Ảnh nói giỡn chơi vậy mà. Đừng tức giận kỳ lắm!]

Tướng đi chấm phết là chị ba Dương [Mọi người cười cười. Chị ba Dương dâu ông mười Quản có tật chân]

Ăn nói lương khương là ông mười Quản [Tới ông già chồng đây. Ông nầy nói chuyện chậm rãi, rị mọ nghe bắt ghét]

Ông nào xài đản bằng ông bồi Minh [Ông bồi Minh giàu có, ăn xài thả cửa. Không biết ông chết đi nhà có còn bộ sắc thần mà ông nội của tôi bàn giao cho ông?]

Rốt cuộc ở một mình là ông bảy Chữ. [Nói bảy chữ chứ ông dốt đặc cán mai. Cho đến khi ông qua đời ông vẫn còn độc thân!]

Ai dữ bằng thợ Hai. [Chú thợ Hai làm nghề thợ mộc, có người vợ là cô ba Ký mắt bị mù vì bịnh đậu mùa. Vậy mà công việc trong nhà một tay cô sắp đặt rành rẽ như người sáng mắt. Nhớ có lần thằng On con dượng lội hớt cá thia thia ở vườn ông Huyện. Nó đạp nhằm cây chông cây. Về nhà nó mượn cây khoan của dượng ba ngồi khoan lấy khúc giầm ra. Nghe nói sau này nó theo du kích thủ cây tiểu liên nằm chết tử

thủ trong hầm.]

Ai dai bằng thần Tài. [Chú thần Tài chuyên môn mua rượu chịu, chủ quán đòi trật vuột, chú hẹn lần hẹn lựa, riết rồi hễ thấy chú xách chai đi đong ai cũng bắt cười].

Tôi vừa định đứng lên kiếu từ thì thằng Khai chồng em Nhỏ đã giới thiệu Chủ tịch xã đi cùng với mấy người khác cũng trạc tuổi với nhau làm việc ở Ủy ban xã, vừa bước vô nhà đi thẳng đến chiếc bàn đã được dành sẵn. Thằng Khai lên tiếng:

- Giới thiệu với bạn. Đây là Xã trưởng, con trai của tư Xê. Nghe nói kỳ đại hội tới sẽ được đề bạt vào chức vụ cao hơn, bí thư xã. Nhờ có ít chữ nghĩa học bồi dưỡng các lớp bổ túc văn hóa mà gia đình toàn cách mạng và liệt sĩ.

Tôi nghe mà để ngoài tai. Cái thằng bạn học thuở nhỏ, sau bao nhiêu năm chiến tranh xa cách, gặp nhau chỉ chào hỏi qua loa, tuyệt nhiên không đá động gì việc tôi ở Mỹ về.

Nó cũng là lính ngụy chứ có theo cách mạng cách miếc gì mà như không ưa tôi lại còn nói vùa theo họ? Nó là thương phế binh được giải ngũ trước bảy lăm. Con mắt trái lúc nào cũng đeo cái kính màu vàng ố nhét cục bông gòn. Ngồi vào bàn tiệc mà thấy nó tháo kính ra lau rồi thay cục bông gòn mới ai cũng muốn bỏ ăn. Nó có biết đâu, em Nhỏ vợ nó hồi nhỏ từng ở truồng tắm mưa với tôi. Em Nhỏ là con chị tư nhỏ. Chị ba Hoài có người em kế là anh Kiểm tư. Cưới vợ chị tư lớn ở không con, nên đèo bồng thêm chị tư nhỏ sanh một mụn con duy nhất rồi anh chết. Sau nầy chị tư nhỏ lại làm bé chú mười Thê. Chị tư lớn ở vậy sống cuộc sống tu hành.

Trở xuống nhà sau bé Ba gặp tôi vội vã nói:

- Cậu ngồi bàn trên chắc là không hợp. Con nhắc ghế ngồi với phe ta. Đây con giới thiệu: Chị Ba, bạn học thời Trung học. Trước bảy lăm nhà có tiệm vàng tổ chức đóng tàu vượt biên năm lần bảy lượt không xong, bị bắt lên bị bắt xuống, xài không biết bao nhiêu cây vàng, giờ cũng đành thúc thủ ngồi đây. Hai anh ngồi kế bên là bạn dây chuyền với nhau. Cùng phe ta nên dễ quen nhau. Cũng là sĩ quan. Nhưng không ra trình diện học tập, cũng bao phen đi mà không thoát, ở tù, lo tiền thả ra. Vợ con đi được gởi tiền về ở không xài chờ ngày bảo lãnh. Ngồi đây cậu có thể nói chuyện thoải mái. Con thông cảm với cậu mà!

Thấy tôi chịu ngồi xuống, các vị chĩa mũi dùi vào tôi hỏi tới tấp. Nghe nói bên Mỹ cũng có ăn xin đứng ở ngả tư? Ở bển có nghe rục rịch gì không? Không lẽ dân chịu đựng mút mùa lệ thủy sao! Báo chí bên này tụi nó bàn điệu nầy anh Mẽo lại sa lầy ở I-Rắc như ở Việt Nam? Liệu đảng Cộng Hòa kỳ nầy có tiếp tục hay nhả ra cho đảng Dân chủ. Bà vợ ông Clinton có thể trở thành nữ Tổng Thống đầu tiên của nước Mỹ không? Toàn những câu hỏi mà tôi không dám trả lời chỉ lắc đầu cười trừ. Thật tình cuộc sống của tôi đâu có rảnh mà tò mò những chuyện đó. Tôi chỉ muốn nói không cốt để an ủi họ.Thế giới ngày nay đã đổi khác rồi. Cái gì trái quy luật cũng sẽ bị đào thải. Hãy sống để chờ. Chứ không chờ mới sống! Thôi quí vị cứ ăn uống tự nhiên. Tôi xin phép kiếu về sớm vì có nhiều việc cần làm.

Bé Ba tiễn tôi một đoạn đường và không quên trao đổi số điện thoại với tôi, hứa về Mỹ gọi cậu cháu tâm sự nhiều hơn.

"Alô! Xin lỗi ai ở đầu dây, có phải cậu Chín không? Con là bé Ba con hai Phường. Cậu về khỏe không? Còn con lần đầu từ ngày vượt biên năm tám hai, gặp lại gia đình bên ngoại cũng vui mà buồn. Chiến tranh mà, trời kêu ai nấy dạ. Con tin con người có số mạng. Nếu như hồi đó má con bao đò không kịp chắc là đâu có chết chùm tức tưởi cả nhà như vậy! Thật sự giờ con chỉ muốn quên đi. Chỉ nghĩ đến tương lai mà thôi. Cậu năm Long con, giá như cậu chịu nghe lời lúc con lén đem cậu lên Saigon chữa trị cái lỗ mũi nó hành cậu dữ dội, cậu một hai đòi về nói là để trả thù cho cái chết của gia đình ngoại con. Thế mà chính cậu sau nầy lại là người xúi con tìm cách đưa mấy đứa nhỏ đi để sau nầy tụi nó có tương lai. Mà thật vậy. Hai đứa lớn, đứa kỹ sư, đứa dược sĩ, cả hai ra trường có công ăn việc làm vững chắc. Còn gái Út cũng đã năm thứ hai đại học. Bây giờ cậu năm đã yên phận. Tội là tội cho dì sáu Ấn. Giờ ở một mình không chồng không con. Lương hưu đâu có bao nhiêu. Con nói dì cần gì con giúp. Dỉ nói sao cậu biết không? Dỉ nói huê lợi miếng vườn cũng đủ để dì lo ngôi nhà thừa tự. Bây mà cho tiền nhiều người ta tưởng tao tham nhũng! Cái đó nó thành quen lệ rồi. Hễ lớn ăn theo lớn. Nhỏ ăn theo nhỏ.

Một mai lại đổi đời cũng móc họng ra ói! A! Nãy giờ con nói nhiều quá. Nói hước không cho cậu chen vô tiếng nào. Con xin lỗi cậu. Lần sau tới phiên cậu nói con nghe."

VÀI NÉT VỀ HUYỀN THOẠI ẤN ĐỘ

Chuyện Mahabharata (tiếp)

NGUYỄN HOÀI VÂN

"Những gì được ghi trong Mahabharata đều được lập lại trong các chuyện khác, những gì không có trong Mahabharata sẽ không hiện hữu ở bất cứ đâu." Một châm ngôn Ấn Độ khẳng định như vậy. Maha là lớn, vĩ đại, nguồn gốc của «Magna» trong La Tinh (cho ra Magnum, Magnus...). Bharata là một vị Vua thuộc giòng dõi của Thần Mặt Trăng Chandra. Chandra còn được gọi là Soma, chữ mang gốc «seuh» có nghĩa là ép ra, như ép nước trái cây, hiện diện trong chữ «son» là con. Những chi tiết này có thể mang ý nghĩa đặc biệt. Hậu duệ của Chandra truyền đến Yayati thì chia làm hai nhánh. Hẳn bạn đọc còn nhớ Yayati, anh chàng nắm tay cứu được một cô nàng đang té xuống giếng, bị bó buộc phải lấy cô ta, lại còn phải thề chung thủy. Như thường lệ, chàng không ngần ngại «xé rào,» và cũng như thường lệ, mọi chuyện đổ bể ... Thế là Yayati có hai giòng con. Giòng thứ nhất khởi từ Yadu (giòng Yadava) sẽ cho ra người cha thế tục của Thần Krishna chẳng hạn (Krishna là Vishnu, Ngôi Hai của Ba Ngôi Thiên Chúa, có sứ mạng nhập thế). Còn giòng thứ hai, gọi là Puruva, đến từ người con đại hiếu Puru (đã chịu thọ lãnh tuổi già của cha mình suốt 1000 năm), sẽ cho ra Vua Bharata, một đấng Minh Quân rạng rỡ. Nhiều đời sau, giòng Puruva mới truyền đến Shantanu, anh chàng lấy Ganga, Thần Vệ Nữ phiên bản Ấn Độ, sanh ra Bhishma. Bhishma cũng là bậc đại hiếu, chịu hy sinh không có hậu duệ để cha mình (khi đã ly thân với Ganga) có thể lấy Satyavati, nàng công chúa hôi mùi cá sau trở thành thơm như mít. Trước đó, nàng công chúa trước thối sau thơm đã sanh ra Vyasa, nhờ trao thân cho một Đạo Sĩ giữa phụ lưu Yamuna của sông Hằng, trong một đám sương mù thơ mộng (xem *Thế Kỷ 21* số 203 - tháng 3 - 2006 hay http://perso.wanadoo.fr/nguyen.hoai.van/mahabharata1.htm). Vyasa là tác giả chuyện Mahabharata, được Thần Ganesh chép lại. Đồng thời Vyasa cũng là «tác giả» của ông Vua Mù, và ông Vua Bạch Tạng (Pandu), nhờ giao hợp với hai bà em dâu, theo lệnh của Mẫu Hoàng, sau khi các vị «Vua em» qua đời, để lưu truyền giòng giống của Shantanu theo luật Ấn Độ. Hai anh em, Vua Mù và Vua Bạch Tạng cho ra các anh em Kaurava và Pandava, hai phe chủ trì cuộc Đại Thế Chiến kinh thiên động địa, kết thúc bằng một trận giao tranh khủng khiếp bằng vũ khí hạt nhân. Như thế, Mahabharata là câu chuyện của giòng dõi Vua Bharata. Nhưng, vì Vua Bharata được coi như tổ phụ của người Ấn (như Hùng Vương nhà mình), nên Mahabharata cũng được hiểu rộng là câu chuyện nguồn gốc vĩ đại — nghĩa chữ Maha — của người Ấn. Đi xa hơn chút nữa, vì người Ấn tin rằng toàn thể nhân loại đều xuất phát từ chính họ, nên Mahabharata cũng là câu chuyện nguồn gốc toàn nhân loại. Điều này không chắc đã đúng trên quan điểm nhân chủng học (nguồn gốc con người có nhiều hy vọng đến từ Đông Phi), nhưng có thể không sai bao nhiêu trên quan điểm văn hóa. Thật vậy, như đã được trình bày ở phần đầu của loạt bài (*Thế kỷ 21* số 201-202, Xuân Bính Tuất, hoặc http://perso.wanadoo.fr/nguyen.hoai.van/Huyen-thoai-An-Do.htm), văn hóa Ấn, hay Ấn Âu (Indo-Européen) phủ trùm gần như toàn thể thế giới. Và cũng vì thế mà «những gì được ghi trong Mahabharata đều được lập lại trong các chuyện khác»...

MỘT MẸ TRĂM CON

Ông Vua Mù lấy Gandhari, một vị công chúa đặc biệt đức hạnh. Khi bà khám phá ra là chồng mình bị mù (do bà mẹ chồng kinh hãi nhắm tịt mắt lại trong lúc giao hợp với Vyasa, ông Đạo Sĩ khổ hạnh xấu xí và dơ dáy, như đã kể trong bài trước), thì bà phát nguyện suốt đời tự bịt mắt lại để chia sẻ sự khuyết tật của đấng phu quân. Bà mang thai suốt hai năm không khai hoa nở nhụy. Đến khi nghe tin vợ của Pandu, em chồng mình, vừa sanh con, thì bà tức giận

tự đánh vào bụng mình, cùng với sự phụ lực của người tỳ nữ, cho đến khi bào thai chào đời. Khổ nỗi bà lại không sanh ra một thai nhi bình thường, mà một bọc thịt tròn. Khi bà đau khổ sửa soạn đem vứt bỏ bọc thịt ấy đi thì một tiếng nói thần thánh vang lên, ra lệnh chia bọc thịt thành 100 miếng, bỏ vào 100 cái hũ. Một thời gian sau, từ 100 cái hũ ấy sanh ra 100 người con dũng mãnh. Truyện Âu Cơ có thể lấy nguồn gốc từ đây. Chúng ta đừng quên những dân tộc thượng du của nước ta mang nhiều đặc điểm của văn hóa Ấn Âu, qua tiếng nói (như đã trình bày trong các bài trước) và cả qua phong tục. Thí dụ người thượng Koho ở vùng Lâm Đồng mỗi năm ăn tết sau người Kinh một tháng, gọi là lễ Lir Bong (đóng cót thóc), nhưng cứ bảy năm một lần lại làm một Đại Lễ đặc biệt. Chu kỳ bảy năm là một dấu tích Ấn Âu.

Trở lại chuyện Gandhari và 100 người con. Khi đứa con đầu sanh ra, thì nhiều điềm dữ xảy đến trong vương quốc, khiến các nhà hiền triết khuyên Vua Mù nên giết bỏ vị Hoàng Tử này đi, để về sau khỏi đem lại tai vạ cho triều đại. Tuy nhiên Gandhari, bà Hoàng đức hạnh và kiên cường, nhất định từ chối, và can đảm chấp nhận đứa con của bà cùng với giòng định mệnh gắn liền với nó, bất kể xấu hoặc tốt. Thái độ chấp nhận quả cảm này mở đầu cho những bài học sống mà người đọc sẽ thu nhận được từ các đoạn kế tiếp của Mahabharata.

Vị Hoàng Tử đầu lòng của Gandhari và ông Vua Mù được đặt tên là Duryodhana, thủ lãnh tương lai của các anh em Kaurava sẽ lần lượt từ trong các cái hũ chui ra. Để cho dễ nhớ, chúng ta có thể liên tưởng tên của ông này với chữ "damné" (damned) nghĩa là bị lên án, bị nguyền rủa, mang điềm xấu...

PHÉP MÀU MÀ CÁC BÀ MƠ ƯỚC...

Bây giờ chúng ta nhìn sang phía đối nghịch. Vua Mù vì tật nguyền, nên dù là con trưởng, vẫn phải nhường ngôi cho người em là Pandu, ông Vua Bạch Tạng (do mẹ ông tái mặt khi ăn nằm với Vyasa). Khổ nỗi một hôm, Pandu đi săn, lầm lẫn bắn chết một chị nai vàng ngơ ngác, đang vừa "đạp trên lá vàng khô," vừa làm tình với một đạo sĩ khổ hạnh. Theo "nguồn tin chính thức" thì chị nai nọ là một nàng tiên (cứ tạm hiểu như vậy, nhưng cũng đừng quên sự dồn nén của các nhà khổ tu ẩn dật trong rừng sâu...). Ngài Đạo Sĩ đương nhiên là nổi cơn thịnh nộ. Ông phạt Pandu phải chết đi nếu đạt đến đỉnh cao của khoái lạc dục tình. Như thế có nghĩa là Pandu không thể có hậu duệ. Ông bèn bất đắc dĩ trả ngai vàng lại cho người anh khuyết tật của mình, rồi cùng với hai bà vợ, Kunti và Madri, lùi vào rừng sâu ẩn dật.

Tuy nhiên, Kunti, vợ cả của Pandu có một phép thần thông. Bà có khả năng gọi bất cứ một vị Thần nào đến gần gũi bà, vào bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu. Ước mơ thầm kín của quý bà quý cô? Bà đề nghị mang pháp thuật này ra áp dụng để cho Pandu có con nối dõi. Pandu đồng ý.

Ở đây chúng ta thấy sự tương phản giữa Kunti và Gandhari, vợ Vua Mù. Gandhari nguyện không nói đến tên của bất cứ người đàn ông nào ngoài chồng bà để giữ trung thành tuyệt đối, trong khi Kunti kêu gọi bất cứ ông nào bà muốn đến kết hợp với bà. Có lẽ cũng phải nhận ra sự dồn nén của một người nữ bị buộc phải sống đời thanh tịnh...

Đầu tiên Kunti triệu vời Dharma, Pháp Thần, đến với bà, sanh ra Yudhishtira, một người ngay thẳng, vô cùng trọng Pháp, ý thức bổn phận một cách tuyệt đối. Ông này sẽ là thủ lãnh của phe Pandava.

Thứ đến Kunti mời Vayu (nguồn gốc các chữ «vent,» «wind»), Thần Gió, cùng bà gần gũi, sanh ra Bhima (đừng nhầm với Hoàng Thúc Quốc Phụ Bhishma, cậu của Pandu và Vua Mù). Bhima (có khi gọi là Bhimasena) có sức mạnh vũ bão nhưng tính tình hồn nhiên chất phác, không được thông minh lắm.

Rồi, có lẽ thấy chưa đủ túc số hoàng nhi, Kunti thỉnh thêm Indra, Vua các vị Thần, kết hợp với bà, sanh ra Arjuna, đấng Anh Hùng toàn hảo.

Madri, bà vợ thứ, thấy thế cũng đòi được tham gia vào sứ mạng cao cả của Kunti. Kunti truyền cho Mạdri pháp thuật của bà. Madri lập tức đem ra áp dụng, và hăng hái triệu vời cùng lúc hai vị thần! Đó là hai kỵ sĩ xuất sắc nhất đồng thời là Thần Y của Thiên Quốc hiện diện trên bầu trời dưới dạng hai vì tinh tú gọi là Ashvins. Biểu tượng của họ là sự tuyệt mỹ của mặt rời lúc rạng đông và hoàng hôn. Họ là nguồn gốc của hai vị Thần Hy Lạp Castor và Pollux (cho ra chòm sao Gémaux). Từ sự kết hợp này sanh ra hai anh em sanh đôi Nakula và Sahadeva, mang những ưu điểm của các phụ thân mình.

Thế là năm anh em Pandava xuất hiện. Họ là những nhân vật nửa thần nửa người, trong khi 100 anh em Kaurava thì là một bọc thịt được đem cấy vào trong những cái hũ! Một bên là sự kết hợp cao quý giữa Thần Tính và con người, một bên là một sự sanh thành mang tính chất gần như thảo mộc, Kaurava và Pandava ở hai trình độ rất khác biệt của sự hiện hữu: hiện hữu tinh thần (thần tính nhập vào vật chất), và hiện hữu thuần túy vật chất, cấy qua cấy lại như cây cỏ. Hiện hữu tinh thần thì phải chịu ảnh hưởng của Đạo Đức. Hiện hữu vật chất thuần túy thì chỉ bị chi phối bởi những thúc dục của tự nhiên, như chúng ta sẽ thấy. Lằn ranh giữa Kaurava và Pandava là lằn ranh giữa Thiên Nhiên và Văn Minh, Văn Hóa. Tuy nhiên, đó chỉ là bề ngoài. Trong bản chất, chúng ta đừng quên là Brahman, Đại Hồn, Thiên Chúa, ẩn tàng trong mọi sự hiện hữu và LÀ mọi hiện hữu, từ Thần Nhân cho đến gỗ đá vô tri. Như đã nói từ bài đầu của loạt bài: không có gì hiện hữu ngoài Brahman...

KAURAVA VÀ PANDAVA DƯỚI CÙNG MỘT MÁI ẤM GIA ĐÌNH

Sau khi đã có năm người con nối dõi, ngày kia Pandu thèm muốn Madri, và Madri hiến dâng cho chồng mình một lạc thú sau cùng. Pandu chết, như lời nguyền rủa của vị Đạo Sĩ người yêu của chị nai vàng ngơ ngác. Trên giàn hỏa thiêu, Madri nằm cạnh người bạn đời, để lại Kunti và năm đứa con thơ. Ông Vua Mù đón tất cả về hoàng cung, và yêu thương nuôi nấng năm người cháu mồ côi cha như chính con mình. Thế là bầy trẻ Kaurava lẫn Pandava cùng sống chung dưới một mái ấm gia đình, cùng ăn ngủ, chơi đùa, trong cùng một tòa lâu đài, và cùng được Hoàng Thúc Bhishma, cậu của cha chúng, tận tâm dạy dỗ từng li từng tí, từ sách vở thánh hiền, văn chương thi phú tới binh pháp, chính trị v.v... Bhishma cũng mời một võ sư danh tiếng đến huấn luyện cho đám cháu của mình.

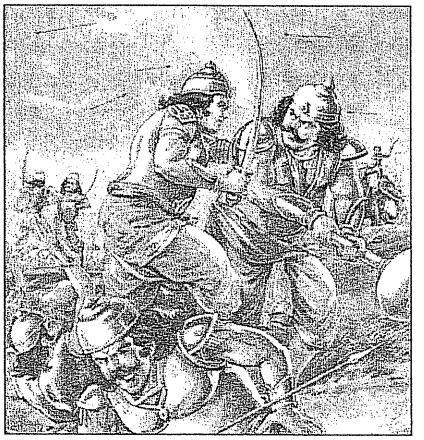

Vị võ sư ấy là Drona, một Đạo Sĩ (brahmane) nghèo. Ông sanh thành từ tinh dịch của thân phụ ông tiết ra khi nhìn một tiên nữ Apsara đang tắm. Tinh dịch ấy được chứa trong một cái bình (gọi là "droni" trong tiếng Phạn), sau triển nở cho ra Drona. Thuở thiếu thời ông chơi thân với một hoàng tử tên là Drupada. Hai người thề sẽ chia sẻ với nhau tất cả những gì họ có. Đến khi Drupada làm Vua, như lệ thường, ông quên lời hứa, và giễu cợt ruồng rẫy Drona. Drona hận Drupada, bỏ đi, sống nhiều năm khổ hạnh, dày công rèn luyện, nên đạt được võ công và pháp thuật cực kỳ cao siêu. Ông nghèo khổ chật vật nên một hôm nghe đồn vị brahmane Parasuram ban phát mọi của cải của mình, ông đổ đường đến, nhưng quá trễ, mọi phú hữu đều đã được cho hết, trừ một cây cung. Drona đành bằng lòng với cây cung này. Nhưng Parasuram cảm thương hoàn cảnh của Drona nên dạy cho ông bí mật để biến cây cung ấy thành một vũ khí khủng khiếp. Với những pháp môn và cung thần ấy, ông trở thành vô địch và chỉ có thể bị hại trong tư thế thiền định, vào đúng thời điểm được ông chọn lựa (tương tự như Bhishma, xin xem bài trước).

Học trò xuất sắc nhất của Drona là Arjuna, người thứ ba trong năm anh em Pandava, con Thần Indra, vua các vị Thần. Bên cạnh Arjuna, Bhima với sức mạnh vũ bão kế thừa của cha mình là Thần Gió, cũng vượt trội trong các cuộc tranh tài. Đồng thời đạo đức và trí tuệ của Yudhishtira rồi sự tuyệt mỹ của hai anh em sanh đôi, khiến cho năm trẻ Pandava nổi bật như những vì sao sáng giữa hoàng cung của ông Vua Mù.

Các anh em Kaurava ganh tỵ tìm cách làm hại những người em họ của mình. Bhima một lần bị đầu độc liệng xuống sông, nhưng may thay dưới sông có bầy rắn đến cắn ông, thành ra hóa giải chất độc (dĩ độc trị độc!). Bầy rắn ngạc nhiên thấy Bhima chịu dựng được nọc độc của chúng, nên triệu Vua Rắn đến xem. Vị này nhận ra Bhima là con Thần Gió Vayu, tức thuộc vai cháu ông, nên tiếp đãi trọng thể và tặng cho một thần dược làm tăng cường sức mạnh của Bhima thêm bội phần.

Một lần khác, Duryodhana, anh lớn của đám Kaurava, thuyết phục

thân phụ là ông Vua Mù đưa anh em Pandava rời hoàng cung ít lâu. Duryodhana viện cớ là trong khi đó anh ta có thể yên ổn lên ngôi Vua, đỡ bị dân chúng ái mộ Arjuna và Yudhishtira biểu tình phản đối. Thật ra anh chàng muốn giết toàn bộ nhà Pandava. Anh ta chỉ thị cho một kiến trúc sư danh tiếng chọn một vùng đất thật đẹp, cất lên một tòa lâu đài với những bức tường sơn mài tuyệt mỹ. Xong việc, Duryodhana mời anh em Pandava đến nghỉ ở đấy ít lâu nhân mùa nóng nực, với một chương trình yến tiệc, văn nghệ, múa hát, chơi đùa phong phú suốt nhiều tháng. Khi anh em Pandava lên đường thì Vidura, một Hoàng Thúc cùng vai vế với Bhishma và Vyasa đến gặp họ.

MỘT BÀ NĂM ÔNG

Vidura là con của Vyasa và một người tỳ nữ, lúc vị Đạo sĩ hôi hám và xấu xí này được lệnh Thân Mẫu làm tình lần thứ hai với Bà Hoàng góa mẹ của Vua Mù. Phút chót Bà Hoàng nọ sợ hãi chuồn mất, thay bằng một tỳ nữ, sanh ra Vidura. Vị này sau trở thành một nhà hiền triết thông thái, quân sư của người anh cùng cha khác mẹ là Vua Mù. Gặp Yudhishtira và các anh em, Vidura nói bóng gió là người khôn phải đề phòng mọi bất trắc, và con đường sống là con đường "độn thổ"... Yudhishtira hiểu ý, quan sát tòa "lâu đài sơn mài" thấy toàn vật liệu dễ cháy, nên liền ra lệnh cho thuộc hạ đào ngay một địa đạo từ dưới nhà thông ra bìa rừng, đến một con sông. Quả nhiên, ít lâu sau lâu đài cháy, năm anh em Pandava cùng với Kunti, bà mẹ, thoát được bằng địa đạo, và được gia nhân của Vidura đưa đi ẩn náu ở một nơi xa.

Nơi đây cả gia đình cải trang làm Đạo Sĩ, hành khất sống qua ngày. Một hôm Drupada (người bạn bội bạc của võ sư Drona đã nói ở trên), tổ chức một cuộc tỷ võ để chọn chồng cho cô con gái tuyệt đẹp của ông là Draupadi. Anh em Arjuna hành khất quanh đó, mò vào xem, và cũng ngứa nghề xông ra dự tranh với quần hùng hiện diện. Màn tranh tài gay gắt nhất là phải giương được một cây cung đặc biệt, đồng thời bắn xuyên qua một vòng sắt nhỏ trúng mắt một con cá treo trên đỉnh một cây cột cao. Các hoàng tử, quân vương, đại tướng, các vị anh hùng chật ních trong hội trường không ai giương nổi cây cung, chưa kể tới bắn tên. Arjuna bước ra trong trang phục Đạo Sĩ hành khất, trước sự ngạc nhiên và chế diễu của quần hùng. Chàng từ tốn nhiễu quanh cây cung về phía bên phải để tỏ lòng tôn kính, rồi tập trung tư tưởng bái lạy Shiva, nguyện cầu Krishna, sau đó trịnh trọng nâng cây cung thần lên. Thần cung biết nhận ra kẻ anh hùng, để cho Arjuna giương lên dễ dàng và bắn trúng đích. Quần hùng phản đối: một tên Đạo Sĩ ăn mày không thể lấy Draupadi, cũng như không thể làm nhục giai cấp Chiến Sĩ Kshatrya. Cả đám bèn hè nhau xông tới tấn công Arjuna. Với cung thần trên tay, Arjuna đẩy lui họ, đồng thời lực sĩ Bhima với sức mạnh vũ bão cũng xông vào trận chiến. Thậm chí cả các đạo sĩ ăn mày đang "hành nghề" trong vùng cũng nhào đến đánh hội ủng hộ "đồng nghiệp" ! Kết quả là toàn thể quần hùng hiện diện phải cuốn vó chạy dài. Câu chuyện này rất gần với chuyện Ulysse trong huyền thoại Hy Lạp: cũng màn thi giương cung để tranh người đẹp, cũng màn Ulysse giả trang ăn mày, rồi trận chiến sau đó...

Arjuna về đến nơi ẩn trú của gia đình, vội chạy lon ton vào gặp mẹ, khoe: "Mẹ ơi ! Ra xem món quà con mới đem về !" Kunti, bà mẹ, nghĩ ngay đến một phẩm vật được thiện nam tín nữ nào đó cúng dường cho chàng "Đạo Sĩ" đẹp trai Arjuna. Bà tuyên bố : "Dù là cái gì, con cũng phải chia đồng đều với các anh em của con đấy nhé!" Rồi bà quay lại, và lặng người. "Món quà" chính là Draupadi, người thiếu nữ đẹp nhất trần gian! Arjuna và Draupadi cũng bàng hoàng. Lệnh mẹ không thể cãi. Lời nói cũng không thể lấy lại (nhất ngôn ký suất, tứ mã nan truy). Thế là năm anh em được triệu tập. Họ đều bị trúng những mũi tên hoa của Manmatha và đều yêu Draupadi say đắm. Những mũi "tên hoa" của Manmatha (còn gọi là Kama — Dục Thần) chính là nguồn gốc của hình ảnh thần Ái Tình, Cupidon hay Eros của Hy Lạp, La Mã, mang hình dạng một em bé có cánh, mắt bịt kín, bắn những mũi tên ái dục trúng kẻ tình si...

Thế là Draupadi trở thành vợ của cả năm anh em Pandava cùng một lượt, và, như lệnh của Kunti, bà mẹ chồng, nàng phải yêu các người chồng mình một cách đồng đều. Một đòi hỏi khó khăn !

KIẾN TRÚC SƯ CỦA CHƯ THẦN VÀ CỦA ÁC QUỶ CÙNG HỢP TÁC

Sau chiến công tranh đoạt Draupadi, tung tích của Arjuna và các anh em bị bại lộ. Phía

Kaurava chưa kịp phản ứng thì phụ vương của họ là ông Vua Mù đã quyết định đón toàn thể gia đình Pandava trở về Hoàng Cung một cách vô cùng trọng thể, với những lễ hội linh đình. Ông đang buồn thương đám cháu mà ông tưởng là đã tử nạn trong vụ cháy tòa Lâu Đài Sơn Mài, nay biết được họ còn sống ông rất mực vui sướng. Đồng thời để ngăn ngừa những hành động thù nghịch trong tương lai giữa đám con ông và anh em Pandava, ông quyết định chia vương quốc làm hai, giao cho Yudhishtira trị vì phân nửa.

Thế là vừa về đến được ít lâu, Yudhishtira và anh em đã bái tạ Vua Mù, từ biệt các vị ân sư là Hoàng Thúc Bhishma và Võ Sư Drona, không quên chào họ hàng, bè bạn, rồi lên đường đến Kinh Đô mới của mình. Nơi đây, Thần Indra, cha của Arjuna, gửi vị Thần Kiến Trúc Sư của Chư Thần đến dựng nên cho Yudhishtira một lâu đài nguy nga tráng lệ chưa từng thấy. Mặt khác, vì Arjuna hiến cho Thần Lửa Agni một khu rừng để nuôi dưỡng những ngọn lửa thần của ông, nên để đổi lại, Agni cho Arjuna một cây cung thần tên là Gandiva, cùng với một chiến xa rực rỡ kéo bởi bốn chiến mã uy hùng chạy nhanh như điện chớp. Trong khi các ngọn lửa của Agni đang "sơi tái" khu rừng được Arjuna hiến dâng, thì ác quỷ Maya, từ trong rừng xin Arjuna cứu mạng. Maya được cứu thoát, muốn đền ơn Arjuna. Arjuna chỉ đòi hỏi tình bạn của vị quỷ vương này. Nhưng Krishna hiện diện ở đó yêu cầu Maya xây một tòa đại sảnh vĩ đại để làm lễ đăng quang cho Yudhishtira. Cần nói Maya chính là Kiến Trúc Sư chính thức của các... ác quỷ!

LỄ ĐĂNG QUANG

Trước khi chính thức đăng quang, Yudhishtira, với tính cách là một vị Vua Bá Chủ kế thừa giòng Bharata, phải thực hiện được một công trình rực rỡ, để gây sự cảm phục nơi các vị Vua khác. Chúng ta đã biết chuyện Jarasandha trong bài trước. Ông này có sức mạnh vô địch như Lý Ngươn Bá trong Thuyết Đường, và cũng như Lý Ngươn Bá, đã đánh bại hàng trăm vị Vua, rồi đem nhốt họ lại chờ ngày hỏa thiêu để tế lễ Shiva. Diệt Jarasandha là một sứ mạng công ích và vinh hiển. Krishna đề nghị Yudhishtira phái Bhima thay mình đến thách đấu với Jarasandha, rồi chỉ cho Bhima phương cách đánh bại anh Vua ngang tàng này. Nếu trong Thuyết Đường đệ nhất anh hùng Lý Ngươn Bá xé đệ nhị anh hùng Võ Văn Thành Đô ra làm hai, thì ở đây Bhima, theo sự chỉ dẫn của Krishna, cũng xé Jarasandha làm hai mảnh, như nguyên trạng của ông ta trước khi chào đời (xem bài trước).

Sau chiến công này, Yudhishtira, theo truyền thống, phái bốn người em của mình đi đến bốn phương thiên hạ, để thần phục các vương quốc và muôn dân. Tiếng đồn về đạo đức và trí tuệ của Yudhishtira vang dội đến nỗi không cần dùng đến sức mạnh mà nơi nơi đều nhất loạt quy phục triều Vua mới. Các anh em trở về kinh thành với hàng hà sa số lễ vật tiến cống.

Thế là lễ đang quang có thể được cử hành trọng thể, dưới sự chủ trì của Krishna và sự hiện diện của toàn thể Vua Chúa, chiến tướng, anh hùng trong thiên hạ, trong Tòa Đại Sảnh huy hoàng được xây dựng bởi Maya. Chính trong buổi lễ này mà Shishupala, đã được nhắc đến trong bài trước, lên tiếng hỗn xược với Krishna lần thứ một trăm (Krishna đã hứa với mẹ Shishupala rằng Ngài sẽ nhịn cậu này đúng 99 lần). Câu chuyện như sau :

Trong khi Krishna khiêm cung quỳ rửa chân cho các Đạo Sĩ brahmane kể cả các Đạo Sĩ ăn mày (nhớ chuyện Đức Ky Tô rửa chân cho các Tông Đồ), thì Yudhishtira bước đến hành lễ tôn vinh Ngài. Shishupala đứng lên mạnh bạo phản đối, cho rằng Krishna chỉ là con của người chăn bò không xứng đáng được nhận những vinh dự này. Bhishma can thiệp kể cho Shishupala biết tông tích thật của Krishna, từ chuyện Ngài là Hóa thân của Thần Vishnu, Ngôi Hai Thiên Chúa, nhập thế qua người mẹ thế tục, sanh ra trong điều kiện ngặt nghèo, từ buổi sơ sinh đã phải đi trốn, được giao cho vợ chồng người chăn bò nuôi dưỡng v.v... (xem bài trước).

Chúng ta không khỏi nhận thấy nhiều chi tiết của cuộc đời Krishna rất giống chuyện Đức Ky Tô. Khi Krishna sanh ra, vào đúng nửa đêm, có vì sao sáng mọc lên chỉ đường cho chư Thần và các nhà hiền triết đến thờ phượng và dâng lễ vật lên Ngài. Đồng thời các Tiên Nữ và Đồng Tử tụ tập tấu nhạc cũng như múa hát chúc tụng Ngài. Rồi khi Ngài đã trốn thoát khỏi nanh vuốt của Kamsa, ông Vua bác muốn giết Ngài, thì ông này liền phái một mụ phù thủy tên là Putana (nhớ chữ "putain" là đĩ điếm trong tiếng Pháp), đi khắp vương quốc đầu độc tất cả các hài nhi sanh cùng tháng với Ngài. Chi tiết này tương tự

như trong Phúc Âm Mateo Vua Hérode muốn sát hại Đức Ky Tô hài đồng nên hạ lệnh giết tất cả các em bé dưới hai tuổi trong địa hạt Bethléem và vùng lân cận. Mặt khác, trong các kỳ công của Krishna có chuyện Ngài xuống lòng đại dương giết một con cá voi hung dữ đã nuốt người con trai của sư phụ Ngài, và cứu anh này sống lại. Chúng ta liên tưởng đến sự tích Lazare trong Phúc Âm Gioan (được Đức Ky Tô phục sinh), và chuyện Jonas trong Thánh Kinh Cựu Ước (bị cá voi nuốt).

Trở lại việc Shishupala hỗn láo với Krishna, chúng ta còn nhớ trong bài trước, Krishna phóng kim luân chặt đứt đầu cậu Vua xấc xược này, để rồi, từ thân xác Shishupala, một vầng sáng thoát ra, đến trước Krishna bái lạy rồi nhập vào người của Vị Thần...

CANH BẠC ĐEN TỐI VÀ SỰ KHỔ NHỤC CỦA DRAUPADI

Với tính cách là những người anh em họ, Duryodhana và đám Kaurava đều tham gia vào "ban tổ chức" của buổi lễ. Họ chứng kiến sự hiển vinh của Yudhishtira và bàng hoàng trước lâu đài tráng lệ được xây cất bởi Vị Thần Kiến Trúc Sư của Thiên Quốc cũng như trước Tòa Đại Sảnh nguy nga do Maya, Kiến Trúc Sư của Ác Quỷ, dựng nên. Họ như những người nhà quê lên tỉnh, chập chững trong những cảnh vật quá sang trọng huy hoàng đối với họ. Trở về nhà, Duryodhana họp các anh em lại, quyết tâm tìm cách ám hại Yudhishtira và nhà Pandava. Một kế hay được Shakuni, em của Gandhari, cậu của đám Kaurava, đề nghị. Số là Yudhishtira có một khuyết điểm là ham cờ bạc, nên chỉ cần một canh bạc là có thể tước đoạt tất cả những gì Yudhishtira có được một cách dễ dàng.

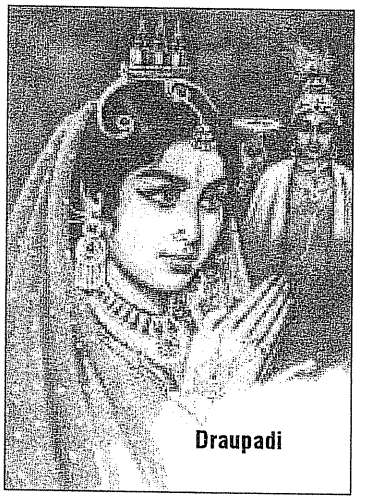
Draupadi

Quả nhiên, Yudhishtira không đủ nghị lực từ chối canh bạc tay đôi do Duryodhana tổ chức và giao cho Shakuni chơi thay mình. Shakuni là tay tổ chơi bịp. Yudhishtira không thể không thua. Ông từ từ mất hết cả vàng bạc của cải, mất tòa lâu đài, mất vương quốc, thậm chí mất luôn cả bốn người em, bị bán làm nô lệ cho nhà Kaurava! Yudhishtira cố gỡ, tin tưởng thời vận sẽ chuyển xoay. Ông đánh cuộc chính bản thân mình, và lại thua. Ông nhất định đòi chơi tiếp, nhưng không còn gì để đặt trên chiếu bạc. Duryodhana gợi ý: "thì còn Draupadi đó, đặt nốt đi, biết đâu chừng?" Yudhishtira chấp thuận, và thua luôn Draupadi, người đàn bà đẹp nhất trần gian, vợ của cả năm anh em... Duryodhana sai em kế mình là Duhshasana đi bắt Draupadi đem đến đại sảnh trình diện các chủ nhân mới. Duhshasana vào nội cung lôi cổ Draupadi đi một cách tàn nhẫn. Thật ra Draupadi không thể bị thua vì lúc Yudhishtira đánh ván bạc cuối cùng ông đã tự thua mất chính mình trong bàn trước rồi, nên không còn tư cách gì để thua Draupadi nữa. Thế nhưng, những lý lẽ của Draupadi không có giá trị gì trước thái độ vũ phu của Duryodhana và các anh em Kaurava. Duryodhana nâng quần lên làm lộ đùi mình ra để làm nhục Draupadi rồi đòi hỏi Draupadi phải cởi hết quần áo, trần truồng trình diện họ. Draupadi đang có kinh nguyệt nên càng xấu hổ nhục nhã. Nàng nhắm đôi mắt đẹp, hết lòng nguyện cầu Krishna, trong khi Duhshasana hùng hổ kéo lột áo nàng. Vị Thần thương cảm hóa phép cho áo sari của Draupadi cứ trải dài ra mãi, càng kéo càng dài thêm, không bao giờ dứt. Thế rồi, trước tấn thảm kịch bỉ ổi, Vua Mù can thiệp. Ông bắt các con phải ngừng trò chơi điên khùng kia lại, rồi bước đến bày tỏ lòng kính trọng trước sự can đảm của Draupadi và tuyên bố sẵn sàng chấp thuận cho nàng ba đặc ân. Nàng chỉ xin một điều duy nhất: cho Yudhishtira và các anh em được thoát vòng nô lệ và được tự do ra đi. Vua Mù ngạc nhiên: "Con không xin gì cho chính con sao?" Và ông quyết định cũng trả tự do cho Draupadi. Không những thế ông còn trả lại cho Yudhishtira vương quốc cùng với của cải mà ông này đã thua trong canh bạc.

Tuy nhiên, khi anh em Pandava và Draupadi vừa đi khỏi thì Duryodhana dùng lời đường mật thuyết phục Vua Mù gọi họ trở lại, viện cớ thế nào những người anh em này cũng sẽ tấn công rửa hận. Duryodhana nhắc lại lời thề của Bhima lúc Draupadi bị làm nhục: thề sẽ mổ bụng uống

máu Duhshasana, người anh thứ hai của đám Kaurava, và thề sẽ đập nát đùi của Duryodhana trước khi đưa ông anh họ sang bên kia thế giới. Đủ để cho thấy viễn tượng đen tối của một cuộc trả thù đẫm máu... Duryodhana cho rằng cần tìm cách đày anh em Pandava đi xa một thời gian cho họ nguôi bớt niềm oán hận. Vua Mù chột dạ nghe theo, cho người đuổi theo triệu hồi anh em Pandava. Một canh bạc khác được bày ra. Bên thua sẽ phải chịu lưu đày trong sa mạc và rừng sâu 12 năm, sau đó phải sống giả trang trong suốt năm thứ 13, không được để ai nhận ra tung tích của mình, nếu không sẽ phải bị lưu đày thêm 12 năm nữa. Đương nhiên là phe Pandava thua, và, cùng với Draupadi, năm anh em phải từ bỏ kinh thành cũng như cung điện của mình, để mặc áo hành khất, lên đường đi đày.

LÚC VỊ NGỘ HỐI TÀNG NƠI BỒNG TẤT!

Trong cuộc lưu đày, anh em Pandava được một đoàn ủng hộ viên đông đảo đi theo, bất chấp những điều kiện sinh sống vô cùng khó khăn. Yudhishtira đang lo lắng không biết làm sao nuôi nổi một đoàn người đông đảo giữa nơi hoang vu hẻo lánh, thì Thần Mặt Trời hiện ra, ban cho ông một chiếc vạc đồng trong đó thức ăn sẽ không bao giờ cạn. Chi tiết này tương đồng với với chuyện dân Do Thái trong suốt thời gian bị lưu đày được Thiên Chúa hàng ngày cho thức ăn từ trên trời rơi xuống nuôi dưỡng, và chuyện Đức Ky Tô hóa bánh và cá để chu cấp cho những người đi theo mình trong sa mạc.

Trong lúc bị lưu đày, Bhima gần gũi một nữ quỷ, hạ sanh Ghatotkacha, một nhân vật nửa người nửa quỷ, có pháp thuật cao siêu, sẽ giúp nhiều cho phe Pandava trong cuộc chiến tương lai. Đồng thời Arjuna trong lúc ẩn thân khổ luyện trên núi Himalaya cũng được diễm phúc gặp Thần Shiva và được Ngài ban cho một khí giới cực kỳ nguy hiểm tên là Pashupata, tương đương với hỏa tiễn hạt nhân. Sau đó Arjuna lên thiên đường của Indra, cha mình, và được nhận lãnh những sự giáo huấn cao siêu (bao gồm cả âm nhạc và khiêu vũ!), đồng thời được các vị Thần trấn giữ bốn phương ban cho những khí giới đặc biệt. Thần Chết Yama, trấn phương nam, ban cho Arjuna cây chùy thần, Thần Đại Dương Varuna, trấn phương tây, ban cho chàng sợi dây thần, Thần Tài Kubera, trấn phương bắc, thì ban tặng một khí giới có khả năng làm hôn mê bất cứ ai. Còn lại Indra, Vua của chư thần, trấn thủ phương đông. Ngài cho con mình bí quyết sử dụng Sấm Sét và một cái tù và có tên là Devadatta (như tên của em họ Phật Thích Ca). Arjuna cũng thừa lệnh Indra thực hiện một loạt chiến công, tương tự như Thần Heraklès (Hercule) của huyền thoại Hy Lạp.

Tựu trung, thời gian lưu đày chính là lúc các vị anh hùng ẩn thân tự rèn luyện, trang bị cho mình một bản lãnh cao siêu, đồng thời thí nghiệm bản lãnh ấy để thu đạt tự tin, trước khi thọ lãnh những trách nhiệm cao cả, vĩ đại.

THÁI GIÁM ARJUNA!

Mười hai năm thấm thoát trôi qua. Đến năm thứ 13, Draupadi và anh em Pandava được quyền trở về với "văn minh" của loài người, nhưng phải hóa trang ẩn giấu tung tích. Họ đến một vương quốc nọ, xin vào phục dịch trong cung Vua. Bhima tham ăn làm đầu bếp, Yudhishtira đạo mạo làm đạo sĩ, hai anh em sinh đôi thì người giữ ngựa người kia chăn bò, trong khi Draupadi tình nguyện làm "chuyên viên thẩm mỹ," sửa tóc và trang điểm. Còn Arjuna? Vị anh hùng chọn làm... thái giám, ăn mặc như đàn bà, đàn địch, múa hát trong nội cung! Có một lý do. Số là khi chàng ở với Indra, vị Thần có yêu cầu một nàng tiên tuyệt đẹp đến gần chàng để truyền dạy nghệ thuật ân ái, cho sự giáo dục của vị anh hùng được đầy đủ. Khổ nỗi, Arjuna nhìn nàng tiên lại cứ như thấy... mẹ mình, nên chẳng cơm cháo gì được cả! Nàng tiên tức giận, nguyền rủa Arjuna phải trở thành hoạn quan. Chuyện này gợi lại chuyện Skanda, vị chiến tướng toàn hảo, chỉ huy binh lực Thiên Quốc, con của Shiva, đã nói đến trong bài đầu. Skanda cũng nhìn mọi phụ nữ như mẹ mình, và không thể rời sự thanh tịnh. Rất có thể tác giả Mahabharata muốn nhấn mạnh đến sự thanh tịnh không cho sắc dục lay động như một đức tính cần thiết trong tiến trình tu luyện để trở thành một vị anh hùng vô địch. Chúng ta cũng không khỏi nghĩ đến chuyện anh hùng Achille cải trang làm con gái, trước khi trận chiến Thành Troie bắt đầu. Herakles (Hercule) cũng có lúc ăn mặc như phụ nữ sống trong nội cung của bà Hoàng Ompale, xứ Lydia.

Đến cuối năm thứ 13 thì Draupadi bị vị Nguyên Soái của vương quốc nơi gia đình nàng tá túc theo tán tỉnh, và suýt xâm phạm đến nàng. Bhima phải "kín đáo" đập chết và bầm nát thây

ông dũng tướng sức địch muôn người này. Việc đến tai Duryodhana. Duryodhana liền nghi ngờ anh em Pandava ẩn náu nơi vương quốc kia nên lập tức cử binh đến đánh, hy vọng năm ông em họ sẽ nhảy ra giúp vị Vua mà mình phục dịch, và sẽ bại lộ tung tích, phải lưu đày thêm 12 năm! Thật ra, đúng vào lúc Arjuna đứng trước quân Kaurava hiên ngang xưng tên tuổi trước khi giao đấu như quy luật của giai cấp chiến sĩ Kshatrya đòi hỏi, thì giây phút cuối cùng của năm thứ 13 cũng vừa trôi qua... Quân Kaurava rút lui, trong anh em Pandava phục hồi danh vị của mình.

NHỮNG NỖ LỰC NGOẠI GIAO ĐỂ CỨU VÃN HÒA BÌNH

Theo thỏa ước lúc bắt đầu canh bạc lần thứ hai, thì sau 12 năm lưu đày và một năm ẩn danh, anh em Pandava có quyền lấy lại vương quốc của mình. Tuy nhiên Duryodhana viện đủ thứ lý do để nhất định từ chối. Những nhà ngoại giao, trong đó có cả Krishna, rồi những nhân vật cao trọng trong gia đình, nỗ lực đi lại giữa đôi bên để tìm sự hòa giải. Yudhishtira chịu bằng lòng với năm ngôi làng nhỏ chung quanh kinh đô của ông, nhượng phần còn lại của vương quốc cho phe Kaurava. Sự nhượng bộ như thế được cả đôi bên coi là tối đa, và mọi người, từ cha, mẹ, chú, bác, cho đến các nhà hiền triết đều cố thuyết phục Duryodhana chấp nhận giải pháp hòa bình này. Nhưng Duryodhana vẫn không chịu. Ông tuyên bố không thể nhượng cho phe Pandava dù là một mảnh đất nhỏ bằng đầu mũi kim!

Rồi cùng với những thương thuyết để cứu vãn hòa bình, hai phe cũng tìm mọi phương cách để lôi kéo các vương quốc cũng như anh hùng trong thiên hạ về với mình. Nhân vật được chiếu cố nhất đương nhiên là Krishna. Arjuna và Duryodhana đến gặp Krishna cùng một lúc. Krishna nằm ngủ. Duryodhana vào trước, ngồi phía đầu giường. Arjuna vào sau, ngồi dưới chân. Krishna mở mắt. Duryodhana viện cớ mình vào trước, xin được ưu tiên bảy tỏ nguyện vọng. Krishna cho rằng tuy Duryodhana vào trước, nhưng khi tỉnh giấc, Ngài lại thấy Arjuna, ngồi dưới chân Ngài, trước tiên. Vì thế Ngài cho Arjuna được quyền chọn lựa trước, giữa một bên là quân đội của vương quốc Ngài, gồm 100 ngàn chiến sĩ ưu tú (đừng quên Krishna cũng là một vị Vua), bên kia là chính bản thân Ngài, không mang binh khí, và thề không chiến đấu, viện cớ cả hai phe lâm chiến đều có họ hàng với Ngài. Xin nhắc lại Krishna đến từ nhánh Yadava, trong khi Pandava và Kaurava đều đến từ nhánh Puruva của giòng dõi Thần Mặt Trăng Chandra. Mặt khác, Krishna cũng có họ với Kunti, mẹ của ba trong năm anh em Pandava. Arjuna không ngần ngại, chọn Krishna. Duryodhana hài lòng chọn 100 ngàn quân của vị Thần. Duryodhana còn tuyển mộ được một đại anh hùng khác của vương quốc Krishna tên là Kritavarman, với thêm 100 ngàn quân. Ông cũng sắp xếp một kế hoạch để chiêu dụ một vị Vua hùng mạnh khác, là Shalya. Ông này nghe nói chiến tranh đang được sửa soạn, nên đem bản bộ binh sĩ lên đường với dự định giúp phe Pandava, vì ông là cậu của họ (Shalya là em của Madri, người vợ thứ đã tự thiêu chết theo Vua Bạch Tạng Pandu). Duryodhana lập những trạm chiêu đãi suốt dọc đường, chiều chuộng Shalya và tùy tùng đủ thứ. Shalya cứ tưởng những trạm ấy là của cháu mình, đến khi vỡ lẽ ra, ông mới hỏi Duryodhana muốn xin điều gì ông sẽ ưng thuận. Duryodhana xin ông chỉ huy quân đội Kaurava. Shalya nhận lời, gia nhập phe Kaurava, sau khi ghé thăm Yudhishtira và mấy đứa cháu, hẹn ngày tái ngộ trên... chiến trường!

Rốt cuộc, đạo binh Kaurava quy tụ được 1 triệu 100 ngàn quân, với một đội ngũ anh hùng đông đảo bắt đầu bằng Quốc Phụ Bhishma, Võ Sư Drona, Ashvattaman, con của Drona, Kritavarman, Shalya, Duryodhana và 99 người em dũng mãnh, chưa kể đệ nhất anh hùng Karna, và nhiều anh hùng khác. Phe Pandava chỉ có 700 ngàn quân (nhắc lại giá trị biểu tượng của số 7, số của Thần Tính, của Thiên Chúa). Mọi nỗ lực thương thuyết đều đã thất bại, chiến tranh buộc phải bắt đầu...

ARJUNA BỎ CUỘC !

Sáng ngày thứ nhất, hai đạo binh giàn trận ở Kurukshetra, gần thủ đô Delhi hiện tại. Hoàng Thúc Quốc Phụ Bhishma, Tổng Tư Lệnh quân đội Kaurava, ngự trước hàng quân trên một chiến xa huy hoàng. Bên cạnh Ngài là Võ Sư Drona. Hai vị Lão Tướng Vô Địch đảo mắt nhìn các anh hùng của phe mình, giáp trụ lóng lánh, binh khí sáng choang, dàn hàng ngang trước một biển chiến binh hùng dũng, cờ xí rợp trời. Bhishma phất cờ lệnh. Làn sóng người, voi,

ngựa, chiến xa, từ từ chuyển động, lan ra trên bãi chiến trường Kurukshetra trong tiếng voi gầm, ngựa hí, sắt thép chạm nhau rổn rảng, lẫn với những hiệu lệnh vang dội tứ phương. Bhishma cho quân ngừng lại trước tầm tên của quân Pandava. Ngài phóng mắt nhìn sang phe địch. Tư lệnh quân đội Pandava là Dhrishtadyumna, anh của người đẹp Draupadi, cùng với Yudhishtira và bốn người em tụ lại quanh nhau như một khối đá kiên cường, lặng lẽ chờ đợi. Sau lưng họ là 700 ngàn quân, hàng ngũ chỉnh tề, dàn thành trận thế dưới những hàng cờ phất phới, biểu tượng của từng vương quốc, từng đơn vị, từng chiến tướng anh hùng.

Arjuna

Yudhishtira cho chiến xa của mình tiến lên. Đến giữa khoảng cách với quân Kaurava, ông bước xuống, đi bộ về phía bộ chỉ huy của đối phương. Rồi, trước chiến xa của Bhishma, ông cung kính chắp tay bái lạy, xong đi vòng sang bên phải để tỏ lòng kính trọng đối với người bác của Cha mình và cũng là Thày mình. Việc đi vòng về bên phải trong các nghi lễ hiện vẫn còn thông dụng trong cả Ky Tô Giáo (khi Linh Mục xông hương bàn thờ), Phật giáo, lẫn Hồi Giáo (khách hành hương La Mecque đi quanh Tảng Đá Đen). Kế đến, Yudhishtira bước sang hành đại lễ trước Võ Sư Drona, xin được phép bắt đầu cuộc giao chiến, và tạ lỗi vì sẽ bắt buộc phải súc phạm đến các vị Ân Sư. Cả Bhishma lẫn Drona đều chúc lành cho Yudhishtira và gửi lời chúc lành đến các cháu, các tử đệ, thân bằng quyến thuộc và bạn hữu trong hàng ngũ Pandava. Trước cảnh ấy, binh sĩ cùng chư tướng của cả đôi bên, đều rơi lệ.

Trở về hàng ngũ quân mình, Yudhishtira rảy nước thánh lên người Dhrishtadyumna, vị Nguyên Soái, để tôn vinh và giao quyền chỉ huy cho ông này, trước khi lùi vào hàng quân đợi lệnh.

Hai đạo binh bất động một lúc, như để dằn bớt những cảm súc mãnh liệt vừa nổi lên... Rồi, thình lình, từ phía Pandava, một chiến xa vàng chói tiến lên. Người ta nhận ngay ra Arjuna với cung thần Gandiva, trên chiếc xe được Thần Lửa Agni ban tặng, chở đầy những vũ khí kinh hồn mà vị anh hùng đã thu thập được trong thời gian lưu đày. Người đánh xe cho Arjuna không ai khác hơn là Thần Krishna. Sáng nay, Arjuna được vinh dự khai mạc cuộc chiến. Vị anh hùng xin Krishna dẫn mình đến giữa hai đạo binh, rồi đi duyệt trước hàng quân Kaurava. Arjuna nhìn quân địch, chỉ thấy toàn anh em mình, chú bác mình, bạn bè mình. Thậm chí bao nhiêu là những đứa cháu nhỏ chưa kịp lớn khôn mà nay đã thân mang giáp trụ, tay cầm gươm đao, xếp thành hàng ngũ chờ đợi tử thần... Rồi Arjuna thấy Drona, vị Ân Sư yêu kính, người đã tận tình truyền thụ võ công cho mình, đã nhận mình làm đệ tử thân cận nhất, hơn cả chính con ruột ông. Bên cạnh Drona, mắt Arjuna bắt gặp gương mặt uy nghi nhưng hiền hậu của Bhishma, vị tổ phụ đáng kính, tấm gương đạo đức của muôn đời. Vị anh hùng nhớ lại thân phận côi cút không cha của mình, được Bhishma và Vua Mù đem về chăm sóc, yêu thương dạy dỗ... Bất chợt Arjuna yêu cầu Krishna ngừng xe lại. Vị anh hùng bước xuống, ngồi gục đầu xuống đất giữa hai đạo binh mà nói: "Tôi thà chết ở đây, chứ không thể nhẫn tâm tấn công làm hại những người thân thương của tôi..."

Hai bên quân tướng đều bàng hoàng sửng sốt. Có thể nào một kiện tướng như Arjuna lại gục đầu trước đối thủ? Lại tỏ những dấu hiệu yếu hèn trong giây phút trọng đại này? Rồi làm sao quân Pandava có thể còn chút hy vọng chiến thắng nếu thiếu vị Đệ Nhất Anh Hùng của mình? Bhishma và Drona cùng chau mày ái ngại. Karna, đệ nhất anh hùng của phe Kaurava, cũng tỏ vẻ thất vọng vì không còn đối thủ tương xứng. Trong khi đó, Arjuna vẫn gục đầu ngồi yên giữa hai hàng quân, giữa hai biển gươm đao, hai rừng cờ xí, giữa những người anh em đang sẵn sàng lao vào nhau, mạng đổi mạng, máu hòa với máu...

Rồi người ta thấy Krishna từ tốn bước xuống chiến xa, nỉm cười đến gần Arjuna...

(còn tiếp)

http://perso.wanadoo.fr/nguyen.hoai.van/
http://www.u-blog.net/nguyenhoaivan

12 tháng 5 năm 2006

Đối Lập Chính Trị Thời Đệ Nhất Cộng Hòa:

Vụ Thủ Tiêu Ông Tạ Chí Diệp

TRẦN ĐÔNG PHONG

(Tiếp theo)

Tạ Chí Diệp: Tham Gia "Chiến Khu Đông" Chống Nguyễn Văn Hinh

Khi ông Diệm mới về nước, tình hình rất là khó khăn, Tạ Chí Diệp đã đi khắp miền Trung và vào Sài Gòn để tuyên truyền lôi kéo quần chúng ủng hộ ông Diệm. Vào cuối năm 1954, khi Trung Tướng Nguyễn Văn Hinh lập ***Đảng Con Ó*** chống lại Thủ tướng Ngô Đình Diệm, ông Tạ Chí Diệp đã cùng với Thiếu Tá Thái Quang Hoàng lập chiến khu ở Phan Rang để chống lại Tướng Hinh và ủng hộ Thủ Tướng Ngô Đình Diệm. Sau khi Tướng Nguyễn Văn Hinh phải rời khỏi Việt Nam để trở về Pháp vào ngày 20 tháng 11 năm 1954, Thiếu Tá Thái Quang Hoàng và các sĩ quan dưới quyền như là Đại Úy Huỳnh Văn Cao đều được Tổng Thống Diệm tưởng thưởng và trọng dụng. Chỉ mấy năm sau, Thiếu Tá Hoàng được thăng đến Trung Tướng và nếu không bị nhóm đảo chánh 11-11-60 bắt cóc đưa lên Nam Vang thì Trung Tướng Thái Quang Hoàng đã có thể trở thành Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Đội VNCH, Đại úy Huỳnh Văn Cao chỉ vào khoảng có sáu năm sau, đến đầu thập niên 1960 đã trở thành Thiếu Tướng Tư Lệnh Quân Đoàn 4.

Cũng vào khoảng thời gian đó, ông Nguyễn Trân được mời giữ chức vụ Tỉnh Trưởng Khánh Hòa (Nha Trang), rồi ít lâu sau đó thì được chuyển về làm Tỉnh Trưởng Định Tường (Mỹ Tho). Vào lúc đó, ông Nguyễn Trân rất thân với Thủ Tướng Ngô Đình Diệm và theo lời ông thì ông vẫn thường đi xe lửa từ Nha Trang vào Sài Gòn, ăn ngủ tại Dinh Độc Lập và hàn huyên với ông Diệm cả ngày, có nhiều khi mãi cho đến tận đêm khuya. Ông Nguyễn Trân cho biết rằng vào khoảng tháng 8 năm 1954, Trung Tướng Nguyễn Văn Hinh công khai chống lại Thủ Tướng Ngô Đình Diệm và nếu mà ông Hinh thắng được ông Diệm thì "*chắc chắn miền Nam sẽ rơi vào tay Cộng sản, Quốc Gia hết đất sống. Vì thế giúp ông Diệm là giúp Quốc Gia vậy...*

"Dưới áp lực của tình thế, các sĩ quan Phân Khu Duyên Hải, các tỉnh trưởng và một số thân hào nhân sĩ trong vùng họp mật với nhau tại một mật khu cũ của Việt Minh trong tỉnh Ninh Thuận gọi là Chiến Khu Đông để bàn kế hoạch đối phó. Hiện diện trong buổi họp đó có:

-Đại Tá Nguyễn Ngọc Lễ, Tư Lệnh Phân Khu DuyênHải,

-Thiếu tá Thái Quang Hoàng, Tiểu Khu Trưởng Ninh Thuận,

-Đại Úy Huỳnh Văn Cao, phụ tá Thiếu tá Hoàng,

-Thiếu Tá Đỗ Mậu, Phó Tham Mưu của Đại Tá Lễ,

-Trung úy Nguyễn Văn Long, sĩ quan Tiểu khu Bình Thuận,

-Lương Duy Ủy, Tỉnh Trưởng Phú Yên,

-Nguyễn Văn Hay, Trưởng Ty Công An Ninh Thuận,

-Phan Xứng, một nhân sĩ Đà Lạt,

Nguyễn Phan Châu, Chỉ Huy Nghĩa Dũng Đoàn Chiến dịch Atlante,

Và tôi, Tỉnh Trưởng Khánh Hòa...." 1

Như vậy thì theo sự tiết lộ trên đây của ông Nguyễn Trân, hồi tháng 8 năm 1954, Tạ Chí Diệp cũng đã đóng một vai trò khá quan trọng trong việc giúp cho Thủ Tướng Ngô Đình Diệm chống lại ảnh hưởng của trung Tướng Nguyễn Văn Hinh tại miền Trung. Ông Nguyễn Trân cho biết rằng sau khi nhóm sĩ quan và nhân sĩ này quyết định ly khai rồi rút ra Chiến Khu Đông thì "*Thiếu Tá Đỗ Mậu đòi thêm một điều kiện là phải trình việc này lên Thủ Tướng Diệm. Cụ có cho mới làm. "Tôi đề nghị anh Nguyễn Phan Châu vào Sài Gòn gặp Thủ Tướng ngay," Đỗ Mậu nói.*

"Đề nghị của Mậu chỉ là một sự phá bĩnh vì tôi biết tính ông thủ tướng hay do dự, không quyết định, song tôi nín thinh.Tôi cũng biết việc Nguyễn Phan Châu đi (Sài Gòn) chẳng đi tới đâu vì Châu chưa đầy 30 tuổi, biết gì mà nói với Thủ Tướng? Nguyễn Phan Châu tên thật là Tạ Chí Diệp, cháu cụ Cử Tạ Chương Phùng, một

nhân sĩ tỉnh Bình Định đã ủng hộ ông Ngô Đình Diệm từ lâu và đã từng bị tù thời Pháp thuộc vì ông Diệm. Châu lại là con nuôi của Hồ Hữu Tường và là môn đệ của Tường về lập trường trung lập chế.

"Châu rất được Đỗ Mậu tin nên mới được Mậu cử đi mà không ai phản đối. Chiều hôm đó tôi sửa soạn lên xe lửa về Nha Trang thì anh Nguyễn Văn Hay gặp tôi, năn nỉ tôi vào Sài Gòn trình công việc với ông Diệm. "Bác chịu khó đi giùm, anh Hay nói, Châu chỉ là một trẻ con, làm sao nó dám gặp ông Cụ?"...

"Tôi liền đáp tàu lửa tại ga Tháp Chàm vào Sài Gòn và sáng hôm sau vào Dinh Độc Lập. Tôi gặp Nguyễn Phan Châu và hỏi: 'Anh đã gặp Cụ chưa?' Châu trả lời: 'Tôi là con nít, đâu dám gặp Cụ!' Tôi hỏi tiếp: 'Thế sao anh lại nhận sứ mạng?' Châu lặng thinh..." 2

Một nhân vật thứ hai cũng có mặt trong phiên họp ly khai nói trên là ông Đỗ Mậu, lúc bấy giờ là Tham Mưu Phó Phân Khu Duyên Hải của Đại tá Nguyễn Ngọc Lễ. Tuy ông Đỗ Mậu không lấy gì làm thân thiết và dường như cũng không có mấy cảm tình với ông Nguyễn Trân lúc bấy giờ đang làm tỉnh trưởng Nha Trang vì theo ông Nguyễn Trân thì "*Đỗ Mậu được Ngô Đình Cẩn phong làm Chủ Tịch Kỳ Bộ Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia đã không ủng hộ tôi trong công cuộc bình định, lại trở mặt chống tôi và mưu hại tôi,*"3 nhưng trong đoạn nói về vai trò của Tạ Chí Diệp lúc đó thì ông Đỗ Mậu gần như còn có phần đề cao hơn là tác giả cuốn Công và Tội.

Đỗ Mậu viết như sau:

"Tôi liền đề nghị với ông Lễ triệu tập ngay một buổi họp gồm có Trung Tá Nguyễn Quang Hoành, Chỉ Huy trưởng Tiểu khu Phan Thiết, Thiếu Tá Thái Quang Hoàng, Chỉ Huy trưởng Tiểu khu Phan Rang, Thiếu Tá Huỳnh Công Tịnh, Chỉ Huy trưởng Tiểu khu Nha Trang và Đại úy Lê Khương, chỉ huy Tiểu Đoàn 82 đóng tại Thành Diên Khánh cách tỉnh lỵ Nha Trang 10 cây số...

"Tham dự buổi họp này, ngoài sự hiện diện của anh em quân nhân, tôi còn mời thêm ba người dân sự toàn là bạn thân của tôi và có thể nói họ là những chiến sĩ kiên cường. Đó là Phan Xứng từ Đà Lạt xuống, Nguyễn Văn Hay ở Phan Rang và Tạ Chí Diệp tức Nguyễn Phan Châu, con trai cụ Tạ Chương Phùng từ Quy Nhơn vào. (Ghi chú: ông Đỗ Mậu cũng như rất nhiều người khác đã tưởng lầm Tạ Chí Diệp là con của cụ Tạ Chương Phùng vì tuy Diệp chỉ là cháu nhưng được cụ xem như là con của cụ.)

"Chúng tôi phân công cho Thái Quang Hoàng lập Chiến Khu Đông, Tạ Chí Diệp sẽ đưa 50 thanh niên đảng viên của anh ta từ Bình Định vào chiến khu để làm cán bộ chính trị nòng cốt, Đại úy Nguyễn Khương phụ trách thông tin tuyên truyền, Phan Xứng về Đà Lạt lo đối phó với Ngự Lâm Quân. Chúng tôi nhờ Linh mục Nguyễn Văn Sồ lo việc in truyền đơn và tài liệu, còn nhà thờ của Cha thì sẽ biến thành trụ sở bí mật. Trung Tá Nguyễn Quang Hoành nắm lấy tỉnh Phan Thiết và Đại úy Lê Khương về Khánh Hòa sửa soạn đem quân lên núi tổ chức thêm chiến khu. Sắp đặt xong, ông Lễ và tôi về lại Nha Trang và cho Đại úy Huỳnh Văn Cao vào mật trình với Dinh Thủ tướng..." 4

Ông Đỗ Mậu cho biết sau đó người Pháp biết được âm mưu này cho nên Tướng Nguyễn Văn Hinh đã ra lệnh thuyên chuyển Đại Tá Nguyễn Ngọc Lễ ngay tức khắc đi làm chỉ huy trưởng Đặc khu Phú Quốc. Ông Lễ bị đưa vào Sài Gòn nhưng đã đánh lừa được người của Tướng Hinh rồi chạy vào trốn trong Dinh Độc Lập và ít lâu sau thì được ông Diệm cử làm Tổng Giám Đốc Cảnh Sát và Công An. Còn ông Đỗ Mậu cũng bị ông Diệm gọi về Sài Gòn và có gặp Tạ Chí Diệp cùng với Đại Tá Nguyễn Ngọc Lễ đang ngồi trong văn phòng của ông Võ Văn Hải khi hai ông Ngô Đình Nhu và Ngô Đình Luyện vào báo cho biết việc Thủ Tướng Ngô Đình Diệm quyết định cử Đại Tá Lễ và ông Mậu sang Mỹ du học...

"Hai ông Luyện và Nhu đã ra khỏi phòng mà ông Lễ và tôi vẫn còn bàng hoàng về quyết định của ông Diệm gởi hai chúng tôi đi Mỹ dù bấy giờ quyết định đó không còn được thi hành nữa. Tạ Chí Diệp, người bạn trẻ trí thức, chí lớn, tài cao của tôi, người đã từng phụ trách bộ phận chính trị của Chiến Khu Đông, hậm hực kéo tôi ra hành lang tâm sự:

"Đã muốn làm cách mạng, muốn cầm chính quyền thì khó khăn nguy nan mấy cũng phải kiên cường gian khổ đấu tranh, sao ông Cụ và hai ông Nhu-Luyện lại mau thối chí đến thế? Bác xem lại coi liệu chúng ta có lầm ủng hộ một gia đình phong kiến tầm thường không?" Tôi vội chận Diệp lại: "Cứ từ từ cho cụ Diệm làm việc đã, chưa nên có ý nghĩ đó vội, dù sao còn nước còn tát."

"Tuy nhiên từ đó Tạ Chí Diệp xa lánh dần nhà Ngô không còn liên hệ với anh em ông Diệm

nữa. Cho đến khi thân phụ của Diệp là cụ Cử Tạ Chương Phùng bị nhà Ngô chê bai là quê mùa cổ hủ, tỏ thái độ vong ân bội phản, Diệp càng thêm bất mãn bèn liên lạc với Bình Xuyên để chống đối lại Thủ Tướng Diệm. Diệp đã tổ chức nhiều cuộc biểu tình phản đối nhà Ngô ngay trước Dinh Độc Lập, do đó Diệp bị bắt giam chung với cán bộ Cộng sản tại Thủ Đức và Tam Hiệp gần 5 năm trời. Sau khi Diệp bị bắt thì cụ Cử Tạ Chương Phùng và người con rể của Cụ cũng bị công an bắt. Khi được trả tự do, Diệp thường liên lạc với Bác sĩ Trần Kim Tuyến và tôi, do đó sau này Diệp có chân trong Hội Nghị Đoàn Kết do ông Nhu chủ tọa, việc mà tôi sẽ kể rõ ở một đoạn sau..." 5

Một tác giả khác là ông Cửu Long Lê Trọng Văn cho biết rằng sau hai năm ông Ngô Đình Diệm cầm quyền, ông Tạ Chí Diệp nhận thấy chế độ Ngô đình Diệm đầy phong kiến, độc tài, gia đình trị, chèn ép tiêu diệt các đảng phái quốc gia không chịu làm tay sai cho chế độ, cho nên ông Diệp đã tổ chức biểu tình trước Dinh Độc Lập và Tòa Đô Chánh đòi hỏi chế độ Ngô Đình Diệm phải thực thi dân chủ. Sau đó ông Tạ Chí Diệp Tạ Chí Diệp bị bắt vào tháng 6 năm 1956 (?), bị ghép tội "*phản nghịch, có hành động phá rối trị an*" rồi bị giam ở Thủ Đức, sau đó bị an trí tại Trung Tâm Cải Huấn Tam Hiệp, Biên Hoà trong năm năm trời.

Tạ Chí Diệp không phải là một nhân vật chính trị nổi tiếng và cũng không giữ một chức vụ nào quan trọng tại Miền Nam Việt Nam vào giữa thập niên 1950 khi ông Ngô Đình Diệm mới về nước chấp chánh, tuy nhiên tên tuổi của ông Tạ Chí Diệp lại được nhiều người biết đến vì ông là một người trẻ tuổi đã hăng say trong việc ủng hộ ông Ngô Đình Diệm củng cố địa vị và thế lực trong buổi ban đầu nhưng rồi sau đó chẳng bao lâu, không những ông không còn ủng hộ mà ngược lại trở thành chống đối chính quyền của Tổng Thống Ngô Đình Diệm.

Tạ Chí Diệp trở thành người nổi tiếng trong giới chính trị cách đây gần nửa thế kỷ vì ông là một trong những người ít ỏi đã dám đứng lên chống đối đường lối chính trị độc tài, độc đoán của Tổng Thống Ngô Đình Diệm, ông là một trong số chỉ có vài người rất ít ỏi đã cảnh giác người Việt Nam phải sáng suốt hành động và cương quyết đòi lại cho nhân dân Việt Nam quyền quyết định vận mệnh của mình và thẳng tay chống lại bọn thối nát, áp bức mà không lầm kế làm tay sai ngoại quốc cũng như là lệ thuộc ngoại quốc, ông là một trong những người đầu tiên lên tiếng kết án Tổng Thống Ngô Đình Diệm dùng chính sách "*gia đình trị*" trong việc trị nước và cũng vì đó mà ông đã bị tù rồi bị thủ tiêu dưới sông Nhà Bè.

Người viết có nghe nói nhiều về những hoạt động của ông Tạ Chí Diệp, tuy nhiên ở phần trên chỉ ghi lại những điều mà những người có biết đến ông sau này đã viết lại trong một số và hồi ký hay hồi ức của họ. Người viết cũng có sự mong muốn được gặp gỡ một vài vị nói trên để tìm hiểu thêm về nhân vật này, tuy nhiên điều mong ước đó chưa bao giờ được thực hiện.

Một trong những nhân vật hiện nay còn sống và biết rất rõ về Tạ Chí Diệp có lẽ là ***cụ Đoàn Văn Thái***, năm nay 86 tuổi và hiện đang sống tại thành phố Fort Smith, tiểu bang Arkansas, Hoa Kỳ. Vào năm 1954, cụ Đoàn Văn Thái là phụ tá của ông Nguyễn Văn An, đặc trách về chính trị và hành chánh của Chiến dịch Atlante và cũng là người được Thủ Hiến Phan Văn Giáo chỉ định làm Phó Tỉnh Trưởng Bình Định dưới quyền cụ Tạ Chương Phùng.

Người viết có may mắn quen biết với Giáo Sư Nguyễn Lý Tưởng và được ông cho biết rằng ông có quen biết rất thân với cụ Đoàn Văn Thái, một người quen với Tạ Chí Diệp và đã từng có một thời hoạt động với Tạ Chí Diệp trong vùng Tuy Hòa và Bình Định cũng như là tại Sài Gòn vào đầu năm 1954. Người viết đã nhờ Giáo sư Nguyễn Lý Tưởng hỏi thăm cụ Đoàn Văn Thái về nhân vật Tạ Chí Diệp và cụ đã viết cho Giáo sư Nguyễn Lý Tưởng một bức thư khá dài nói về nhân vật này.

Người viết xin có lời chân thành cảm tạ cụ Đoàn Văn Thái và cảm tạ Giáo sư Nguyễn Lý Tưởng đã cho phép người viết trích dẫn một phần trong lá thư này.

Cụ Đoàn Văn Thái cho biết:

"*Nguyễn Phan Châu tên thật là Tạ Chí Diệp, gọi cụ Tạ Chương Phùng là chú ruột.*

"*Tôi gặp Tạ Chí Diệp vào những ngày 3 và 4 tháng 1 năm 1954 trong tiền đại hội (phân bộ Miền Trung) của Phong Trào Đại Đoàn Kết và Hòa Bình tại số 8 đường Ypres Sài Gòn, nhà và cơ sở của tạp chí Xã Hội của ông Ngô Đình Nhu. Ông Nhu là một trong ba vị được Phong Trào giao phó cho nhiệm vụ kết hợp và tổ chức các cơ sở của phong trào tại Trung Việt. Những thành viên do ông Nhu kết nạp ở Sài Gòn mà chúng tôi*

được giới thiệu là các ông Bùi Kiện Tín (Bác sĩ), Trần Chánh Thành, Tạ Chí Diệp, Trương Tử An, Đỗ La Lam và mấy người nữa mà tôi không còn nhớ. Chúng tôi ở Huế vào có các anh Phan Khoang, Huỳnh Hòa, Bùi Xuân Bào, Nguyễn Trân, Hà Thúc Ký, cụ Phan Văn Phúc (hội trưởng Hội Phật giáo Thừa Thiên và tôi.) Tiền đại hội do ông Nhu chủ tọa, trao đổi ý kiến và cương lĩnh của Phong trào trong việc đòi hỏi chính quyền của Quốc Trưởng Bảo Đại phải tổ chức bầu cử để có quốc hội và có hiến pháp cùng đề nghị nhân sự tham gia Hội Đồng Nghị Quyết của Phong Trào. Đại Hội cử hành tại số 113 đường Yên Đỗ Sài Gòn ngày 6 tháng 1 năm 1954.

"Về Huế, tôi được tin là ông Thủ Hiến Trung Việt Phan Văn Giáo cử tôi tham gia Chiến dịch Atlante. Chiến dịch này có mục đích giải phóng các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên và phía nam tỉnh Quảng Nam (địa lý tỉnh Quảng Tín sau này.) Tôi được Thủ Hiến Phan Văn Giáo cử làm Chánh Văn Phòng của Trung-Nam-Trấn do ông Thủ Hiến kiêm nhiệm làm Chỉ Huy Sứ, hai ông phụ tá, một về quân sự là Tướng Nguyễn Văn Vỹ, một về chính trị và hành chánh là ông Nguyễn Văn An.

"Tôi theo đoàn quân đổ bộ lên Tuy Hòa giải phóng Phú Yên ngày 21 tháng 1 năm 1954 để tổ chức các cơ sở hành chánh và bố trí các đoàn Hành chánh Lưu động giúp ông Tỉnh Trưởng rồi trở về Nha Trang, nơi đặt văn phòng của Trung-Nam Trấn để tổ chức nhân sự cho việc giải phóng tỉnh Bình Định.

"Cụ Tạ Chương Phùng, một nhân sĩ ở Bình Định chấp nhận đề nghị giữ chức tỉnh trưởng Bình Định, Cụ trước đây rất có uy tín ở Bình Định, người ta gọi cụ là Cụ Cử Tạ. Các anh Phan Bình An và Nguyễn Mậu (Việt Nam Quốc Dân Đảng) được cử làm đệ nhất và đệ nhị Phó Tỉnh trưởng, Tạ Chí Diệp làm Chánh Văn Phòng của Tỉnh Trưởng.

"Chúng tôi chuẩn bị ráo riết để đưa ba đoàn Hành Chánh Lưu Động và 1,000 Nghĩa Dũng Đoàn theo đoàn quân chính quy đổ bộ lên Quy Nhơn ngày 8 tháng 3 năm 1954. Chiều ngày 8 tháng 3, ông Nguyễn Văn An gọi tôi sang bàn công chuyện và cho tôi biết rằng ông Thủ Hiến Phan Văn Giáo có nhận xét rằng Phan Bình An không có đủ cân sức để hợp tác với cụ Cử Tạ khi bên cạnh cụ có Nguyễn Mậu và Tạ Chí Diệp. Ông Giáo sợ rằng họ sẽ đi quá xa vì ông Giáo đã biết rõ sự liên hệ chặt chẽ giữa cụ Tạ Chương Phùng với ông Ngô Đình Nhu. Ông An cho tôi biết ông Giáo đã ký quyết định cử tôi làm Đệ Nhất Phó Tỉnh Trưởng Bình Định thay cho Phan Bình An. Là công chức, tôi phải tuân hành chỉ thị của cấp trên.

"Đổ bộ lên Quy Nhơn đúng sáng ngày 8 tháng 3 năm 1954, sau khi ổn định xong, tôi có nhiều dịp trò chuyện với Tạ Chí Diệp. Tôi được biết anh ấy có tham gia vào tổ chức 'Liên Tôn' ở Liên Khu 5 của các anh Đoàn Chí Thoan, Nguyễn Hữu Lộc và Vũ Minh Vinh. Sau khi các anh Thoan, Lộc và Vinh bị Việt Minh xử tử, Tạ Chí Diệp bị ở tù trong mấy năm. Về sau Tạ Chí Diệp được thả ra vì lúc bấy giờ Liên khu 5 mất mùa, đập Đồng Cam ở Tuy Hòa bị Pháp thả bom phá hủy nên toàn liên khu bị nạn đói, Việt Minh đã phải thả một số tù nhân và khuyến khích một số người cho họ 'dinh tê' (trở về sống trong vùng Quốc Gia) để đỡ phải nuôi ăn và tổ chức một số điệp viên trà trộn vào Nam từ 1952 đến 1954.

"Sau ngày Điện Biên Phủ thất thu" (vào đầu tháng 5 năm 1954,) cụ Tạ Chương Phùng, Nguyễn Mậu và Tạ Chí Diệp đều xin từ chức và rút vào Nam..." 6

Một nhân vật thứ hai cũng là người biết rất rõ về Tạ Chí Diệp, có thể nói còn thân thiết với Tạ Chí Diệp hơn là cụ Đoàn Văn Thái vì hai ông cùng làm nghề dạy học với nhau, đó là ông ***Bùi Diễm***, cựu Đại sứ Việt Nam Cộng Hòa tại Hoa Kỳ. Trong cuốn hồi ký "***Gọng Kìm Lịch Sử***," ông Bùi Diễm cho biết về nhân vật Tạ Chí Diệp như sau:

"Vào cuối thập niên 1950, chính quyền Ngô Đình Diệm càng ngày càng độc đoán, tình hình chính trị ở miền Nam càng ngày càng căng thẳng. Tại trường trung học tư thục Phan Sào Nam, nơi tôi dạy học, từ hiệu trưởng đến giáo sư, hầu như không có người nào là không chống chính phủ. Tôi như ngẫu nhiên gia nhập một tổ chức đối lập. Thực sự thì hiệu trưởng là một người có thành tích hoạt động thuộc đảng Duy Dân nên quy tụ một số bạn bè cùng khuynh hướng. Hàng ngày đến trường, vào giờ giải lao, xung quanh chén trà và những tiếng rít thuốc lào, chỉ toàn là những chuyện chỉ trích hay chế riễu chính phủ.

"Trong số đồng nghiệp lúc đó, có anh Vũ Khắc Khoan, anh Phạm VănTâm (về sau làm nghị sĩ dưới thời Đệ Nhị Cộng Hòa với tên hiệu là Thái Lăng Nghiêm) và anh Nguyễn Phan Châu (cả ba đã là người thiên cổ.)

"Anh Nguyễn Phan Châu là một mẫu người

thật đặc biệt. Kỷ niệm sâu sắc anh để lại quả thực khó quên. Anh có dáng dấp hiền hòa, nói năng nhẹ nhàng nhưng bên trong là một ngọn núi lửa cách mạng. Anh là cháu cụ Cử Tạ Chương Phùng, một vị lão thành cách mạng ở miền Trung. Nguyên anh và cụ Cử Phùng là những người đầu tiên ủng hộ ông Diệm lúc ông mới về nước và tổ chức mang quân từ Phan Rang về giúp ông Diệm khi ông gặp khó khăn trong những năm đầu. Lúc trước anh hăng hái ủng hộ bao nhiêu thì về sau anh kịch liệt chống đối bấy nhiêu. Anh dạy Việt văn nhưng chỉ để che đậy những hoạt động đối lập của anh, tuy rằng chẳng dấu được ai. Anh đứng đầu một tổ chức chống đối bí mật có căn cứ tại Nha Trang và Phan Rang. Trong những câu chuyện với tôi, tuy không bao giờ tôi hỏi, anh vẫn thường chia xẻ những tư tưởng chính trị của anh. Tôi hiểu anh, nhưng về phương diện hành động thì đối với anh, chỉ có một danh từ. Danh từ đó là cách mạng.

Nhiều buổi sau khi dạy học, tôi rủ anh về nhà và một đôi khi anh ngủ lại nhà tôi. Rồi cũng có những lúc anh bất thần ghé qua, mang theo từng bó truyền đơn, có lần cả bọc thuốc nổ làm cho nhà tôi lo lắng không ít mỗi khi anh ghé lại với một bọc gì. Nếu không đến trường được thì thường khi anh báo trước, nhưng một hôm anh không đến mà cũng không báo. Chúng tôi hiểu ngay là đã có sự gì không may cho anh. Từ đó, chúng tôi không bao giờ nghe nói về anh nữa và chỉ biết được rằng ít lâu sau, người ta tìm thấy chiếc xe cũ của anh ở một vùng sình lầy phía nam Sài Gòn và mọi người coi đó như một cảnh cáo gián tiếp của cơ quan mật vụ.

Đối với những người chưa từng sống ở Việt Nam thời đó thì mẫu người như anh Châu có thể được coi là kỳ dị. Thực ra, trường hợp của anh chỉ là một trường hợp điển hình của một lớp người trong xã hội Việt Nam lúc đó. Anh có học, có tâm huyết, có tinh thần cách mạng. Tuy coi thường luật pháp, nhưng anh thiết tha yêu nước, muốn dồn hết cả tâm trí để phục vụ quê hương. Nếu đất nước thanh bình thì có lẽ anh cũng sống đời giản dị, bình thản của một nhà giáo, nhưng thời cuộc, hoàn cảnh đã không cho phép. Anh vẫn làm công việc bình thường, hàng ngày dạy dỗ nhưng phẫn nộ trước những bất công và áp bức của chế độ lúc đó, đã biến anh thành một con người bất chấp nguy hiểm, làm bất kỳ việc gì để đạt mục tiêu cách mạng của mình. Anh tin vào lý tưởng cao cả của anh và người ta có thể ví anh với một nhân vật trong truyện của văn hào Nga, Dostoevski. Tuy người ta biết đến anh vì những hành động đặc biệt, trường hợp anh cũng không phải là duy nhất. Trong thời buổi nhiễu nhương tao loạn, nhiều nhân vật như anh, lắm khi sống ngay trước mắt chúng ta..." 7

Ông Bùi Diễm đã viết lại một vài chi tiết về người bạn của ông và nhờ đó mà những người đời sau được có cơ hội biết rõ hơn phần nào về nhân vật Tạ Chí Diệp này. Tuy nhiên, cái chết của Tạ Chí Diệp lại ám ảnh ông Bùi Diễm khi vào khoảng tháng 10 năm 1963, một tháng trước ngày các tướng lãnh đảo chánh chế độ của Tổng Thống Ngô Đình Diệm, ông được tin mật nói rằng những người thay thế Bác sĩ Trần Kim Tuyến tại Sở Mật Vụ đang soạn một cuốn sổ đen gồm có tên những người cần phải được diệt trừ và tên của ông Bùi Diễm lại được đứng gần đầu sổ thì ông phải bỏ nhà trốn sang ẩn náu tại nhà của một người bạn Hoa Kỳ: "*Lúc này hình ảnh của anh Nguyễn Phan Châu, người bạn của tôi bị thủ tiêu năm trước lảng vảng trong đầu óc tôi. Tôi nhớ lại những buổi tối anh ngủ lại nhà tôi và suy nghĩ đến số phận không may của anh...*" 8

Như vậy thì qua những tài liệu nói trên, Tạ Chí Diệp đã từng là hội viên trong *Phong Trào Đại Đoàn Kết và Hoà Bình* của ông Ngô Đình Nhu nhằm vận động đưa ông Ngô Đình Diệm về nước chấp chánh vào đầu năm 1954, là ủy viên chính trị trong phong trào ly khai "*Chiến Khu Đông*" nhằm ủng hộ Thủ Tướng Ngô Đình Diệm chống lại Trung Tướng Nguyễn Văn Hinh hồi cuối năm 1954, đã bị chính quyền của Tổng Thống Ngô Đình Diệm ghép vào tội "*phản nghịch, có hành động phá rối trị an*" và bị bắt giam vào tháng 6 năm 1956 tức là hơn nửa năm sau ngày ông Ngô Đình Diệm trở thành tổng thống sau cuộc trưng cầu dân ý vào ngày 23 tháng 10 năm 1955. Tuy dù có bị tù, dù có bị nhốt chung với cán bộ Cộng sản nhưng Tạ Chí Diệp vẫn kiên cường không vì bất mãn với chính quyền Ngô Đình Diệm mà nghe theo lời khuyến dụ của Cộng sản. Trong suốt thời gian bị tù trên năm năm, tính mạng của ông Tạ Chí Diệp vẫn được an toàn cho đến ngày được trả tự do vào năm 1961 và sau đó thì ông lại bị thủ tiêu chỉ vì ông đã tham dự vào một hội nghị do chính những người thân tín của ông Ngô Đình Nhu tổ chức gọi là *Hội Nghị Đại Đoàn Kết Toàn Dân Chống Cộng*, một tổ chức có lẽ bắt nguồn từ một lá thư của Tướng Lansdale gửi cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm

vào cuối tháng 1 năm 1961.

Bức Thư Của Tướng Lansdale Gửi Cho TT Ngô Đình Diệm

Vào cuối thập niên 1950, không những người Việt Nam mà cả người Mỹ, ngay cả một người bạn Mỹ thân thiết nhất của Tổng Thống Ngô Đình Diệm là ông Lansdale cũng phải công nhận là đã có sự đàn áp những người đối lập chính trị tại Việt Nam.

Ông Edward Lansdale, vào năm 1954 là Đại tá Không Quân Hoa Kỳ, tuy nhiên ông ta được nhiều người biết đến không phải vì là một sĩ quan trong quân chủng Không Quân mà lại được nổi tiếng nhờ làm cố vấn cho Tổng Thống Phi Luật Tân Ramon Magsaysay và đã giúp cho chính phủ Phi Luật Tân thành công trong công cuộc diệt trừ nhóm Cộng Sản Huk tại Phi vào đầu thập niên 1950.

Ngay cả trước khi Hiệp Định Genève được ký kết, Hoa Kỳ đã gửi một nhóm chuyên viên tình báo sang hoạt động tại Sài Gòn dưới quyền chỉ huy của Đại Tá Lansdale. Nhóm này mang tên là "*Saigon Military Mission*" gọi tắt là "*SMM*" hoạt động trong khuôn khổ của Bộ Chỉ Huy Huấn Luyện Quân Sự Hoa Kỳ gọi tắt là "*TRIM*" (sau này trở thành MAAG rồi cuối cùng trở thành MAC-V,) tuy nhiên nhóm này chuyên hoạt động về tình báo, đặc biệt là tại Bắc Việt trước ngày di cư. Tại miền Nam, Đại tá Lansdale nổi tiếng vì đã giúp cho Thủ Tướng Ngô Đình Diệm loại được Trung Tướng Nguyễn Văn Hinh, đã thuyết phục được Đại tá Cao Đài Liên Minh Trình Minh Thế mang quân đội về hợp tác với chính phủ Ngô Đình Diệm và nhất là đã cứu chế độ của Thủ Tướng Ngô Đình Diệm không bị sụp đổ hồi tháng 4 năm 1955. Ông Lansdale cũng là người có công rất lớn trong việc đưa ông Ngô Đình Diệm lên ngôi vị tổng thống Việt Nam Cộng Hoà và sau đó ông ta trở thành một trong những người bạn Hoa Kỳ thân thiết nhất của ông Ngô Đình Diệm.

Vào năm 1960, ông Lansdale đã được thăng lên thiếu tướng và đang phục vụ với chức vụ Phụ Tá Đặc Biệt cho Bộ Trưởng Quốc Phòng Hoa Kỳ về Hành Quân Đặc Biệt (Secretary of Defense's Deputy Assistant for Special Operations) tại Hoa Thịnh Đốn. Sau khi Tổng Thống John F. Kennedy lên nhậm chức vào ngày 20 tháng 1 năm 1961, Thiếu Tướng Lansdale được lệnh sang viếng thăm Việt Nam và khi trở về Hoa Kỳ, sau khi đã phúc trình về tình hình tại Việt Nam lên tân Tổng Thống Kennedy, tân Bộ Trưởng Quốc Phòng McNamara và tân Thứ trưởng Quốc Phòng Gilpatric v.v., vào ngày 30 tháng 1 năm 1961, Thiếu Tướng Lansdale đã gửi một lá thư riêng cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm.

Tài liệu này mới được giải mật gần đây cho thấy ông Lansdale đã gửi bức thư này cho ông Ngô Đình Diệm với tư cách là một người bạn gửi cho một người bạn chứ không phải là một tướng lãnh Hoa Kỳ gửi cho tổng thống nước Việt Nam Cộng Hoà vì ông ta có nói rõ trong bức thư: "*xin ông hãy lắng nghe những lời lẽ của một người bạn muốn nói với một người bạn*" và ông đã mở đầu bức thư bằng hai chữ "*Dear Friend*" chứ không phải là "*Mr. President*" theo nghi thức ngoại giao thường lệ.

Sau phần mở đầu với những lời cám ơn ông Diệm đã giúp đỡ cho ông trong cuộc viếng thăm Việt Nam, nhất là viếng thăm Quân Khu 5 (sau này là Vùng 4 Chiến Thuật,) Tướng Lansdale cho biết ông đã phúc trình với Tổng Thống Kennedy và các tân bộ trưởng về tình hình Việt Nam. Tướng Lansdale cho Tổng Thống Diệm biết rằng Tổng Thống Kennedy rất chú trọng đến Việt Nam và ông nói rằng "*Tôi chắc chắn rằng Tổng Thống (Diệm) có thể tin tưởng và trông cậy ở Tổng Thống Kennedy như là một người bạn đầy thông cảm... Vậy thì ông có thể thấy đó, ông quả thật có vài người bạn chân thành ở Washington...*" (*I'm sure that you can count upon him (President Kennedy) as an understanding friend... So, you see, you do have some sincere friends in Washington...*)

Trong đoạn kế của bức thư, Tướng Lansdale viết rằng: "*Tuy nhiên, sẽ có một số người ở đây nhấn mạnh đến điểm là phần lớn những mối nguy cơ trong tình hình hiện nay ở Việt Nam là do hậu quả của những việc làm của chính ông. Họ nói rằng ông đã cố tự tay một mình làm quá nhiều việc, họ nói rằng ông từ chối không cho người khác thực sự nhận lãnh trách nhiệm và cứ tiếp tục can thiệp vào những công việc họ đang làm, họ nói rằng ông tự cảm thấy ông là người 'không bao giờ có thể sai lầm' và quá nhiều tổ chức chính trị của ông như Thanh Niên Cộng Hoà và Đảng Cần Lao thực ra là đã được thành lập trên sự cưỡng bách, điều đó có nghĩa là người ta đã phải gia nhập vào những tổ chức này là tại vì họ sợ hãi nếu không gia nhập chứ những tổ chức này không phải phát xuất từ trong lòng người dân Việt Nam...*

"*Bây giờ, tôi rất lo ngại về sự chống đối ông*

về mặt chính trị. Tôi đã suy nghĩ đến việc đó trong nhiều giờ, trong nhiều ngày từ khi tôi rời Việt Nam. Tại Sài Gòn, có nhiều người nói xấu cũng như không có cảm tình với chế độ của ông. Có những điều tồi tệ cho đến nỗi đã khiến cho tôi phải e ngại rằng những chuyện đó sẽ thúc đẩy một số 'phần tử không biết suy nghĩ' (thoughtless persons) âm mưu nghĩ đến chuyện đảo chánh một lần nữa. Ông là một trong những nhà lãnh đạo vĩ đại của Thế Giới Tự Do và cũng là một người bạn mà tôi vô cùng mến mộ, bởi vậy xin ông hãy lắng nghe những lời lẽ của một người bạn muốn nói với một người bạn.

"Nếu muốn dẹp tan những sự chống đối chính trị bằng cách bắt bớ họ hay đóng cửa những tờ báo của họ thì chỉ làm cho dư luận càng đi sâu vào sự chống đối thêm, sẽ làm nẩy mầm cho sự tổ chức và thành lập nhiều tổ chức chống đối khác cũng như là những âm mưu khác chống lại ông. Cho đến bây giờ thì với bản chất và thiên tài lãnh đạo sẵn có của ông, tôi tin rằng ông đang tìm kiếm một giải pháp tốt đẹp hơn để giải quyết vấn đề này.

"Có một ý kiến mà tôi nghĩ rằng tự nó cũng đủ khiến cho ông nên cứu xét để giải quyết vấn đề đối lập chính trị này: nếu ông có thể vận động với đa số những người đối lập cùng hợp tác với nhau trong việc hoạch định một chương trình với những ý kiến đặc biệt nào đó nhằm cứu đất nước và cùng làm việc với nhau một cách tự do ở bên ngoài chính phủ thì ông sẽ có thể giúp cho họ hướng những nỗ lực lớn lao về chính trị của họ vào những mục tiêu có tính cách xây dựng hơn cho đất nước. Họ sẽ bàn cãi tranh luận với nhau về những ý tưởng này và như vậy thì họ sẽ dành thì giờ để vận động những người khác chấp nhận những ý kiến của họ thay vì sử dụng những nguồn năng lực chính trị của họ để chỉ trích và chống lại chính cá nhân ông.

*"Làm thế nào để thực hiện việc này? Có lẽ một mình ông thì sẽ không làm được, nhưng mà chỉ có cá nhân ông là người duy nhất có thể tạo ra một bầu không khí chính trị thuận lợi cho một việc như vậy. Muốn làm được việc đó, ông cần phải thông báo cho tất cả mọi người dân, kể cả những người đối lập chính trị, biết rằng nước Việt Nam Cộng Hoà đang gặp phải một mối lâm nguy vô cùng nghiêm trọng. Ông cần phải xoá bỏ mối lo sợ thầm kín của mọi người về việc họ có thể bị bắt bớ một cách bí mật giữa đêm khuya vì bị trừng phạt về những hoạt động chính trị của họ; những mối lo sợ này có dựa trên những căn bản đúng hay là sai thì không có gì quan trọng, điều quan trọng là có nhiều người tin rằng cảnh sát mật vụ dưới quyền Bác sĩ Trần Kim Tuyến đã bắt bớ giam cầm nhiều người vào ban đêm và những sự bắt bớ này đã được chính bào đệ của ông là ông Ngô Đình Nhu biết đến."*9

Hội Nghị Đại Đoàn Kết Toàn Dân Chống Cộng

Bức thư của Tướng Lansdale gửi cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm đề ngày 30 tháng 1 năm 1961 tức là chỉ có 10 ngày sau khi Thượng Nghị sĩ John F. Kennedy tuyên thệ nhậm chức tân Tổng Thống Hoa Kỳ thay thế cho Tổng Thống Eisenhower.

Tại Việt Nam, trong khoảng thời gian cuối năm 1960, đã có những biến cố quan trọng xảy ra tại miền Nam Việt Nam báo hiệu những điềm xấu cho chế độ của Tổng Thống Ngô Đình Diệm:

- lần đầu tiên bộ đội Cộng sản tấn công và gây thiệt hại nặng nề cho một trung đoàn của Sư Đoàn 21 đồn trú tại Trảng Sụp thuộc tỉnh Tây Ninh. Đây là một dấu hiệu cho thấy cuộc chiến tranh du kích của Cộng sản đã chuyển sang một giai đoạn khác với những đơn vị võ trang mạnh hơn cấp tiểu đoàn và lần đầu tiên Việt Cộng mở một cuộc tấn công vào một đơn vị cấp trung đoàn của Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa ở một tỉnh chỉ cách thủ đô Sài Gòn chừng trên 100 cây số.

- vào ngày 11 tháng 11 năm đó, một số sĩ quan chỉ huy các đơn vị Nhảy Dù âm mưu đảo chánh chính phủ Ngô Đình Diệm, tuy nhiên cuộc đảo chánh bất thành và những người cầm đầu cuộc đảo chánh phải chạy sang tỵ nạn tại Nam Vang. Điều đáng chú ý là một trong những người cầm đầu cuộc đảo chánh lại là Đại Tá Nguyễn Chánh Thi, Tư Lệnh Lữ Đoàn Nhảy Dù, một người gốc xứ Huế và được xem như là "*con cưng*" của Tổng Thống Ngô Đình Diệm.

- vào ngày 30 tháng 4 năm 1960, một số 18 vị nhân sĩ họp báo tại Khách sạn Caravelle công khai lên tiếng khuyến cáo chính phủ Ngô Đình Diệm phải thay đổi chính sách để giữ nước và cứu nước.

- tháng 10 năm 1960, các vị giám mục Thiên Chúa giáo trong đó có Đức Giám Mục Lê Hữu Từ và Đức Giám Mục Phạm Ngọc Chi đã đến Dinh Độc Lập để nói thẳng với Tổng Thống Ngô Đình Diệm là ông nên thay đổi chính sách để đối phó với tình thế và đặc biệt là Đức Giám

mục Phạm Ngọc Chi đã "*yêu cầu Tổng Thống Ngô Đình Diệm nên đứng trên thăng trầm của chính trị, bằng cách giao nhiệm vụ điều hành cho một thủ tướng chịu trách nhiệm trước tổng thống và quốc hội. Ngoài ra Đức Cha Phạm Ngọc Chi cũng lên tiếng yêu cầu Tổng Thống Diệm cho bà Ngô Đình Nhu đi ra khỏi nước vì bà ăn nói lỗ mãng, hỗn hào, khinh thị người ta, không ai chấp nhận được.*" 10

- quan trọng hơn cả là việc Cộng sản Hà Nội cho thành lập một tổ chức để lãnh đạo cuộc chiến tranh xâm lược tại miền Nam, đó là Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam ra mắt ngày 19 tháng 12 năm 1960.

Trước những biến chuyển không lấy gì làm tốt đẹp như vậy, người ta không rõ bức thư của Tướng Lansdale có gây ra một ảnh hưởng nào đối với "*người bạn thân mến*" Ngô Đình Diệm hay không, tuy nhiên vào khoảng đầu năm 1961 thì một số cộng sự viên thân tín của ông Cố Vấn Chính Trị Ngô Đình Nhu đã vận động để thành lập một hội nghị nhằm quy tụ những người có khuynh hướng đối lập ôn hòa để cải thiện chế độ. Sự vận động này được khởi sự từ đầu năm nhưng mãi cho đến tháng 7 năm 1961 thì mới thành hình.

Đại Tá Đỗ Mậu lúc bấy giờ là người đang giữ chức vụ Giám Đốc Nha An Ninh Quân Đội cho nên đã biết rất rõ về những sự vận động chính trị này. Ông Đỗ Mậu cho biết như sau:

"Tình trạng mất an ninh của miền Nam cũng như viễn tượng hủy diệt của chính chế độ rõ ràng và khẩn cấp đến nỗi thành phần rường cột trung kiên nhất của chế độ lúc bấy giờ cũng phải hốt hoảng lo lắng. Nguyễn Văn Châu, Giám Đốc Nha Chiến Tranh Tâm Lý, Chủ Tịch Quân Ủy Đảng Cần Lao, Lê Văn Thái (hiện ở Mỹ,) phụ tá Giám Đốc Nha Nghiên Cứu Chính Trị của Trần Kim Tuyến và Bác sĩ Lý Trung Dung, ủy viên Trung Ương Đảng Cần Lao bèn vận động với ông Ngô Đình Nhu và một số chính khách nhân sĩ đối lập ôn hòa để thành lập Hội Nghị Đại Đoàn Kết Toàn Dân Chống Cộng Sản trong mục đích cải thiện chế độ và làm giảm bớt nỗi căm thù của quần chúng đối với chế độ ông Diệm. Đến mồng 2 tháng 7 năm 1961 thì mới thành hình và triệu tập được một buổi họp chính thức tại tư gia của Bác sĩ Phan Huy Quát với sự tham dự của một số chính khách, có cả Bác sĩ Đặng Văn Sung (hiện ở Mỹ) và dưới sự chủ tọa của ông Ngô Đình Nhu.

"Người bạn trẻ của tôi, anh Tạ Chí Diệp (con của cụ Tạ Chương Phùng, một cựu đồng chí của ông Diệm,) vừa mãn tù ra và được đại hội cử làm thuyết trình viên. Sau khi trình bày thực trạng nguy ngập của đất nước, những hiểm họa rõ ràng của Cộng sản, Đại Hội đưa ra quyết nghị gồm các điểm: "công khai hóa hoạt động của các chính đảng, lập một diễn đàn chính trị, xét lại vấn đề chính trị phạm (vì người quốc gia chống Cộng bị bắt bớ giam cầm quá nhiều, nhất là ở thôn quê,) lập một hội đồng chính trị có nhiệm vụ phê bình và chất vấn chính quyền và cử một ủy ban vận động Đại Đoàn Kết gồm 11 người để thực hiện nghị quyết."

"Rõ ràng nghị quyết đó là một giải pháp chính trị ôn hòa và thực tế để cứu nước, một phương thức dân chủ gây lại tinh thần đoàn kết, xóa bỏ hận thù. Nhưng ông Nhu không những bác bỏ ngay hết mọi đề nghị của Đại Hội mà còn nặng lời chỉ trích các chính khách, đảng phái và lên án họ đã phá hoại chế độ, không để cho chính quyền của ông ta rảnh tay lo đối phó với Cộng sản. Sau lần gặp gỡ duy nhất đó, ông Nhu không bao giờ đi họp nữa và đại hội cũng tan luôn. Tội nghiệp cho mấy vị chính khách nhiệt thành và mấy ông Cần Lao ngây thơ, họ không biết kinh nghiệm đã cho thấy rằng đối với anh em nhà Ngô thì cả nước chỉ biết cúi đầu tuân phục. Những thiện chí, những sáng kiến dù có giá trị và xuất xướng từ người thân tín mà hễ đả động đến tự ái của anh em nhà Ngô thì chỉ là những giấc mơ không bao giờ thành sự thật. Nhiều khi kẻ đưa ra thiện chí, đưa ra sáng kiến còn mua lấy tai họa như trường hợp Tạ Chí Diệp, vì quá hăng say trong việc cứu nước mà mua lấy cái chết sau này.

"Sau Đại Hội Đoàn Kết bất thành, Tạ Chí Diệp bị bắt và bị thủ tiêu luôn. Được tin Diệp bị công an sát hại, Bác sĩ Tuyến và tôi vô cùng bàng hoàng kinh khiếp. Chúng tôi gặp nhau than thở, không ngờ nhóm Nguyễn Văn Y, Dương Văn Hiếu tàn ác đến thế, không ngờ chế độ mà mình đang phục vụ lại bất nhân ghê tởm đến thế.

"Không ai có thể chối cãi được thái độ chính trị của Tạ Chí Diệp cũng như những đề nghị của anh ta trong Hội Nghị Đại Đoàn Kết là những đề nghị xây dựng để mong cứu lấy miền Nam, thế mà Diệp đã chết vì cái chủ trương đối lập xây dựng đó. Huống chi Diệp lại là con trai độc nhất của cụ Cử Tạ Chương Phùng, một đồng chí son sắt của ông Diệm trong Phong trào Cường Để từng hy sinh thân thế, sự nghiệp, tiền của cho ông Diệm, từng bị mật thám Pháp tra tấn đến

nỗi gẫy cả răng và điếc cả tai...

"Cái chết của Tạ Chí Diệp, cũng như cái chết của Nguyễn Tấn Quê, Vũ Tam Anh, Nguyễn Bảo Toàn v.v. và hàng trăm ngàn người dân vô tội ở thôn quê nằm trong chánh sách tiêu diệt người quốc gia đối lập của chế độ Diệm. Ai cũng biết rằng cái chết của hàng trăm ngàn dân quê nhiều khi là do hành động lạm quyền của các cán bộ Cần Lao, còn việc sát hại những nhân vật chính trị tên tuổi tại Sài Gòn là phải có lệnh của các ông Diệm, Nhu, Cẩn. Thế mà sau khi chế độ Diệm bị lật đổ, trước Tòa Án Cách Mạng, Đại Tá Nguyễn Văn Y dám khai rằng ông ta đã ra lệnh giết những nhân vật quốc gia kia chỉ vì 'nghe không rõ lệnh Tổng Thống.' Đó là một lời khai gian xảo, tuy có ý bênh vực Tổng Thống Diệm nhưng đồng thời cũng tố cáo Tổng Thống Diệm đã liên hệ vào các vụ giết người... Một chế độ mà ông Tổng Giám Đốc cầm đầu ngành Công an, Cảnh Sát vì 'nghe không rõ lệnh của ông Tổng Thống' mà đem những nhân vật quốc gia chân chính đi trấn nước cho đến chết như trấn nước một con chó dại thì chế độ đó là chế độ gì? Đừng trách những nhà văn Hiếu Chân, Chu Tử, Từ Chung buộc tội chế độ Diệm là thứ 'chế độ phi cầm phi thú'..."11

Như vậy, theo ông Đỗ Mậu thì Tạ Chí Diệp đã bị chính quyền Ngô Đình Diệm bắt nhốt vào "*trung tâm cải huấn*" tức là nhà tù trong năm năm trời mà không hề bị đưa ra tòa, tuy nhiên sau khi được trả tự do thì ông Tạ Chí Diệp đã không ngần ngại tham gia vào Hội Nghị Đại Đoàn Kết để cải thiện chế độ dù rằng những người đứng ra tổ chức hội nghị này lại là những người rất thân tín của ông Ngô Đình Nhu, nhân vật được xem như là người cầm đầu hệ thống công an, cảnh sát và mật vụ của chế độ Đệ I Cộng Hòa.

Ông Nguyễn Văn Châu tuy chỉ mang cấp bậc trung tá với chức vụ Giám Đốc Nha Chiến Tranh Tâm Lý nhưng hồi cuối thập niên 1950 ông được xem như là một trong những người đóng vai trò vô cùng quan trọng trong quân đội vì lúc đó ông Châu phụ trách Quân Ủy của Đảng Cần Lao kiêm luôn Trưởng Phòng 2 phụ trách về an ninh tình báo của Đảng và sau khi ông đi làm tùy viên quân sự tại Washington thì chức vụ này được Đại Tá Lê Quang Tung, Tư Lệnh Lực Lượng Đặc Biệt thay thế. Ông Lê Văn Thái còn được gọi là "*Thái trắng*" là người Bắc thuộc Quốc Dân Đảng nhưng về sau trở thành là Thiếu tá của Quân Đội Cao Đài, có quen biết với ông Ngô Đình Nhu trong thời gian ông Nhu lên Tây Ninh liên lạc với Đại tá Trình Minh Thế hồi năm 1954, do đó đã được ông Nhu nói với Bác sĩ Trần Kim Tuyến đưa về làm phụ tá tại Sở Nghiên Cứu Chính Trị Phủ Tổng Thống chuyên lo về việc liên lạc với các nhân vật trong giới chính trị. Người sau cùng là Bác sĩ Lý Trung Dung, một nhân vật được xem là "*lý thuyết gia*" đứng đầu Phòng 5 phụ trách về tuyên-nghiên-huấn tức là tuyên truyền, nghiên cứu và huấn luyện của Đảng Cần Lao.

Như vậy thì ba nhân vật đứng ra tổ chức Đại Hội Đoàn Kết là những người giữ những chức vụ cao cấp và then chốt của Đảng Cần Lao đang cầm quyền, họ cũng là những người thân tín của Tổng Thống Ngô Đình Diệm, ông Cố Vấn Chính trị Ngô Đình Nhu và riêng ông Nguyễn Văn Châu thì lại còn là người rất thân tín của ông Ngô Đình Cẩn đang giữ chức vụ "*Cố Vấn Chỉ Đạo Các Đoàn Thể Chính Trị Trung và Cao Nguyên Trung Phần,*" tức là những người đang nắm vận mệnh của miền Nam từ Bến Hải đến Cà Mâu. Do đó ai cũng phải hiểu ngầm rằng đằng sau ba nhân vật này là những người lãnh đạo đất nước, vì vậy mà có một số nhân vật chính trị đã nhận lời tham dự đại hội, trong đó có một số người đã ký vào bản Tuyên Ngôn Caravelle và Tạ Chí Diệp.

(Còn tiếp một kỳ)

*1.- Nguyễn Trân: "**Công và Tội**," Xuân Thu, 1992. Trang 112-113.*

2 Nguyễn Trân: Sđd., trang 115

3 Nguyễn Trân: Sđd., trang 188.

4 Đỗ Mậu : Sđd., trang 125-126.

5 Đỗ Mậu: Sđd., trang 125-128.

6 Trích thư của Cụ Đoàn Văn Thái ngày 17 tháng 11 năm 2005.

*7 Bùi Diễm: "**Gọng Kìm Lịch Sử**," Cơ sở Xuất bản Phạm Quang Khai, Paris 2000, trang 158-160.*

8 Bùi Diễm: Sđd., trang 175

*9 US Department of State: Foreign Relations of the United States, 1961-1963, Volume I: "**Letter from the Secretary of Defense's Deputy Assistant for Special Operations (Lansdale) to President Diem, 30 January 1961.**"*

10 Nguyễn Trân: Sđd., trang 325.

11 Đỗ Mậu: Sđd, trang 454-457. Ghi chú: Câu này trích trong một bản tuyên cáo sau khi được trả lại tự do của ba nhà báo Chu Tử, Hiếu Chân và Từ Chung đăng trên nhật báo Ngôn Luận xuất bản tại Sài Gòn ngày 4 tháng 11 năm 1963, hai ngày sau khi chế độ Đệ Nhất Cộng Hòa bị lật đổ.

Người đàn bà có đôi mắt mầu xanh da trời

TƯỞNG NHƯ HẠ

Mắt em là bể oan cừu
Thuyền anh chết hụt trong mầu mắt em.

Như đã hẹn từ tối thứ ba, chúng tôi gặp nhau tại tiệm Tầu "tha hồ ăn" gần trường học. Ba người đàn bà, không nói cùng tiếng mẹ đẻ, quen nhau trong lớp học tiếng Tây Ban Nha buổi tối. Đầu khóa chưa quen biết nhiều nên chỉ có hai người Á châu là tôi và cô Tầu hay lào xào, bây giờ Annie nhập cuộc có phần vui nhộn hơn, vì Annie thích rủ chúng tôi đi ăn chung. Bà luôn luôn ăn mặc lịch sự mỗi khi đi học tối. Chỉ có hai người độc thân trên giấy tờ, còn cô Tầu được độc thân "tạm thời" mười tháng mỗi năm.

Annie từ chiếc xe sport Lexus tím thẫm bước ra, người cao lớn, cân đối, quần jean và áo thun cao cổ mầu xanh nhạt, bên ngoài khoác áo da đen. Đôi mắt to xanh của Annie hôm nay lại xanh thêm như bầu trời vì mầu áo xanh hắt lên thật đẹp, rất hợp với mầu tóc vàng nhạt hơi dợn sóng rung nhẹ vì gió. Cô Rose người Hoa, tóc tém có những vệt hightlight mầu tím, đỏ sẫm, bộ ngực khá đồ sộ, với phần mông lại hơi lép so với độ cong phía trước, mũi sửa thẳng nhọn trên khuôn mặt gần như xương xẩu vì dáng người gầy thon nhỏ. Rose mặc quần capri lơ lửng có những đóa hoa to vui mắt và áo thun mầu chanh xanh tươi cổ khá rộng và trễ xuống gần khe ngực.

Sau lễ bộ chào hỏi và hug kiểu Mỹ, bọn tôi líu lo bắt đầu bước vào tiệm. Annie gọi nước lọc có một lát chanh, Rose uống Coke, tôi chọn nước trà. Tuy đi chung vài lần nhưng chưa lần nào chúng tôi tò mò về chi tiết cá nhân của người khác. Lần này Rose khai mào trước:

- Tôi có vấn đề này, mấy bà nghĩ sao rồi cho ý kiến nhé. Tôi ở đây gần bảy năm vì sợ hai con trai sẽ phải đi lính ở Taiwan. Chồng tôi thích ở lại vì ông ta làm nha sĩ ở đó và không muốn phải đi học lại ở Mỹ, tôi nghe tin anh ta có lẹo tẹo với cô phụ tá đã lâu. Bây giờ tôi nên bỏ hắn hay không?

Bà Mỹ Annie trả lời không chần chừ:

- Theo tôi thì nên bỏ ngay, chia gia tài, lấy tiền cấp dưỡng cho con, và tìm người khác ở bên đây.

Annie không biết rằng chồng của cô Tầu đã mua nhà ở vùng Westlake gần một triệu bạc cho ba mẹ con của cô Tầu và mỗi tháng đều gửi tiền cho hai con trai của ông. Đến phiên tôi cho ý kiến, dựa trên sự tình cảm và luật pháp:

- Đối với tôi thì Rose nên nghĩ lại về vấn đề tình cảm của mình trước. Cô còn thương tía tụi nhỏ hay chỉ cần tiền nhà và tiền cấp dưỡng mà thôi. Vả lại cô nên hỏi cho chắc chắn, luật ở Taiwan có áp dụng cho cô đang là công dân Mỹ hay luật ly dị ở Mỹ có áp dụng cho chồng cô ở Taiwan hay không. Chỉ cần mở hồ sơ là cô đã mất tiền rồi dầu chưa biết kết quả ra sao.

Rose nghe xong câu này, cô mừng rỡ phát biểu:

- Cám ơn hai bà, tôi giải quyết được vấn đề rồi, cũng vì tôi đi làm gặp James. Dĩ nhiên vì "xa mặt cách lòng" với anh chồng ở Taiwan, và tụi nhỏ còn đang học trung học. James rất cởi mở và thương tôi hết lòng, anh ta đã ly dị và có hai con gái lớn đã lập gia đình. Tôi tính nếu tôi ly dị xong sẽ cho thuê nhà rồi dọn về ở với James.

Annie hỏi ngay cô Tầu:

- Như vậy, nếu Rose cho thuê hay bán nhà, sẽ có lợi cho Rose nhưng có chắc là sẽ hạnh phúc với James không? Khi hai con của Rose đến thăm mẹ và gia đình hai con gái của James đến thăm bố hoặc ở chung có bất tiện hay không?

Mục này hơi rắc rối vì đương sự đang thấy đời mầu hồng, chưa kịp nghĩ đến nên không có câu trả lời. Hai bà ngoại quốc nhìn tôi và hỏi:

- Này, đến phiên con Kim khai báo đời tư, gia phả đi chứ.

Tôi cười đùa trả lời:

- Tôi chỉ có tương lai phải lo kiếm việc làm, vì dĩ vãng đã quên mất sau lần vượt biên. Hiện thời phải tập ăn chay vì quá mập chứ không phải

muốn vào chùa. Có ai đói không vậy? Cả bọn quay ra chọn thức ăn.

Người ta nói "you are what you eat" chẳng hiểu vì nghĩa bóng hay nghĩa đen! Annie chọn đủ loại sushi, Rose ăn tôm cua, tôi lấy đậu hũ mềm hầm với đậu đen và món cải xanh xào dầu hào. Nhìn cô Tầu bẻ từng càng cua chúa (King crab) vừa ăn, vừa nói ngồm ngoàm thật ngon lành. Bà Mỹ Annie gảnh gót nhón từng miếng sushi, vài lát gừng và một chút mù-tạc cay mầu xanh lá cây, vừa tập vài danh từ Mễ đã học trong lớp vừa liếc xem cái anh chàng Spanish đến ăn trưa gần đó có nghe thấy không! Cách này thật hiệu quả và tài tình vì chàng ta đã quay sang hablar (nói tiếng Mễ) ngay tức khắc. Cô Tầu Rose không cần làm chuyện đó vì nó đang có anh chàng James, người Mỹ. Tôi không rành cả tiếng Mỹ lẫn tiếng Mễ, ưu tiên cho Việt Nam nên không phải lo sợ nghe gà hóa cáo hay phải xử dụng sign-language mỗi ngày, mặc dầu vẫn còn "ngồi bên song cửa gửi thư..." gần hết cả mùa xuân mà chưa nhận được email đáp ứng nào vì nơi tôi ở rất ít Việt Nam. Chỉ có vài người già còn "độc thân" đang phải ở chung với gia đình của con cái...

Đi ăn lần này, bà Annie xem chừng có vẻ thân thiện hơn, bà nói:

- Kim, cô giải thích cho tôi tại sao những đứa trẻ lại cần ra khỏi Việt Nam vào năm 75 vậy?

Tôi không hiểu bà ta muốn nói hay ám chỉ điều gì. Tôi nói:

- Trẻ con cần được sống gần cha mẹ. Bà nghĩ sao về nếu bà phải xếp hàng cả ngày để chờ mua thực phẩm cho gia đình. Bà sẽ không còn tự do ngôn luận, hay tín ngưỡng; ngay cả mỗi sáng sớm bà phải nghe loa phóng thanh ồn ào đọc tin tức, đánh thức bà dậy. Mỗi tối bà phải họp tổ, cho ý kiến để hoan hô chính sách nhà nước mà bà phải học thuộc lòng. Bà sẽ không được chứng diện vì gây chú ý càng nhiều bà càng có vấn đề.

Nghe đến khoản này thì Annie chịu thua:

- Tôi không ở được với cộng sản đâu. Một tuần mà không đi chải tóc làm móng tay, ra đường không phấn son thì không phải là tôi rồi. Nhưng tôi có một lý do khác đã làm tôi ghét cộng sản chiếm miền Nam năm 75.

Bà uống một ngụm nước lạnh có lát chanh tươi. Đôi mắt to tuyệt đẹp mầu xanh da trời, với hàng mi cong chải mascara cẩn thận, chớp nhẹ vài cái rồi cúi xuống im lặng một chút như hồi tưởng lại dĩ vãng... Annie bắt đầu chậm rãi kể:

- Những tháng cuối của Việt Nam trước khi rơi vào tay Cộng Sản tôi đều thấy và nghe bình luận trên truyền hình. Tôi đã từng nuôi hai đứa trẻ Việt Nam tại nhà sau khi Cộng Sản nắm quyền ở Việt Nam. Gia đình của hai đứa trẻ này có cả thẩy mười một người. Đứa con trai nhỏ lúc đó khoảng mười tuổi, nó hay ngồi trong nhà im lặng, nhìn ra biển hàng giờ thật lâu. Tôi tự hỏi nhiều lần, nó đang nghĩ gì trong đầu mà trông nó thật buồn bã, cô đơn. Đứa con gái em nó cũng ít nói vì chúng chỉ biết bập bẹ vài tiếng Mỹ. Chồng tôi chính là người bảo lãnh cho gia đình đông đúc này. Trong lúc chờ tìm một căn nhà cho họ thì tôi chỉ thuê tạm được hai chỗ ở hai nơi khác nhau, tổng cộng bốn phòng ngủ cho mười một người nên tôi phải mang hai đứa trẻ này về nuôi.

Chồng tôi cũ của tôi là kỹ sư dân sự, nhưng thật ra là nhân viên cao cấp trong chính phủ Mỹ. Ông ta thường xuyên bay về Saigon trong những năm cuối của Việt Nam Cộng Hòa. Tôi chẳng bao giờ hỏi chi tiết về công việc ông ta ra sao, vì ông lớn hơn tôi nhiều tuổi. Đời sống của tôi thật sung túc, hạnh phúc không thiếu thốn điều gì. Căn nhà của vợ chồng tôi có trồng hoa thật đẹp, và nhiều cửa kính rất lớn hướng ra biển...

Annie chợt ngừng lại ăn thêm thức ăn, rồi tươi cười nói:

- Tuy họ ít ngữ vựng tiếng Anh nhưng họ ra dấu và hay biếu tôi những món ăn đặc biệt nên nhờ đó tôi cũng biết khá nhiều thức ăn Việt Nam.

Cái nhìn của bà lại chợt thành xa xăm; Annie tiếp tục:

- Tôi hoàn toàn thấy sự chăm sóc, giúp đỡ của chúng tôi đối với gia đình họ là chuyện nên làm cho đến một ngày kia chồng tôi nói với tôi là ông ta muốn ly dị để cưới cô con gái lớn của gia đình này. Cô ta lúc đó khoảng 22 tuổi, đã có một đứa con gái nhỏ, không nghe họ nói gì về cha đứa bé. Tôi chỉ nghe họ nói cô đã từng vào vòng chung kết trong cuộc thi hoa hậu ở Việt Nam trước đó.

Khuôn mặt Annie thật buồn, đôi mắt xanh blue bắt đầu đỏ hoe, hình như đang rớm nước mắt...

Bà Annie nói không hề thấy có dấu hiệu gì về sự liên hệ giữa hai người. Ngay cả bắt đầu quen nhau từ Việt Nam hay mới hẹn hò ở Mỹ bà cũng không rõ vì chồng của bà ít nói về gia đình Việt Nam này trừ khi cần thiết. Bà nói cô Việt Nam kia cũng không làm gì điều gì để cho bà nghi ngờ. Bà thật đau lòng vì bà nghĩ người Á

Đông hiểu đạo đức và biết tôn trọng người khác, nhưng không ngờ tình đời đen bạc. Nói đến đoạn này thì khuôn mặt bà Mỹ tỏ vẻ giận và không vui. Cô Tầu Rose nhìn tôi ái ngại, tôi chột dạ nghĩ là bà chắc cũng giận lây vì tôi là người Việt Nam... Annie cho biết:

- Lúc đó vì tôi còn trẻ, không có kinh nghiệm đời nên tôi rất khổ tâm, chính vì không ngờ chuyện "nuôi ong tay áo" xẩy ra dễ dàng như vậy. Tôi nghĩ là cô Việt Nam kia chẳng thương gì ông chồng của tôi, tại vì tôi là người Mỹ nhưng tôi ở nhà để chăm sóc miếng ăn giấc ngủ cho chồng con của tôi. Thời đại đó không mấy người đàn bà cần ra ngoài đi làm nhất là khi có một chồng giầu sang. Năm 75, ông ta đã gần 50 tuổi nên cô gái Việt 22 tuổi đó chỉ lợi dụng mà thôi. Mấy cô biết tại sao không, vì sau đám cưới ít lâu, cô ta đòi sang một nhà hàng ở Hollywood. Rồi tôi nghe ông chồng cũ mắc phải bệnh chơi bời, dĩ nhiên không phải do tôi mà ra. Những năm kế tiếp tôi không biết tin gì của họ, nhưng sau đó có người bạn gái cho biết cô ta đã bỏ ông chồng cũ của tôi rồi, để lấy một người khác.

Cô Tầu thấy chi tiết gay cấn, hứng thú hỏi tiếp:

- Thế bà có biết cô ta lấy Việt hay Mỹ không? Và có thể là ông chồng cũ của cô ta chăng.

Bà Annie trả lời bà cũng không hỏi thêm chi tiết để làm gì. Bà chỉ nói là chính Chúa đã làm cho kẻ phụ bạc bà biết sự đau khổ khi bị bỏ rơi ra sao...

Cô Tầu Rose hăng hái phát biểu cảm tưởng:

- Bà Annie, tôi thấy ngoài đôi mắt mầu xanh thật đẹp như bầu trời, bà lại được cả vóc dáng cân đối và sự giầu có nữa, trông bà chỉ gần 50 mà thôi. Bà cũng đừng nên buồn vì ông chồng cũ nữa nhé vì chắc chắn có nhiều người rất thích làm quen bà, vì bà nói chuyện vui vẻ và duyên dáng.

Annie cười tươi vì nghe Rose khen, bà nói:

- Lúc tôi còn nhỏ, tôi như con búp bê tóc xoăn vàng luôn bị người ta nựng và bẹo má. Mắt tôi có khi đổi mầu tùy theo áo và tùy ánh sáng. Khi ai khen tôi xinh đẹp thì mẹ tôi chỉ ngay vào chị tôi và nói liền "Con bé kia tuy xinh xắn nhưng con bé này khôn ngoan hơn." Bây giờ chị tôi đã chết vì cancer, anh tôi cũng qua đời vì tim. Tiền hưu dự trữ tôi có đầy đủ, tôi cũng đã gặp những

TRẦN VẤN LỆ

CHÚC MỪNG SINH NHẬT MỘT NGƯỜI XƯA

Mỗi năm sinh nhật của em, mừng! Câu chúc vẫn là Câu Chúc Xuân... Không biết tuổi em chừ mấy tuổi, nhớ như hồi đó, gặp, bâng khuâng!

Ờ em mãi mãi là con gái – cô nữ sinh tròn đôi mắt nai! Chiều thuở Sài Gòn mưa mới tạnh, tóc em mướt mượt nắng ban mai!

Với em, trời mới như vừa rạng, đôi má hồng như buổi sáng thơm! Thì tính tuổi em chi sẽ tiếc, bởi em đồng nghĩa với Quê Hương!

Nhắc một chiều xưa, nhắc vậy thôi! Sài Gòn tôi gọi mãi Em Ơi... Ôi chao thành phố nhiều khi tưởng mưa nắng bay trên vạt áo dài!

Tôi nhớ em sinh ngày tháng mấy... Lâu rồi, sinh nhật của em sao? Mừng em, xưa lắm, đời chưa đổi; đời đổi, mừng em, vẫn một câu!

Mừng em sinh nhật! Từ trên núi, từ biển khơi, rồi ở xứ xa... Năm tháng cứ qua, tôi cứ nhớ – nhớ em hồi bé, nhớ tôi già!

Em ơi, không phải tôi nhàn rỗi mà có bài thơ như có thơ! Tôi nhớ em hoài. Tôi lạ quá! Nhớ người cùng lúc Nước Non xưa!

Em là Tổ Quốc – tôi còn, mất? Còn chứ, ngàn trang lịch sử hồng! Còn chứ, lời vui tôi đã chúc! Mất... là tôi đã phải lưu vong!

Em ơi, tôi nhớ chiều đô thị, nhớ bữa em tròn tuổi nguyệt mơ. Góc phố Sài Gòn mưa rất nhẹ, lá me vàng tựa một bài thơ...

Tôi thành thi sĩ từ hôm đó, thành gã chung tình em biết không? Nhìn lịch biết mai em chớp mắt chờ câu tôi chúc vọng thinh không...

người trẻ hơn tôi rất nhiều nhưng chỉ là qua đường trong một thời gian ngắn vì tôi không thích đàn ông ăn bám vào tôi và không biết tự trọng.

Cô Tầu láu táu ngắt lời:

- Tôi không nghĩ bà có thể tìm dễ dàng một người đàn ông nào ở tuổi của bà, lại có xe sport mui trần như bà. Vì tôi đọc báo thấy đa số đàn ông có địa vị, giầu sang ở Trung Hoa đang tìm cách bỏ vợ cũ, rồi lấy các cô gái trẻ để cho họ được cái cảm tưởng trẻ trung, vẫn còn hấp lực với phái nữ. Có người cặp với những cô gái nhỏ tuổi hơn con cháu của họ nữa. Người Á Đông có những truyền thống về đạo đức, luân thường đạo lý mà bây giờ còn lột xác mau chóng, thay đổi nhân sinh quan như vậy thì làm gì người Mỹ có thể khác được vì họ đã chế được Viagra rồi. Hình như cả người Việt Nam cũng đang có cùng vấn đề như vậy phải không Kim, chúng ta có thể gọi đó là tệ nạn của thời đại hay không?

Tôi nghe xong không biết cho nói thế nào, tôi chỉ biết an ủi bà Annie :

- Bà Annie ơi, bà may mắn hơn tôi rất nhiều vì bà không phải học thêm tiếng Anh, bà có đầy đủ vật chất, ngoài cô con gái, bà lại có con chó nhỏ làm bạn để nói chuyện hàng ngày, bà có xe sport làm người ta phải trầm trồ ngoái cổ lại, bà có nhà riêng không phải mướn phòng ở trọ. Ông chồng cũ của bà bây giờ có lẽ cũng đã tám mươi tuổi rồi và cô Việt Nam kia cũng đã có bỏ ông ta từ lâu, nhớ hoài đến chuyện cũ sẽ chỉ làm bà đau khổ.

Bà Annie nhoẻn miệng cười thật tươi, duyên dáng cắn một trái dâu đỏ thắm:

- Hai cô thật tốt bụng, đã nghe và an ủi giúp tôi lên tinh thần nhưng các cô hiểu lầm rồi vì sau khi ly dị ông chồng cũ tôi đã lấy một người khác, dĩ nhiên là Mỹ, cũng khá giả. Chúng tôi nói chuyện với nhau rất hợp và hạnh phúc, đứa con gái là con của ông chồng thứ hai, không phải con của ông thứ nhất. Tôi vừa ly dị ông chồng thứ hai, cách đây bốn năm vì ông ta muốn lấy một cô người Thái. Khi quen biết các ông già (người Mỹ) trên 60, 70 tuổi tôi cũng phải để ý vì vấn đề sức khỏe, dễ ốm đau. Khi dùng nhiều thuốc để trợ tim, thuốc cao mỡ, hay tiểu đường là những bệnh thông thường của tuổi già thì trên tóc hay da người sẽ dễ có mùi. Thế nhưng nhiều người già lại ít tắm rửa vì sợ lạnh, có khi quên tắm vì tưởng mình đã tắm rồi. Chưa kể đến chuyện ông nào trải qua một hai cái ly dị thì nghèo mạt rệp, xe không có, nói chi đến nhà. Tôi lại từng là chủ thẩm mỹ viện thì sự vệ sinh, và chăm sóc bề ngoài cho đẹp đẽ của một người đối với tôi rất quan trọng. Tôi có một căn nhà và một con chó rất xinh xắn, con gái tôi đã lập gia đình năm ngoái. Bây giờ tôi vừa bán tiệm về hưu, chỉ cần tìm một người bạn đường điều kiện đầu tiên phải sạch sẽ, không có mùi hôi, thích nhẩy đầm; phải biết nói chuyện vui đùa, khi đi chơi chung; tôi thích nhất đi cruise, nếu mà hắn muốn ngủ chung giường với tôi thì hắn phải bao tất cả, nếu tôi yêu thương hắn tôi sẽ trả giúp phần của tôi. Nhưng đàn ông lịch sự và sạch sẽ thì đang có vợ chăm lo. Một số khác phải lo thuốc men vì bệnh tật hay đang ở nhà già rồi, nên cho đến bây giờ tôi cũng chưa tìm được ai như ý muốn... mấy ông bạn Mỹ già tôi quen biết, đang tìm vợ Á Đông trẻ vì họ hy vọng sẽ có người cơm nước, chăm sóc cho họ lúc ốm đau, nhưng tôi nghĩ là các cô vợ trẻ chỉ thích tiền và cần đi Mỹ mà thôi, nên họ cũng không thắc mắc tuổi tác vì càng già, thì càng mau về nước Chúa.

Cô Tầu Rose liếc nhìn tôi, giấu mặt cười mím chi, thì ra, đi ăn chung một ngày mà tôi học được cả rổ khôn. Người đàn bà ngoại quốc có những điều hay, thực tế để chúng tôi học hỏi thêm về đời sống trên xứ người. Có lẽ bà Annie chưa có câu trả lời tại sao hai người đàn ông trước của bà đã từng say đắm trước sắc đẹp quyến rũ, thân hình cân đối, mái tóc óng ánh như những sợi tơ vàng, cách nói chuyện dí dỏm nhất là đôi mắt xanh mầu da trời thật thu hút của bà mà lại bỏ đi theo những người đàn bà Á Đông khác... tại vì lòng tốt, vì tình, vì thích của lạ mới mẻ, hơn hay vì nhiều loại thuốc "hưng phấn" giúp cho sinh lý đang tràn lan trên thị trường?

Tại Việt Nam có bán rất nhiều vỉ thuốc "hưng phấn" giả của Trung quốc gây ra những cảnh cười ra nước mắt, phải đi nhà thương. Lý do khác nhau: lên cả ngày không chịu xuống vì người dùng quá vội vàng không kịp đọc kỹ, nên uống gấp đôi liều lượng để có ép-phê tức thì và lâu dài hoặc uống thuốc xong cả giờ mà đến hẹn lại "không lên" gì cả...

Tôi thông cảm khi biết bà Annie cũng từng đau khổ vì nhớ ngày 30 tháng 4 dù không cùng nguyên nhân như đa số người Việt Nam. Điều làm tôi thấy nhẹ nhõm là bà không hề giận lây vì tôi cũng là người Việt như tình địch cũ của bà. Chúng tôi lại hẹn gặp nhau trong lớp học tiếng Tây Ban Nha tối thứ ba và rủ nhau tiếp tục đi ăn chung lần tới.

Trở Về Cùng gió mùa

NGUYỄN CHÍ KHAM

Mười hai giờ trưa, chuông đồng hồ treo tường đánh lên từng tiếng rồi ngân cao một điệu nhạc an lành. Nguyên đọc lại bài viết trên máy computer, sửa vài lỗi chính tả xong tắt máy đứng dậy.

Từ phòng làm việc dưới ga ra, Nguyên lên nhà trên bằng lối cửa trống và khi qua khỏi phòng khách anh đi thẳng xuống bếp. Hôm nay, ngày nghỉ thường lệ nên tối qua Nguyên ngủ khuya và sáng nay thức dậy trễ với một cảm giác thật khỏe khoắn.

Gian bếp có cánh cửa sau trông ra một con đường nhỏ chạy quanh xóm, đến ngã ba nó gặp một con đường đất khá rộng dẫn về phía hồ nước gần khu công viên. Tại khu công viên, nhìn xa phía núi trông thấy một cây cầu dài, đó cũng là nơi chia lằn ranh hai thành phố.

Trời mưa bên ngoài. Đêm qua, có một cơn giông nổi dậy với tiếng sét đánh làm đèn điện khu phố Nguyên ở bị cúp trong nửa tiếng mới cháy lại. Vào lúc tám giờ sáng nay, tin tức thời tiết đài phát thanh VNCR cho hay trời sẽ mưa suốt ngày vì ảnh hưởng của bão ngoài biển. Không chỉ hôm nay, rất có thể ngày mai hoặc kéo dài suốt tuần trời vẫn mưa, bầu trời bị bao phủ nhiều lớp mây dày đặc.

Trong chạn thức ăn có một dĩa đậu phụ và một tô nhỏ cá trích kho được bọc cẩn thận bằng giấy kiếng mỏng, trong suốt. Nguyên đem cả hai cho vào lò microvave bấm 1 phút 25 giây. Và lúc chờ thức ăn hâm nóng, Nguyên lấy cái tô lớn mở nắp nồi cơm điện xới một tô đầy. Xong xuôi, anh bỏ vào khay mang lên nhà trên đặt xuống cái bàn thấp ở phòng khách.

Mưa rơi nặng hạt ngoài sân chung cư. Nhìn qua khung kính cửa sổ, lớp ánh sáng mờ đục, Nguyên thấy cơn mưa trên sân vắng lặng đầm ướt, tự nhiên có cảm giác gió bên ngoài đang tràn vào thấm lạnh người anh. Nguyên mặc áo thun bên trong, ngoài là chiếc áo len cũ màu xanh lá cây.

Cơm nóng đang lên khói cùng với vị thức ăn dậy hơi cay. Nguyên cầm remote mở TV, đài thể thao 615 Setanta. Trên màn hình một trận đấu bóng tròn quốc tế đang diễn ra. Nguyên cầm đũa gắp thức ăn và xúc những muỗng cơm đầy đút vào miệng nhai vội vàng. Một mình yên lặng, ấm áp làm Nguyên thích thú, anh hưởng thời gian hai ngày nghỉ trong tuần một cách chừng mực, hạnh phúc như ly cà phê ngon đậm anh thường tự pha lấy cho mình.

Nguyên chợt ngừng ăn, mắt theo dõi hai chiếc áo đỏ đang lao theo bóng xuống cánh trái, một chiếc áo vàng ào tới truy cản, rồi có thêm một cầu thủ đồng đội tiếp ứng nữa, bóng chạm chân áo đỏ bật ra ngoài lằn vôi biên. Nguyên bắt đầu nhận ra đội Anh trong màu áo đỏ vì trên màn hình vừa xuất hiện cầu thủ Beckham mang áo số 7, và trận này, đội Anh đấu với Bắc Ireland. Đội Ireland, mặc áo màu vàng tím.

Tỉ số trận đấu đang hòa 0-0, lúc này là phút thứ hai mươi. Nguyên lại ăn thong thả, ngon miệng, mắt vẫn không rời diễn tiến trận đấu. Nguyên chợt bị nghẹn khó nuốt miếng cơm, liền đứng dậy xuống nhà rót đầy một ly nước lọc. Khi anh trở lên, trận đấu đang bị dừng, nhiều cầu thủ Ireland xúm lại tranh cãi với trọng tài vì một quả phạt trực tiếp gần vùng cấm địa. Trọng tài người Đức rút thẻ vàng cảnh cáo cầu thủ số 8 áo vàng và lấy bút chì ghi vào cuốn sổ nhỏ.

Nguyên uống một ngụm nước đầy, rồi tiếp tục ăn. Một pha đá phạt của đội Anh, hai cầu thủ số 10 và 4 dang ra hai bên, Bechkham mang áo số 7 đứng giữa. Bên trong vùng cấm địa một hàng rào hơn mười cầu thủ cả áo vàng lẫn đỏ. Thủ môn Ireland đứng giữa khung thành, hơi cúi người mắt chăm chú nhìn về hướng bóng. Số 10 di chuyển làm động tác giả, ngay đó, Bechkham tung liền cú sút xoáy qua hàng rào, thủ môn Ireland phóng người lên đón hụt, vào,

nhưng chỉ trong gang tấc bóng đã bật cột dọc khung thành bay vòng qua khỏi đường biên cuối sân. Bàn thắng hụt của Bechkham suýt nữa làm Nguyên đánh rơi tô cơm, hai vai anh chợt co lại như thể muốn điều chỉnh cho trái bóng được lọt lưới. Nguyên tiếc rẻ, vì anh rất mến mộ cầu thủ Beckham và anh cũng mong đội Anh thắng. Sau pha bóng vừa diễn ra, nó còn được quay chậm nhiều lần, đến hơn một phút sau mới vào trận đấu trở lại.

Nguyên ăn xong, anh vẫn ngồi yên xem trận đấu cho đến khi hiệp I kết thúc. Vận động trường Wembley đông chật khán giả ngồi xem. Khi các cầu thủ rời sân, cờ nón, tiếng vỗ tay reo hò vang dội lên, rồi ít phút sau đó, đài truyền hình bắt đầu chiếu chương trình quảng cáo. Nguyên bỗng đứng lên, cảm thấy như có không khí ngột ngạt căng thẳng bao lấy căn phòng do từ trận đá bóng gây ra.

Nguyên bước chậm tới bên cửa kính nhìn ra ngoài, thấy trời còn mưa, mưa rủ xuống một bức màn dày kín. Khu chung cư vắng lặng vì hôm nay không phải là ngày cuối tuần. Ngoài khung trời mưa, thỉnh thoảng có bóng đen đàn chim bay qua. Nguyên bật thêm một ngọn đèn nữa cho sáng rõ rồi mở cửa nhích bước ra đứng ở chỗ thềm mái hiên. Bỗng dưng nhớ đến một bài nhạc về mưa, Nguyên cất tiếng hát nho nhỏ.

Ngoài con đường chạy ngang qua khu chung cư có dựng tấm bảng trạm ngừng xe buýt. Hàng chữ sơn xanh và đỏ bị ngấm nước mưa. Đứng ở đây, Nguyên vẫn đọc được hàng chữ đó, vì anh đã quen mắt mỗi ngày. Dưới cơn mưa, con đường trở nên vắng, và lúc này một chuyến xe buýt từ đâu tới vừa ghé trạm. Nguyên lơ đãng nhìn mưa trên sân lát đá, anh nghe tiếng mưa chảy qua trong tâm trí với những dòng suy nghĩ mơ hồ. Chiếc xe buýt rời trạm, lúc ấy bỗng xuất hiện một người mặc áo mưa trắng.

Người ấy băng qua đường và tiến vào cổng khu chung cư làm Nguyên để mắt dõi theo. Nãy giờ, mười lăm phút đã trôi qua, trận đấu vào hiệp nhì đang diễn tiến trên sân. Thế nhưng, Nguyên còn đứng nơi thềm hiên nhìn bóng người mặc áo mưa trắng đang bước chậm, mắt tìm từng số nhà trong chung cư. Và, tuy chưa đến gần để dễ thấy rõ nhưng Nguyên đoán là người đàn bà qua bóng dáng từ mỗi bước đi.

Rồi nàng dừng lại, tần ngần trước khu nhà B. Căn nhà bên kia đóng kín cửa. Nguyên chợt lên tiếng hỏi, nàng quay sang, rồi bước nhanh về phía nhà anh.

- Chị tìm ai ? Nguyên hỏi.

Nàng đáp lời ngay, nhưng thình lình mưa nặng hạt nên Nguyên không nghe rõ.

- Mời chị vào nhà kẻo mưa.

Nguyên mở rộng cánh cửa. Người khách bước lên thềm rồi dừng để cởi áo mưa treo lên chiếc đinh móc ở ngoài. Nguyên tắt máy TV, lúc này căn phòng có một vẻ sáng ấm cúng. Một giọng thân tình, Nguyên mời khách ngồi ghế rồi vội dọn dẹp và đi xuống bếp đun nước sôi để pha trà.

Nàng còn trẻ, ngồi một mình bỡ ngỡ vì nhà vắng không có ai, nhưng lại cảm thấy dễ chịu như có sự thân quen đâu từ trước. Nàng nghe rõ tiếng mưa rào rào mỗi lúc một lớn và khu chung cư cứ im lìm không thấy có nhà nào mở cửa. Căn phòng khách của gia đình này bài trí một khung kệ lót mặt gương, trên là tượng Phật Quan Âm đứng cầm bình nước tưới hoa sen, bên dưới ảnh thờ của hai người già, và tầng cuối là những cuốn sách sắp ngay ngắn một hàng dài. Có một bức ảnh chụp học sinh của trường tiểu học trong ngày cuối niên học, và bức hình kế bên là năm người bạn lính ở quân trường mặc quân phục vàng đeo alpha trên hai cầu vai.

Nguyên đun nước xong, pha bình trà rồi bỏ vào cái khay nhôm mang lên. Nguyên nói một câu mời chào rồi tiếp đó là chuyện mưa bão nó mang đến vùng này trong mấy ngày vừa qua. Nàng chỉ lắng nghe, lúc Nguyên đưa tách trà mời, nàng mới chú ý đến anh nhiều hơn.

Nguyên hỏi:

- Chị đi tìm ai ?

Nàng tự giới thiệu tên mình, rồi đưa mẩu giấy cho Nguyên xem. Vừa đọc tên, Nguyên đáp lời ngay:

- Gia đình này đi qua tiểu bang khác rồi.

- Sao địa chỉ ghi ở đây mà.

Nàng cầm cái tách nhỏ đưa lên miệng uống một hớp đầy, chợt vui buột miệng khen trà uống thật ngon. Tiếng Nguyên nói:

- Hai tháng trước đây họ còn ở bên căn nhà B. Giờ chuyển đi rồi.

- Đi đâu anh ?

- Anh Giảng nói với tôi là đưa gia đình qua Texas.

- Vậy mà tôi cứ đinh ninh...

Nàng không nói hết lời, miệng uống thêm một hớp trà rồi đặt tách xuống dĩa lót.

- Tôi không hiểu sao đang ở yên, anh ấy lại bỏ đi xa.

- Chắc rằng, anh chị ấy đã hay chuyện.

-Ủa, chị nói sao ?

Rồi Nguyên đột nhiên đứng dậy, vội bước. Nàng bỗng lấy làm lạ, nhưng cứ ngồi yên. Sau ít phút, Nguyên trở lên nhà tay cầm hộp bánh.

- Trời lạnh, chị ăn bánh uống trà cho ấm.

Nàng nở một nụ cười trọn vẹn trên cặp mắt vừa nhìn Nguyên thật tình tứ. Lúc này, hai người bỗng cùng cảm thấy gần gũi nhau.

Rồi Nguyên hỏi:

- Chị quen với gia đình anh Giảng như thế nào?

- Người bạn gái của tôi quen.

Nguyên ngước nhìn bức ảnh anh chụp với các bạn ở quân trường, bỗng nói:

- Tôi về Quảng Tín ba năm sau đó vào Sài Gòn.

Nàng hỏi :

- Vợ anh, người ở đâu ?

- Người miền Nam ?

- Anh quen với chị như thế nào ?

Nguyên cười đáp:

- Chúng tôi sống với nhau vui vẻ. Hai đứa con tôi đã đi qua chơi bên dì nó, ở tiểu bang Atlanta.

Nàng ngước mắt nhìn lại Nguyên. Và, như lúc đầu, nàng vẫn giữ hình ảnh của ngày đó, không thay đổi chút nào. Nàng định nói cho Nguyên biết, người đó, luôn nhắc tới anh và cũng rất mong có ngày gặp lại anh. Nhưng, trong câu chuyện vừa ra vẻ quan trọng, vừa lạnh lùng, nàng muốn pha trộn nó bằng hơi ngọn lửa đốt ấm để cho người đàn ông này nhớ lại ngày đó, một ngày mưa bão đã làm cho thành phố nhỏ ấy trở nên tiêu điều, buồn bã.

Buổi chiều đập khẽ vào cửa kính những tiếng động nhỏ của mưa, rồi chuông đồng hồ ngân lên, âm thanh như cố dồn tụ cho thật đầy kín căn phòng.

- Chị ở lại đây ăn cơm tối. Chừng sáu giờ, vợ tôi đi làm về tới nhà.

Điện thoại reo. Qua đến tiếng thứ hai, nàng mới nhấc ống nghe đưa cho Nguyên.

- A lô.

- Em về trễ nghe anh.

- Có chuyện gì không?

- Không, em phải ghé chợ.

- Hay quá. Nhà mình đang có khách.

- Ai vậy?

- Chị bạn của vợ chồng anh Giảng?

- Ủa, nhưng sao mà quen anh?

- Ờ, chị đi tìm nhà.

Người vợ anh ngạc nhiên, nhưng không hỏi gì thêm, rồi cúp máy. Trong cửa hiệu may chị đang làm việc, đèn sáng hết các dãy và không khí nóng hẳn, bởi ngột ngạt hơi người mặc dù ngoài trời đang mưa gió.

- Ngày trước đây, vợ tôi là một cô giáo.

- Hiền hay dữ.

- Phần đông các cô giáo đều hiền lành.

- Anh không còn nhớ gì về người bạn của anh sao?

- Kể ra, phải hiểu được nhau mới thấy sự còn mất trong cuộc sống.

Đôi lúc, câu chuyện của hai người càng thấy trở nên lạc lõng, không làm sao mà nắm giữ được cái cốt yếu của vấn đề. Nãy giờ, sự việc xảy đến cho Nguyên nó thực khó hiểu, mà nó lại không muốn giải thích cho anh. Người đàn bà mặc chiếc áo mưa trắng, cảnh trời mưa gió buổi chiều, rồi nàng đã vào căn nhà anh với một câu chuyện còn chưa rõ, và tới lúc này nàng vẫn chưa chịu nói ra về mọi sự liên hệ của một ai đó trong quá khứ.

- Nhưng anh cố gắng nhớ, nếu không, anh sẽ mất đi một ngày gặp lại cố nhân trong lúc thời tiết có bão.

- Chị về đây hôm nào?

- Tối hôm qua.

- Tình hình nơi chị ở ra sao?

- Tệ hại lắm.

- Năm nay, bão lụt tàn phá nặng nề quá.

- Tôi cũng lấy làm lạ tự dưng gặp anh sau hơn ba mươi năm.

Nguyên chỉ mỉm cười không đáp. Lạ thay, anh vẫn chưa nhận ra bóng dáng người khách này mà nàng nói đã quen và gặp anh ở nơi chốn một thành phố xưa đó. Anh cũng đang cố nhớ xem, có phải, anh có một người bạn mà người này cứ nhắc nhở như thể muốn chìa ra cho anh thấy tấm ảnh nhỏ của nàng.

Nguyên lại bồn chồn, khó hiểu. Nàng cầm chiếc bánh lên ăn, vừa tiếp lời:

- Câu chuyện cũng quan trọng.

Mưa ào ạt đổ lớn tiếng, hai người nghe gió rung chuyển ở ngoài.

- Hôm nay trời bão, nàng nói.

- Bão rớt từ ngày hôm kia.

Nguyên đáp lời, gió bỗng trở nên lặng.

- Chị uống cà phê nhé.

- Cám ơn anh.

Nàng nhìn Nguyên đứng dậy bỏ đi. Sau đó, nàng nhấc bình trà rót thêm đầy tách chủ nhà rồi đến mình.

Nàng cứ ngồi im, một mình cố nhớ lại rõ chuyện của người bạn nàng để lát nữa kể cho Nguyên nghe, đồng thời, nàng cũng gợi ra trong sự hình dung về người đàn ông này mà dường như nàng đã gặp, hoặc là có quen biết trước đây.

Nguyên làm hai tách cà phê mang lên để xuống chiếc bàn thấp. Phòng khách không rộng, nhưng trông thật dễ chịu, thân tình. Nàng ngồi trên chiếc ghế xô pha rộng, còn anh, ngồi đối diện ở chiếc ghế xếp có lót nệm.

- Tôi biết tối nay sẽ mất ngủ , vì uống cà phê anh mời, nàng nói.

- Không sao đâu.

Nguyên mời khách cùng uống. Nàng vẫn nhìn lại Nguyên, lần này chợt nhớ ra được, liền hỏi:

- Ngày trước anh đã có ở Quảng Tín?

- Phải.

Nàng hơi do dự, ngập ngừng muốn nói.

- Chuyện đó như thế nào chị?

- Tôi sẽ nói với anh sau.

- Sao mà chưa nói ngay lúc này.

- Không, anh đừng nài nỉ tôi kể ra.

- Tôi không hiểu.

- Nhưng trước hết là chuyện của anh.

- Ủa, có chuyện của tôi?

- Tôi muốn bắt đầu chuyện anh trước.

- Lạ nhỉ.

- Tôi đã có gặp anh rồi, một lần duy nhất.

- Nếu có, tôi cũng không thể nhớ ra chị.

Khi que diêm đốt sáng lên, Nguyên chợt tưởng như nghe có ai nhắc gọi tên mình. Nàng nhìn thật lâu vào đóm lửa điếu thuốc được mồi cháy, rồi một làn khói mỏng tím lượn lờ lan tỏa, dường như đấy là một khoảnh khắc tưởng tượng.

Rồi giọng điềm nhiên, nàng nói:

- Không hiểu sao, chuyện ngày hôm đó tôi vẫn cứ mãi nhớ.

Nguyên mỉm cười như đi tìm bóng dáng mình. Nàng nói ra một câu nhẹ nhàng:

- Tôi biết anh không thể nào nhớ.

- Vì sao ?

- Thời gian thay đổi gương mặt anh nhiều quá.

Nguyên bỗng đón nhận lấy sự hờ hững, trống trơn của lòng mình đối với những điều mập mờ, lấn cấn mà từ nãy giờ người đàn bà này nói ra cốt để bắt lấy một hình ảnh nào đó trong quá khứ.

Một giọng chậm rãi, từ tốn, Nguyên nói, vừa nhìn lâu vào cặp mắt nàng.

- Ngày rời khỏi quân trường, tôi được nghỉ 15 ngày phép trước khi đi nhận đơn vị. Mùa đông năm ấy lạnh lắm. Mưa kéo dài hết tuần này sang tuần khác. Và rồi, tôi hết những ngày nghỉ phép trong sự buồn chán. Buổi sáng ấy, tôi đi chuyến xe đò rời Qui Nhơn ra Quảng Tín.

Sau vài giây lặng im, Nguyên lại tiếp lời:

- Một người bạn thân với tôi chết trận ở đó.

Nàng hỏi:

- Anh ở Quảng Tín bao nhiêu năm?

- Ba năm. Có thể chuyện của bạn tôi liên quan đến chị.

Nàng mỉm cười vẻ chế nhạo, rồi nói:

- Anh đừng có tưởng tượng như thể tôi sẽ nói về anh.

Nguyên tiếp tục:

- Anh bạn tôi trước học trường Võ Bị Đà Lạt. Anh ra trường về chung đơn vị sau tôi hai tháng. Nhưng không đầy một năm kể từ khi chúng tôi biết nhau, thân nhau, thì anh ấy chết. Anh bị thương nặng, tôi theo chuyến bay trực thăng tản thương về quân y viện thị xã. Nhưng anh chỉ sống sót trong mấy tiếng đồng hồ, do vết thương quá trầm trọng đã làm anh qua đời.

Nàng mấp máy môi định nói ra, nhưng rồi im lặng, và từ giây phút này Nguyên nhớ rõ hình ảnh người bạn, những tháng ngày của mấy năm đầu tiên anh sống ở đơn vị với mưa lạnh của núi rừng, với bao cái Tết xa nhà, sau cùng, kỷ niệm về một người bạn đã chết trong cuộc chiến. Chiều hôm đó trời mưa, trong nỗi đau đớn thảm thương bạn đã buông xuôi tay, nhắm mắt thật nhẹ nhàng để ra đi.

Trên cặp mắt người đàn bà chợt để lộ rõ sự ngờ vực lẫn xúc động. Nàng nhìn Nguyên lạnh lùng, cử chỉ đó khiến Nguyên hơi lo sợ như tìm thấy một điềm báo không hay.

Tách cà phê đen sánh đã nguội. Nguyên cầm thìa khuấy nhẹ xong đưa lên miệng uống. Anh chợt có cảm giác cay đắng, ngậm ngùi.

- Anh ấy chết vào năm nào ?

- Mùa hè 72. Có vậy thôi, nhưng tôi rất buồn.

- Ngoài anh bạn đó, anh còn thân với ai nữa không?

- Có chứ. Nhưng tôi không nhớ được. Và, cái

chết người bạn giờ vẫn còn ám ảnh tôi.

Nguyên bỏ lửng điều đang nói, anh đứng dậy cầm bình trà đi xuống bếp để châm thêm một ít nước sôi, sau đó mang lên nhà.

Nàng ngồi đó, đợi anh. Khi Nguyên vừa ngồi xuống, nàng mới nói:

- Anh vẫn không nhận ra tôi.

- Thực tình tôi không nhớ.

- Vậy thì, cho tôi nối tiếp chuyện của anh.

- Hay lắm, chị kể đi.

- Hôm ấy, anh mới từ mặt trận trở về căn cứ dưỡng quân thì được lệnh đơn vị trưởng gọi. Khi anh xuất hiện ở phòng khách, nhìn thấy tôi, anh ngỡ ngàng. Sau một phút, ông đơn vị trưởng giới thiệu tôi, lúc ấy anh đã nhìn tôi vẻ mặt xúc động như gặp lại một người thân của mình. Chỉ nói xong vài câu, ông ta đứng dậy đi, nhường lại buổi nói chuyện riêng cho anh và tôi.

Nguyên cố nhớ lại sự kiện đó trong cặp mắt ra vẻ lơ đãng, tìm kiếm. Nàng chợt hỏi:

- Mấy giờ chị nhà đi làm về?

- Có lẽ giờ này đang ở chợ. Không sao đâu, chị cứ tiếp câu chuyện đi, may ra, tôi trở về nơi chốn cũ đó để nhớ.

Nguyên bắt đầu lắng nghe:

- Ngồi bên tôi, anh tỏ ra là một người bạn chân tình thẳng thắn của chồng tôi. Tôi lặng im theo dõi câu chuyện anh kể qua từng giờ phút lúc trận chiến khởi sự, từng giờ phút chiến đấu của đơn vị anh trong hiểm nghèo, và lúc ấy, anh cũng nói với tôi, người bạn anh thực vô cùng dũng cảm. Chính anh ấy đã mai phục bắn chết bọn đặc công lúc chúng len lỏi từ bên kia dòng suối vào hàng rào tiền đồn. Và sau đó, một mảnh đạn pháo kích đã làm anh bị thương, qua đến ngày hôm sau mới được đưa về quân y viện.

Lặng lẽ, Nguyên gật đầu bảo:

- Tôi nhớ ra chị rồi.

Nàng hỏi lại:

- Có chắc là nhớ không ?

- Có nhớ chứ.

- Vậy thì, tôi ngừng kể.

Đơn vị trung đoàn của Nguyên đóng cách thị xã Tam Kỳ khoảng bảy cây số. Sau khi người vợ đã rõ chuyện về cái chết của chồng, nàng theo Nguyên đi tới một căn hầm trong căn cứ, nơi mà hai người bạn cùng ở chung mỗi khi Tiểu đoàn về dưỡng quân. Buổi chiều hôm đó, khung cảnh ở quanh vùng quê thật yên bình. Trong căn hầm, có hai chiếc giường bố, một cái bàn gỗ , cái tủ nhỏ và chiếc túi xách marin.

Nguyên đun nước sôi bằng résistance trong ít phút, sau đó pha trà, và hai người ngồi ở bàn thấp làm bằng thùng đạn pháo binh nói chuyện.

- Anh ấy ở đây từ khi chúng tôi là bạn thân với nhau. Anh ấy là con người lý trí, còn tôi luôn giàu tưởng tượng. Những cuốn sách anh ấy đọc là thứ sách sử, chiến tranh, khảo luận, còn phần tôi là một mớ tiểu thuyết đủ loại, ba xu có, marie sến có, và cũng có ít cuốn thứ văn chương hẳn hoi đọc để suy nghĩ.

Nàng chỉ nghe chuyện với cặp mắt nhìn Nguyên mỗi lúc, trở nên tò mò, chú ý. Vì rằng, tiếng nói của anh, tiếng một người bạn quá đầm ấm làm nàng nhớ đến chồng.

Ngồi chuyện vãn một hồi lâu với chén trà đạm bạc, sau đó, Nguyên đứng dậy mở ngăn tủ nhỏ lấy tất cả những di vật của người bạn để lại. Có một chiếc áo jacket phi công được gấp xếp cẩn thận, những bộ áo quần nhà binh, chiếc mũ, tấm thẻ bài, thư từ, sách vở, một vài vật dụng dao kéo, và lúc ấy, Nguyên đã mở nắp túi áo jacket lấy ra một chiếc nhẫn cưới đã được cất giữ. Nguyên đưa chiếc nhẫn qua cho người vợ bạn, giọng thản nhiên nói:

- Chị đeo vào tay để giữ kỷ niệm cho anh Kim.

Người vợ cầm lấy chiếc nhẫn, bỗng nhiên bật khóc lớn tiếng. Nguyện lặng im, đầu cúi xuống, bàn tay xếp tất cả các thứ đồ đạc người bạn vào cái ba lô của anh để đưa nàng xách cho tiện. Nàng khóc rất lâu, hai người không nói gì thêm cả. Làm xong, Nguyên cột gút dây ba lô rồi đẩy về phía nàng. Nguyên cứ lặng im, anh hơi chú ý đến bàn tay nàng khi thấy nàng đeo vào ngón tay giữa chiếc nhẫn cưới.

Thế là mọi việc xong xuôi, Nguyên cảm thấy lòng mình hết sức nhẹ nhõm khi đã làm tròn bổn phận với gia đình người bạn quá cố. Và chiều hôm đó, tỏ chút tình thân, Nguyên đi mượn xe của Trung đoàn chở người vợ bạn vào thị xã để dùng cơm.

Căn cứ của Trung đoàn nằm trên một quả đồi rộng. Quanh căn cứ là một vài ngôi làng nằm bên ngoài hàng rào kẽm gai. Giờ này, ở khu trại gia binh bắt đầu đốt lửa thổi cơm, khói lan tỏa rộng cả một vùng quê.

Nguyên lái xe thong thả từ trên ngọn đồi thả theo con dốc hướng ra cổng. Vừa cầm tay lái, anh vừa trò chuyện với nàng ngồi cạnh bên.

Anh mở chuyện bằng một giọng bình thản, có chút đượm buồn. Không phải là chuyện về đời lính, về cuộc chiến đang diễn ra, về tiếng súng đạn nổ và chết chóc, mà chỉ là chuyện đời sống người dân nơi đây , màu sắc tươi vui có, buồn bã cũng có, rồi gom lại, chỉ mong người đàn bà hiểu được trong lúc này anh muốn nói đến một tình tự quê hương .

Buổi chiều chưa tắt hết nắng. Trên đường lộ, thỉnh thoảng có vài chuyến xe đò chạy ngang qua rồi mất hút. Hai bên đường là đồng ruộng, rất thưa vắng nhà ở. Nàng vẫn nghe tiếng Nguyên nói, nhưng mắt nàng cũng nhìn quang cảnh đồng quê dáng nghĩ ngợi. Qua khỏi trạm xăng, xe đi vào thị xã. Thị xã Tam Kỳ tuy không lớn nhưng cũng khá vui, có nhiều cửa hiệu buôn bán, nhà sách, quán ăn, quán cà phê nhạc, vài ba khách sạn lớn nhỏ.

Nguyên chạy xe chậm cố tìm một quán ăn lịch sự để mời khách, rồi chợt nhớ ra, có một quán cơm anh và Kim thường ghé trong những lần về hậu cứ nên Nguyên lái xe thẳng đến đó.

Quán cơm Hòa Phong nằm cuối phố chính, bên cạnh một chiếc cầu bắc ngang con suối nhỏ. Giờ này, quán đông khách ngồi bên trong nên hai người lấy chiếc bàn đặt ngoài sân cạnh lối cổng vào. Buổi chiều trôi giạt thật nhẹ nhàng, xa xôi. Tiếng trò chuyện, nói cười vui ồn, và tới đây cơm nước bạn mới thấy nhẹ nhõm cho một ngày dài. Bên kia đường lộ là cánh đồng trống chạy xa lên tới một ngôi làng ven dưới chân núi. Nơi đó, vẫn còn thấp thoáng bóng sương mù bao phủ.

Khi đã ngồi yên chỗ, Nguyên mới nói:

- Anh Kim và tôi thường hay ăn cơm ở đây.

- Chắc cơm ở đây ngon ?

- Đây chỉ bán cơm gà và món nhậu thôi. Mấy tiệm ăn sang nằm ở giữa phố chính.

Nàng cười hỏi Nguyên:

- Sao anh không đãi tôi ăn ở đó?

Nguyên đáp, giọng tự nhiên:

- Lính nghèo tiền lắm.

- Còn tình thì sao?

- Cũng nghèo như tiền vậy.

Hai người đưa mắt nhìn nhau cười.

Bữa ăn được dọn lên ở cái bàn vuông, ghế ngồi thấp vừa đủ cho hai người. Hai anh chị mời nhau ăn, giọng nói vui vẻ, quên hẳn sự phiền muộn. Trước mặt, mỗi người một dĩa cơm vàng ngậy mỡ gà, còn thức ăn có dĩa gà luộc nóng hổi, một tô ruột lòng, gan, trứng non, một chén nước mắm gừng vắt chanh. Nguyên mời nàng uống bia, nhưng nàng từ chối chỉ uống nước trà đá cho dịu mát. Nàng hơi mệt, vừa đói nên ăn cảm thấy ngon. Nguyên bắt đầu nói chuyện vui về đời lính của anh, của bạn bè từ ngày anh ở quân trường sau đó ra đơn vị và gặp Kim, chồng nàng. Người đàn bà trẻ ngồi trước mặt anh đã là góa phụ, nàng tên Thùy. Thùy vẫn chăm chú nghe chuyện của Nguyên nhưng nàng rất tự nhiên ăn uống không cần anh phải mời mọc. Bây giờ, Thùy mới hay biết rõ thêm cái tình thân của hai chiến hữu, chồng nàng và Nguyên, và chính quán cơm này không biết là vì ngon, hay có bóng hồng nào ở đây không khiến hai người luôn lui tới trong mỗi lần từ căn cứ hành quân trở về thành phố. Vừa thoáng nghĩ vậy, mặc cho Nguyên vui chuyện, Thùy đưa mắt nhìn vào trong quán, xem thử, ở đây có bao nhiêu bóng hồng qua lại.

Thùy ngừng ăn, nàng uống một hớp nước trà mát, còn Nguyên hết chai bia này, anh lại rót thêm chai khác. Trên vẻ mặt Nguyên đỏ lên, không phải vì say. Thùy nhìn anh, lòng nàng vui, không cảm thấy mình cần tò mò tìm một chút vẩn đục trong cặp mắt ở người bạn của chồng.

Khi thấy một chiếc xe hàng vượt qua khỏi cây cầu, Nguyên nói:

- Giờ này, xe suốt chạy đến Quảng Ngãi là ngừng nghỉ đêm, hôm sau, mới đi vào các tỉnh phía Nam.

- Quê anh ở đâu ?

- Tôi sinh ở Đồng Hới, nhưng gia đình tôi lập nghiệp ở Qui Nhơn đã lâu năm.

- Anh nói gần giọng Bắc.

- Mẹ tôi, quê ở Nam Định.

- Anh được mấy cháu nhỏ rồi.

- Tôi đã lập gia đình đâu.

Thùy mỉm cười mắt chăm nhìn vào vẻ mặt của Nguyên lúc anh ta trả lời câu nàng hỏi. Rồi với tình thân, nàng nói:

- Nhưng dù vậy, anh cũng đã có bạn gái rồi.

- Cũng chưa.

- Sao mà muốn giấu kỹ vậy, ông nhà văn mơ mộng.

- Không giấu chị đâu.

- Hãy nói một chút về anh đi.

- Tôi mới về đơn vị ở đây nên chưa quen ai cả.

- Thời học sinh hay sinh viên của anh, không có sao ?

- À, đó là những mối tình mộng mơ thôi, và tôi hay tìm thấy trong tiểu thuyết chứ chưa gặp trong thực tế.

Bữa ăn xong, thực ngon miệng. Buổi chiều chưa hết, trong quán vẫn còn đông khách ăn, ồn ào tiếng chuyện trò. Nguyên mời Thùy uống cà phê. Thùy gật đầu, rung nhẹ mái tóc. Nguyên quay sang gọi một người chạy ở một quán giải khát gần bên.

Hai người lại đưa mắt nhìn nhau, Nguyên hỏi:

- Hiện giờ, gia đình chị ở đâu?
- Ở Nha Trang.
- Ở phố nào chị ?
- Tôi ở khu Phước Hải.
- Gần nhà thờ lớn không ?
- Gần đó.

Một cô gái đem hai ly cà phê đá đến đặt xuống bàn. Nguyên đưa ly lên miệng uống một hớp đầy. Xong, anh nói:

- Ở hậu cứ, có phòng nghỉ vãng lai cho thân nhân. Tối nay, chị có thể về nghỉ ở đó.
- Không, tôi sẽ đón xe ra Đà Nẵng ở nhà người bạn.

Câu Thùy nói chợt làm Nguyên lặng im, đến một vài giây sau Nguyên mới tỏ lời với Thùy:

-Không hiểu sao, cứ mỗi lần nghe ai nói về tên một thành phố tôi hay bị xúc động nhớ đến một người bạn của mình.

Bắt được ý nghĩ của Nguyên qua giọng nói, Thùy cười bảo:

- Vậy mà cứ giấu diếm không nói ra.

Nguyên uống thêm một ngụm cà phê, rồi tiếp lời. Thùy đưa mắt nhìn khuôn mặt Nguyên qua làn khói thuốc mỏng manh. Tiếng Nguyên đang nói:

- Tôi và người bạn gái đó cùng chung một quê mẹ. Lúc di cư vào miền Nam, chúng tôi đến ở Quảng Trị và vào trường trung học cùng một năm, cùng học chung một lớp. Nhưng sau hai năm, gia đình tôi rời Quảng Trị vào Qui Nhơn sinh sống. Từ ngày đó, tôi không còn gặp nàng.

Một giọng giản dị, Thùy hỏi:

- Hai người không thư từ với nhau.
- Lúc ấy, vào tuổi niên thiếu, chúng tôi còn sợ cha mẹ nên không dám làm nên chuyện người lớn.
- Sau này, anh không gặp lại?
- Không.
- Anh không hỏi tin tức, thảng hoặc viết thư về ngoài đó.
- Nay chúng tôi đều đã lớn. Có thể nàng đã có chồng con, yên phận gia đình.

Thật thẳng thắn, Thùy nói với Nguyên:

- Tôi ít gặp một người nào như anh.
- Còn chị, chắc tôi cũng gặp một lần này thôi rồi không gặp nữa.

Giọng hơi nhỏ đi, Thùy nói:

- Lúc nãy, nghe chuyện anh rất vui, giờ sao buồn quá.
- Tôi vẫn nhớ anh Kim. Anh ấy là người bạn tốt với mình, tôi tin vậy.
- Tôi muốn tin điều anh nói.

Hai người ngồi trong quán ăn trò chuyện cũng đã lâu, giờ đứng dậy. Bên kia cánh đồng trống, buổi chiều xuống trong bóng dáng trơ trọi với một vẻ thờ ơ, dịu hiền. Nguyên vào quán trả tiền xong, quay trở ra. Anh đứng nhìn Thùy đương đưa bàn tay sửa lại mái tóc.

Khi ra ngoài chỗ đậu xe, Nguyên hỏi:

- Chị có về hậu cứ nghỉ lại không?
- Không, anh cho tôi ra bến xe đi Đà Nẵng.
- Tùy chị.

Hai người lên xe. Nguyên vặn công tắc nổ máy và điều chỉnh lại tấm kiếng nhỏ trước khi cho xe lăn bánh. Nguyên lái thong thả và trở về lại con đường vào thị xã để đi tới bến xe. Tất cả các dãy phố trong thị xã đều sáng đèn chiếu ra ngoài, đồng thời, điện đường cũng đã bật cháy lên. Thùy khoác ngoài chiếc áo lạnh. Bất chợt, Nguyên nhìn qua bàn tay Thùy một lúc lâu, nhớ lại rõ chuyện anh mới nói:

- Chị nhớ giữ chiếc nhẫn cho anh Kim.

Tiếng Thùy đáp:

- Tôi sẽ giữ gìn, trân trọng.

Hai người lặng im. Bỗng nàng hỏi:

- Nhưng có chuyện gì anh Kim nói với anh khiến anh lại nhắc tôi.
- Không có gì cả đâu, Nguyên đáp.
- Anh cứ thẳng thắn nói đi.
- Không, chuyện bình thường thôi.
- Anh đừng giấu. Chuyện riêng với người bạn gái rồi anh cũng kể ra. Chuyện của Kim nói với anh, giấu tôi làm gì.

Nguyên cười đáp:

- Thực sự, không có tôi thì chiếc nhẫn có thể không còn, bay mất.
- Sao vậy anh ?

Khu bến xe xuất hiện, nhưng rất vắng không còn hành khách chờ xe ở trạm. Nguyên nhìn đồng hồ, rồi hỏi Thùy :

- Chị nhất quyết ra Đà Nẵng phải không?

- Tôi phải ra, vì sáng mai phải vào lại Nha Trang rồi.

- Bây giờ không còn xe hàng nữa, thôi để tôi đưa chị đi.

Thùy bảo:

- Ra ngoài đó xa, anh còn về đơn vị tối nay nữa.

- Chỉ hai giờ xe thôi, tôi quay về kịp, không sao đâu.

- Biết nói gì hơn, chân thành cám ơn anh.

- Ít ra, tôi cũng làm chút việc giúp chị để vui lòng với anh Kim.

- Cám ơn anh nhiều. Và bây giờ chúng ta đang ở trên đường đi về một thành phố, hãy cho tôi được nghe hết tâm sự trong câu chuyện tình của anh.

- Tôi hay xúc động khi nhắc đến tên thành phố. Đối với tôi, mỗi cái tên cho tôi cả tấm lòng người bạn cũ.

- Tôi hiểu anh.

Trên con đường dài, hai người ở bên nhau. Và qua những lời tâm sự, Nguyên nói hết cho Thùy nghe nỗi lòng của mình với mối tình một người bạn gái anh đã thương yêu, ấp ủ. Tiếng của anh, mỗi lúc vang lên từng cơn xúc động như gió cuộn trên đường và anh như nhìn thấy bóng dáng nàng hiện ra trước mắt anh nguyên vẹn thuở nào ở thành phố nhỏ bé đó. Ngày xa đó, những kỷ niệm bằng tiếng nói thật cảm động. Anh không nhớ lại được những điều anh nói với nàng, nhưng với nàng, những điều nàng nói ra anh đã gói ghém lại cất giữ trong tim mình. Những điều nàng nói ra bình thường thôi trong một tình bạn, nhưng âm sắc của giọng nói, nó luôn cho anh một gương mặt dịu hiền, một đôi mắt vô cùng thân thiết của nàng. Ngày xa đó, hai người cùng bước đi bên nhau trên những quảng đường phố ngắn tới trường học. Ngày xa đó, một mùa đông ảm đạm và buồn, những ngày bão rớt kéo về, và trường học tạm đóng cửa nhưng học sinh lại có mặt trong đoàn thiện nguyện để đi cứu trợ. Nàng và anh, suốt một ngày hôm đó bên nhau lội nước từ làng này qua làng khác, đã thủ thỉ với nhau biết bao nhiêu chuyện riêng tư mà nó như muốn cho hai người hiểu rằng họ đã bắt đầu yêu nhau. Ngày xa đó, nhưng rồi tên nàng, tất cả những bóng dáng của nàng, rồi cũng đành để lại một lần đó trong mùa thu chia tay.

Nguyên kể xong chuyện, ngừng lại, và tự ngắt lời mình bằng một quãng hư vô. Nhìn qua Nguyên, Thùy chỉ mỉm cười rất nhẹ nhàng nhưng vô cùng thông cảm. Nàng cũng có cảm giác, ngồi bên anh nhưng chính nàng là đối tượng, là hình ảnh người bạn gái mà Nguyên đã yêu và muốn tỏ bày.

Nhưng Thùy thực lòng muốn làm vơi nỗi buồn trong lòng Nguyên. Thùy sực nhớ chuyện của Kim lúc nãy Nguyên chưa nói ra, giờ nàng lại tra hỏi Nguyên để cho biết.

Nguyên không đáp lời, Thùy lại giục. Giọng của Thùy nhí nhảnh, đùa cợt vui lạ thường làm cho Nguyên bật cười.

Sau một lúc, Nguyên mới nói:

- Chị cứ tưởng là chuyện quan trọng, hay đó là lời trối trăn của Kim. Không phải vậy đâu. Chẳng qua, bọn tôi hơi ngông nghênh trong một buổi tối cùng nhau quá chén vì quá vui. Hết tiền, mà cuộc vui vẫn còn nên không thể kết thúc được. Hai đứa lang thang trên phố chưa về trại. Bất chợt, lúc đi ngang tiệm vàng Bảo Ngân, Kim chợt dừng tháo chiếc nhẫn cưới ra định bán lấy tiền vui chơi tiếp. Tôi cũng chưa kịp suy nghĩ, nên đồng ý với Kim, vì quả thực tôi chưa nghĩ chiếc nhẫn được coi là kỷ niệm thiêng liêng của tình yêu nên liền theo Kim vào cửa tiệm. Bất thần, khi sắp đến gần, tôi bỗng kéo tay Kim bảo đi ra ngoài để bàn chuyện. Ra đến ngoài, thấy tôi do dự, Kim hỏi:

- Chuyện gì vậy ?

- Thôi đừng, tao nghĩ vợ mày sẽ buồn.

- Ăn thua gì, tối nay không thể bỏ lỡ cuộc vui.

- Thôi, đủ rồi.

- Mày cứ mặc tao.

- Nhưng rồi vợ mày, sẽ buồn.

- Ăn thua gì, có tiền tao sắm chiếc nhẫn khác đẹp hơn.

- Không được.

Giận dữ, Kim bảo tôi:

- Thôi mày đi đi, để tao một mình.

Tôi vẫn còn kéo giữ tay Kim lại chưa buông. Rồi sực nhớ đến một gia đình quen, tôi nói:

- Tao có tiền. Mày theo tao.

- Mày làm gì mà có tiền.

- Tin đi, tới nhà bà cô tao, tôi nói dối.

Dùng dằng một chút rồi Kim đi theo Nguyên. Hai đứa lang thang trên phố còn ngất ngưởng mùi rượu lẫn tiếng nhạc quay cuồng trong đầu óc. Nguyên nghĩ đến gia đình người quen là Thượng Sĩ Tư làm việc ở hậu cứ Trung đoàn.

Ông Tư rất mến Nguyên, nên anh hy vọng hỏi mượn được ít tiền đi chơi đến cuối tháng trả.

Nguyên và Kim đang lang thang, bất chợt có người gọi. Chiếc xe Jeep thắng lại bên đường cạnh hai đứa, rồi có tiếng hỏi:

- Đi đâu mày, Nguyên.

Nguyên quay ra xe, bất ngờ gặp Đại úy Phúc Trưởng ban 4. Lòng khấp khởi mừng, Nguyên lên tiếng chào.

- Đi đâu lang thang đó?
- Em đi chơi với thằng bạn.
- Về chưa?
- Chưa.
- Còn đi đâu nữa?

Nguyên để Kim một mình, anh bước lại gần xe viên Đại úy nhỏ to chuyện của mình và thằng bạn. Ông Đại úy chặc lưỡi, nhìn tới chỗ Kim đứng dưới bóng ngọn đèn, rồi ông mỉm cười hỏi Nguyên:

- Giờ sao ?

Nguyên nói:

- Tụi em còn muốn đi nhậu, nhưng hết tiền rồi.

Ông Đại úy hỏi:

-Mày cần bao nhiêu?

- Tùy Đại úy. Tụi em nhậu say, ngủ ngoài không về.

Không hỏi gì thêm, viên Đại úy mở nắp túi áo lấy một xấp 5000 đưa cho Nguyên. Nguyên mừng, mắt sáng rỡ vội nói lời cám ơn và đứng nghiêm chào. Xe Đại úy Phúc lăn bánh, Nguyên và Kim còn mải miết trên đường phố.

Nguyên cười hạnh phúc, nói với người vợ của bạn:

- Thùy biết không, tối đó anh và Kim nhậu say quá quên trời, quên đất, về thuê khách sạn ngủ, nhưng có điều, trước khi ngủ hai đứa vẫn nhận ra chiếc nhẫn còn đeo trên tay chưa bị mất.

Thùy lấy làm vui, cảm động về tình bạn của Nguyên đối với chồng mình. Nàng tự hỏi, mình lấy gì để bù đắp tấm lòng mà Nguyên đối với Kim và mình. Nàng có thể trả lời câu hỏi đó với Nguyên vào lúc này. Nhưng sau câu chuyện, mỗi người lại theo đuổi một ý nghĩ riêng.

Xe ra tới Đà Nẵng, đồng hồ tay của Nguyên vừa đúng 9 giờ. Nhà người bạn của Thùy ở đường Trưng Nữ Vương, gần chợ Mới. Nguyên lái xe đưa Thùy đến đó, lúc dừng lại, hai người bắt tay từ giã. Bằng cử chỉ coi nhau là bạn thân, Thùy lại gần ôm quàng hai tay qua vai Nguyên.

Bên trong căn nhà đó, đèn sáng, thấp thoáng có bóng một người thiếu phụ. Và giờ đây, chuyện cũ như là một giấc mơ.

Người đàn bà lên tiếng hỏi Nguyên:

- Anh nhớ được rồi phải không?
- Quả thực là có nhớ.

Nàng nói:

- Hôm anh đưa tôi ra Đà Nẵng về nơi căn nhà đó, đó chính là căn nhà người bạn gái ngày xưa của anh mà buổi chiều hôm đó anh đã nói với tôi.
- Nhưng mà sao chị biết ?

Nàng trả lời:

- Nỗi nhớ của anh như chút men rượu rồi nhạt phai. Còn nàng, tôi hiểu được cả tấm lòng mà nàng đã ghi trọn trong nhật ký đến nay vẫn còn.
- Thế cơ .
- Còn chuyện anh Giảng là sao? Có gì với người bạn của tôi không?
- Tối nay, trong bữa cơm với anh chị, tôi sẽ kể.

Nguyên cười nhìn vào cặp mắt vui của Thùy. Vừa lúc ấy, có tiếng xe chạy vào khu chung cư , và Nguyên quen nhận ra tiếng động, anh biết là vợ mình đã tới nhà.

Sách mới tìm đọc

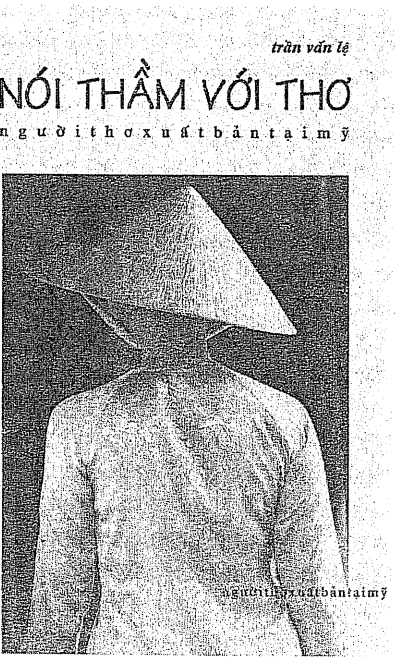

Tập thơ Trần Vấn Lệ
người thơ xuất bản tại mỹ

Trúc Lâm Thiền Viện. com

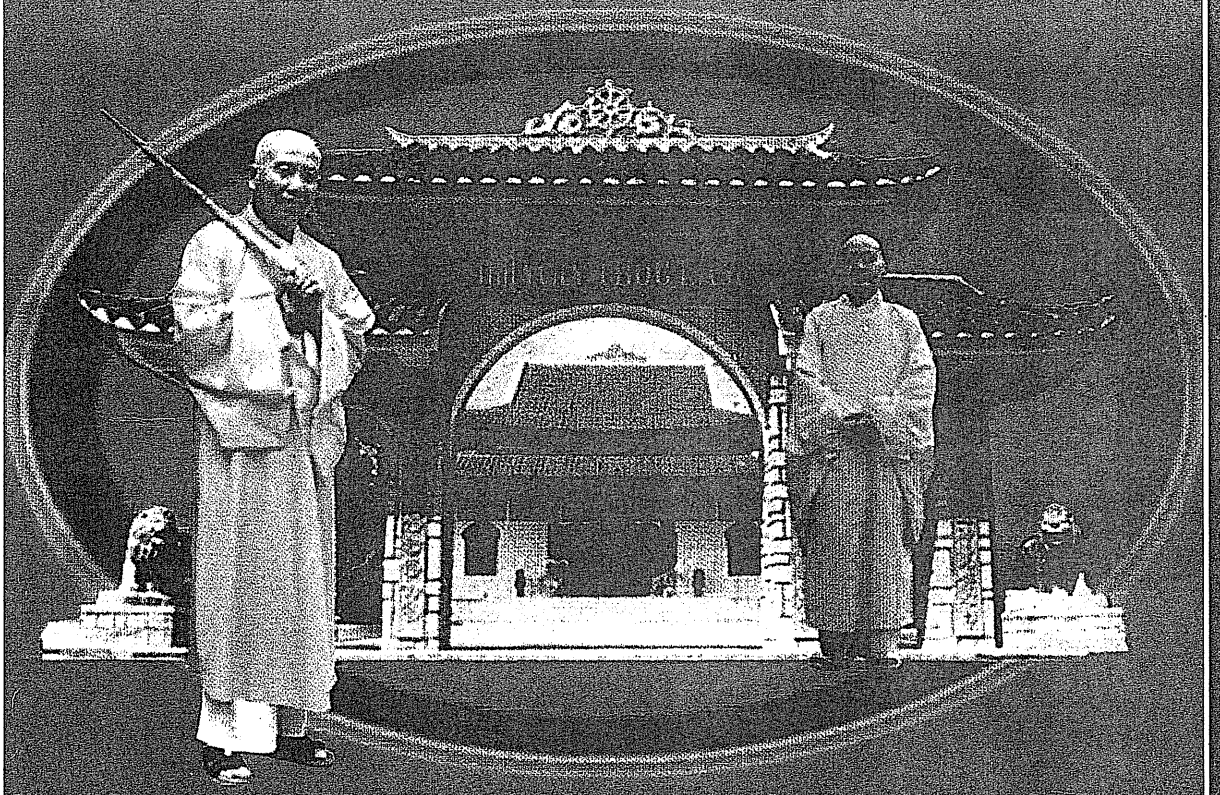

Thiền sư Thích Thanh Từ

Thiền Sư Thích Nhật Quang

Mắt biết thấy là Chân Tâm
Tai biết nghe là Chân Tâm
Thân biết xúc chạm là Chân Tâm

Chân Tâm là ông chủ thường biết rõ ràng trùm khắp sáu căn mà không có tướng mạo. Không có sinh diệt.

Là phát minh mới của Thiền Sư Thích Thanh Từ, Viện Chủ Thiền Viện Trúc Lâm Đà Lạt. Để hướng dẫn cho Tăng Ni & Phật Tử tu theo Thiền Tông Việt Nam hiện nay.

Chúng tôi có phát hành Video, Cassette, CD học Phật của Thiền Sư Thích Thanh Từ & Thích Nhật Quang

Xin vui lòng liên lạc Mãn Tâm An: (714) 891-6742

9455 Bolsa Ave. # E, Westminster, CA 92683. USA

hay www. Thientongvietnam.vinamall.com - truclamthienvien.com

Băng mới phát hành của Thiền Sư Thanh Từ: Khám phá được ông chủ - Thầy Nhật Quang: Chữ Tu

#1 Authorized DIRECTV Dealer Vietnamese Direct

DIRECTV TOP 50 DEALER 2005

Việt Satellite

15567 Brookhurst St, Westminster, CA 92683 Tel: (714) 775-5400 1-800-581-6910 www.VietSatellite.com

World Cup 2006

sẽ bắt đầu phát hình trên hệ thống DIRECTV kể từ ngày 9 tháng 6, 2006

HÂN HẠNH GIỚI THIỆU ĐẾN QUÝ ĐỒNG HƯƠNG KỂ TỪ 1 THÁNG 5 CHÚNG TÔI SẼ CÓ NHIỀU PROMOTION NHƯ SAU:

HD Receiver Rebate $100.00

Chương trình thấp nhất cho phòng đầu tiên là $24.99/tháng gồm có đài Việt Ngữ SBTN và các đài Local.
Quý vị muốn xem thêm Đài Truyền Hình Việt Ngữ mới 24/24 VHN chỉ trả thêm $7.99/tháng.

Chương trình TV Việt Ngữ gồm các tiết mục như sau: Tin tức quốc nội và thế giới, tin tức cộng đồng, cải lương, phim bộ Hồng Kông và Đại Hàn chuyển âm tiếng Việt, Chương trình Thiếu Nhi, Em học tiếng Việt, y học, Khoa học trong đời sống ...

1-800-581-6910

www.vietsatellite.com

SBTN VHN-TV
CÓ THÊM 1 ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM 24/24

5 ĐÀI NÓI TIẾNG QUẢNG ĐÔNG $36.99
SBTN + 80 ĐÀI MỸ $44.98
xem được túc cầu thế giới - World Cup 2006

FREE công lắp ráp & shipping cho 4 phòng
FREE tháng đầu cho TOTAL CHOICE PLUS trị giá $49.99

open 7 days a week
we install everywhere in the U.S.

Những lệ phí hàng tháng kể trên chỉ áp dụng cho phòng đầu tiên. Kể từ phòng thứ 2 trở lên, mỗi phòng phải trả thêm $4.99

Giá Bán 7 Mỹ Kim